

BUDDHASĀSANA THERAVĀDA



GIÁO TRÌNH SIÊU LÝ TRUNG HỌC



Quyển 3/3



Dhātukathā - Minh Giải Bộ Nguyên Chất Ngũ

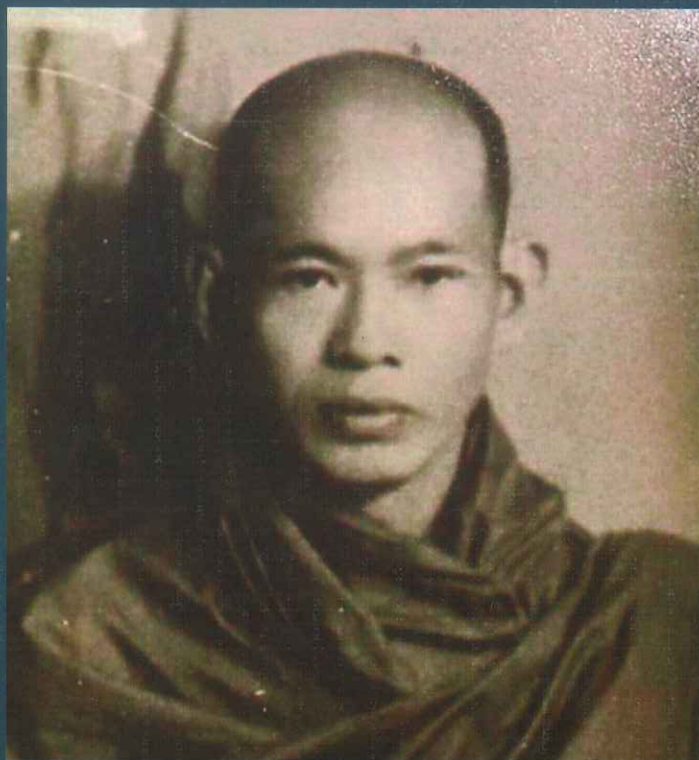
Trường Đại Học Abhidhamma - Vương Quốc Thái Lan

Biên soạn: Bhikkhu Saddhammajotika Dhammacariya

Viết dịch: Bhikkhu Abhisiddhi – Siêu Thành



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



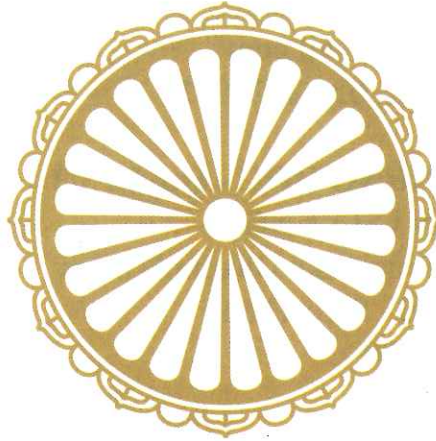
Ngài Saddhammajotika Dhammacariya

Cả hai phận sự trong Phật giáo như đã trình bày trên, phận sự liên quan đến đặt nền móng cho Phật giáo duy trì và tiến hóa là phần chánh yếu quan trọng. Còn phận sự truyền bá ấy chỉ là công cụ hỗ trợ, tức là hội hợp tất cả Phật tử quay về quan tâm đến phận sự chánh trong Phật giáo được vững chắc. Do đó, ở quốc độ nào, chùa nào có thực hành phận sự chánh yếu trong Phật giáo nhiều hơn phận sự truyền bá thì có thể hiểu rằng Phật giáo ở quốc độ đó được trụ vững chắc chắn và có thể tiến hóa được. Những chủ thuyết khác và tông phái khác ngoài ra Trường lão bộ ấy không thể nào trộn lẫn đối nghịch được. Vì cố ấy, mong những vị Phật tử cả bậc xuất gia và người tại gia hãy cân nhắc với trí tuệ rõ ràng rằng ở quốc độ của mình, chùa của mình, phận sự liên quan đến việc truyền bá và phận sự liên quan đến việc đặt nền móng vững chắc về phía phận sự học và phận sự hành, cái nào nhiều hơn.



KÍNH BIỂU

BUDDHASĀSANA THERAVĀDA



**GIÁO TRÌNH
SIÊU LÝ TRUNG HỌC**
QUYỂN 3/3

**PAÑHĀBYĀKARAṆAJOTIKA.
DHĀTUKATHĀSARŪPATTHANISSAYA
MINH GIẢI NGUYÊN CHẤT NGŨ**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ABHIDHAMMA - VƯƠNG QUỐC THÁI LAN

Biên soạn: Bhikkhu Saddhammajotika Dhammācariya

Viết dịch: Bhikkhu Abhisiddhi - Siêu Thành

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com

Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

GIÁO TRÌNH SIÊU LÝ TRUNG HỌC - Quyển 3/3

DHĀTUKATHĀ - NGUYÊN CHẤT NGŨ

Biên soạn: Bhikkhu Saddhammajotika Dhammācariya

Việt dịch: Bhikkhu Abhisiddhi - Siêu Thành

Phật lịch 2564 - Dương lịch 2020

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Bìa: Thiện Hiếu

Đối tác liên kết:



THƯ VIỆN PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY:

171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, TP. HCM

Email: webphatgiaonguyenthuy@gmail.com

Website: www.phatgiaonguyenthuy.com

www.phatgiaonguyenthuy.net

In 1.500 cuốn, khổ 20,5cm x 29cm tại:

Xí nghiệp in FAHASA. Địa chỉ: 774 Trường Chinh, P. 15, Q. Tân Bình, TPHCM.

Số QĐXB của NXB: 315/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 18 tháng 06 năm 2020

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-9981-77-7

Số XNĐKXB: 2165-2020/CXBIPH/65 - 33/HĐ

In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.



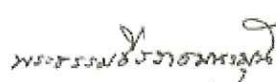
อธิการบดีมหาวิทยาลัยแห่งประเทศไทย
วัดระฆังโฆสิตารามวรมหาวิหาร
เขตบางกอกน้อย กรุงเทพมหานคร

30 มีนาคม 2559

เรื่อง การอนุญาตให้แปลหนังสืออธิการบดีเป็นภาษาเวียดนาม เพื่อการเผยแพร่พระสัทธรรม

จากการที่ PHRA. BUI CHI THANH ABHISIDDHI พระภิกษุชาวเวียดนาม ซึ่งได้มาศึกษาพระอธิการบดีที่อธิการบดีมหาวิทยาลัยแห่งประเทศไทย วัดระฆังโฆสิตารามวรมหาวิหาร มีอันทะอุตสาหะที่จะแปลหนังสือพระอธิการบดีหลักสูตรของอธิการบดีมหาวิทยาลัยแห่งประเทศไทย ซึ่งเป็นภาษาไทยไปเป็นภาษาเวียดนาม เพื่อนำพระอธิการบดีไปเผยแพร่ในประเทศเวียดนาม และได้กราบเรียนขออนุญาตมา ทางอธิการบดีมหาวิทยาลัยแห่งประเทศไทยมีความเห็นชอบด้วย ที่จะทำให้พระอธิการบดีได้รับการเผยแพร่ไปสู่นานาชาติประเทศ อันจะทำให้พระสัทธรรมคำสั่งสอนอันดีเลิศนี้ได้แผ่ขยายไปเป็นประโยชน์แก่มานานอารยชนในประเทศต่างๆ ต่อไป

จึงออกหนังสืออนุญาตรับรองให้ไว้เป็นหลักฐาน



(พระธรรมธีรราชมหามุนี)

ประธานผู้อำนวยการ

อธิการบดีมหาวิทยาลัยแห่งประเทศไทย



(พระมหาชินวัฒน์ จกกวโร)

สำนักงานเลขานุการ

อธิการบดีมหาวิทยาลัยแห่งประเทศไทย

ĐẠI HỌC ABHIDHAMMA - VƯƠNG QUỐC THÁI LAN
WAT RAKHAM GHOSITĀRĀMA
QUẬN BANGKOK NOI - KRUNG THEP MAHA NAKHON

Ngày 30 Tháng 03 Năm 2016

Trích yếu về việc: Cho phép dịch sách Abhidhamma từ Thái ngữ sang Việt ngữ để truyền bá chánh Pháp.

Bhikkhu Abhisiddhi - Siêu Thành, thế danh Bùi Chí Thành, là tăng sinh Việt Nam đang học Abhidhamma tại trường Đại học Abhidhamma - Vương quốc Thái Lan, Chùa Wat Rakham Ghositārāma.

Vị bhikkhu này có tâm nguyện dịch sách giáo trình Abhidhamma của Đại học Abhidhamma - Vương quốc Thái Lan từ Thái ngữ sang Việt ngữ hầu mong đem Abhidhamma đi truyền bá trong nước Việt Nam.

Tôn trọng lời thỉnh cầu này, phía Đại học Abhidhamma - Vương quốc Thái Lan cũng có đồng quan điểm muốn cho Abhidhamma, chánh Pháp cao thượng này được truyền bá rộng rãi, tiếp tục mang lợi ích đến cho nhiều người được khai hóa ở các xứ sở khác nhau.

Nay cấp giấy phép này làm cơ sở chứng nhận.

(Phra Dhammadhirarajamahāmunī)

Viện trưởng Đại học Abhidhamma

(Phra Mahājīnavat Cakkavaro)

Thư ký văn phòng Đại học
Abhidhamma

MỤC LỤC

TRÌNH BÀY PHẦN TIẾP NÓI VÀ XIÊN THUẬT	13
XIÊN MINH (NIDDESA).....	30
I. XIÊN MINH CÂU YẾU HIỆP BẮT YẾU HIỆP CÁCH THỨ NHẤT (PAṬHAMANAYASAṄGAHITĀSAṄGAHITAPADANIDDESO).....	32
1/ XIÊN MINH UẨN (<i>KHANDHANIDDESA</i>)	35
2/ XIÊN MINH XÚ (<i>ĀYATANANIDDESA</i>).....	46
3/ XIÊN MINH GIỚI (<i>DHĀTUNIDDESA</i>).....	68
4/ XIÊN MINH ĐẾ (<i>SACCANIDDESA</i>)	89
5/ XIÊN MINH QUYỀN (<i>INDRIYANIDDESA</i>)	95
6/ XIÊN MINH Y TƯƠNG SINH (<i>PAṬICCASAMUPPĀDANIDDESA</i>).....	120
7/ XIÊN MINH NIỆM XÚ (<i>SATIPAṬṬHĀNANIDDESA</i>).....	129
8/ XIÊN MINH CHÁNH CẦN (<i>SAMMAPPADHĀNANIDDESA</i>).....	129
9/ NHƯ Ý TÚC XIÊN MINH (<i>IDDHIPĀDANIDDESA</i>)	129
10/ THIỀN XIÊN MINH (<i>JHĀNANIDDESA</i>)	129
11/ VÔ LƯỢNG XIÊN MINH (<i>APPAMAÑÑĀNIDDESA</i>)	130
12/ NGŨ QUYỀN XIÊN MINH (<i>PAÑCINDRIYANIDDESA</i>).....	130
13/ LỰC XIÊN MINH (<i>BALANIDDESA</i>).....	130
14/ GIÁC CHI XIÊN MINH (<i>BOJJHAṄGANIDDESA</i>).....	131
15/ ĐẠO XIÊN MINH (<i>MAGGANIDDESA</i>).....	131
II. XIÊN MINH CÂU YẾU HIỆP VỚI BẮT YẾU HIỆP CÁCH THỨ HAI	135
XIÊN MINH NỘI ĐỀ (<i>ABBHANTARAMĀTIKĀNIDDESA</i>).....	135
XIÊN MINH NGOẠI ĐỀ (<i>BĀHIRAMĀTIKĀNIDDESA</i>)	139
III. XIÊN MINH CÂU BẮT YẾU HIỆP YẾU HIỆP CÁCH THỨ BA (TATIYANAYA ASAṄGAHITENASAṄGAHITAPADANIDDESO)	141
XIÊN MINH NỘI ĐỀ (<i>ABBHANTARAMĀTIKĀNIDDESA</i>).....	141
XIÊN MINH NGOẠI ĐỀ (<i>BĀHIRAMĀTIKĀNIDDESA</i>)	147
IV. XIÊN MINH CÂU YẾU HIỆP VỚI YẾU HIỆP CÁCH THỨ TƯ (CATUTTHANAYA SAṄGAHITENASAṄGAHITAPADANIDDESO)	153
XIÊN MINH NỘI ĐỀ (<i>ABBHANTARAMĀTIKĀNIDDESA</i>).....	153
XIÊN MINH NGOẠI ĐỀ (<i>BĀHIRAMĀTIKĀNIDDESA</i>)	159
V. XIÊN MINH CÂU BẮT YẾU HIỆP BẮT YẾU HIỆP CÁCH THỨ NĂM	164
XIÊN MINH NỘI ĐỀ.....	164
XIÊN MINH NGOẠI ĐỀ.....	176

VI.	XIÊN MINH CÂU PHỐI HỢP, BẤT PHỐI HỢP CÁCH THỨ SÁU	196
	XIÊN MINH NỘI ĐỀ.....	197
	XIÊN MINH NGOẠI ĐỀ.....	214
VII.	XIÊN MINH CÂU TƯƠNG ỨNG VỚI BẤT TƯƠNG ỨNG CÁCH THỨ BẢY (SATTAMANAYA SAMPAYUTTENA VIPPAYUTTAPADANIDDESO)	239
	XIÊN MINH NỘI ĐỀ.....	239
	XIÊN MINH NGOẠI ĐỀ.....	243
VIII.	XIÊN MINH CÂU BẤT TƯƠNG ỨNG VỚI TƯƠNG ỨNG CÁCH THỨ TÁM (AṬṬHAMANAYA VIPPAYUTTENA SAMPAYUTTAPADANIDDESO).....	246
	XIÊN MINH NỘI ĐỀ.....	247
	XIÊN MINH NGOẠI ĐỀ.....	252
IX.	XIÊN MINH CÂU TƯƠNG ỨNG VỚI TƯƠNG ỨNG CÁCH THỨ CHÍN (NAVAMANAYA SAMPAYUTTENA SAMPAYUTTAPADANIDDESO)	274
	XIÊN MINH NỘI ĐỀ.....	275
	XIÊN MINH NGOẠI ĐỀ.....	280
X.	XIÊN MINH CÂU BẤT TƯƠNG ỨNG VỚI BẤT TƯƠNG ỨNG CÁCH THỨ MƯỜI (DASAMANAYA VIPPAYUTTENA VIPPAYUTTAPADANIDDESO)	285
	XIÊN MINH NỘI ĐỀ.....	285
	XIÊN MINH NGOẠI ĐỀ.....	291
XI.	XIÊN MINH CÂU YẾU HIỆP VỚI TƯƠNG ỨNG, BẤT TƯƠNG ỨNG CÁCH THỨ MƯỜI MỘT (EKĀDASAMANAYA SAṄGAHITENA SAMPAYUTTAVIPPAYUTTAPADANIDDESO)	298
XII.	XIÊN MINH CÂU TƯƠNG ỨNG VỚI YẾU HIỆP, BẤT YẾU HIỆP CÁCH THỨ MƯỜI HAI (DVĀDASAMANAYA SAMPAYUTTENA SAṄGAHITĀSAṄGAHITAPADANIDDESO)	304
XIII.	XIÊN MINH CÂU BẤT YẾU HIỆP TƯƠNG ỨNG, BẤT TƯƠNG ỨNG CÁCH THỨ MƯỜI BA (TERASAMANAYA ASAṄGAHITENA SAMPAYUTTAVIPPAYUTTAPADANIDDESO)	308
XIV.	XIÊN MINH CÂU BẤT TƯƠNG ỨNG VỚI YẾU HIỆP, BẤT YẾU HIỆP CÁCH THỨ MƯỜI BỐN (CUDDASAMANAYA VIPPAYUTTENA SAṄGAHITĀSAṄGAHITAPADANIDDESO)	312
	CHI PHÁP TRONG BỘ NGUYÊN CHẤT NGŨ	320
	Chi pháp nội đề.....	320
	Chi pháp phần tam đề.....	328
	Chi pháp phần nhị đề.....	336

Lời người dịch

Cách thuyết Vô tỷ pháp của đức Phật khác với những cách thuyết phổ thông khác, bởi vì Ngài thuyết trọn vẹn tạng Abhidhamma không ngừng nghỉ cho chư thiên và phạm thiên tại cõi Tāvātimsā suốt thời gian 3 tháng an cư. Trong lúc Ngài thọ dụng vật thực thì Ngài dùng thần thông tạo ra một vị hóa Phật thuyết pháp thay thế. Khi thọ dụng vật thực xong thì Ngài thuyết tiếp tục, cứ như vậy đến hết 7 bộ Vô tỷ pháp.

Trong thời gian 3 tháng an cư, nghe có vẻ là lâu đối với cõi nhân loại nhưng cõi chư thiên thì thời gian rất ngắn. Bởi vì một ngày trên cõi Tāvātimsā là một trăm năm ở cõi nhân loại, cho nên thời gian 3 tháng ở cõi nhân loại thì thật quá ít ỏi so với cõi ấy. Và giờ đây, đức Phật đã nibbāna hơn 2500 năm, nếu tính thời gian trên cõi ấy thì có thể nói rằng ‘đức Phật đã nibbāna cách đây 25 ngày’. Nếu nói đến những cõi thiên cao hơn đến Phạm thiên có đời sống tuổi thọ lâu dài thì nói rằng ‘đức Phật vừa mới nibbāna’.

Ngoài ra sự khác nhau về thời gian, địa điểm thuyết pháp thì đặc tính của tạng Vô tỷ pháp cũng khác những pháp khác, vì ở tạng này, đức Phật chỉ thuyết thuần về thực tính pháp mà không nói đến người, địa điểm, những thành tựu chi cả. Riêng bộ Dhātukathā, ngài trưởng lão Tịnh Sự dịch là *Nguyên chất ngữ* này, đức Phật thuyết theo kiểu tự ngài vấn-đáp, cốt lõi nằm ở những câu vấn-đáp đều liên quan đến uẩn-xứ-giới cả thảy.

Từ ‘dhātu’ dịch là giới, tức tự trị thực tính của riêng mình. Nghĩa là những điều duy trì theo thực tính nhân-duyên, những điều ban sơ hay những thực tính pháp mà được thể gian định đặt là chúng sanh, con người và vạn vật. Đó là 4 giới, 6 giới hay 18 giới. 4 giới gồm địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới. 6 giới gồm địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, hư không giới và thức giới. 18 giới gồm nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, sắc giới, tinh giới, vị giới, xúc giới, nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý giới, ý thức giới và pháp giới.

Từ ‘dhātukathā’ dịch là lời giải thích về giới hay nguyên chất ngữ, ở đây là tên của bộ thứ 3 trong tạng Vô tỷ pháp. Bộ sách này được đức Phật thuyết bằng cách lấy những câu đề là thực tính pháp gọi là đầu đề có tổng cộng 371 câu. Trong 371 câu này, nội đề (*abbhantaramātikā*) là những câu đề trong bộ này, gồm 105 câu; ngoại đề (*bāhiramātikā*) là những câu đề lấy trong bộ Pháp tụ (*dhammasaṅgaṇī*), gồm 266 câu. 371 câu pháp đề này được đức Phật thuyết chia ra thành 14 cách, ví dụ như cách thứ nhất trình bày thực tính pháp, đề này yếu hiệp được uẩn, xứ giới bao nhiêu? Bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới? Tức là xác định ba nhóm là 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới làm câu chánh đề so với thực tính của 371 câu đề ấy, câu này yếu hiệp hay bất yếu hiệp 3 nhóm pháp này, mỗi nhóm có bao nhiêu, yếu hiệp hay bất yếu hiệp bao nhiêu. Hơn nữa, ba nhóm pháp này ngoài việc là câu chánh đề so sánh với những pháp khác, nhóm này còn là câu chánh lấy làm câu gốc để phân chia thực tính pháp theo phương pháp của mỗi cách.

Bộ sách này không phải chỉ nói duy nhất về ‘giới’, thật sự cũng có nói về ‘uẩn và xứ’, nhưng đặt tên là ‘dhātukathā’ vì nhấn mạnh về ‘giới’ hơn hai nhóm kia, phương pháp đặt tên này theo sātisayanaya, tức cách nhấn mạnh (*mūlaṭṭikā*). Có người nói rằng bộ sách này nên đặt là ‘*khandha-āyatana-dhātukathā*’ vì là chủ đề chánh của bộ, lấy các pháp khác nhau ra chia chẻ để thấy thực tính uẩn-xứ-giới, hay nói gọn là bộ sách chỉ nói về ba nhóm uẩn-xứ-giới. Nhưng giáo thọ sư Saddhammajotika nói rằng “Gọi là dhātukathā hay nguyên chất ngữ vì đức Phật phân tích chư pháp bằng 14 cách theo lời vấn-đáp, liên quan đến uẩn-xứ-giới, nên gọi *dhātukathā* hay nguyên chất ngữ”, tức từ ‘dhātu’ ở trong bộ ‘dhātukathā’ không nói đến 4 giới, 6 giới, 12 giới hay không phải nói đến uẩn, xứ; mà nói đến pháp có thực tính của riêng mình là như vậy. Tức là 4 pháp siêu

lý gồm tâm, sở hữu tâm, sắc pháp, nibbāna. Cũng như sẽ thấy được rằng chế định là điều được định đặt ra không có thực tính riêng mình, nên không được trình bày trong bộ này. Từ ‘dhātu’ (giới) ở trong bộ này có 2 nghĩa chánh là: Tự trì thực tính của mình và nơi nương của cách thuyết Vô tỷ pháp.

Những gì liên quan đến thực tính siêu lý thì không dễ dàng gì hiểu được, chỉ có tuệ cao siêu mới hầu mong thấu rõ. Đã có người hỏi rằng học ‘*Nguyên chất ngũ*’ để làm gì? Ứng dụng như thế nào vào pháp hành? Xin thưa rằng những gì đức Toàn tri thuyết không có gì gọi là dư thừa, chỉ có chúng ta chưa có đủ trí tuệ để biết hết những kim ngôn ấy mà thôi. Thiết nghĩ chỉ có ai thực hành minh sát nghiệp xứ đủ tuệ suy xét mới thấy rõ thực tính chư pháp trong bộ này, ví dụ như quán chư pháp thiện, nếu là bậc chứng thiền chỉ tịnh thì có câu pháp hữu tầm hữu tứ, hay vô tầm hữu tứ v.v... rồi từ đó làm bàn đạp chứng đắc Đạo quả nibbāna. Nếu chưa chứng đắc thì cũng làm hành trang du hành trong luân hồi, như tích lũy pháp độ liên quan đến tuệ vậy.

Đối với học viên trung học bậc 3 này thì cần nên nhớ được chi pháp của 371 câu đề, phương pháp và công thức của mỗi cách, dùng tuệ suy xét chi pháp ‘những pháp nào, những pháp ấy, tương ưng phần nào, bất tương ưng phần nào’ theo phương pháp cho đúng, vấn-đáp theo Pāli và tiếng Việt (viết và đọc), luyện tập cho nhuần nhuyễn. Bởi vì viết làm cho nhớ, khi nhớ rồi hành cho khéo, khi khéo rành rồi thì làm cho hiểu rõ, hiểu rõ rồi làm cho sanh tuệ v.v...

Bản Việt dịch *Giáo trình Siêu lý Trung học bậc 3/3 “Minh giải Nguyên chất ngũ”* này của giáo thọ sư Saddhammajotika Dhammācariya không sao tránh khỏi sự sai sót, ngưỡng mong các bậc hiền trí từ bi hoan hỷ chỉ bảo để bản dịch được hoàn thiện hơn. Phước thiện từ việc biên soạn và dịch lại tài liệu này được thành tựu cũng do sự góp sức của nhiều vị, mong cho các vị ấy luôn được an vui, thân tâm tấn hóa, chóng thành quả vị.

Xin chia phần phước thiện thanh cao này đến tất cả chư thiên, nhất là vua trời Sakka, đức vua Kuvera, đức vua Dhatarattha, đức vua Virūpakkha, đức vua Virulhaka và chúa Diêm vương, mong các ngài hoan hỷ thọ nhận. Cũng như chia phần phước này đến ông bà, cha mẹ, thân bằng quyến thuộc còn tại tiền, xin chia phước đến tất cả quý vị đã góp sức để quyển sách này được ấn tống rộng rãi đến người đọc. Mong cho thiện pháp này làm duyên trợ tất cả quý vị trên đường giác ngộ, giải thoát ở vị lai.

Xin hồi hướng phần phước thiện thanh cao này đến cố Bhikkhu Chandavamsa trụ trì Chùa Yangsutthārāma, cố Bhikkhu Suvijjo trụ trì Chùa Ratanaraṇṣyārāma, cố Bhikkhu Maggabujjhano, cố Bhikkhu Bhodhipaṇṇo, cố thiện nam Đặng Hữu Khánh, cố thiện nam Bùi Thế Nghiệp, cố tín nữ Triệu Bích Liên cùng ông bà, khi hay biết rồi thì sanh tâm tùy hỷ, nếu khổ rồi xin cho thoát khổ, nếu đang an lạc xin cho sự an lạc càng tấn hóa, trợ duyên trong quá trình giác ngộ Nibbāna trong ngày vị lai đồng đều nhau cả thầy.

Idaṃ me puññaṃ asavakkhayā vahaṃ hotu
Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu

Người dịch
 Bhikkhu Abhisiddhi

LỜI GIỚI THIỆU

Phận sự mà tông tín đồ Phật giáo cả bậc xuất gia và người tại gia nên quan tâm hay hỗ trợ duy trì có 2 phần là:

1. Phận sự học (*ganthadhura*) đó là việc học tập, dạy học liên quan đến pháp học về tạng Luật, tạng Kinh và tạng Vô tỷ pháp.
2. Phận sự hành (*vipassanādhura*) là tu tiên chỉ tịnh và minh sát.

Ngoài phận sự học và hành, những phận sự khác không được đức Phật thuyết là phận sự quan trọng trong tông giáo. Vì đó không phải phận sự làm cho Phật giáo được duy trì cho còn nguyên vẹn, cũng cố cho vững mạnh và phổ biến một cách rộng rãi và cũng không phải là nguyên nhân để thoát khỏi luân hồi. Hoặc, nếu chưa thoát khỏi luân hồi sanh tử thì đó cũng là nguyên nhân làm cho thân tâm an lạc ở những kiếp vị lai. Vấn đề này cần được các vị Phật tử cân nhắc và hiểu thật rõ.

Trong phận sự học và hành là những điều quan trọng trong Phật giáo, mỗi loại lại chia ra làm hai phần là:

1. Việc dạy học, việc học tập pháp học chỉ để hoằng dương chánh pháp bằng cách gieo trồng đức tin đến đại chúng, đó là đọc tụng, thuyết pháp, đàm luận pháp, in ấn, phát hành sách vở.
2. Việc học tập, dạy học pháp học để đặt nền móng cho Phật giáo vững chắc, đó là việc dạy, việc học mỗi ngày theo giáo trình đúng đắn, sự ghi nhớ, kiểm tra tri kiến theo cấp bậc, sự biên soạn giáo trình một cách đúng đắn đầy đủ, cả hai phần này được sắp vào pháp học.
3. Sự hướng dẫn và tu tiên chỉ tịnh, minh sát để hoằng dương Phật giáo bằng cách gieo trồng đức tin đến đại chúng đó là nghe pháp tụng kinh hướng dẫn chỉ tịnh, minh sát ít nhiều, in ấn sách vở liên quan đến pháp hành phổ biến.
4. Cách hướng dẫn và tu tiên chỉ tịnh, minh sát để đặt nền móng cho Phật giáo duy trì và vững mạnh. Đó là dạy pháp chỉ tịnh và minh sát một cách đúng đắn và đầy đủ để cho thành tựu kết quả lợi ích. In ấn sách vở liên quan đến pháp chỉ tịnh và minh sát một cách đúng đắn và đầy đủ làm sở tay cho người tu tập và dạy. Cả hai phần này được sắp vào phận sự hành.

Trong quốc độ có số lượng Phật tử ít, phận sự liên quan đến việc truyền bá Phật giáo trong phận sự học và phận sự hành nên chiếm 75%, phận sự liên quan đến việc kiến thiết nền móng cho Phật giáo được duy trì vững mạnh trong pháp học và pháp hành chiếm 25% cũng đủ.

Nếu trong quốc độ có số lượng Phật tử nhiều, phận sự liên quan đến việc truyền bá Phật giáo về phía phận sự học và phận sự hành chiếm 25% cũng đủ, còn phận sự liên quan đến việc kiến thiết nền móng cho Phật giáo duy trì về pháp học và pháp hành nên chiếm 75%.

Cả hai phận sự trong Phật giáo như đã trình bày trên, phận sự liên quan đến đặt nền móng cho Phật giáo duy trì cho còn nguyên vẹn, cũng cố cho vững mạnh là phần chánh yếu quan trọng. Còn phận sự truyền bá ấy chỉ là công cụ hỗ trợ, tức là hội tụ tất cả Phật tử quay về quan tâm đến phận sự chánh yếu trong Phật giáo được vững chắc. Do đó, ở quốc độ nào, Chùa nào có thực hành phận sự chánh yếu trong Phật giáo nhiều hơn phận sự truyền bá thì có thể hiểu rằng Phật giáo ở quốc độ đó được trụ vững chắc chắn được. Ngoài Trường lão bộ, những chủ thuyết khác và tông phái khác không thể lẫn vào chống đối được. Vì có ấy, mong những vị Phật tử, luôn cả những bậc xuất gia và người tại gia hãy cân nhắc bằng trí tuệ rõ ràng rằng ở quốc độ của mình, Chùa của mình, phận

sự liên quan đến việc truyền bá và phận sự liên quan đến việc đặt nền móng vững chắc trong phận sự học và phận sự hành, cái nào nhiều hơn.

Hơn nữa, phận sự liên quan đến việc truyền bá Phật giáo ấy là phận sự dễ dàng, ít bỏ công sức mà nhận được sự an lạc vui tươi trong thân tâm, không cần dụng tâm trí bao nhiêu. Vì thế có nhiều người thích loại này, tất cả cũng vì số lượng người hiểu biết sâu sắc, trọn vẹn về chánh pháp quá ít.

Còn phận sự liên quan đến việc đặt nền móng vững chắc cho Phật giáo duy trì và trụ vững ấy là phận sự khó làm, cần bỏ nhiều công sức, người làm phận sự này phải là người chịu từ bỏ mọi thứ thì mới làm cho thành tựu được, ngay cả lúc đang làm cũng phải suy xét cân nhắc một cách tỉ mỉ. Do vậy ít có người thích làm, chỉ có những người hiểu biết trong phận sự của Phật giáo rành rẽ mới có sự hài lòng với phận sự này.

Với những lý do đề cập trên, tôi cũng nỗ lực, tinh tấn cố gắng hành phận sự liên quan đến việc đặt nền móng vững chắc trong Phật giáo liên quan đến phận sự học để cho Phật giáo trụ vững được bằng việc giảng dạy mỗi ngày và có sự kiểm tra tri kiến mỗi năm, đồng thời cố gắng biên soạn giáo trình đúng đắn đầy đủ để mang lại lợi ích cho những vị giáo thọ sư cũng như học viên, cả bậc xuất gia lẫn người tại gia.

Quyển *Minh giải Nguyên chất ngũ* này là quyển giáo trình thứ 11 trong bộ giáo trình học Vô tỷ pháp (*Abhidhamma*) được tôi biên soạn để sử dụng làm giáo trình dạy bậc trung học cấp 3. Việc biên soạn quyển giáo trình này được thành tựu, tôi không thể quên những vị góp công sức như sau:

- Bhikkhu Janpannakic, học viên cấp cao ở Đại học Abhidhamma và là Giáo thọ sư dạy Abhidhamma ở Hội đồng Phật giáo ở Vương quốc Thái, lớp Abhidhamma Chùa Samphraya, Chùa Mahādhātu..., Chùa Klang tỉnh Samutprakang, là thư ký đã đọc lại và chỉnh sửa.
- Ông Phetsomwang Chayachinda, học viên cấp cao ở Đại học Abhidhamma và là Giáo thọ sư giảng Abhidhamma ở Chùa Samphraya, là trợ lý thư ký.

Tôi cũng rất hoan hỷ và tùy hỷ phước thiện đến những vị nói trên, mong những điều phước lành đến quý vị như sau:

*Bhavatu sabbamaṅgalaṃ
Rakkhantu sabbadevatā
Sabbabuddhānubhāvena
Sabbadhammānubhāvena
Sabbasaṅghānubhāvena
Sadā sotthī bhavantute.*

Tất cả những phước lành có đến tất cả chư vị đã hỗ trợ cho hoàn tất quyển sách này được thành tựu mỹ mãn, mong chư thiên hộ trì cho chư vị tránh khỏi những sự rủi ro tai hại, mong oai lực Tam bảo hộ trì cho chư vị có sự an lạc thân tâm mọi thời.

Bhikkhu Saddhammajotika Dhammācariya

13 - 03 - 2500

PAÑHĀBYĀKARAṆAJOTIKA
DHĀTUKATHĀSARŪPATTHANISSAYA
(MINH GIẢI NGUYÊN CHẤT NGŨ)

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa

Cung kính đến đức Thế tôn, Ứng cúng, Chánh biến tri

Đảnh lễ đức Phật

Vicittadhammavadaññuṃ paramatthapāraṇtaguṃ
Hanaripuṃ nayaviduṃ vandāmi sirasādaraṃ

Tôi là giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya xin đề đầu đảnh lễ một cách cung kính đến đức Chánh đẳng giác, là vị có khả năng thuyết, phân tích diệu pháp bằng nhiều cách đa dạng chi tiết. Ngài đã giác ngộ đến cuối bến bờ là pháp siêu lý, ngài đã chinh phục kẻ thù là phiền não sát trừ một cách hoàn toàn, là vị thông suốt biết rõ trọn vẹn tất cả những pháp siêu lý.

Đảnh lễ giáo Pháp

Atthobhāsehi jutantaṃ līlāpadasatārakaṃ
Malahantaṃ dhammacandaṃ vandāmi sirasādaraṃ

Tôi xin đề đầu Đảnh lễ một cách cung kính đến Diệu pháp sáng chói bởi nghĩa lý nhiệm màu, hợp với sự uyển chuyển của những câu dài ngắn, đẹp tựa như những ngôi sao, sáng chói như mặt trăng không bị mây che mờ.

Đảnh lễ chư Tăng

Aggasāradhammaṭṭhituṃ bhaggaṃānājayasiriṃ
Aghamiguṃ hanajivūṃ vandāmi saṅghakesariṃ

Tôi xin đề đầu Đảnh lễ một cách cung kính đến chư thánh tăng là những vị an trú trong pháp lợi ích tối thượng, người chiến thắng với sự vinh quang sát trừ những kẻ thù là những phiền não cùng với những sự ngu ngằm tựa như sư tử chúa Kesara giết những con hưu như thế ấy.

Đảnh lễ đến giáo thọ sư

Dhīrānadhīrasaṭṭhantaṃ silāghasīghaññānikaṃ
Hitāvahaṃ mahātheraṃ paṇāmāmi mama āceraṃ

Tôi xin Đảnh lễ đến giáo thọ sư, trưởng lão Bhaddantakumāra, là vị thầy giáo thọ pháp sư, sư cả Chùa Sotai tỉnh Mienchan; ngài trưởng lão Bhaddantaññānikathera là vị trì luật cả nước Myanmar là bậc đại thiện trí cao thượng và là sư cả Chùa Tiayatotai tỉnh Renkun; ngài trưởng lão Bhaddantapaññāthera, Bhaddantasundarathera, và ngài trưởng lão Bhaddantanandavaṃsa là những vị đại thiện trí cao thượng Chùa Mahāvisutārāma tỉnh Pagok; ngài trưởng lão Bhaddantajanakābhivaṃsa vị đại thiện trí cao thượng Dhammācariyaganthakāraka, sư cả Chùa Mahāgandhārāma; ngài trưởng lão

Bhaddantanandiya giáo thọ Abhidhamma sư cả Chùa Tumontai, ngài trưởng lão Bhaddantavimala giáo thọ Abhidhamma sư cả Chùa Maṅgalārāma tỉnh Omrapura là thầy của tôi (thiên về pháp học) là một vị hiền triết lỗi lạc thông tuệ trong tất cả các bậc hiền triết, là vị có trí tuệ đáng được tán dương và có tuệ sắc bén, là vị đem lợi ích hiệp thể và lợi ích siêu thể đến tất cả mọi người.

LỜI TUYÊN BỐ

Yācihotam karissāmi

sissagaṇehi sādhuḥkaṃ

Kāmo jotimva sāsanaṃ

dhātukathāya nissayaṃ

Bởi nhận được lời thỉnh cầu khẩn khoản từ nhóm học viên, đồng thời tôi cũng có ý muốn duy trì Phật giáo cho phát triển chói sáng. Nên mới soạn bộ sách *Dhātukathāsarūpatthanissaya* bằng Thái ngữ.

Nội dung ban đầu trong bộ minh giải Nguyên chất ngũ

Trong 7 bộ Vô tỷ pháp, bộ thứ 3 tên là ‘Nguyên chất ngũ’ (*dhātukathā*) vì đức Phật phân tích chư pháp như 5 uẩn ... cho đến những pháp vô y [hay pháp thực tính không sanh cùng với phiền não] (*Araṇā dhammā*) là cuối cùng theo 14 cách hay 14 phần thành ra câu vấn và đáp đều liên quan đến uẩn, xứ, giới cả nên gọi là nguyên chất ngũ.

Còn bộ sách mà tôi soạn đây, gọi là *pañhābyākaraṇajotika* ấy, bởi muốn nói đến rằng quyển sách này sẽ làm sáng tỏ trong lời vấn đáp đã được đức Thế tôn thuyết toàn hảo đến tất cả học viên, nên mới đặt tên là *pañhābyākaraṇajotika*.

Còn tên *Dhātukathāsarūpatthanissaya* cũng vì quyển sách này sẽ là công cụ và là nơi nương của tất cả học viên trong việc kết lại nội dung trong bộ song đối một cách thuận tiện, nên mới đặt tên là *Dhātukathāsarūpatthanissaya*.

Từ ‘*dhātukathā*’ (nguyên chất ngũ) khi chiết tự có 2 phần là *dhātu* + *kathā*.

Pāli chú giải của từ ‘*dhātu*’ có như sau:

1. “*Attano sabhāvaṃ dhārentīti = dhātuyo*”

Pháp bản thể nào tự trì thực tính của mình thì pháp bản thể ấy gọi là giới (*dhātu*). Đó là 5 uẩn ... cho đến những pháp vô y [hay pháp thực tính không sanh cùng với phiền não] (*Araṇā dhammā*) (thiện, bất thiện, quả, tố, sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna).

Hay nói cách khác

2. “*Tiṭṭhati abhidhammakathā etthāti = dhātuyo*”

Cách trình bày Vô tỷ pháp nương vào pháp bản thể này, nên pháp bản thể này gọi là giới. Đó là 5 uẩn ... cho đến những pháp vô y [hay pháp thực tính không sanh cùng với phiền não] (*Araṇā dhammā*). Trong Pāli chú giải câu thứ 2 này, nếu nói theo cách phân tích từ thì câu thành tựu nên sử dụng từ ‘*thātu*’, nhưng ở đây sử dụng từ ‘*dhātu*’ vì sử dụng trình bày theo ‘*vaṇṇavikāraṇaya*’, nghĩa là đổi ‘*th*’ là mẫu tự thứ 2 trong nhóm âm phát theo đầu lưỡi (*muddhajadutiyaḥkharā*) thành ‘*dh*’ là mẫu tự thứ 4 trong nhóm âm phát theo răng (*dantajacatuthakharā*). Như dẫn chứng Pāli trình bày

trong *paṭṭhānasāradīpanī* rằng “*Abhidhammakathā pavattati khandhādikesu etthāti dhātuyo, ṭhakārassa dhakāraṃ katvā*” - Cách trình bày Vô tỷ pháp hẳn diễn tiến theo pháp như uẩn ... vì thế uẩn ... này cũng gọi là giới (*dhātu*), đổi ‘t’ thành ‘dh’.

Pāli chú giải của từ ‘*kathā*’ như sau:

“*Kathīyanti etthāti = kathā*”

Đức Phật thuyết chư pháp trong sự nối tiếp của từ ngữ và những ý nghĩa này, vì thế sự nối tiếp nhau của từ ngữ và những ý nghĩa này gọi là ngữ (*kathā*). Bao gồm các bộ nói chung.

Hay, “*Kathīyanti etāyāti = kathā*”

Đức Phật thuyết chư pháp bằng sự nối tiếp của từ ngữ và những ý nghĩa này, vì thế sự nối tiếp nhau của từ ngữ và những ý nghĩa này gọi là ngữ (*kathā*). Bao gồm các bộ nói chung.

Hay, Pāli chú giải của từ ‘*dhātukathā*’ là: “*Dhātunam kathā = dhātukathā*”

Từ ngữ và ý nghĩa là nơi nương của cách thuyết pháp hay làm nhân của cách thuyết pháp như uẩn ... cho đến những pháp vô y [hay pháp thực tính không sanh cùng với phiền não] (*Araṇā dhammā*) là cuối cùng. Từ ngữ và ý nghĩa ấy gọi là nguyên chất ngữ (*dhātukathā*), đó là bộ nguyên chất ngữ.

TRÌNH BÀY PHẦN TIẾP NỐI VÀ XIỂN THUẬT

Khi đức Phật đã thuyết xong bộ Phân tích (*vibhaṅga*) thì ngài thuyết tiếp đến bộ Nguyên chất ngữ (*dhātukathā*). Bộ này có 2 phần là xiển thuật (*uddesa*)¹ và xiển minh (*niddesa*). Đức Phật thuyết xiển thuật trước rồi thuyết xiển minh sau. Xiển thuật này gọi là mẫu đề hay đầu đề (*mātikā*), có 5 loại đầu đề:

- 1/ *Nayamātikā* (đầu đề về cách) nghĩa là đầu đề nói đến sự phân chia 5 uẩn ... bằng cách chia sự trình bày ra thành những cách khác nhau, có 14 cách. Còn gọi là *mūlamātikā*.
- 2/ *Abbhantaramātikā* (nội đề) nghĩa là 125 pháp như uẩn ... cho đến tác ý (*manasikāra*) là cuối cùng. Gọi là *Abbhantaramātikā* vì đức Phật đưa pháp này lên thuyết trước cho thành chánh yếu trong cách trình bày theo cả 14 cách.
- 3/ *Nayamukhamātikā* (đầu đề về nguyên tắc của cách thức) nghĩa là đầu đề trình bày đến cách thức trình bày của đức Phật bởi ngài đặt nguyên tắc câu hỏi cho đúng thích hợp với cả 14 cách ấy, mỗi cách nên đặt câu hỏi như thế nào.
- 4/ *Lakkhaṇamātikā* (đầu đề về đặc tính) nghĩa là đầu đề trình bày đến cách thức đáp trong *nayamukhamātikā* cho đúng đắn thích hợp với mỗi câu hỏi ấy.

¹ Uddesa: 總說 = tổng thuyết; 解釋 = giải thích.

5/ *Bāhīramātikā* (ngoại đề) nghĩa là ngoại đề, tức pháp thiện ... cho đến những pháp vô y [hay pháp thực tính không sanh cùng với phiền não] (*Araṇā dhammā*) là cuối cùng. Gồm 266 câu trình bày trong phần mẫu đề ấy, đức Phật lấy từ bộ khác là Pháp tụ (*dhammasaṅgaṇī*) và thuyết sau phần *abbhantaramātikā*. Nên gọi là ngoại đề (*Bāhīramātikā*). Trong 5 loại đầu đề này đức Phật thuyết *Nayamātikā* trước.

1/ *Nayamātikā* (Đầu đề về cách) có 14 loại là:

- 1) *Paṭhamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 1)
- 2) *Dutiyanayamātikā* (đầu đề cách thứ 2)
- 3) *Tatiyanayamātikā* (đầu đề cách thứ 3)
- 4) *Catutthanayamātikā* (đầu đề cách thứ 4)
- 5) *Pañcamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 5)
- 6) *Chaṭṭhamanaya mātikā* (đầu đề cách thứ 6)
- 7) *Sattamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 7)
- 8) *Aṭṭhamanaya mātikā* (đầu đề cách thứ 8)
- 9) *Navamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 9)
- 10) *Dassamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 10)
- 11) *Ekādasamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 11)
- 12) *Dvādasamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 12)
- 13) *Terasamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 13)
- 14) *Cuddasamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 14)

Đức Phật thuyết đầu đề cách thứ 1 trước rồi mới thuyết đến đầu đề cách thứ 2 sau theo tuần tự.

1) *Paṭhamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 1) là *saṅgaho asaṅgaho*, tức cách yếu hiệp (**nhieếp**)², cách bất yếu hiệp (**không nhieếp**).

- *Saṅgaho* (cách yếu hiệp): Yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Yếu hiệp được nhiều đây uẩn, xứ, giới.
- *Asaṅgaho* (cách bất yếu hiệp): Bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Bất yếu hiệp (**không nhieếp**) được nhiều đây uẩn, xứ, giới.

2) *Dutiyanayamātikā* (đầu đề cách thứ 2) là *Saṅgahitena asaṅgahitaṃ*, tức yếu hiệp với bất yếu hiệp.

- *Saṅgahitena*: 27 sắc pháp (trừ nhãn xứ) ... được nhãn xứ ... yếu hiệp được uẩn
- *Asaṅgahitaṃ*: Nhưng bất yếu hiệp nhiều đây xứ, giới ấy.
- *Asaṅgahitaṃ*: Bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Bất yếu hiệp (**không nhieếp**) được nhiều đây uẩn, xứ, giới.

Hay

- *Saṅgahitena*: 6 thức giới (trừ nhãn thức giới) ... được nhãn thức giới ... yếu hiệp được nhiều đây uẩn, xứ.
- *Asaṅgahitaṃ*: Nhưng bất yếu hiệp nhiều đây giới ấy.

² **Saṅgaha** = 攝 = nhieếp. "Saṅ" + "Gaha". 'Saṅ' có nghĩa là đón gọn, còn 'gaha' có nghĩa là gom hợp lại. Do đó, "Saṅgaha" có nghĩa là gom hợp gọn lại, tóm tắt, trích yếu, tập yếu, **yếu hợp**, gom hợp, tập hợp những pháp trọng yếu lại, hay lấy những phần đồng hợp lại gọi chung một tên là "**nhieếp**".

- *Asaṅgahitaṃ*: Bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Bất yếu hiệp (không nhiếp) được nhiều đây uẩn, xứ, giới.

Chú ý: Trong đầu đề cách thứ 2 này, đức Phật thuyết bằng cách *ekasesanaya*. Nghĩa là cách trình bày bằng việc xóa từ giống nhau mất một từ để cho còn lại chỉ một từ. Bởi vì nếu đức Phật thuyết đầy đủ từ đúng với ý nghĩa thì phải trình bày như vậy “*Saṅgahitena asaṅgahitaṃ Asaṅgahitaṃ*”. Do đó khi trình bày ý nghĩa thì cần phải trình bày luôn cả ý nghĩa của câu bị xóa bỏ và trong các đầu đề cách khác cũng có tính chất như trên. Mong các học viên nên biết như vậy.

- 3) *Tatiyanayamātikā* (đầu đề cách thứ 3) là *Asaṅgahitena saṅgahitaṃ*, tức Bất yếu hiệp yếu hiệp.

- *Asaṅgahitena*: Tướng, hành, 16 sắc tế, nibbāna ... được thọ ... Bất yếu hiệp uẩn.
- *Saṅgahitaṃ*: Nhưng yếu hiệp đẳng xứ, giới.
- *Saṅgahitaṃ*: Yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Yếu hiệp (nhiếp) được nhiều đây uẩn, xứ, giới.

- 4) *Catutthanayamātikā* (đầu đề cách thứ 4) là *Saṅgahitena saṅgahitaṃ*, tức yếu hiệp với yếu hiệp.

- *Saṅgahitena*: 49 hành uẩn (trừ tập đế) ... được tập đế ... yếu hiệp được uẩn, xứ, giới ấy.
- *Saṅgahitaṃ*: Tập đế ... được 49 hành uẩn (trừ tập đế) ... yếu hiệp được uẩn, xứ, giới ấy.
- *Saṅgahitaṃ*: Yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Yếu hiệp (nhiếp) được nhiều đây uẩn, xứ, giới.

- 5) *Pañcamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 5) là *Asaṅgahitena asaṅgahitaṃ*, tức Bất yếu hiệp bất yếu hiệp.

- *Asaṅgahitena*: Thức uẩn ... được sắc uẩn ... Bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới.
- *Asaṅgahitaṃ*: Sắc, thọ, tướng, hành, nibbāna ... được thức uẩn ... Bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới ấy.
- *Asaṅgahitaṃ*: Bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Bất yếu hiệp (không nhiếp) được nhiều đây uẩn, xứ, giới.

- 6) *Chatthamanaya mātikā* (đầu đề cách thứ 6) là *Sampayogo vippayogo*, tức phối hợp, bất phối hợp.

- *Sampayogo*: Phối hợp với bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Phối hợp với nhiều đây uẩn, xứ, giới.
- *Vippayogo*: Bất phối hợp với bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Bất phối hợp với nhiều đây uẩn, xứ, giới.

- 7) *Sattamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 7) là *sampayuttaṃ vippayuttaṃ*, tức tương ưng với bất tương ưng.

- *Sampayuttaṃ - Vippayuttaṃ*: Pháp là bất tương ưng với những pháp tương ưng này
- *Vippayuttaṃ*: Bất phối hợp với bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Bất phối hợp với nhiều đây uẩn, xứ, giới.

- 8) *Aṭṭhamanaya mātikā* (đầu đề cách thứ 8) là *Vippayuttana sampayuttam*, tức bất tương ưng với tương ưng.
- *Vippayuttana - Sampayuttam*: Pháp là tương ưng với những pháp bất tương ưng này
 - *Sampayuttam*: Phối hợp với bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Phối hợp với nhiều đây uẩn, xứ, giới.
- 9) *Navamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 9) là *sampayuttana sampayuttam*, tức tương ưng với tương ưng.
- *Sampayuttana - Sampayuttam*: Pháp là tương ưng với những pháp tương ưng này
 - *Sampayuttam*: Phối hợp với bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Phối hợp với nhiều đây uẩn, xứ, giới.
- 10) *Dassamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 10) là *Vippayuttana vippayuttam*, tức bất tương ưng với bất tương ưng.
- *Vippayuttana - Vippayuttam*: Pháp là bất tương ưng với những pháp bất tương ưng này
 - *Vippayuttam*: Bất phối hợp với bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Bất phối hợp với nhiều đây uẩn, xứ, giới.
- 11) *Ekādasamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 11) là *Saṅgahitena sampayuttam vippayuttam*, tức yếu hiệp với tương ưng, bất tương ưng.
- *Saṅgahitena*: Pháp được yếu hiệp được uẩn, xứ, giới.
 - *Sampayuttam*: Phối hợp với bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Phối hợp với nhiều đây uẩn, xứ, giới.
 - *Vippayuttam*: Bất phối hợp với bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Bất phối hợp với nhiều đây uẩn, xứ, giới.
- 12) *Dvādasamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 12) là *sampayuttana saṅgahitam Asaṅgahitam*, tức tương ưng với yếu hiệp, bất yếu hiệp.
- *Sampayuttana*: Pháp là tương ưng,
 - *Saṅgahitam*: Yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Yếu hiệp (nhiếp) được nhiều đây uẩn, xứ, giới.
 - *Asaṅgahitam*: Bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Bất yếu hiệp (không nhiếp) được nhiều đây uẩn, xứ, giới.
- 13) *Terasamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 13) là *Asaṅgahitena sampayuttam vippayuttam*, tức Bất yếu hiệp tương ưng, bất tương ưng.
- *Asaṅgahitena*: Pháp Bất yếu hiệp bởi uẩn, xứ, giới
 - *Sampayuttam*: Phối hợp với bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Phối hợp với nhiều đây uẩn, xứ, giới.
 - *Vippayuttam*: Bất phối hợp với bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Bất phối hợp với nhiều đây uẩn, xứ, giới.
- 14) *Cuddasamanayamātikā* (đầu đề cách thứ 14) là *Vippayuttana saṅgahitam Asaṅgahitam*, tức bất tương ưng với yếu hiệp, bất yếu hiệp.
- *Vippayuttana*: Pháp là bất tương ưng,

- *Saṅgahitaṃ*: Yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Yếu hiệp (nhiếp) được nhiều đây uẩn, xứ, giới.
- *Asaṅgahitaṃ*: Bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới? - Bất yếu hiệp (không nhiếp) được nhiều đây uẩn, xứ, giới.

Chú ý: Lời dịch trong phần đầu đề về cách (*neyamātikā*) cả 14 cách này là sự trình bày theo Pāli được đức Phật thuyết lại trong vị trí của xiển thuật. Bởi vì xiển thuật đầu đề về cách này giống như cách đặt ra xác định ranh giới sẽ trình bày trong phần xiển minh tiếp theo, chứ chưa cần thiết phải trình bày ý nghĩa hay chi pháp gì cả.

2/ *Abbhantaramātikā* (Nội đề), khi đức Phật đã thuyết xong phần đầu đề về cách thì ngài thuyết tiếp đến phần nội đề. Trong phần nội đề có 2 loại là:

- Xiển thuật uẩn trước (*khandhādiuddesa*)
- Xiển thuật nhóm 7 như có xúc v.v... (*phassasattakarāsīuddesa*)

Đức Phật thuyết xiển thuật uẩn trước (*khandhādiuddesa*) rồi thuyết phần xiển thuật nhóm 7 như có xúc v.v... (*phassasattakarāsīuddesa*) sau.

Xiển thuật uẩn trước (*khandhādiuddesa*) có 14 phần là:

1. *Khandha uddesa* (uẩn xiển thuật)
2. *Āyatana uddesa* (xứ xiển thuật)
3. *Dhātu uddesa* (giới xiển thuật)
4. *Sacca uddesa* (đế xiển thuật)
5. *Indriya uddesa* (quyền xiển thuật)
6. *Paṭiccasamuppāda uddesa* (liên quan tương sinh xiển thuật)
7. *Satipaṭṭhāna uddesa* (niệm xứ xiển thuật)
8. *Sammappadhāna uddesa* (chánh cần xiển thuật)
9. *Iddhipāda uddesa* (như ý túc xiển thuật)
10. *Jhāna uddesa* (thiền xiển thuật)
11. *Appamaññā uddesa* (vô lượng xiển thuật)
12. *Pañcendriya uddesa* (ngũ quyền xiển thuật)
13. *Bala uddesa* (lực xiển thuật)
14. *Bojjhaṅga uddesa* (giác chi xiển thuật)
15. *Magga uddesa* (Đạo xiển thuật)

Trong 15 phần xiển thuật này, đức Phật thuyết uẩn xiển thuật trước rồi thuyết xứ xiển thuật ... sau theo tuần tự như sau:

(1) *Pañcakkhandhā* = 5 uẩn (2) *dvādasāyatanāni* = 12 xứ (3) *aṭṭhārasa dhātuyo* = 18 giới (4) *cattāri saccāni* = 4 đế (5) *bāvīsatiindriyāni* = 22 quyền (6) *paṭiccasamuppādo* = liên quan tương sinh (7) *cattāro satipaṭṭhānā* = 4 niệm xứ (8) *cattāro sammappadhānā* = 4 chánh cần (9) *cattāro iddhipādā* = 4 như ý túc (10) *cattāri jhānāni* = 4 thiền (11) *catasso appamaññāyo* = 4 vô lượng (12) *pañcendriyāni* = 5 quyền (13) *pañca balāni* = 5 lực (14) *satta bojjhaṅgā* = 7 giác chi (15) *ariyo aṭṭhaṅgiko maggo* = 8 chi Thánh Đạo.

Khi đức Phật thuyết xong phần xiển thuật uẩn trước (*khandhādiuddesa*), ngài thuyết đến xiển thuật nhóm 7 như có xúc (*phassasattakarāsīuddesa*) tiếp như sau:

(16) *phasso* = sở hữu xúc, *vedanā* = sở hữu thọ, *saññā* = sở hữu tưởng, *cetanā* = sở hữu tư, *cittam* = 89 tâm (nói hẹp hay nói rộng là 121 tâm), *adhimokkho* = sở hữu thắng giải, *manasikāro* = sở hữu tác ý.

“*Ayamiti pañcavīsādhikehi padasatehi nakkhittā abbhantaramātikā nāma...*”

Đầu đề mà đức Phật thuyết có 125 câu như đã nói trên gọi là nội đề (*abbhantaramātikā*).

Trình bày phân tích 125 câu trong nội đề

Trong nội đề mà đức Phật thuyết bởi có đoạn Pāli “*pañcakkhandhā dvādasāyatanāni ...*” là trình bày kết luận phân tích chi pháp và uẩn, xứ, giới như sau:

(1) ***Pañcakkhandhā* = 5 uẩn** là sắc uẩn (*rūpakkhandhā*), thọ uẩn (*vedanākkhandhā*), tưởng uẩn (*saññākkhandhā*), hành uẩn (*saṅkhārakkhandhā*), thức uẩn (*viññāṇakkhandhā*).

Trong tất cả 5 uẩn này,

- 28 sắc pháp là sắc uẩn. Yếu hiệp (nhiếp) được 1 sắc uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô (*olārikāyatana*), 1 pháp xứ (*dhammāyatana*); 11 giới là 10 giới thô (*olārikadhātu*), 1 pháp giới (*dhammadhātu*). Bất yếu hiệp 4 danh uẩn (*nāmakhandha*), 1 ý xứ (*manāyatana*), 7 thức giới (*viññāṇadhātu*).
- Sở hữu thọ là thọ uẩn. Yếu hiệp được 1 thọ uẩn; 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Sở hữu tưởng là tưởng uẩn. Yếu hiệp được 1 tưởng uẩn; 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- 50 sở hữu tâm (trừ thọ, tưởng) là hành uẩn. Yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- 89 tâm gọi là thức uẩn. Yếu hiệp được 1 thức uẩn; 1 ý xứ, 7 thức giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới còn lại.

(2) ***Dvādasāyatanāni* = 12 xứ** là nhãn xứ (*cakkhāyatana*), nhĩ xứ (*śotāyatana*), tỷ xứ (*ghāṇāyatana*), thiệt xứ (*jivhāyatana*), thân xứ (*kāyāyatana*), sắc xứ (*rūpāyatana*), thỉnh xứ (*saddāyatana*), khí xứ (*gandhāyatana*), vị xứ (*rasāyatana*), xúc xứ (*phoṭṭhabbāyatana*), ý xứ (*manāyatana*), pháp xứ (*dhammāyatana*).

Trong tất cả 12 xứ này, nhãn thanh triệt gọi là nhãn xứ này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 nhãn xứ, 1 nhãn giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

- Nhĩ thanh triệt gọi là nhĩ xứ này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 nhĩ xứ, 1 nhĩ giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Tỷ thanh triệt gọi là tỷ xứ này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 tỷ xứ, 1 tỷ giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

- Thiết thanh triệt gọi là thiết xứ này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 thiết xứ, 1 thiết giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - Thân thanh triệt gọi là thân xứ này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 thân xứ, 1 thân giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - Cảnh sắc gọi là sắc xứ này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 sắc xứ, 1 sắc giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - Cảnh thanh gọi là thanh xứ này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 thanh xứ, 1 thanh giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - Cảnh khí gọi là khí xứ này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 khí xứ, 1 khí giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - Cảnh vị gọi là vị xứ này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 vị xứ, 1 vị giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - Cảnh xúc gọi là xúc xứ này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 xúc xứ, 1 xúc giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - 89 tâm gọi là ý xứ này. Yếu hiệp được 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới còn lại.
 - 52 sở hữu tâm, 16 sắc tế, nibbāna gọi là pháp xứ này. Trừ ra nibbāna bất yếu hiệp thực tính uẩn yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 1 thức uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- (3) *Aṭṭhārasa dhātuyo* = 18 giới là nhãn giới (*cakkhudhātu*), nhĩ giới (*sotadhātu*), tỷ giới (*ghānadhātu*), thiết giới (*jivhādhātu*), thân giới (*kāyadhātu*), sắc giới (*rūpadhātu*), thanh giới (*saddadhātu*), khí giới (*gandhadhātu*), vị giới (*rasadhātu*), xúc giới (*phoṭṭhabbadhātu*), nhãn thức giới (*cakkhuvīññāṇadhātu*), nhĩ thức giới (*sotaviññāṇadhātu*), tỷ thức giới (*ghānaviññāṇadhātu*), thiết thức giới (*jivhāviññāṇadhātu*), thân thức giới (*kāyaviññāṇadhātu*), ý giới (*manodhātu*), ý thức giới (*manoviññāṇadhātu*) pháp giới (*dhammadhātu*).
- Trong 18 giới này, nhãn thanh triệt gọi là nhãn giới này. Yếu hiệp (nhiếp) được 1 sắc uẩn, 1 nhãn xứ, 1 nhãn giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Nhĩ thanh triệt gọi là nhĩ giới này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 nhĩ xứ, 1 nhĩ giới. Bất yếu hiệp (không nhiếp) 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - Tỷ thanh triệt gọi là tỷ giới này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 tỷ xứ, 1 tỷ giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - Thiết thanh triệt gọi là thiết giới này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 thiết xứ, 1 thiết giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - Thân thanh triệt gọi là thân giới này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 thân xứ, 1 thân giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

- Cảnh sắc gọi là sắc giới này. Yếu hiệp (nhiếp) được 1 sắc uẩn, 1 sắc xứ, 1 sắc giới. Bất yếu hiệp (không nhiếp) 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - Cảnh thanh gọi là thanh giới này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 thanh xứ, 1 thanh giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - Cảnh khí gọi là khí giới này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 khí xứ, 1 khí giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - Cảnh vị gọi là vị giới này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 vị xứ, 1 vị giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - Cảnh xúc gọi là xúc giới này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 xúc xứ, 1 xúc giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - 2 tâm nhãn thức gọi là nhãn thức giới này. Yếu hiệp được 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 1 nhãn thức thức giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - 2 tâm nhĩ thức gọi là nhĩ thức giới này. Yếu hiệp được 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 1 nhĩ thức thức giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - 2 tâm tỷ thức gọi là tỷ thức giới này. Yếu hiệp được 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 1 tỷ thức thức giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - 2 tâm thiệt thức gọi là thiệt thức giới này. Yếu hiệp được 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 1 thiệt thức thức giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - 2 tâm thân thức gọi là thân thức giới này. Yếu hiệp được 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 1 thân thức thức giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - 1 tâm khai ngũ môn (*pañcadvārāvajjanacitta*), 2 tâm tiếp thân (*sampaticchanacitta*) gọi là ý giới này. Yếu hiệp được 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 1 ý thức thức giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - 76 tâm còn lại gọi là ý thức giới này. Yếu hiệp được 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 1 ý thức thức giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - 52 sở hữu tâm, 16 sắc tế, nibbāna gọi là pháp giới này. Trừ ra nibbāna bất yếu hiệp thực tính uẩn yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 1 thức uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- (4) **Cattāri saccāni** = 4 đế là khổ đế (*dukkhasacca*), tập đế (*samudayasacca*), diệt đế (*nirodhasacca*), đạo đế (*maggasacca*).
- Trong 4 đế này, 81 tâm hiệp thế, 51 sở hữu tâm (trừ tham), 28 sắc pháp gọi là khổ đế này. Yếu hiệp được 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới. Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới.
- Sở hữu tham gọi là tập đế này. Yếu hiệp (nhiếp) được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp (không nhiếp) 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
 - Nibbāna gọi là diệt đế này không có yếu hiệp được một uẩn nào, yếu hiệp được 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 5 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

- 8 chi Đạo như chánh kiến ... hợp với 4 tâm Đạo gọi là đạo đế này. Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

(5) **Bāvīsatindriyāni = 22 quyền** là nhãn quyền (*cakkhundriya*), nhĩ quyền (*sotindriya*), tỷ quyền (*ghānindriya*), thiệt quyền (*jivhindriya*), thân quyền (*kāyindriya*), nữ quyền (*itthindriya*), nam quyền (*purisinriya*), mạng quyền (*jīvitindriya*), ý quyền (*manindriya*), lạc quyền (*sukhindriya*), khổ quyền (*dukkhindriya*), hỷ quyền (*somanassindriya*), ưu quyền (*domanassindriya*), xả quyền (*upekkhindriya*), tín quyền (*saddhindriya*), cần quyền (*viriyindriya*), niệm quyền (*satindriya*), định quyền (*saṃādhindriya*), tuệ quyền (*paññindriya*), tri vị tri quyền (*anaññātāññassāmitindriya*), tri dĩ tri quyền (*aññindriya*), tri cụ tri quyền (*aññātāvindriya*).

Trong 22 quyền này,

- Nhãn thanh triệt là nhãn quyền.
- Nhĩ thanh triệt là nhĩ quyền.
- Tỷ thanh triệt là tỷ quyền.
- Thiệt thanh triệt là thiệt quyền.
- Thân thanh triệt là thân quyền.

Yếu hiệp (nhiếp) và bất yếu hiệp (không nhiếp) uẩn, xứ, giới của những quyền này giống nhau với nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ theo tuần tự.

- Sắc nữ tính gọi là nữ quyền này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Sắc nam tính gọi là nam quyền này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Sắc mạng quyền và sở hữu mạng quyền gọi là mạng quyền này. Yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 3 danh uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- 89 tâm gọi là ý quyền này. Yếu hiệp được 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới còn lại.
- Sở hữu thọ hợp với tâm thân thức câu hành lạc gọi là lạc quyền.
- Sở hữu thọ hợp với tâm thân thức câu hành khổ gọi là khổ quyền.
- Sở hữu thọ hợp với 62 tâm câu hành hỷ gọi là hỷ quyền.
- Sở hữu thọ hợp với 2 tâm căn sân gọi là ưu quyền.
- Sở hữu thọ hợp với 55 tâm câu hành xả gọi là xả quyền.

Cả 5 thọ quyền này yếu hiệp được 1 thọ uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

- Sở hữu tín hợp với 59 tâm tịnh hảo gọi là tín quyền này. Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

- Sở hữu cần hợp với 73 tâm gọi là cần quyền này. Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Sở hữu niệm hợp với 59 tâm tịnh hảo gọi là niệm quyền này. Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Sở hữu nhất hành hợp với 72 tâm (trừ 1 tâm tương ưng hoài nghi, 10 tâm ngũ song thức, 3 tâm ý giới, 3 tâm thẩm tấn) gọi là định quyền này. Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Sở hữu trí tuệ hợp với 39 tâm tam nhân hiệp thể hay sở hữu trí tuệ hợp với 47 tâm tam nhân gọi là tuệ quyền.
- Sở hữu trí tuệ hợp với 1 tâm Đạo dự lưu [hay sơ Đạo] gọi là tri vị tri quyền.
- Sở hữu trí tuệ hợp với 3 tâm Đạo cao, 3 tâm Quả thấp gọi là tri dĩ tri quyền.
- Sở hữu trí tuệ hợp với 1 tâm Quả Vô sanh [hay tứ Quả] gọi là tri cụ tri quyền.

Cả 5 quyền này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

- (6) ***Paṭiccasamuppādo*** = **liên quan tương sinh** là 12 chi của liên quan tương sinh. Đó là vô minh (*avijjā*), hành (*saṅkhāra*), thức (*viññāṇa*), danh sắc (*nāmarūpa*), sáu xứ (*saḷāyatana*), xúc (*phassa*), thọ (*vedanā*), ái (*taṇhā*), thủ (*upādāna*), hữu (*bhava*), sanh (*jāti*), lão (*jarā*) tử (*maraṇa*).

Chú ý: sầu (*soka*), khóc (*parideva*), khổ (*dukkha*), ưu (*domanassa*), ai (*upāyāsa*). Cả 5 loại này không cần tính một cách riêng biệt mà tính gom vào già chết. Bởi vì khi nói theo trạng thái thì già, chết với sầu, khóc, khổ, ưu, ai có trạng thái như nhau, tức có trạng thái không tốt đẹp (*anīṭṭhālakkhaṇa*) không đáng mong mỏi, không đáng vui thích. Già, chết với sầu, khóc ... này cũng là quả nhận được từ cùng một nhân là sanh.

Liên quan tương sinh này khi nói theo trường hợp có 18 là vô minh (*avijjā*), hành (*saṅkhāra*), thức (*viññāṇa*), danh sắc (*nāmarūpa*), sáu xứ (*saḷāyatana*), xúc (*phassa*), thọ (*vedanā*), ái (*taṇhā*), thủ (*upādāna*), hữu (*bhava*), sanh (*jāti*), lão (*jarā*), tử (*maraṇa*), sầu (*soka*), khóc (*parideva*), khổ (*dukkha*), ưu (*domanassa*), ai (*upāyāsa*).

Trong tất cả 18 trường hợp của liên quan tương sinh này, sở hữu si (*mohacetāsika*) là pháp che mờ 4 để hợp với 12 tâm bất thiện gọi là vô minh này. Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

- Sở hữu tư hợp với 12 tâm bất thiện, 17 tâm thiện hiệp thể gọi là hành này. Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- 89 tâm gọi là thức này. Yếu hiệp được 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới còn lại.

- 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp gọi là danh sắc này. Yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới.
- 89 tâm, 5 sắc thanh triệt gọi là sáu xứ nội này. Yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 6 xứ nội (*ajjhattikāyatana*); 12 giới là 5 giới thanh triệt, 7 thức giới. Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 6 giới còn lại.
- Sở hữu xúc hợp với 89 tâm gọi là xúc này. Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Sở hữu thọ hợp với 89 tâm gọi là thọ này. Yếu hiệp được 1 thọ uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Sở hữu tham hợp với 8 tâm căn tham gọi là ái này. Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Sở hữu tham hợp với 8 tâm căn tham và sở hữu tà kiến hợp với 4 tâm tham tương ưng tà kiến gọi là thủ này. Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Hữu có 2 loại là nghiệp hữu và sanh hữu. Trong 2 loại hữu này, sở hữu tư hợp với 12 tâm bất thiện, 17 tâm thiện hiệp thể gọi là nghiệp hữu này. Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

Sanh hữu chia làm 9 loại là:

- i. Phân chia hữu theo ái, đó là dục hữu (*kāmaabhava*), sắc hữu (*rūpabhava*), vô sắc hữu (*arūpabhava*).
- ii. Phân chia hữu theo tướng, đó là tướng hữu (*saññībhavo*), vô tướng hữu (*asaññībhavo*), phi tướng phi phi tướng hữu (*nevasaññīnāsaññībhavo*).
- iii. Phân chia hữu theo uẩn, đó là nhất uẩn hữu (*ekavokārabhavo*), tứ uẩn hữu (*caturvokārabhavo*), ngũ uẩn hữu (*pañcavokārabhavo*).

Trong số lượng 9 sanh hữu này, 23 tâm quả dục giới, 33 sở hữu tâm, 20 sắc nghiệp gọi là dục hữu này. Yếu hiệp được 5 uẩn, 11 xứ (trừ thỉnh xứ), 17 giới (trừ thỉnh giới). Không có uẩn bất yếu hiệp, bất yếu hiệp 1 thỉnh xứ, 1 thỉnh giới.

- 5 tâm quả sắc giới, 2 nhãn thức, 2 nhĩ thức, 2 tiếp thân, 3 thẩm tấn, 35 sở hữu tâm, 15 sắc nghiệp (trừ 2 sắc tính, tỷ, thiết, thân) gọi là sắc hữu này. Yếu hiệp được 5 uẩn; 5 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, sắc xứ, ý xứ, pháp xứ; 8 giới là nhãn giới, nhĩ giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ thức giới, ý giới, ý thức giới, pháp giới. Không có uẩn bất yếu hiệp, bất yếu hiệp 7 xứ, 10 giới còn lại.
- 4 tâm quả vô sắc, 30 sở hữu tâm gọi là vô sắc hữu này. Yếu hiệp được 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 2 giới là ý thức giới và pháp giới. Bất yếu hiệp 1 sắc uẩn, 10 xứ, 16 giới còn lại.

- 31 tâm quả hiệp thể (trừ tâm quả phi tướng phi phi tướng xứ), 35 sở hữu tâm, 20 sắc nghiệp gọi là tướng hữu này. Yếu hiệp được 5 uẩn, 11 xứ (trừ tinh xứ), 17 giới (trừ tinh giới). Không có uẩn bất yếu hiệp, bất yếu hiệp 1 tinh xứ, 1 tinh giới.
- Bộn sắc mạng quyền 9 pháp gọi là vô tướng hữu này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 2 xứ là sắc xứ, pháp xứ; 2 giới là sắc giới, pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới còn lại.
- 1 tâm quả phi tướng phi phi tướng xứ, 30 sở hữu hợp gọi là phi tướng phi phi tướng hữu này. Yếu hiệp được 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 2 giới là ý thức giới và pháp giới. Bất yếu hiệp 1 sắc uẩn, 10 xứ, 16 giới còn lại.
- Bộn sắc mạng quyền 9 pháp gọi là nhất uẩn hữu này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 2 xứ là sắc xứ, pháp xứ; 2 giới là sắc giới, pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới còn lại.
- 4 tâm quả vô sắc, 30 sở hữu gọi là tứ uẩn hữu này. Yếu hiệp được 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 2 giới là ý thức giới và pháp giới. Bất yếu hiệp 1 sắc uẩn, 10 xứ, 16 giới còn lại.
- 23 tâm quả dục giới, 5 tâm quả sắc giới, 35 sở hữu tâm, 20 sắc nghiệp gọi là ngũ uẩn hữu này. Yếu hiệp được 5 uẩn, 11 xứ (trừ tinh xứ), 17 giới (trừ tinh giới). Không có uẩn bất yếu hiệp, bất yếu hiệp 1 tinh xứ, 1 tinh giới.
- Sanh có 2 loại là sắc sanh (*rūpajāti*), danh sanh (*nāmajāti*). Trong 2 loại sanh này, cái đang sanh là sát na sanh của 18 sắc thành tựu gọi là sắc sanh; cái đang sanh là sát na sanh của 4 danh uẩn gọi là danh sanh. Cả 2 loại sanh này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 16 giới còn lại.
- Lão có 2 loại là sắc lão (*rūpajarā*), danh lão (*nāmajarā*). Trong 2 loại già này, cái đang già là sát na trụ của 18 sắc thành tựu gọi là sắc lão; cái đang già là sát na trụ của 4 danh uẩn gọi là danh lão. Cả 2 loại lão này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 16 giới còn lại.
- Tử có 2 loại là sắc tử (*rūpamarāṇa*) và danh tử (*nāmamamarāṇa*). Trong 2 loại tử này, pháp đang tử ở (tiểu) sát na diệt của 18 sắc thành tựu gọi là sắc tử; cái đang tử ở (tiểu) sát na diệt của 4 danh uẩn gọi là danh tử. Cả 2 loại tử này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 16 giới còn lại.
- Sở hữu thọ ưu hợp với 2 tâm căn sân gọi là sầu (*soka*) này. Yếu hiệp được 1 thọ uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Âm thanh điên đảo sanh từ tâm (*cittajavipallāsasadda*) sinh khởi mà có sự khóc lóc vì có bất cứ một trong 5 sự suy vong (*byasana*) làm nguyên nhân gọi là khóc này. Yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 tinh xứ, 1 tinh giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

- Sở hữu thọ hợp với tâm thân thức câu hành khổ gọi là khổ (*dukkha*), sở hữu thọ hợp với 2 tâm căn sân gọi là ưu (*domanassa*) này. Yếu hiệp được 1 thọ uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Sở hữu sân sinh khởi bởi mãnh lực sự dày vò phần uất mà sanh từ sự đau buồn, khóc than lúc gặp những sự suy vong gọi là ai (*upāyāsa*) này. Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

Trình bày nguyên nhân cảnh sắc của phạm thiên sắc giới là sắc xứ và sắc giới được, nhưng cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc của phạm thiên sắc giới lại không là khí xứ, vị xứ, xúc xứ, khí giới, vị giới, xúc giới được. Có chánh văn Pāli trong chú giải bộ Nguyên chất ngữ như vậy:

Ekatalavāsikānāñhi sesabrahmānaṃ cakkhusabbhavato tassārammaṇattā tattha rūpāyatanam uddhaṭam

Đức Phật lấy cảnh sắc trong cõi sắc giới trình bày là sắc xứ vì cảnh sắc, tức hình tướng màu sắc của những phạm thiên này chắc hẳn là cảnh cho nhãn thanh triệt của những phạm thiên khác ở cùng một cõi (còn cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc mà đang sanh ở những cõi phạm thiên này là cảnh của những phạm thiên khác không được vì tất cả những phạm thiên ấy không có tỷ thanh triệt, thiết thanh triệt và thân thanh triệt. Vì có ấy nên cảnh khí, cảnh vị và cảnh xúc không là khí xứ, khí giới, vị xứ, vị giới, xúc xứ, xúc giới được. Chỉ là sắc pháp thông thường nên xếp vào pháp xứ và pháp giới).

Trình bày nguyên nhân danh sanh, danh lão, danh tử chỉ yếu hiệp được hành uẩn. Có đoạn Pāli trong *mūlaṭīkā* như vậy: *Vedīyanasañjānanavijānanehi ekantaparamatthakiccehi agayhamānāni saṅkhatābhisāṅkhāraṇena anekantaparamatthakiccena gayhantīti saṅkhārakkhandhadhammasabhāgāni.*

Danh sanh, danh lão, tử. Cả 3 loại này có thực tính là hành uẩn vì sanh lão tử của 4 danh uẩn này không được xem là sự hưởng cảnh, sự nhớ trạng cảnh, sự biết cảnh; tức phận sự của pháp siêu lý như thật. Mà chỉ có thể xem làm phận sự không phải thật của pháp siêu lý, tức sự đào tạo pháp hành mà thôi.

Trình bày nguyên nhân sanh, lão, tử của 4 danh uẩn và sắc thành tựu là pháp xứ, pháp giới. Có đoạn Pāli trong *mūlaṭīkā* như vậy: *Tathā duvidhānīpi tāni cakkhāyatanādīhi ekantaparamatthakiccehi agayhamānāni nissattaṭṭhena dhammāyatanadhammadhātu dhammehi sabhāgāni.*

Sanh lão tử được xếp vào trường hợp của sắc và danh không được xem là phận sự như thật của pháp siêu lý như nhãn xứ Nhưng cả 3 pháp này có thực tính với ý nghĩa là không phải chúng sanh như nhau. Do đó cũng chỉ có thực tính là pháp xứ, pháp giới.

Liên quan tương sinh mà đức Phật thuyết trong bộ Nguyên chất ngữ này trình bày theo cách nào?

Đáp: Liên quan tương sinh trong bộ nguyên chất ngũ này trình bày theo cách của Vô tỷ pháp (*abhidhammabhājanīyanaya*). Do đó cũng không phân chia được bởi nhân quá khứ - quả hiện tại, nhân hiện tại - quả vị lai. Cách chia quá khứ - hiện tại - vị lai ấy là cách trình bày theo kinh (*suttantabhājanīyanaya*).

(7) *Cattāro satipaṭṭhānā* = 4 niệm xứ này nói theo phận sự có 4 là:

- i. Thân quán niệm xứ (*kāyānupassanāsatiṭṭhāna*)
- ii. Thọ quán niệm xứ (*vedanānupassanāsatiṭṭhāna*)
- iii. Tâm quán niệm xứ (*cittānupassanāsatiṭṭhāna*)
- iv. Pháp quán niệm xứ (*dhammānupassanāsatiṭṭhāna*)

Sở hữu niệm (*sati*) hợp với 8 tâm siêu thế gọi là niệm xứ này. Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

(8) *Cattāro sammappadhānā* = 4 chánh cần này nói theo phận sự có 4 là:

- i. Nỗ lực, tinh tấn để trừ bất thiện pháp đã sanh (*appannānaṃ pāpakānaṃ pahānāya vāyāmo*)
- ii. Nỗ lực, tinh tấn để không cho pháp bất thiện chưa sanh không sanh (*anuppannānaṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāmo*)
- iii. Nỗ lực, tinh tấn để cho pháp thiện chưa sanh được sanh (*anuppannānaṃ kusalānaṃ uppādāya vāyāmo*)
- iv. Nỗ lực, tinh tấn để cho pháp thiện đã sanh được tiến hóa (*uppannānaṃ kusalānaṃ bhiyyo bhāvāya vāyāmo*)

Sở hữu cần hợp với 4 tâm Đạo gọi là chánh cần này. Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

(9) *Cattāro iddhipādā* = 4 như ý túc là dục như ý túc (*chandiddhipādā*), cần như ý túc (*viriyiddhipādā*), tâm như ý túc (*cittiddhipādā*), thẩm như ý túc (*vimāṇsiddhipādā*).

Sở hữu dục hợp với 4 tâm Đạo gọi là dục như ý túc, sở hữu cần hợp với 4 tâm Đạo gọi là cần như ý túc, 4 tâm Đạo gọi là tâm như ý túc, sở hữu trí tuệ hợp với 4 tâm Đạo gọi là thẩm như ý túc. Tứ như ý túc này yếu hiệp được 2 uẩn là hành uẩn và thức uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 2 giới là ý thức giới và pháp giới. Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 16 giới còn lại.

(10) *Cattāri jhānāni* = 4 thiền là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Trong 4 loại thiền này, 5 chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc, định gọi là sơ thiền; 3 chi thiền là hỷ, lạc, định gọi là nhị thiền; 2 chi thiền là lạc, định gọi là tam thiền; 2 chi thiền là định, xả gọi là tứ thiền. Cả 4 thiền này yếu hiệp được 2 uẩn là thọ uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 3 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

(11) *Catasso appamaññāyo* = 4 vô lượng là từ (*mettā*), bi (*karuṇā*), hỷ (*muditā*), xả (*upekkhā*). Trong cả 4 vô lượng này, sở hữu vô sân, sở hữu bi, sở hữu tùy hỷ hợp

với sơ thiền sắc giới, nhị thiền sắc giới, tam thiền sắc giới, tứ thiền sắc giới gọi là từ, bi, hỷ theo tuần tự; sở hữu trung bình hợp với ngũ thiền sắc giới gọi là xả. 4 vô lượng này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

(12) *Pañcindriyāni* = 5 quyền là tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền. Sở hữu tín, sở hữu cần, sở hữu niệm, sở hữu nhất hành, sở hữu trí tuệ hợp với 8 tâm siêu thế gọi là tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền theo tuần tự. Cả 5 quyền này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

(13) *Pañca balāni* = 5 lực là tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Sở hữu tín, sở hữu cần, sở hữu niệm, sở hữu nhất hành, sở hữu trí tuệ hợp với 8 tâm siêu thế gọi là tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực theo tuần tự. Cả 5 lực này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

(14) *Satta bojjhaṅgā* = 7 giác chi là niệm giác chi (*satisambojjhaṅga*), trạch pháp giác chi (*dhammavicayasambojjhaṅga*), cần giác chi (*viriyasambojjhaṅga*), hỷ giác chi (*pītisambojjhaṅga*), an giác chi (*passaddhisambojjhaṅga*), định giác chi (*samādhisambojjhaṅga*), xả giác chi (*upekkhāsambojjhaṅga*).

Sở hữu niệm, sở hữu trí tuệ, sở hữu cần, sở hữu hỷ, sở hữu tịnh thân - tịnh tâm, sở hữu nhất hành, sở hữu trung bình hợp với 8 tâm siêu thế gọi là niệm giác chi (*satisambojjhaṅga*), trạch pháp giác chi (*dhammavicayasambojjhaṅga*), cần giác chi (*viriyasambojjhaṅga*), hỷ giác chi (*pītisambojjhaṅga*), an giác chi (*passaddhisambojjhaṅga*), định giác chi (*samādhisambojjhaṅga*), xả giác chi (*upekkhāsambojjhaṅga*) theo tuần tự. 7 niệm xứ này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

(15) *Ariyo aṭṭhaṅgiko maggo* = 8 chi Đạo là chánh kiến (*sammādiṭṭhi*), chánh tư duy (*sammasāṅkappa*), chánh ngữ (*sammāvācā*), chánh nghiệp (*sammākammanta*), chánh mạng (*sammā ājīva*), chánh tin tấn (*sammāvāyāma*), chánh niệm (*sammāsati*), chánh định (*sammāsamādhi*).

Trong cả 8 chi Thánh Đạo này, sở hữu trí tuệ, sở hữu tâm, sở hữu chánh ngữ, sở hữu chánh nghiệp, sở hữu chánh mạng, sở hữu cần, sở hữu niệm, sở hữu nhất hành hợp với 8 tâm siêu thế gọi là chánh kiến (*sammādiṭṭhi*), chánh tư duy (*sammasāṅkappa*), chánh ngữ (*sammāvācā*), chánh nghiệp (*sammākammanta*), chánh mạng (*sammā ājīva*), chánh tin tấn (*sammāvāyāma*), chánh niệm (*sammāsati*), chánh định (*sammāsamādhi*) theo tuần tự. 8 chi Thánh Đạo này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

Dứt phần Khandhādi uddesa

Xiển thuật nhóm 7 loại như xúc ... (*Phassasattakarāsī*)

Trong chánh tạng Pāli trình bày rằng ‘*Phasso vedanā saññā cetanā cittaṃ adhimokkho manasikāro*’ ấy,

- Sở hữu xúc hợp với 89 tâm, gọi là xúc (*phasso*) này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Sở hữu thọ hợp với 89 tâm, gọi là thọ (*vedanā*) này yếu hiệp được 1 thọ uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Sở hữu tưởng hợp với 89 tâm, gọi là tưởng (*saññā*) này yếu hiệp được 1 tưởng uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Sở hữu tư hợp với 89 tâm, gọi là tư (*cetanā*) này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- 89 tâm gọi là *cittaṃ* này yếu hiệp được 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới còn lại.
- Sở hữu thắng giải hợp với 78 tâm (trừ 10 tâm ngũ song thức, 1 tâm tương ưng hoài nghi), gọi là thắng giải (*adhimokkho*) này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.
- Sở hữu tác ý hợp với 89 tâm, gọi là tác ý (*manasikāro*) này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới. Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

Dứt phần phassasattakarāsī

Và dứt phần đầu đề nội

3/ *Nayamukhamātikā* (Đầu đề về nguyên tắc của cách thức), khi đức Phật đã thuyết xong phần đầu đề nội, thì ngài thuyết đến đầu đề về nguyên tắc. Trong đầu đề về nguyên tắc, đức Phật đặt ra 4 câu là:

- i. *Tīhi saṅgaho*: Là phương pháp trình bày sự yếu hiệp được uẩn, xứ, giới.
- ii. *Tīhi asaṅgaho*: Là phương pháp trình bày sự bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới.
- iii. *Catūhi Sampayogo*: Là phương pháp trình bày đến thực tính pháp phối hợp với 4 danh uẩn.
- iv. *Catūhi Vippayogo*: Là phương pháp trình bày đến thực tính pháp không phối hợp với 4 danh uẩn

Dứt phần đầu đề về nguyên tắc của cách thức

4/ *Lakkhaṇamātikā* (Đầu đề về đặc tính), khi đức Phật đã thuyết xong phần đầu đề về phương pháp, ngài thuyết tiếp đến đầu đề về đặc tính. Trong phần đầu đề về đặc tính này, đức Phật đặt ra 2 câu là:

- i. *Sabhāgo*: Là cách trình bày đến thực tính pháp hợp với nhau được theo phần chánh phối hợp, yếu hiệp.
- ii. *Visabhāgo*: Là cách trình bày đến thực tính pháp không hợp nhau được theo phần chánh phối hợp, yếu hiệp.

Dứt phần đầu đề về đặc tính

5/ *Bāhiramātikā* (Ngoại đề), khi đức Phật đã thuyết xong phần đầu đề về đặc tính, ngài cũng thuyết đến phần ngoại đề. Trong phần ngoại đề này, đức Phật thuyết 266 câu như 66 câu tam đề, 200 câu nhị đề. Như có Phật ngôn: *Sabbāpi dhammasaṅgaṇī dhātukathāya mātikā*.

Đầu đề được đức Phật thuyết lại trong bộ Pháp tụ, tất cả đó cũng là đầu đề của bộ Nguyên chất ngữ.

*Dứt phần ngoại đề
Và dứt phần Xiển thuật*

XIÊN MINH (NIDDESA)

Kệ ngôn trình bày số lượng câu được đức Phật thuyết trong 14 cách theo tuần tự:

<i>Dumhi ragghā naḷā tamhi</i>	<i>Camhi dhūtā samārā pe</i>
<i>Devarā cha nimakkhā vā</i>	<i>Saggā samhi virāgāṭṭha</i>
<i>Navāriyā dasāsīsu</i>	<i>Kamā cha ca navesvīva</i>
<i>Te naggiyā bhakkhilā o</i>	<i>Samūhā pana kosalā</i>

Số lượng câu được đức Phật thuyết lại trong 14 cách như sau: Trong cách thứ hai (*dumhi*) có 42 câu (*ragghā*); trong cách thứ ba (*tamhi*) có 90 câu (*naḷā*); trong cách thứ tư (*camhi*) có 69 câu (*dhūtā*); trong cách thứ năm (*pe*) có 257 câu (*samārā*); trong cách thứ 6 (*cha*) tính theo chú giải có 248 câu (*devarā*), nếu tính theo số giải có 250 câu (*nimakkhā*); trong cách thứ bảy (*samhi*) có 37 câu (*saggā*); trong cách thứ tám (*aṭṭha*) có 324 câu (*virāgā*); trong cách thứ 9 (*nava*) có 120 câu (*ariyā*).

Trong cả 3 cách là cách thứ mười, cách thứ mười một, cách thứ mười hai (*dvādīsū*) bằng với cách thứ sáu, cách thứ tư, cách thứ chín theo tuần tự (*kamā cha ca navesvīva*); trong cách thứ mười ba (*te*) có 130 câu (*naggiyā*); trong cách thứ mười bốn là cách cuối cùng (*o*) có 324 câu (*bhakkhilā*). Còn câu trình bày trong cách thứ nhất (*samūhā pana*) có 371 câu (*kosalā*).

Kệ ngôn trình bày Piṭakasaṅkhayā

<i>Kādī tādī yakārādī</i>	<i>navasaṅkhayā pakāsitā</i>
<i>Pañcasāṅkhayā pakārādī</i>	<i>suññānāma sara. ña. nā.</i>

Mẫu tự được chư hiền trí trình bày đếm số lượng 1 - 9 ấy là:

Từ mẫu tự k – jh, gom 9 mẫu tự thành một nhóm

Từ mẫu tự ṭ – dh, gom 9 mẫu tự thành một nhóm

Từ mẫu tự y – ḷ, gom 9 mẫu tự thành một nhóm

Mẫu tự được chư hiền trí trình bày đếm số lượng 1 - 5 ấy là:

Từ mẫu tự p – m, gom 5 mẫu tự thành một nhóm

Mẫu tự được chư hiền trí trình bày đếm là 0 ấy, tức là: 8 nguyên âm và ñ. n. tổng cộng 10 mẫu tự.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	0
k	kh	g	gh	ṇ	c	ch	j	jh	a ā
ṭ	ṭh	ḍ	ḍh	ṇ	t	th	d	dh	i ī
y	r	l	v	ṣ	ṣ	s	h	ḷ	u ū
p	ph	b	bh	m					e o ñ n

Cách thứ nhất (*samūhā pana*) có 371 câu (*kosalā*)

Cách thứ hai (*dumhi*) có 42 câu (*ragghā*)

Cách thứ ba (*tamhi*) có 90 câu (*naḷā*)

Cách thứ tư (*camhi*) có 69 câu (*dhūtā*)

Cách thứ năm (*pe*) có 257 câu (*samārā*)

Cách thứ 6 (*cha*)

- Tính theo chú giải có 248 câu (*devarā*)
- Tính theo số giải có 250 câu (*nimakkhā*)

Cách thứ bảy (*samhi*) có 37 câu (*saggā*)

Cách thứ tám (*aṭṭha*) có 324 câu (*virāgā*)

Cách thứ chín (*nava*) có 120 câu (*ariyā*)

Cách thứ mười (*dasādīsu*)

- Tính theo chú giải có 248 câu (*devarā*)
- Tính theo số giải có 250 câu (*nimakkhā*)

Cách thứ mười một (*ca*) có 69 câu (*dhūtā*)

Cách thứ mười hai (*navesvīva*) có 120 câu (*ariyā*)

Cách thứ mười ba (*te*) có 130 câu (*naggiyā*)

Cách thứ mười bốn (*o*) có 324 câu (*bhakkhīlā*)

Khi đức Phật đã trình bày xong phần xiển thuật, thì đức Phật thuyết tiếp phần xiển minh.

Phần xiển minh này có 14 cách là:

1. *Paṭhamanayaniddesa* (xiển minh cách thứ 1)
2. *Dutīyanayaniddesa* (xiển minh cách thứ 2)
3. *Tatīyanayaniddesa* (xiển minh cách thứ 3)
4. *Catutthanayaniddesa* (xiển minh cách thứ 4)
5. *Pañcamanayaniddesa* (xiển minh cách thứ 5)
6. *Chatṭhamanaya niddesa* (xiển minh cách thứ 6)
7. *Sattamanayaniddesa* (xiển minh cách thứ 7)
8. *Aṭṭhamanaya niddesa* (xiển minh cách thứ 8)
9. *Navamanayaniddesa* (xiển minh cách thứ 9)
10. *Dassamanayaniddesa* (xiển minh cách thứ 10)
11. *Ekādasamanayaniddesa* (xiển minh cách thứ 11)
12. *Dvādasamanayaniddesa* (xiển minh cách thứ 12)
13. *Terasamanayaniddesa* (xiển minh cách thứ 13)
14. *Cuddasamanayaniddesa* (xiển minh cách thứ 14)

Trong tất cả 12 phần xiển minh này, đức Phật thuyết xiển minh cách thứ 1 trước, rồi thuyết đến xiển minh cách thứ 2 theo tuần tự.

I. XIỂN MINH CÂU YẾU HIỆP BÁT YẾU HIỆP CÁCH THỨ NHẤT (PAṬHAMANAYASAṄGAHITĀSAṄGAHITAPADANIDDESO)

Kệ ngôn trình bày câu được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ nhất.

Khandhādi indriyantāni ekasaṭṭhīti vuccare

Aṭṭhavāsa samuppāde soḷaseva tato pare

Bāhirato tikaduke pakkhipitvāna kosalā

Nên tính số lượng được trình bày trong xiển minh cách thứ nhất có 371 câu như sau:

- Từ 5 uẩn ... cho đến 22 quyền có 61 câu.
- Trong liên quan tương sinh có 28 câu.
- Pháp liên sau liên quan tương sinh có 16 câu.

Khi lấy 66 câu tam đề và 200 câu nhị đề từ phần ngoại đề gom vào phần nội đề có số lượng 371 câu.

Xiển minh cách thứ nhất có 2 phần là:

- Xiển minh phần nội đề.
- Xiển minh phần ngoại đề.

Đức Phật thuyết phần xiển minh nội đề trước, rồi thuyết phần xiển minh ngoại đề sau theo tuần tự.

Xiển minh phần nội đề lại có 2 phần là:

- Xiển minh phần uẩn trước (*khandhādiniddesa*).
- Xiển minh phần nhóm 7 như xúc ... (*phassasattakarāsīniddesa*).

Đức Phật thuyết phần xiển minh khối nhóm trước rồi thuyết phần nhóm 7 sau theo tuần tự.

Xiển minh phần uẩn trước có 15 là:

(1) *Khandhaniddesa* = xiển minh uẩn, (2) *Āyatananiddesa* = xiển minh xứ, (3) *Dhātuniddesa* = xiển minh giới, (4) *Saccaniddesa* = xiển minh đế, (5) *Indriyaniddesa* = xiển minh quyền, (6) *Paṭiccasamuppādaniddesa* = xiển minh liên quan tương sinh, (7) *Satipaṭṭhānaniddesa* = xiển minh niệm xứ, (8) *Sammappadhānaniddesa* = xiển minh chánh cần, (9) *Iddhipādaniddesa* = xiển minh như ý túc, (10) *Jhānaniddesa* = xiển minh thiền, (11) *Appamaññaniddesa* = xiển minh vô lượng, (12) *Pañcīndriyaniddesa* = xiển minh 5 quyền, (13) *Balaniddesa* = xiển minh 5 lực, (14) *Bojjhaṅganiddesa* = xiển minh giác chi, (15) *Magganiddesa* = xiển minh Đạo.

Trong 15 phần xiển minh này, đức Phật thuyết xiển minh uẩn trước rồi thuyết đến xiển minh xứ ... tiếp theo tuần tự. Phần xiển minh uẩn chia làm 2 là:

- Riêng lẻ (*Bheda*); - Chung nhất (*Abheda*)

Đức Phật thuyết Riêng lẻ trước rồi thuyết chung nhất sau.

Phần Riêng lẻ lại có 2 phần nữa là:

- Thuần (*suddha*); - Một gốc (*ekamūlādi*)

Đức Phật thuyết phần Thuần riêng lẻ trước (*bhedasuddha*) rồi mới thuyết tiếp phần một gốc sau. Phần Thuần riêng lẻ có 5 là:

1. Thuần sắc uẩn (*Rupakkhandhasuddha*)
2. Thuần thọ uẩn (*Vedanākkhandhasuddha*)
3. Thuần tưởng uẩn (*Saññākkhandhasuddha*)
4. Thuần hành uẩn (*saṅkhārakkhandhasuddha*)
5. Thuần thức uẩn (*viññāṇakkhandhasuddha*)

Đức Phật thuyết phần thuần sắc uẩn trước rồi mới thuyết đến phần thuần thọ uẩn sau theo tuần tự. Thuần sắc uẩn chia thành 2 phần là:

- Yếu hiệp (*saṅgahita*); - Bất yếu hiệp (*asaṅgahita*)

Đức Phật thuyết phần yếu hiệp trước rồi thuyết phần bất yếu hiệp sau theo tuần tự. Yếu hiệp lại có 2 phần là vấn và đáp. Đức Phật vấn trước đáp sau.

Vấn có 3 loại là:

- Vấn về uẩn, - Vấn về xứ, - Vấn về giới

Đức Phật vấn về uẩn trước, rồi đến xứ và giới sau theo tuần tự. Đáp cũng có 3 loại giống như vấn là:

- Đáp về uẩn, - Đáp về xứ, - Đáp về giới

Đức Phật thuyết đáp về uẩn trước rồi đến xứ và giới sau theo tuần tự như vậy.

Trình bày uẩn - xứ - giới theo Pāli

Số thứ tự	Uẩn (<i>Khandha</i>)	Xứ (<i>Āyatana</i>)	Giới (<i>Dhātu</i>)
1	<i>Ekena khandhena</i> 1 uẩn	<i>Ekenāyatana</i> 1 xứ	<i>Ekāya dhātuyā</i> 1 giới
2	<i>Dvīhi khandhehi</i> 2 uẩn	<i>Dvīhāyatanehi</i> 2 xứ	<i>Dvīhi dhātūhi</i> 2 giới
3	<i>Tīhi khandhehi</i> 3 uẩn	<i>Tīhāyatanehi</i> 3 xứ	<i>Tīhi dhātūhi</i> 3 giới
4	<i>Catūhi khandhehi</i> 4 uẩn	<i>Catūhāyatanehi</i> 4 xứ	<i>Catūhi dhātūhi</i> 4 giới
5	<i>Pañcahi khandhehi</i> 5 uẩn	<i>Pañcahāyatanehi</i> 5 xứ	<i>Pañcahi dhātūhi</i> 5 giới
6		<i>Chahāyatanehi</i> 6 xứ	<i>Chahi dhātūhi</i> 6 giới
7		<i>Sattahāyatanehi</i> 6 xứ	<i>Sattahi dhātūhi</i> 7 giới
8		<i>Aṭṭhahāyatanehi</i> 8 xứ	<i>Aṭṭhahi dhātūhi</i> 8 giới
9		<i>Navahāyatanehi</i> 9 xứ	<i>Navahi dhātūhi</i> 9 giới
10		<i>Dasahāyatanehi</i> 10 xứ	<i>Dasahi dhātūhi</i> 10 giới
11		<i>Ekādasahāyatanehi</i> 11 xứ	<i>Ekādasahi dhātūhi</i> 11 giới
12		<i>Dvādasahāyatanehi</i>	<i>Dvādasahi dhātūhi</i>

		12 xứ	12 giới
13			<i>Terasahi dhātūhi</i> 13 giới
14			<i>Cuddasahi dhātūhi</i> 14 giới
15			<i>Paṇṇarasahi dhātūhi</i> 15 giới
16			<i>Soḷasahi dhātūhi</i> 16 giới
17			<i>Sattarasahi dhātūhi</i> 17 giới
18			<i>Aṭṭhārasahi dhātūhi</i> 18 giới
X	<i>Na kehici khandhehi</i> 0 uẩn	<i>Na kehici āyatanehi</i> 0 xứ	<i>Na kāhici dhātūhi</i> 0 giới
*	<i>Asaṅkhatam khandhato thapetvā</i> = trừ ra nibbāna bất yếu hiệp thực tính uẩn		

Thuần Riêng lẻ		Xiển minh uẩn					
		Yếu hiệp			Bất yếu hiệp		
		Uẩn	Xứ	Giới	Uẩn	Xứ	Giới
Sắc uẩn	1	1	11	11	4	1	7
Thọ uẩn	2	1	1	1	4	11	17
Tưởng uẩn	3	1	1	1	4	11	17
Hành uẩn	4	1	1	1	4	11	17
Thức uẩn	5	1	1	7	4	11	11

				Xiển minh uẩn											
				Một gốc riêng lẻ											
Nguồn Gốc				2		3		4		5					
				Yếu hiệp			Bất yếu hiệp			Yếu hiệp			Bất yếu hiệp		
				U	X	G	U	X	G	U	X	G	U	X	G
Một gốc (<i>ekamūla</i>)			1	2	11	11	3	1	7	2	12	18	3	x	x
			2	2	1	1	3	11	17	2	2	8	3	10	10
			3	2	1	1	3	1	17	2	2	8	3	10	10
			4							2	2	8	3	10	10
2 gốc		2	1	3	11	11	2	1	7	3	12	18	2	x	x
3 gốc	3	2	1	4	11	11	1	1	7	4	12	18	1	x	x
4 gốc	4	3	2	1						5	12	18	x	x	x

1/ XIÊN MINH UẨN (*KHANDHANIDDESA*)
 THUẦN RIÊNG LẺ (*BHEDASUDDHA*)

Yếu hiệp - Bất yếu hiệp

1. Thuần sắc uẩn (*Rupakkhandhasuddha*)

Pucchā:

Rūpakkkhandho katihi khandhehi saṅgahito?

Sắc uẩn hay 28 sắc pháp có trạng thái biến hoại đổi thay, yếu hiệp được bao nhiêu uẩn?

Rūpakkkhandho katiḥāyatanehi saṅgahito?

Sắc uẩn hay 28 sắc pháp có trạng thái biến hoại đổi thay, yếu hiệp được bao nhiêu xứ?

Rūpakkkhandho katihi dhātūhi saṅgahito?

Sắc uẩn hay 28 sắc pháp có trạng thái biến hoại đổi thay, yếu hiệp được bao nhiêu giới?

Visajjanā:

Rūpakkkhandho ekena khandhena saṅgahito.

Sắc uẩn hay 28 sắc pháp có trạng thái biến hoại đổi thay, yếu hiệp được 1 sắc uẩn.

Rūpakkkhandho ekādasahāyatanehi saṅgahito.

Sắc uẩn hay 28 sắc pháp có trạng thái biến hoại đổi thay, yếu hiệp được 11 xứ là 10 xứ thô (*oḷārikāyatana*), 1 pháp xứ (*dhammāyatana*).

Rūpakkkhandho ekādasahi dhātūhi saṅgahito.

Sắc uẩn hay 28 sắc pháp có trạng thái biến hoại đổi thay, yếu hiệp được 11 giới là 10 giới thô (*oḷārikadhātu*), 1 pháp giới (*dhammadhātu*).

Pucchā:

Rūpakkkhandho katihi khandhehi asaṅgahito?

Sắc uẩn hay 28 sắc pháp có trạng thái biến hoại đổi thay, bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn?

Rūpakkkhandho katiḥāyatanehi asaṅgahito?

Sắc uẩn hay 28 sắc pháp có trạng thái biến hoại đổi thay, bất yếu hiệp bao nhiêu xứ?

Rūpakkkhandho katihi dhātūhi asaṅgahito?

Sắc uẩn hay 28 sắc pháp có trạng thái biến hoại đổi thay, bất yếu hiệp bao nhiêu giới?

Visajjanā:

Rūpakkkhandho catūhi khandhehi asaṅgahito.

Sắc uẩn hay 28 sắc pháp có trạng thái biến hoại đổi thay, bất yếu hiệp 4 danh uẩn.

Rūpakkkhandho ekenāyatanena asaṅgahito.

Sắc uẩn hay 28 sắc pháp có trạng thái biến hoại đổi thay, bất yếu hiệp 1 ý xứ.

Rūpakkkhandho sattahi dhātūhi asaṅgahito.

Sắc uẩn hay 28 sắc pháp có trạng thái biến hoại đổi thay, bất yếu hiệp 7 thức giới.

2. Thuần thọ uẩn (*Vedanākkhandhasuddha*)

Pucchā: *Vedanākkhandho katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*
Thọ uẩn hay sở hữu thọ có trạng thái hưởng cảnh này yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Vedanākkhandho ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahito.*

Thọ uẩn hay sở hữu thọ có trạng thái hưởng cảnh này yếu hiệp được 1 thọ uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Vedanākkhandho katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahito?*
Thọ uẩn hay sở hữu thọ có trạng thái hưởng cảnh này bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Vedanākkhandho catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahito.*

Thọ uẩn hay sở hữu thọ có trạng thái hưởng cảnh này bất yếu hiệp 4 uẩn là sắc uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

3. Thuần tướng uẩn (*Saññākkhandhasuddha*)

Pucchā: *Saññākkhandho katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*
Tướng uẩn hay sở hữu tướng có trạng thái nhớ cảnh này yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Saññākkhandho ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahito.*

Tướng uẩn hay sở hữu tướng có trạng thái nhớ cảnh này yếu hiệp được 1 tướng uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Saññākkhandho katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahito?*
Tướng uẩn hay sở hữu tướng có trạng thái nhớ cảnh này bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Saññākkhandho catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahito.*

Tướng uẩn hay sở hữu tướng có trạng thái nhớ cảnh này bất yếu hiệp 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

4. Thuần hành uẩn (*Saṅkhārakkhandhasuddha*)

Pucchā: *Saṅkhārakkhandho katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*
Hành uẩn hay 50 sở hữu có trạng thái đào tạo [hay tạo tác] này yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Saṅkhārakkhandho ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahito.

Hành uẩn hay 50 sở hữu có trạng thái đào tạo [hay tạo tác] này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: Saṅkhārakkhandho katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahito?

Hành uẩn hay 50 sở hữu có trạng thái đào tạo [hay tạo tác] này bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Saṅkhārakkhandho catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahito.

Hành uẩn hay 50 sở hữu có trạng thái đào tạo [hay tạo tác] này bất yếu hiệp 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

5. Thuần thức uẩn (*Viññāṇakkhandhasuddha*)

Pucchā: Viññāṇakkhandho katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?
Thức uẩn hay 89 tâm có trạng thái biết cảnh này yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Viññāṇakkhandho ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi saṅgahito.

Thức uẩn hay 89 tâm có trạng thái biết cảnh này yếu hiệp được 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới.

Pucchā: Viññāṇakkhandho katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahito?

Thức uẩn hay 89 tâm có trạng thái biết cảnh này bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Viññāṇakkhandho catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi asaṅgahito.

Thức uẩn hay 89 tâm có trạng thái biết cảnh này bất yếu hiệp 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới.

Dứt phần thuần Riêng lẻ

PHẦN MỘT GỐC RIÊNG LẺ (BHEDAEKAMŪLĀDI)

Một gốc riêng lẻ này có 4 là: 1 gốc, 2 gốc, 3 gốc, 4 gốc. Đức Phật thuyết 1 gốc trước rồi thuyết 2 gốc sau theo tuần tự.

MỘT GỐC (*EKAMŪLA*)

1 gốc có 4 phần là, 1 gốc sắc uẩn, 1 gốc thọ uẩn, 1 gốc tưởng uẩn, 1 gốc hành uẩn. Đức Phật thuyết 1 gốc sắc uẩn trước rồi thuyết phần 1 gốc thọ uẩn sau theo tuần tự.

1 gốc sắc uẩn có 4 ngọn là: Ngọn thọ uẩn, ngọn tưởng uẩn, ngọn hành uẩn, ngọn thức uẩn. Đức Phật thuyết phần ngọn thọ uẩn trước rồi thuyết phần ngọn tưởng uẩn sau theo tuần tự.

Một Gốc Sắc Uẩn (*Rūpakkhandaekamūla*)

Yếu hiệp - Bất yếu hiệp

1. Gốc sắc uẩn - Ngọn thọ uẩn

(*Rūpakkhandaekamūla - Vedanākkhandhamūlī*)

Pucchā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Sắc uẩn và thọ uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Sắc uẩn và thọ uẩn này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thọ uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới.

Pucchā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Sắc uẩn và thọ uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Sắc uẩn và thọ uẩn này bất yếu hiệp 3 uẩn là tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới.

2. Gốc sắc uẩn - Ngọn tưởng uẩn

(*Rūpakkhandaekamūla - Saññākkhandhamūlī*)

Pucchā: *Rūpakkhando ca saññākkhando ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Sắc uẩn và tưởng uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhando ca saññākkhando ca dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Sắc uẩn và tưởng uẩn này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và tưởng uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới.

Pucchā: *Rūpakkhando ca saññākkhando ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Sắc uẩn và tưởng uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhando ca saññākkhando ca tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Sắc uẩn và tướng uẩn này bất yếu hiệp 3 uẩn là thọ, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới.

3. Gốc sắc uẩn - Ngọn hành uẩn

(*Rūpakkhandhaekamūla - Saṅkhārakkhandhamūlī*)

Pucchā: *Rūpakkhandho ca saṅkhārakkhandho ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Sắc uẩn và hành uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhandho ca saṅkhārakkhandho ca dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Sắc uẩn và hành uẩn này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và hành uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới.

Pucchā: *Rūpakkhandho ca saṅkhārakkhandho ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Sắc uẩn và hành uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhandho ca saṅkhārakkhandho ca tīhi khandhehi ekenāyatane na sattahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Sắc uẩn và hành uẩn này bất yếu hiệp 3 uẩn là thọ uẩn, tướng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới.

4. Gốc sắc uẩn - Ngọn thức uẩn

(*Rūpakkhandhaekamūla - Viññāṇakkhandhamūlī*)

Pucchā: *Rūpakkhandho ca viññāṇakkhandho ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Sắc uẩn và thức uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhandho ca viññāṇakkhandho ca dvīhi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭhārasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Sắc uẩn và thức uẩn này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 12 xứ; 18 giới.

Pucchā: *Rūpakkhandho ca viññāṇakkhandho ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Sắc uẩn và thức uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhandho ca viññāṇakkhandho ca tīhi khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.*

Sắc uẩn và thức uẩn này bất yếu hiệp 3 uẩn là thọ, tướng uẩn và hành uẩn; không có bất yếu hiệp một xứ, giới nào cả.

Dứt phần một gốc sắc uẩn

Một Gốc Thọ Uẩn (*Vedanākkhandhaekamūla*)

Yếu hiệp - Bất yếu hiệp

1. Gốc thọ uẩn - Ngọn tướng uẩn

(*Vedanākkhandhaekamūla - Saññākkhandhamūlī*)

Pucchā: *Vedanākkhandho ca saññākkhandho ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Thọ uẩn và tướng uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Vedanākkhandho ca saññākkhandho ca dvīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Thọ uẩn và tướng uẩn này yếu hiệp được 2 uẩn là thọ uẩn và tướng uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Vedanākkhandho ca saññākkhandho ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Thọ uẩn và tướng uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Vedanākkhandho ca saññākkhandho ca tīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Thọ uẩn và tướng uẩn này bất yếu hiệp 3 uẩn là sắc uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

2. Gốc thọ uẩn - Ngọn hành uẩn

(*Vedanākkhandhaekamūla - Saṅkhārakkhandhamūlī*)

Pucchā: *Vedanākkhandho ca saṅkhārakkhandho ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Thọ uẩn và hành uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Vedanākkhandho ca saṅkhārakkhandho ca dvīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Thọ uẩn và hành uẩn này yếu hiệp được 2 uẩn là thọ uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Vedanākkhandho ca saṅkhārakkhandho ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Thọ uẩn và hành uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Vedanākkhandho ca saṅkhārakkhandho ca tīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Thọ uẩn và hành uẩn này bất yếu hiệp 3 uẩn là sắc uẩn, tướng uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

3. Gốc thọ uẩn - Ngọn thức uẩn

(*Vedanākkhandhaekamūla - Viññāṇakkhandhamūlī*)

Pucchā: *Vedanākkhandho ca viññāṇakkhandho ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Thọ uẩn và thức uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Vedanākkhandho ca viññāṇakkhandho ca dvīhi khandhehi dvihāyatanehi atthahi dhātūhi saṅgahitā.*

Thọ uẩn và thức uẩn này yếu hiệp được 2 uẩn là thọ uẩn và thức uẩn; 2 xứ là 1 ý xứ và 1 pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và 1 pháp giới.

Pucchā: *Vedanākkhandho ca viññāṇakkhandho ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Thọ uẩn và thức uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Vedanākkhandho ca viññāṇakkhandho ca tīhi khandhehi dasahāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Thọ uẩn và thức uẩn này bất yếu hiệp 3 uẩn là sắc uẩn, tướng uẩn và hành uẩn; 10 xứ là 10 xứ thô; 10 giới là 10 giới thô.

Dứt phần một gốc thọ uẩn

Một Gốc Tướng Uẩn (*Saññākkhandhaekamūla*)

Yếu hiệp - Bất yếu hiệp

1. Gốc tướng uẩn - Ngọn hành uẩn

(*Saññākkhandhaekamūla - Saṅkhārakkhandhamūlī*)

Pucchā: *Saññākkhandho ca saṅkhārakkhandho ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Tướng uẩn và hành uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Saññākkhandho ca saṅkhārakkhandho ca dvīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Tướng uẩn và hành uẩn này yếu hiệp được 2 uẩn là tướng uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Saññākkhandho ca saṅkhārakkhandho ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Tướng uẩn và hành uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Saññākkhandho ca saṅkhārakkhandho ca tīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Tướng uẩn và hành uẩn này bất yếu hiệp 3 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

2. Góc tường uẩn - Ngọn thức uẩn

(*Saññākkhandhaekamūla - Viññāṇakkhandhamūlī*)

Pucchā: *Saññākkhandho ca viññāṇakkhandho ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Tường uẩn và thức uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Saññākkhandho ca viññāṇakkhandho ca dvīhi khandhehi dvīḥāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi saṅgahitā.*

Tường uẩn và thức uẩn này yếu hiệp được 2 uẩn là tường uẩn và thức uẩn; 2 xứ là 1 ý xứ và 1 pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và 1 pháp giới.

Pucchā: *Saññākkhandho ca viññāṇakkhandho ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Tường uẩn và thức uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Saññākkhandho ca viññāṇakkhandho ca tīhi khandhehi dasahāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Tường uẩn và thức uẩn này bất yếu hiệp 3 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn và hành uẩn; 10 xứ là 10 xứ thô; 10 giới là 10 giới thô.

Dứt phần một góc tường uẩn

Một Góc Hành Uẩn (*Saṅkhārakkhandhaekamūla*)

Yếu hiệp - Bất yếu hiệp

2. Góc hành uẩn - Ngọn thức uẩn

(*Saṅkhārakkhandhaekamūla - Viññāṇakkhandhamūlī*)

Pucchā: *Saṅkhārakkhandho ca viññāṇakkhandho ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Hành uẩn và thức uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Saññākkhandho ca viññāṇakkhandho ca dvīhi khandhehi dvīḥāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi saṅgahitā.*

Hành uẩn và thức uẩn này yếu hiệp được 2 uẩn là hành uẩn và thức uẩn; 2 xứ là 1 ý xứ và 1 pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và 1 pháp giới.

Pucchā: *Saṅkhārakkhandho ca viññāṇakkhandho ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Hành uẩn và thức uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Saṅkhārakkhandho ca viññāṇakkhandho ca tīhi khandhehi dasahāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Hành uẩn và thức uẩn này bất yếu hiệp 3 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn và tướng uẩn; 10 xứ là 10 xứ thô; 10 giới là 10 giới thô.

Dứt phần một góc hành uẩn/ Dứt phần một góc

HAI GỐC (DVIMŪLA)

Trong phần hai gốc này, sắc uẩn - thọ uẩn làm gốc, tướng uẩn, hành uẩn, thức uẩn làm ngọn.

1. Tướng uẩn làm ngọn (*Saññākkhandhamūlī*)

Pucchā: *Rūpakkhandho ca vedanākkhandho ca saññākkhandho ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Sắc uẩn, thọ uẩn và tướng uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhandho ca vedanākkhandho ca saññākkhandho ca tīhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Sắc uẩn, thọ uẩn và tướng uẩn này yếu hiệp được 3 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn và tướng uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới.

Pucchā: *Rūpakkhandho ca vedanākkhandho ca saññākkhandho ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Sắc uẩn, thọ uẩn và tướng uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhandho ca vedanākkhandho ca saññākkhandho ca dvīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Sắc uẩn, thọ uẩn và tướng uẩn này bất yếu hiệp 2 uẩn là hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới.

2. Hành uẩn làm ngọn (*Saṅkhārakkhandhamūlī*)

Pucchā: *Rūpakkhandho ca vedanākkhandho ca saṅkhārakkhandho ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Sắc uẩn, thọ uẩn và hành uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhandho ca vedanākkhandho ca saṅkhārakkhandho ca tīhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Sắc uẩn, thọ uẩn và hành uẩn này yếu hiệp được 3 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn và hành uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới.

Pucchā: *Rūpakkhandho ca vedanākkhandho ca saṅkhārakkhandho ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Sắc uẩn, thọ uẩn và hành uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhandho ca vedanākkhandho ca saṅkhārakkhandho ca dvīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Sắc uẩn, thọ uẩn và hành uẩn này bất yếu hiệp 2 uẩn là tướng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới.

3. Thức uẩn làm ngọn (*Viññāṇakkhandhamūlī*)

Pucchā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca viññāṇakkhando ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Sắc uẩn, thọ uẩn và thức uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca viññāṇakkhando ca tīhi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭharasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Sắc uẩn, thọ uẩn và thức uẩn này yếu hiệp được 3 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn và thức uẩn; 12 xứ; 18 giới.

Pucchā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca viññāṇakkhando ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Sắc uẩn, thọ uẩn và thức uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca viññāṇakkhando ca dvīhi khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.*

Sắc uẩn, thọ uẩn và thức uẩn này bất yếu hiệp 2 uẩn là tướng uẩn và hành uẩn; không có bất yếu hiệp xứ, giới nào cả.

Dứt phần hai gốc

BA GỐC (*TIMŪLA*)

Trong phần ba gốc: sắc uẩn, thọ uẩn và tướng uẩn làm gốc; hành uẩn và thức uẩn làm ngọn.

1. Hành uẩn làm ngọn (*Saṅkhārakkhandhamūlī*)

Pucchā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca saññākkhando ca saṅkhārakkhando ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca saññākkhando ca saṅkhārakkhando ca catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành này yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới.

Pucchā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca saññākkhando ca saṅkhārakkhando ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca saññākkhando ca saṅkhārakkhando ca ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn này bất yếu hiệp 1 thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới.

2. Thức uẩn làm ngọn (*Viññāṇakkhandhamūlī*)

Pucchā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca saññākkhando ca viññāṇakkhando ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca saññākkhando ca viññāṇakkhando ca catūhi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭharasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn này yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 12 xứ; 18 giới.

Pucchā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca saññākkhando ca viññāṇakkhando ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca saññākkhando ca viññāṇakkhando ca ekena khandhena na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.*

Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn này bất yếu hiệp 1 hành uẩn; không có bất yếu hiệp xứ, giới nào cả.

Dứt phần ba góc

BỐN GÓC (*CATUMŪLA*)

Trong phần bốn góc: sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn làm góc; thức uẩn làm ngọn.

1. Thức uẩn làm ngọn (*Viññāṇakkhandhamūlī*)

Pucchā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca saññākkhando ca saṅkhārakkhando ca viññāṇakkhando ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca saññākkhando ca saṅkhārakkhando ca viññāṇakkhando ca pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭharasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn này yếu hiệp được 5 uẩn; 12 xứ; 18 giới.

Pucchā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca saññākkhando ca saṅkhārakkhando ca viññāṇakkhando ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Rūpakkhando ca vedanākkhando ca saññākkhando ca saṅkhārakkhando ca viññāṇakkhando ca na kehici khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.*

Sắc uẩn này, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn này không có bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới nào cả.

*Dứt phần bốn gốc
Dứt phần một gốc riêng lẻ*

PHẦN CHUNG NHẤT (ABHEDA)

Phần chung nhất này có 2 loại là, yếu hiệp và bất yếu hiệp. Đức Phật thuyết về yếu hiệp trước rồi thuyết về bất yếu hiệp sau.

Pucchā: *Pañcakkhandhā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*
5 uẩn yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Pañcakkhandhā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭhārasahi dhātūhi saṅgahitā.*

5 uẩn này yếu hiệp được 5 uẩn; 12 xứ; 18 giới.

Pucchā: *Pañcakkhandhā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*
5 uẩn bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Pañcakkhandhā na kehici khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.*

5 uẩn này không có bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới nào cả.

Dứt phần chung nhất và dứt phần riêng minh uẩn

2/ XIỂN MINH XỨ (ĀYATANANIDDESA)

Phần hiển minh xứ có 2 là: Riêng lẻ và chung nhất.

Phần Riêng lẻ có 2 là: Thuần riêng lẻ và một gốc riêng lẻ.

Phần Thuần riêng lẻ có 12 loại là: 1. Thuần nhãn xứ cho đến 12. Thuần pháp xứ.

PHẦN THUẦN RIÊNG LẺ (BHEDASUDDHA)

1. Thuần nhãn xứ (*cakkhāyatanasuddha*)

Pucchā: *Cakkhāyatanam katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitam?*
Nhãn xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanam ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitam.*

Nhãn xứ này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 1 nhãn xứ; 1 nhãn giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanam katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitam?*
Nhãn xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanam catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitam.*

Nhãn xứ này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn; 11 xứ là 9 xứ thô (trừ nhãn xứ), 1 ý xứ và 1 pháp xứ; 17 giới là 9 giới thô (trừ nhãn giới), 7 thức giới và 1 pháp giới.

Từ thuần nhĩ xứ (2) ... cho đến thuần xúc xứ (10), cả 9 phần này giống phần thuần nhãn xứ, chỉ có thay đổi xứ thôi.

Pucchā: *Sotāyatanam... ghāṇāyatanam... jivhāyatanam... kāyāyatanam... rūpāyatanam... saddāyatanam... gandhāyatanam... rasāyatanam... phoṭṭhabbāyatanam...pe...*

Nhĩ xứ ..., tỷ xứ ..., thiết xứ ..., thân xứ ..., sắc xứ ..., thỉnh xứ ..., khí xứ ..., vị xứ ... và xúc xứ ...

Visajjanā: *Ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitaṃ.*
... yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bắt yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.*
... bắt yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

11. Thuần ý xứ (*Manāyatanaśuddha*)

Pucchā: *Manāyatanaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*
Ý xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Manāyatanaṃ ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi saṅgahitaṃ.*

Ý xứ này yếu hiệp được 1 thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới.

Pucchā: *Manāyatanaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitaṃ?*
Ý xứ bắt yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Manāyatanaṃ catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.*

Ý xứ này bắt yếu hiệp 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới.

12. Thuần pháp xứ (*Dhammāyatanaśuddha*)

Pucchā: *Dhammāyatanaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*

Pháp xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dhammāyatanaṃ asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitaṃ.*

Pháp xứ này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp bằng cách uẩn yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Dhammāyatanaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitaṃ?*

Pháp xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dhammāyatanaṃ ekena khandhena ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.*

Pháp xứ này bất yếu hiệp 1 thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

Dứt phần thuần Riêng lẻ

Thuần Riêng lẻ		Xiển Minh Xứ					
		Yếu hiệp			Bất yếu hiệp		
		Uẩn	Xứ	Giới	Uẩn	Xứ	Giới
Nhãn xứ (<i>cakkhāyatana</i>)	1	1	1	1	4	11	17
Nhĩ xứ (<i>sotāyatana</i>)	2	1	1	1	4	11	17
Tỷ xứ (<i>ghāṇāyatana</i>)	3	1	1	1	4	11	17
Thiệt xứ (<i>jivhāyatana</i>)	4	1	1	1	4	11	17
Thân xứ (<i>kāyāyatana</i>)	5	1	1	1	4	11	17
Sắc xứ (<i>rūpāyatana</i>)	6	1	1	1	4	11	17
Thính xứ (<i>saddāyatana</i>)	7	1	1	1	4	11	17
Khí xứ (<i>gandhāyatana</i>)	8	1	1	1	4	11	17
Vị xứ (<i>rasāyatana</i>)	9	1	1	1	4	11	17
Xúc xứ (<i>phoṭṭhabbāyatana</i>)	10	1	1	1	4	11	17
Ý xứ (<i>manāyatana</i>)	11	1	1	7	4	11	11
Pháp xứ (<i>dhammāyatana</i>)	12	*4	1	1	1	11	17

MỘT GỐC RIÊNG LẺ (BHEDA EKAMŪLĀDI)

Một gốc riêng lẻ có 11 loại là: một gốc ... cho đến 11 gốc (*ekādasamūla*)

MỘT GỐC (EKAMŪLA)

Một gốc có 11 loại là: (1) một gốc nhãn xứ ... cho đến (11) một gốc ý xứ.

Một gốc nhãn xứ có 11 ngọn là: (1) nhĩ xứ làm ngọn ... cho đến (11) pháp xứ làm ngọn.

Một gốc nhãn xứ (*Cakkhāyatanaekamūla*)

Yếu hiệp - Bất yếu hiệp

1. Nhãn xứ làm gốc - Nhĩ xứ làm ngọn (*Cakkhāyatanaṃ - Sotāyatanaṃ*)

Pucchā: *Cakkhāyatanaṃ sotāyatanaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ và nhĩ xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanaṃ sotāyatanaṃ ekena khandhena dvihāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ và nhĩ xứ này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 2 xứ là nhãn xứ và nhĩ xứ; 2 giới là nhãn giới và nhĩ giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xú và nhĩ xú bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xú, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca catūhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xú và nhĩ xú này bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 10 xú là 8 xú thô, 1 ý xú và 1 pháp xú; 16 giới là 8 giới thô, 7 thức giới và 1 pháp giới (trừ nhãn xú, nhãn giới, nhĩ xú, nhĩ giới).

Từ (2) nhãn xú làm gốc - tỷ xú làm ngọn ... cho đến (9) nhãn xú làm gốc - xú xú làm ngọn đều giống với nhãn xú làm gốc - nhĩ xú làm ngọn mà chỉ thay đổi tên của xú làm ngọn thôi.

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca ghāṇāyatanañca... cakkhāyatanañca jivhāyatanañca... cakkhāyatanañca kāyāyatanañca... cakkhāyatanañca rūpāyatanañca... cakkhāyatanañca saddāyatanañca... cakkhāyatanañca gandhāyatanañca... cakkhāyatanañca rasāyatanañca... cakkhāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca ekena khandhena dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xú và tỷ xú ..., nhãn xú và thiết xú ..., nhãn xú và thân xú ..., nhãn xú và sắc xú ..., nhãn xú và tinh xú ..., nhãn xú và khí xú ..., nhãn xú và vị xú ..., nhãn xú và xúc xú yếu hiệp đặng 1 uẩn, 2 xú, 2 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xú, 16 giới.

10. Nhãn xú làm gốc - Ý xú làm ngọn (*Cakkhāyatanaṃ - Manāyatanaṃ*)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xú và ý xú yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xú, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca manāyatanañca dvīhi khandhehi dvīhāyatanehi aññahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xú và ý xú này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 2 xú là nhãn xú và ý xú; 8 giới là 1 nhãn giới và 7 thức giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xú và ý xú bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xú, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca manāyatanañca tīhi khandhehi dasahāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ và ý xứ này bất yếu hiệp 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 10 xứ là 9 xứ thô và 1 pháp xứ; 10 giới là 9 giới thô và 1 pháp giới (trừ nhãn xứ, nhãn giới).

11. Nhãn xứ làm gốc - Pháp xứ làm ngọn (*Cakkhāyatanaṃ - Dhammāyatanaṃ*)

Pucchā: *Cakkhāyatanaṃ dhammāyatanaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ và pháp xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanaṃ dhammāyatanaṃ asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi dvihāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ và pháp xứ này yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 2 xứ là nhãn xứ và pháp xứ; 2 giới là nhãn giới và pháp giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanaṃ dhammāyatanaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ và pháp xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanaṃ dhammāyatanaṃ tīhi khandhehi dasahāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ và pháp xứ này bất yếu hiệp 1 thức uẩn; 10 xứ là 9 xứ thô và 1 ý xứ; 16 giới là 9 giới thô và 7 thức giới (trừ nhãn xứ, nhãn giới).

Dứt một gốc nhãn xứ

Nhĩ xứ làm gốc có 10 ngọn, tỷ xứ làm gốc có 9 ngọn, tỷ xứ làm gốc có 9 ngọn, thiết xứ làm gốc có 8 ngọn, thân xứ làm gốc có 7 ngọn, sắc xứ làm gốc có 6 ngọn, thỉnh xứ làm gốc có 5 ngọn, khí xứ làm gốc có 4 ngọn, vị xứ làm gốc có 3 ngọn, xúc xứ làm gốc có 2 ngọn.

Những câu này đều trình bày giống với nhãn xứ làm gốc, chỉ khác là thay đổi tên của xứ.

Một gốc ý xứ (*Manāyatanaekamūla*)

Yếu hiệp - Bất yếu hiệp

1. Ý xứ làm gốc - Pháp xứ làm ngọn (*Manāyatanaṃ - Dhammāyatanaṃ*)

Pucchā: *Manāyatanaṃ dhammāyatanaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Ý xứ và pháp xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Manāyatanaṃ dhammāyatanaṃ asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvihāyatanehi atṭhahi dhātūhi saṅgahitā.*

Ý xứ và pháp xứ này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp bằng cách uẩn được, yếu hiệp được 5 uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và 1 pháp giới.

Pucchā: *Manāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Ý xú và pháp xú bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xú, giới?

Visajjanā: *Manāyatanañca dhammāyatanañca na kehici khandhehi dasahāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Ý xú và pháp xú này không có bất yếu hiệp một uẩn nào, bất yếu hiệp 10 xú thô; 10 giới thô.

Dứt phần một gốc

HAI GỐC (DVIMŪLA)

Trong phần hai gốc này, nhãn xú và nhĩ xú cả hai làm gốc, 10 xú còn lại làm ngọn.

1. Tỷ xú làm ngọn (*Ghāṇāyatanaṃ*)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xú, nhĩ xú và tỷ xú yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xú, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca ekena khandhena tīhāyatanehi tīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xú, nhĩ xú và tỷ xú này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 3 xú là nhãn xú, nhĩ xú và tỷ xú; 3 giới là nhãn giới, nhĩ giới và tỷ giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xú, nhĩ xú và tỷ xú bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xú, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca catūhi khandhehi navahāyatanehi paññarasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xú, nhĩ xú và tỷ xú này bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 9 xú là 7 xú thô, 1 ý xú và 1 pháp xú; 15 giới là 7 giới thô, 7 thức giới và 1 pháp giới (trừ nhãn xú, nhãn giới, nhĩ xú, nhĩ giới, tỷ xú, tỷ giới).

Từ (2) thiết xú làm ngọn cho đến (8) xúc xú làm ngọn đều giống với tỷ xú làm ngọn, chỉ có thay đổi tên.

9. Ý xú làm ngọn (*Manāyatanaṃ*)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xú, nhĩ xú và ý xú yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xú, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca manāyatanañca dvīhi khandhehi tīhāyatanehi navahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xú, nhĩ xú và ý xú này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 3 xú là nhãn xú, nhĩ xú và ý xú; 9 giới là nhãn giới, nhĩ giới và 7 thức giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ và ý xứ bắt yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca manāyatanañca tīhi khandhehi navahāyatanehi navahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ và ý xứ này bắt yếu hiệp 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 9 xứ là 8 xứ thô và 1 pháp xứ; 9 giới là 8 giới thô và 1 pháp giới (trừ nhãn xứ, nhãn giới, nhĩ xứ, nhĩ giới).

10. Pháp xứ làm ngọn (*Dhammāyatanaṃ*)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ và pháp xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca dhammāyatanañca asaṅkhatam khandhato thapetvā catūhi khandhehi tīhāyatanehi tīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ và pháp xứ này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 3 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ và pháp xứ; 3 giới là nhãn giới, nhĩ giới và pháp giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ và pháp xứ bắt yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca dhammāyatanañca ekena khandhena navahāyatanehi paṇṇarasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ và pháp xứ này bắt yếu hiệp 1 thức uẩn; 9 xứ là 8 xứ thô và 1 ý xứ; 15 giới là 8 giới thô và 7 thức giới (trừ nhãn xứ, nhãn giới, nhĩ xứ, nhĩ giới).

Dứt phần hai gốc

BA GỐC (*TIMŪLA*)

Trong phần ba gốc này, nhãn xứ - nhĩ xứ - tỷ xứ làm gốc, 9 xứ còn lại làm ngọn.

1. Thiệt xứ làm ngọn (*Jivhāyatanaṃ*)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và thiệt xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca ekena khandhena catūhāyatanehi catūhi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và thiệt xứ này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 4 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và thiệt xứ; 4 giới là nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới và thiệt giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và thiết xứ bắt yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca catūhi khandhehi aṭṭhahāyatanehi cuddasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và thiết xứ này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn; 8 xứ là 6 xứ thô, 1 ý xứ và 1 pháp xứ; 14 giới là 6 giới thô, 7 thức giới và 1 pháp giới (trừ nhãn xứ, nhãn giới, nhĩ xứ, nhĩ giới, tỷ xứ, tỷ giới, thiết xứ, thiết giới).

Từ (2) thân xứ làm ngọn cho đến (7) xúc xứ làm ngọn đều giống với thiết xứ làm ngọn, chỉ có thay đổi tên.

8. Ý xứ làm ngọn (*Manāyatanaṃ*)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và ý xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca manāyatanañca dvīhi khandhehi catūhāyatanehi dasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và ý xứ này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 4 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và ý xứ; 10 giới là nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới và 7 thức giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và ý xứ bắt yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca manāyatanañca tīhi khandhehi aṭṭhahāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và ý xứ này bắt yếu hiệp 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 8 xứ là 7 xứ thô và 1 pháp xứ; 8 giới là 7 giới thô và 1 pháp giới.

9. Pháp xứ làm ngọn (*Dhammāyatanaṃ*)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và pháp xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca dhammāyatanañca asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi catūhāyatanehi catūhi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và pháp xứ này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 4 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và pháp xứ; 4 giới là nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới và pháp giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và pháp xứ bắt yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca dhammāyatanañca ekena khandhena aṭṭhahāyatanehi cuddasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ và pháp xứ này bắt yếu hiệp 1 thức uẩn; 8 xứ là 7 xứ thô và 1 ý xứ; 14 giới là 7 giới thô và 7 thức giới.

Dứt phần ba gốc

BỐN GỐC (CATUMŪLA)

Trong phần bốn gốc này, nhãn xứ - nhĩ xứ - tỷ xứ - thiết xứ làm gốc, 8 xứ còn lại làm ngọn.

1. Thân xứ làm ngọn (Kāyāyatanaṃ mūlī)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ và thân xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ và thân xứ này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 5 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ; 5 giới là nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiết giới, thân giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ và thân xứ bắt yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ và thân xứ này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn; 7 xứ là 5 xứ thô, 1 ý xứ, 1 pháp xứ; 13 giới là 5 giới thô, 7 thức giới, 1 pháp giới (trừ nhãn xứ, nhãn giới, nhĩ xứ, nhĩ giới, tỷ xứ, tỷ giới, thiết xứ, thiết giới, thân xứ, thân giới).

Từ (2) sắc xứ làm ngọn cho đến (6) xúc xứ làm ngọn đều giống với thân xứ làm ngọn, chỉ có thay đổi tên.

7. Ý xứ làm ngọn (Manāyatanaṃ mūlī)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ và ý xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca manāyatanañca dvīhi khandhehi pañcahāyatanehi ekādasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ và ý xứ này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 5 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ và ý xứ; 11 giới là nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiết giới và 7 thức giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ và ý xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca manāyatanañca tīhi khandhehi sattahāyatanehi sattahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ và ý xứ này bất yếu hiệp 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 7 xứ là 6 xứ thô và 1 pháp xứ; 7 giới là 6 giới thô và 1 pháp giới.

8. Pháp xứ làm ngọn (*Dhammāyatanaṃ*)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ và pháp xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca dhammāyatanañca asaṅkhatam khandhato thapetvā catūhi khandhehi pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ và pháp xứ này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 5 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ và pháp xứ; 5 giới là nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiết giới và pháp giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ và pháp xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca dhammāyatanañca ekena khandhena sattahāyatanehi terasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ và pháp xứ này bất yếu hiệp 1 thức uẩn; 7 xứ là 6 xứ thô và 1 ý xứ; 13 giới là 6 giới thô và 7 thức giới.

Dứt phần bốn góc

NĂM GỐC (PAÑCAMŪLA)

Trong phần năm gốc này, nhãn xứ - nhĩ xứ - tỷ xứ - thiết xứ - thân xứ làm gốc, 7 xứ còn lại làm ngọn.

1. Sắc xứ làm ngọn (Rūpāyatanaṃ)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và sắc xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca ekena khandhena chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và sắc xứ này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 6 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và sắc xứ; 6 giới là nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiết giới, thân giới và sắc giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và sắc xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca catūhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và sắc xứ này bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 6 xứ là thanh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ; 12 giới là thanh giới, khí giới, vị giới, xúc giới, 7 thức giới và 1 pháp giới.

Từ (2) thanh xứ làm ngọn cho đến (5) xúc xứ làm ngọn đều giống với sắc xứ làm ngọn, chỉ có thay đổi tên.

6. Ý xứ làm ngọn (Manāyatanaṃ)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và ý xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca manāyatanañca dvīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và ý xứ này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 6 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và ý xứ; 12 giới là nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiết giới, thân giới và 7 thức giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và ý xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca manāyatanañca tīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và ý xứ này bất yếu hiệp 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 6 xứ là sắc xứ, thanh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ và pháp xứ; 6 giới là sắc giới, thanh giới, khí giới, vị giới, xúc giới và pháp giới.

7. Pháp xứ làm ngọn (*Dhammāyatanaṃ*)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và pháp xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca dhammāyatanañca asaṅkhatam khandhato thapetvā catūhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và pháp xứ này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 6 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và pháp xứ; 6 giới là nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiết giới, thân giới và pháp giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và pháp xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca dhammāyatanañca ekena khandhena chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ và pháp xứ này bất yếu hiệp 1 thức uẩn; 6 xứ là sắc xứ, thanh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ và ý xứ; 12 giới là sắc giới, thanh giới, khí giới, vị giới, xúc giới và 7 thức giới.

Dứt phần năm gốc

SÁU GỐC (CHAMŪLA)

Trong phần sáu gốc này, nhãn xứ - nhĩ xứ - tỷ xứ - thiết xứ - thân xứ - sắc xứ làm gốc, 6 xứ còn lại làm ngọn.

1. Thinh xứ làm ngọn (*Saddāyatanaṃ*)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và thinh xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca ekena khandhena satthāyatanehi sattahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và thinh xứ này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 7 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và thinh xứ; 7 giới là nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiết giới, thân giới, sắc giới và thinh giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và thinh xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca catūhi khandhehi pañcahāyatanehi ekādasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và thinh xứ này bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 5 xứ là khí xứ, vị xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ; 11 giới là khí giới, vị giới, xúc giới, 7 thức giới và 1 pháp giới.

Từ (2) khí xứ làm ngọn cho đến (4) xúc xứ làm ngọn đều giống với thinh xứ làm ngọn, chỉ có thay đổi tên.

5. Ý xứ làm ngọn (*Manāyatanaṃ*)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và ý xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca manāyatanañca dvīhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitā.

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và ý xứ này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 7 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và ý xứ; 13 giới là nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiết giới, thân giới, sắc giới và 7 thức giới.

Pucchā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca manāyatanañca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi asaṅgahitā?

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và ý xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca manāyatanañca tīhi khandhehi pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitā.

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và ý xứ này bất yếu hiệp 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 5 xứ là tinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ và pháp xứ; 5 giới là tinh giới, khí giới, vị giới, xúc giới và pháp giới.

6. Pháp xứ làm ngọn (*Dhammāyatanaṃ*)

Pucchā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca dhammāyatanañca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và pháp xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca dhammāyatanañca asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi sattahāyatanehi sattahi dhātūhi saṅgahitā.

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và pháp xứ này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 7 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và pháp xứ; 7 giới là nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiết giới, thân giới, sắc giới và pháp giới.

Pucchā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca dhammāyatanañca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi asaṅgahitā?

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và pháp xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca dhammāyatanañca ekena khandhena pañcahāyatanehi ekādasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ và pháp xứ này bất yếu hiệp 1 thức uẩn; 5 xứ là tinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ và ý xứ; 11 giới là tinh giới, khí giới, vị giới, xúc giới và 7 thức giới.

Dứt phần sáu gốc

BẢY GỐC (SATTAMŪLA)

Trong phần bảy gốc này, nhãn xứ - nhĩ xứ - tỷ xứ - thiết xứ - thân xứ - sắc xứ - tinh xứ làm gốc, 5 xứ còn lại làm ngọn.

1. Khí xứ làm ngọn (Gandhāyatanaṃmūlī)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ và khí xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca ekena khandhena aṭṭhahāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ và khí xứ này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 8 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ; 8 giới là nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiết giới, thân giới, sắc giới, tinh giới và khí giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ và khí xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca catūhi khandhehi catūhāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ và khí xứ này bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 4 xứ là vị xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ; 10 giới là vị giới, xúc giới, 7 thức giới và 1 pháp giới.

Từ (2) vị xứ làm ngọn cho đến (3) xúc xứ làm ngọn đều giống với khí xứ làm ngọn, chỉ có thay đổi tên.

4. Ý xứ làm ngọn (Manāyatanaṃmūlī)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ và ý xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca manāyatanañca dvīhi khandhehi aṭṭhahāyatanehi cuddasahi dhātūhi saṅgahitā.

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ và ý xứ này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 8 xứ là 7 xứ thô và ý xứ; 14 giới là 7 giới thô và 7 thức giới.

Pucchā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca manāyatanañca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi asaṅgahitā?

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ và ý xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca manāyatanañca tīhi khandhehi catūhāyatanehi catūhi dhātūhi asaṅgahitā.

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ và ý xứ này bất yếu hiệp 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 4 xứ là khí xứ, vị xứ, xúc xứ và pháp xứ; 4 giới là khí giới, vị giới, xúc giới và pháp giới.

5. Pháp xứ làm ngọn (Dhammāyatanaṃ)

Pucchā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca dhammāyatanañca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ và pháp xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca dhammāyatanañca asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi aṭṭhahāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi saṅgahitā.

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ và pháp xứ này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 8 xứ là 7 xứ thô và pháp xứ; 8 giới là 7 giới thô và pháp giới.

Pucchā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca dhammāyatanañca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi asaṅgahitā?

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ và pháp xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca dhammāyatanañca ekena khandhena catūhāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ và pháp xứ này bất yếu hiệp 1 thức uẩn; 4 xứ là khí xứ, vị xứ, xúc xứ và ý xứ; 10 giới là khí giới, vị giới, xúc giới và 7 thức giới.

Dứt phần bảy gốc

TÁM GỐC (ATṬHAMŪLA)

Trong phần tám gốc này, nhãn xứ - nhĩ xứ - tỷ xứ - thiết xứ - thân xứ - sắc xứ - tinh xứ - khí xứ làm gốc, 4 xứ còn lại làm ngọn.

1. Vị xứ làm ngọn (Rasāyatanaṃmūlī)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ và vị xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca ekena khandhena navahāyatanehi navahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ và vị xứ này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 9 xứ thô; 9 giới thô (trừ xúc xứ, xúc giới).

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ và vị xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca catūhi khandhehi tīhāyatanehi navahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ và vị xứ này bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 3 xứ là xúc xứ, ý xứ và pháp xứ; 9 giới là xúc giới, 7 thức giới và 1 pháp giới.

(2) *Xúc xứ làm ngọn đều giống với vị xứ làm ngọn, chỉ có thay đổi tên.*

3. Ý xứ làm ngọn (Manāyatanaṃmūlī)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ và ý xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca manāyatanañca dvīhi khandhehi navahāyatanehi paṇṇarasahi dhātūhi saṅgahitā.

Nhãn xú, nhĩ xú, tỷ xú, thiết xú, thân xú, sắc xú, tinh xú, khí xú và ý xú này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 9 xú là 8 xú thô và ý xú; 15 giới là 8 giới thô và 7 thức giới.

Pucchā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?

Nhãn xú, nhĩ xú, tỷ xú, thiết xú, thân xú, sắc xú, tinh xú, khí xú và ý xú bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xú, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca manāyatanañca tīhi khandhehi tīhāyatanehi tīhi dhātūhi asaṅgahitā.

Nhãn xú, nhĩ xú, tỷ xú, thiết xú, thân xú, sắc xú, tinh xú, khí xú và ý xú này bất yếu hiệp 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 3 xú là vị xú, xúc xú và pháp xú; 3 giới là vị giới, xúc giới và pháp giới.

4. Pháp xú làm ngọn (*Dhammāyatanaṃ*)

Pucchā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn xú, nhĩ xú, tỷ xú, thiết xú, thân xú, sắc xú, tinh xú, khí xú và pháp xú yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xú, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca dhammāyatanañca asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi navahāyatanehi navahi dhātūhi saṅgahitā.

Nhãn xú, nhĩ xú, tỷ xú, thiết xú, thân xú, sắc xú, tinh xú, khí xú và pháp xú này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 9 xú là 8 xú thô và pháp xú; 9 giới là 8 giới thô và pháp giới.

Pucchā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?

Nhãn xú, nhĩ xú, tỷ xú, thiết xú, thân xú, sắc xú, tinh xú, khí xú và pháp xú bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xú, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca dhammāyatanañca ekena khandhena tīhāyatanehi navahi dhātūhi asaṅgahitā.

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ và pháp xứ này bất yếu hiệp 1 thức uẩn; 3 xứ là vị xứ, xúc xứ và ý xứ; 9 giới là vị giới, xúc giới và 7 thức giới.

Dứt phần tám gốc

CHÍN GỐC (NAVAMŪLA)

Trong phần chín gốc này, nhãn xứ - nhĩ xứ - tỷ xứ - thiết xứ - thân xứ - sắc xứ - tinh xứ - khí xứ - vị xứ làm gốc, 3 xứ còn lại làm ngọn.

1. Xúc xứ làm ngọn (Phoṭṭhabbāyatanaṃ)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 10 xứ thô; 10 giới thô.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca catūhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ này bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và 1 pháp giới.

2. Ý xứ làm ngọn (Manāyatanaṃ)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ và ý xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca manāyatanañca dvīhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ và ý xứ này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 10 xứ là 9 xứ thô và ý xứ; 16 giới là 9 giới thô và 7 thức giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ và ý xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca manāyatanañca tīhi khandhehi dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ và ý xứ này bất yếu hiệp 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 2 xứ là xúc xứ và pháp xứ; 2 giới là xúc giới và pháp giới.

3. Pháp xứ làm ngọn (*Dhammāyatanaṃ*)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ và pháp xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca dhammāyatanañca asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi dasahāyatanehi dasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ và pháp xứ này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 10 xứ là 9 xứ thô và pháp xứ; 10 giới là 9 giới thô và pháp giới (trừ xúc xứ, xúc giới).

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ và pháp xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca dhammāyatanañca ekena khandhena dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ và pháp xứ này bất yếu hiệp 1 thức uẩn; 2 xứ là xúc xứ và ý xứ; 8 giới là xúc giới và 7 thức giới.

Dứt phần chín gốc

MƯỜI GỐC (DASAMŪLA)

Trong phần mười gốc này, nhãn xứ - nhĩ xứ - tỷ xứ - thiết xứ - thân xứ - sắc xứ - tinh xứ - khí xứ - vị xứ - xúc xứ làm gốc, 2 xứ còn lại làm ngọn.

1. Ý xứ làm ngọn (Manāyatanaṃmūlī)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ và ý xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca manāyatanañca dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ và ý xứ này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca manāyatanañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ và ý xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca manāyatanañca tīhi khandhehi ekenāyatana ekāya dhātuyā asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ và ý xứ này bất yếu hiệp 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

2. Pháp xứ làm ngọn (Dhammāyatanaṃmūlī)

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ và pháp xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca dhammāyatanañca asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi saṅgahitā.

Nhãn xú, nhĩ xú, tỷ xú, thiết xú, thân xú, sắc xú, tinh xú, khí xú, vị xú, xúc xú và pháp xú này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 11 xú là 10 xú thô và pháp xú; 11 giới là 10 giới thô và pháp giới. [hay 4 uẩn (trừ thức uẩn), 11 xú (trừ ý xú), 11 giới (trừ 7 thức giới)]

Pucchā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?

Nhãn xú, nhĩ xú, tỷ xú, thiết xú, thân xú, sắc xú, tinh xú, khí xú, vị xú, xúc xú và pháp xú bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xú, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca dhammāyatanañca ekena khandhena ekenāyataneṇa sattahi dhātūhi asaṅgahitā.

Nhãn xú, nhĩ xú, tỷ xú, thiết xú, thân xú, sắc xú, tinh xú, khí xú, vị xú, xúc xú và pháp xú này bất yếu hiệp 1 thức uẩn; 1 ý xú; 7 thức giới.

Dứt phần mười gốc

MƯỜI MỘT GỐC (EKĀDASAMŪLA)

Trong phần mười một gốc này, nhãn xú - nhĩ xú - tỷ xú - thiết xú - thân xú - sắc xú - tinh xú - khí xú - vị xú - xúc xú - ý xú làm gốc, pháp xú xú làm ngọn.

1. Pháp xú làm ngọn (Dhammāyatanaṃ mūlī)

Pucchā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca manāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn xú, nhĩ xú, tỷ xú, thiết xú, thân xú, sắc xú, tinh xú, khí xú, vị xú, xúc xú, ý xú và pháp xú yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xú, giới?

Visajjanā: Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca manāyatanañca dhammāyatanañca asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭharasahi dhātūhi saṅgahitā.

Nhãn xú, nhĩ xú, tỷ xú, thiết xú, thân xú, sắc xú, tinh xú, khí xú, vị xú, xúc xú, ý xú và pháp xú này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn; 12 xú; 18 giới.

Pucchā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca manāyatanañca dhammāyatanañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhāyatanañca sotāyatanañca ghāṇāyatanañca jivhāyatanañca kāyāyatanañca rūpāyatanañca saddāyatanañca gandhāyatanañca rasāyatanañca phoṭṭhabbāyatanañca manāyatanañca dhammāyatanañca nakehici khandhehi nakehici āyatanehi nakāhici dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ này không có bất yếu hiệp một uẩn, xứ, giới nào.

Dứt phần mười một gốc

PHẦN CHUNG NHẤT (ABHEDA)

Pucchā: *Dvādasāyatanāni katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*
12 xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvādasāyatanāni asaṅkhatam khandhato thapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭhārasahi dhātūhi saṅgahitā.*

12 xứ này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn; 12 xứ; 18 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.*
Không có bất yếu hiệp một uẩn, xứ, giới nào.

Dứt phần xiển minh xứ

3/ XIỂN MINH GIỚI (DHĀTUNIDDESA)

Phần xiển minh giới có 2 là: Riêng lẻ và chung nhất.

Phần Riêng lẻ có 2 là: Thuần riêng lẻ và một gốc riêng lẻ.

Phần Thuần riêng lẻ có 18 loại là: 1. Thuần nhãn giới cho đến 18. Thuần pháp giới.

PHẦN THUẦN RIÊNG LẺ (BHEDASUDDHA)

1. Thuần nhãn giới (*cakkhudhātusuddha*)

Pucchā: *Cakkhudhātu katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhudhātu ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.
Nhãn giới này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 1 nhãn xứ; 1 nhãn giới.

Pucchā: Cakkhudhātu katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?
Nhãn giới bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhudhātu catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Nhãn giới này bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 11 xứ là 9 xứ thô (trừ nhãn xứ), 1 ý xứ và 1 pháp xứ; 17 giới là 9 giới thô (trừ nhãn giới), 7 thức giới và 1 pháp giới.

Từ thuần nhĩ giới (2) ... cho đến thuần xúc xứ (10), cả 9 phần này giống phần thuần nhãn giới, chỉ có thay đổi giới thôi.

11. Thuần nhãn thức giới (*Cakkhuvīññāṇadhātusuddha*)

Pucchā: Cakkhuvīññāṇadhātu katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhuvīññāṇadhātu ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.

Nhãn thức giới này yếu hiệp được 1 thức uẩn; 1 ý xứ; 1 nhãn thức giới.

Pucchā: Cakkhuvīññāṇadhātu katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?

Nhãn thức giới bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhuvīññāṇadhātu catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Nhãn thức giới này bất yếu hiệp 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 17 giới là 10 giới thô, 6 thức giới (trừ nhãn thức giới), 1 pháp giới.

Từ (12) thuần nhĩ thức giới ... cho đến (17) thuần ý thức giới trình bày đều giống với thuần nhãn thức giới, chỉ thay đổi tên giới.

Hay tóm gọn

*Sotadhātu... ghānadhātu... jivhādhātu... kāyadhātu... rūpadhātu... saddadhātu...
gandhadhātu... rasadhātu... phoṭṭhabbadhātu... cakkhuvīññāṇadhātu...
sotaviññāṇadhātu... ghānaviññāṇadhātu... jivhāviññāṇadhātu... kāyaviññāṇadhātu...
manodhātu... manoviññāṇadhātu ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā
saṅgahitā.*

Nhĩ giới..., tỷ giới..., thiết giới..., thân giới..., sắc giới..., thỉnh giới..., khí giới..., vị giới..., xúc giới..., nhãn thức giới..., nhĩ thức giới..., tỷ thức giới..., thiết thức giới..., thân thức giới..., ý giới... và ý thức giới yếu hiệp được 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

Katīhi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

18. Thuần pháp giới (*Dhammadhātusuddha*)

Pucchā: Dhammadhātu katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitā?

Pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dhammadhātu asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.

Pháp giới này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: Dhammadhātu katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi asaṅgahitā?

Pháp giới bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dhammadhātu ekena khandhena ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Pháp giới này bất yếu hiệp 1 thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

Dứt phần thuần Riêng lẻ

Thuần Riêng lẻ		Xiển minh giới					
		Yếu hiệp			Bất yếu hiệp		
		Uẩn	Xứ	Giới	Uẩn	Xứ	Giới
Nhãn giới (<i>cakkhūdhātu</i>),	1	1	1	1	4	11	17
Nhĩ giới (<i>sotadhātu</i>)	2	1	1	1	4	11	17
Tỷ giới (<i>ghānadhātu</i>)	3	1	1	1	4	11	17
Thiệt giới (<i>jivhādhātu</i>)	4	1	1	1	4	11	17
Thân giới (<i>kāyadhātu</i>)	5	1	1	1	4	11	17
Sắc giới (<i>rūpadhātu</i>)	6	1	1	1	4	11	17
Thỉnh giới (<i>saddadhātu</i>)	7	1	1	1	4	11	17
Khí giới (<i>gandhadhātu</i>)	8	1	1	1	4	11	17
Vị giới (<i>rasadhātu</i>)	9	1	1	1	4	11	17
Xúc giới (<i>phoṭṭhabbadhātu</i>)	10	1	1	1	4	11	17
Nhãn thức giới (<i>cakkhuvīññādhātu</i>)	11	1	1	1	4	11	17
Nhĩ thức giới (<i>sotaviññādhātu</i>)	12	1	1	1	4	11	17
Tỷ thức giới (<i>ghānaviññādhātu</i>)	13	1	1	1	4	11	17
Thiệt thức giới (<i>jivhāviññādhātu</i>)	14	1	1	1	4	11	17
Thân thức giới (<i>kāyaviññādhātu</i>)	15	1	1	1	4	11	17
Ý giới (<i>manodhātu</i>)	16	1	1	1	4	11	17
Ý thức giới (<i>manoviññādhātu</i>)	17	1	1	1	4	11	17
Pháp giới (<i>dhammadhātu</i>)	18	*4	1	1	1	11	17

MỘT GỐC RIÊNG LẺ (BHEDAEKAMŪLĀDI)

Một gốc riêng lẻ có 17 loại là: một gốc ... cho đến mười bảy gốc (*sattarasamūla*)

MỘT GỐC (EKAMŪLA)

Một gốc có 17 loại là: (1) một gốc nhãn giới ... cho đến (17) một gốc ý thức giới.

Một gốc nhãn giới có 17 ngọn là: (1) nhĩ giới làm ngọn ... cho đến (17) pháp giới làm ngọn.

Một gốc nhãn giới (*Cakkhudhātuekamūla*)

Yếu hiệp - Bất yếu hiệp

1. Nhãn giới làm gốc - Nhĩ giới làm ngọn (*Cakkhudhātumūla - Sotadhātumūlī*)

Pucchā: Cakkhudhātu ca sotadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn giới và nhĩ giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhudhātu ca sotadhātu ca ekena khandhena dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.

Nhãn giới và nhĩ giới này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 2 xứ là nhãn xứ và nhĩ xứ; 2 giới là nhãn giới và nhĩ giới.

Pucchā: Cakkhudhātu ca sotadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?

Nhãn giới và nhĩ giới bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhudhātu ca sotadhātu ca catūhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Nhãn giới và nhĩ giới này bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 10 xứ là 8 xứ thô, 1 ý xứ và 1 pháp xứ; 16 giới là 8 giới thô, 7 thức giới và 1 pháp giới (trừ nhãn xứ, nhãn giới, nhĩ xứ và nhĩ giới).

Từ (2) nhãn giới làm gốc - tỷ giới làm ngọn ... cho đến (9) nhãn giới làm gốc - xúc giới làm ngọn đều giống với nhãn giới làm gốc - nhĩ giới làm ngọn mà chỉ thay đổi tên của xứ làm ngọn thôi.

Visajjanā: Cakkhudhātu ca ghānadhātu ca... cakkhudhātu ca jivhādhātu ca... cakkhudhātu ca kāyadhātu ca... cakkhudhātu ca rūpadhātu ca... cakkhudhātu ca saddadhātu ca... cakkhudhātu ca gandhadhātu ca... cakkhudhātu ca rasadhātu ca... cakkhudhātu ca phoṭṭhabbhadhātu ca ekena khandhena dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.

Nhãn giới và tỷ giới ..., nhãn giới và thiết giới ..., nhãn giới và thân giới ..., nhãn giới và sắc giới ..., nhãn giới và tinh giới ..., nhãn giới và khí giới ..., nhãn giới và vị giới ..., nhãn giới và xúc giới yếu hiệp được 1 uẩn, 2 xứ, 2 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

10. Nhân giới làm gốc - Nhân thức giới làm ngọn (*Cakkhudhātumūla - Cakkhuvīññāṇadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca cakkhuvīññāṇadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhân giới và nhân thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhudhātu ca cakkhuvīññāṇadhātu ca dvīhi khandhehi dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhân giới và nhân thức giới này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 2 xứ là nhãn xứ, ý xứ; 2 giới là nhãn giới, nhân thức giới.

Pucchā: *Cakkhudhātu ca cakkhuvīññāṇadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhân giới và nhân thức giới bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhudhātu ca cakkhuvīññāṇadhātu ca tīhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhân giới và nhân thức giới này bất yếu hiệp 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 10 xứ là 9 xứ thô và 1 pháp xứ; 16 giới là 9 giới thô, 6 thức giới và 1 pháp giới (trừ nhãn giới, nhân thức giới).

Từ (11) nhĩ thức giới làm ngọn ... cho đến (16) ý thức giới làm ngọn. Cả 6 câu này đều trình bày như nhân thức giới làm ngọn chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

Tóm gọn như vậy:

Cakkhudhātu ca sotaviññāṇadhātu ca... cakkhudhātu ca ghānaviññāṇadhātu ca... cakkhudhātu ca jivhāviññāṇadhātu ca... cakkhudhātu ca kāyaviññāṇadhātu ca... cakkhudhātu ca manodhātu ca... cakkhudhātu ca manoviññāṇadhātu ca dvīhi khandhehi dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.

Nhân giới và nhĩ thức giới..., nhãn giới và tỷ thức giới..., nhãn giới và thiệt thức giới..., nhãn giới và thân thức giới..., nhãn giới và ý giới..., nhãn giới và ý thức giới yếu hiệp đặng 2 uẩn, 2 xứ, 2 giới.

Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Tīhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

17. Nhãn giới làm gốc - Pháp giới làm ngọn (*Cakkhudhātumūla - Dhammadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca dhammadhātu ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới và pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhudhātu ca dhammadhātu ca asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi dvīḥāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn giới và pháp giới này (trừ ra *nibbāna* không có yếu hiệp bằng cách uẩn) yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 2 xứ là nhãn xứ và pháp xứ; 2 giới là nhãn giới và pháp giới.

Pucchā: *Cakkhudhātu ca dhammadhātu ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn giới và pháp giới bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhudhātu ca dhammadhātu ca ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Nhãn giới và pháp giới này bất yếu hiệp 1 thức uẩn; 10 xứ là 9 xứ thô và 1 ý xứ; 16 giới là 9 giới thô và 7 thức giới (trừ nhãn xứ, nhãn giới).

Dứt một gốc nhãn giới

Từ (2) nhĩ giới làm gốc ... cho đến (10) xúc giới làm gốc trình bày như một gốc nhãn giới, chỉ thay đổi tên.

Một gốc nhãn thức giới có 7 ngọn là: 1. Nhĩ thức giới làm ngọn ... cho đến ý thức giới làm ngọn.

Một gốc nhãn thức giới (*Cakkhuvīññāṇadhātuekamūla*)

Yếu hiệp - Bất yếu hiệp

1. Nhãn thức giới làm gốc - Nhĩ thức giới làm ngọn (*Cakkhuvīññāṇadhātumūla - Sotaviññāṇadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhuvīññāṇadhātu ca sotaviññāṇadhātu ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn thức giới và nhĩ thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhuvīññāṇadhātu ca sotaviññāṇadhātu ca ekena khandhena ekenāyatanena dvīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn thức giới và nhĩ thức giới này yếu hiệp được 1 thức uẩn; 1 ý xứ; 2 giới là nhãn thức giới, nhĩ thức giới.

Pucchā: *Cakkhuvīññāṇadhātu ca sotaviññāṇadhātu ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn thức giới và nhĩ thức giới bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhuvīññāṇadhātu ca sotavīññāṇadhātu ca catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Nhãn thức giới và nhĩ thức giới này bắt yếu hiệp 4 uẩn (trừ thức uẩn); 11 xứ (trừ ý xứ); 16 giới (trừ nhãn thức giới và nhĩ thức giới).

5 Thức giới làm ngọn còn lại trình bày như phương thức trên.

7. Nhãn thức giới làm gốc - Pháp giới làm ngọn (*Cakkhuvīññāṇadhātumūla - Dhammadhātumūlī*)

Pucchā: Cakkhuvīññāṇadhātu ca dhammadhātu ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn thức giới và pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhuvīññāṇadhātu ca dhammadhātu ca asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvīḥāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.

Nhãn thức giới và pháp giới này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 2 giới là nhãn thức giới và pháp giới.

Pucchā: Cakkhuvīññāṇadhātu ca dhammadhātu ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?

Nhãn thức giới và pháp giới bắt yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhuvīññāṇadhātu ca dhammadhātu ca nakehici khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Nhãn thức giới và pháp giới này không có bắt yếu hiệp một uẩn nào; bắt yếu hiệp 10 xứ thô; 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ nhãn thức giới).

Từ (12) một gốc nhĩ thức giới ... cho đến (17) một gốc ý thức giới đều trình bày như một gốc nhãn thức giới, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần một gốc

HAI GỐC (*DVIMŪLA*)

Trong phần hai gốc này, nhãn giới - nhĩ giới làm gốc, 16 giới còn lại làm ngọn.

1. Tỷ giới làm ngọn (*Ghānadhātumūlī*)

Pucchā: Cakkhudhātu ca sotadhātu ca ghānadhātu ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn giới, nhĩ giới và tỷ giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Ekena khandhena tīḥāyatanehi tīhi dhātūhi saṅgahitā.

Yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 3 xứ; 3 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitā? Bắt yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi navahāyatanehi pañṇarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 4 uẩn; 9 xứ; 15 giới.

Từ (2) thiết giới làm ngọn ... cho đến (8) xúc giới làm ngọn đều giống với tỷ giới làm ngọn mà chỉ thay đổi tên của xứ làm ngọn thôi.

9. Nhãn thức giới làm ngọn (*Cakkhuvīññāṇadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca sotadhātu ca cakkhuvīññāṇadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, nhĩ giới và nhãn thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi tihāyatanehi tīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 3 xứ; 3 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi navahāyatanehi paṇṇarasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 9 xứ; 15 giới.

Từ (10) nhĩ thức giới làm ngọn ... cho đến (15) ý thức giới làm ngọn đều trình bày như nhãn thức giới làm ngọn chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

16. Pháp giới làm ngọn (*Dhammadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca sotadhātu ca dhammadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*

Nhãn giới, nhĩ giới và pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Asaṅkhatam khandhato thapetvā catūhi khandhehi tihāyatanehi tīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn; 3 xứ; 3 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena navahāyatanehi paṇṇarasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 1 uẩn; 9 xứ; 15 giới.

Dứt phần hai gốc

BA GỐC (*TIMŪLA*)

Trong phần ba gốc này, nhãn giới - nhĩ giới - tỷ giới làm gốc, 15 giới còn lại làm ngọn.

1. Thiết giới làm ngọn (*Jivhādhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca sotadhātu ca ghānadhātu ca jivhādhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới và thiết giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Ekena khandhena catūhāyatanehi catūhi dhātūhi saṅgahitā.*

Yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 4 xứ; 4 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi aṭṭhahāyatanehi cuddasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn; 8 xứ; 14 giới.

Từ (2) thân giới làm ngọn ... cho đến (7) xúc giới làm ngọn đều giống với thiết giới làm ngọn mà chỉ thay đổi tên của xứ làm ngọn thôi.

8. Nhãn thức giới làm ngọn (*Cakkhuvīññāṇadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca sotadhātu ca ghānadhātu ca cakkhuvīññāṇadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới và nhãn thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi catūhāyatanehi catūhi dhātūhi saṅgahitā.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 4 xứ; 4 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi aṭṭhahāyatanehi cuddasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 8 xứ; 14 giới.

Từ (9) nhĩ thức giới làm ngọn ... cho đến (14) ý thức giới làm ngọn đều trình bày như nhãn thức giới làm ngọn chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

15. Pháp giới làm ngọn (*Dhammadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca sotadhātu ca ghānadhātu ca dhammadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới và pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi catūhāyatanehi catūhi dhātūhi saṅgahitā.*

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn; 4 xứ; 4 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena aṭṭhahāyatanehi cuddasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 1 uẩn; 8 xứ; 14 giới.

Dứt phần ba gốc

BỐN GỐC (*CATUMŪLA*)

Trong phần bốn gốc này, nhãn giới - nhĩ giới - tỷ giới - thiết giới làm gốc, 14 giới còn lại làm ngọn.

1. Thân giới làm ngọn (Kāyadhātumūlī)

Pucchā: Cakkhudhātu ca sotadhātu ca ghānadhātu ca jivhādhātu ca kāyadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiết giới và thân giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi saṅgahitā.

Yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 5 xứ; 5 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Từ (2) sắc giới làm ngọn ... cho đến (6) xúc giới làm ngọn đều giống với thân giới làm ngọn mà chỉ thay đổi tên của xứ làm ngọn thôi.

7. Nhãn thức giới làm ngọn (Cakkhuvīññāṇadhātumūlī)

Pucchā: Cakkhudhātu ca sotadhātu ca ghānadhātu ca jivhādhātu ca cakkhuvīññāṇadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiết giới và nhãn thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi saṅgahitā.

Yếu hiệp được 2 uẩn; 5 xứ; 5 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Từ (8) nhĩ thức giới làm ngọn ... cho đến (13) ý thức giới làm ngọn đều trình bày như nhãn thức giới làm ngọn chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

14. Pháp giới làm ngọn (Dhammadhātumūlī)

Pucchā: Cakkhudhātu ca sotadhātu ca ghānadhātu ca jivhādhātu ca dhammadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiết giới và pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Asaṅkhatam kandhato thapetvā catūhi khandhehi pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi saṅgahitā.

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn; 5 xứ; 5 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena sattahāyatanehi terasasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 1 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Dứt phần bốn gốc

NĂM GỐC (PAÑCAMŪLA)

Trong phần năm gốc này, 5 giới thô đầu làm gốc, 13 giới còn lại làm ngọn.

1. Sắc giới làm ngọn (Rūpadhātumūlī)

Pucchā: Cakkhudhātu ca ... rūpadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn giới, ... sắc giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Ekena khandhena chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitā.

Yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 4 uẩn; 6 xứ; 12 giới.

Từ (2) thỉnh giới làm ngọn ... cho đến (5) xúc giới làm ngọn đều giống với sắc giới làm ngọn mà chỉ thay đổi tên của xứ làm ngọn thôi.

6. Nhãn thức giới làm ngọn (Cakkhuvīññāṇadhātumūlī)

Pucchā: Cakkhudhātu ca ... cakkhuvīññāṇadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn giới, ... nhãn thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitā.

Yếu hiệp được 2 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 6 xứ; 12 giới.

Từ (7) nhĩ thức giới làm ngọn ... cho đến (12) ý thức giới làm ngọn đều trình bày như nhãn thức giới làm ngọn, chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

13. Pháp giới làm ngọn (Dhammadhātumūlī)

Pucchā: Cakkhudhātu ca ... dhammadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn giới, ... pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitā.

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 1 uẩn; 6 xứ; 12 giới.

Dứt phần năm gốc

SÁU GỐC (CHAMŪLA)

Trong phần sáu gốc này, 6 giới thô đầu làm ngọn, 12 giới còn lại làm ngọn.

1. Thinh giới làm ngọn (*saddadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... saddadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... thinh giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Ekena khandhena sattahāyatanehi sattahi dhātūhi saṅgahitā.*

Yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 7 xứ; 7 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi pañcahāyatanehi ekādasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn; 5 xứ; 11 giới.

Từ (2) khí giới làm ngọn ... cho đến (4) xúc giới làm ngọn đều giống với thinh giới làm ngọn mà chỉ thay đổi tên của xứ làm ngọn thôi.

4. Nhãn thức giới làm ngọn (*Cakkhuvīññāṇadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... cakkhuvīññāṇadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... nhãn thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi sattahāyatanehi sattahi dhātūhi saṅgahitā.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 7 xứ; 7 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi pañcahāyatanehi ekādasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 5 xứ; 11 giới.

Từ (6) nhĩ thức giới làm ngọn ... cho đến (11) ý thức giới làm ngọn đều trình bày như nhãn thức giới làm ngọn chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

12. Pháp giới làm ngọn (*Dhammadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... dhammadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi sattahāyatanehi sattahi dhātūhi saṅgahitā.

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 7 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi ekādasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 1 uẩn; 5 xứ; 11 giới.

Dứt phần sáu gốc

BẢY GỐC (SATTAMŪLA)

Trong phần bảy gốc này, 7 giới thô đầu làm gốc, 11 giới còn lại làm ngọn.

1. Khí giới làm ngọn (*gandhadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... gandhadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... khí giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Ekena khandhena aṭṭhahāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi saṅgahitā.

Yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 8 xứ; 8 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi catūhāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 4 uẩn; 4 xứ; 10 giới.

Từ (2) vị giới làm ngọn ... cho đến (3) xúc giới làm ngọn đều giống với khí giới làm ngọn mà chỉ thay đổi tên của xứ làm ngọn thôi.

4. Nhãn thức giới làm ngọn (*Cakkhuvīññāṇadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... cakkhuvīññāṇadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... nhãn thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi aṭṭhahāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi saṅgahitā.

Yếu hiệp được 2 uẩn; 8 xứ; 8 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi catūhāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 4 xứ; 10 giới.

Từ (5) nhĩ thức giới làm ngọn ... cho đến (10) ý thức giới làm ngọn đều trình bày như nhãn thức giới làm ngọn chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

11. Pháp giới làm ngọn (*Dhammadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... dhammadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Asaṅkhatam khandhato tṭhapetvā catūhi khandhehi aṭṭhahāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi saṅgahitā.*

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn; 8 xứ; 8 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena catūhāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 1 uẩn; 4 xứ; 10 giới.

Dứt phần bảy gốc

TÁM GỐC (*Aṭṭhamūla*)

Trong phần tám gốc này, 8 giới thô đầu làm gốc, 10 giới còn lại làm ngọn.

1. Vị giới làm ngọn (*Rasadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... rasadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... vị giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Ekena khandhena navahāyatanehi navahi dhātūhi saṅgahitā.*

Yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 9 xứ; 9 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi tīhāyatanehi navahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn; 3 xứ; 9 giới.

(2) xúc giới làm ngọn đều giống với vị giới làm ngọn mà chỉ thay đổi tên của xứ làm ngọn thôi.

3. Nhãn thức giới làm ngọn (*Cakkhuvīññāṇadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... cakkhuvīññāṇadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... nhãn thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi navahāyatanehi navahi dhātūhi saṅgahitā.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 9 xứ; 9 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi tīhāyatanehi navahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 3 xứ; 9 giới.

Từ (4) nhĩ thức giới làm ngọn ... cho đến (9) ý thức giới làm ngọn đều trình bày như nhãn thức giới làm ngọn chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

10. Pháp giới làm ngọn (*Dhammadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... dhammadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi navahāyatanehi navahi dhātūhi saṅgahitā.*

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn; 9 xứ; 9 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena tīhāyatanehi navahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 1 uẩn; 3 xứ; 9 giới.

Dứt phần tám gốc

CHÍN GỐC (*NAVAMŪLA*)

Trong phần chín gốc này, 9 giới thô đầu làm gốc, 9 giới còn lại làm ngọn.

1. Xúc giới làm ngọn (*Phoṭṭhabbadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... phoṭṭhabbadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... xúc giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 10 xứ; 10 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn; 2 xứ; 8 giới.

2. Nhãn thức giới làm ngọn (*Cakkhuvīññāṇadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... cakkhuvīññāṇadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... nhãn thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi dasahāyatanehi dasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 10 xứ; 10 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 2 xứ; 8 giới.

Từ (3) nhãn thức giới làm ngọn ... cho đến (8) ý thức giới làm ngọn đều trình bày như nhãn thức giới làm ngọn chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

9. Pháp giới làm ngọn (*Dhammadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... dhammadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi dasahāyatanehi dasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn; 10 xứ; 10 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 1 uẩn; 2 xứ; 8 giới.

Dứt phần chín gốc

MƯỜI GỐC (*DASAMŪLA*)

Trong phần mười gốc này, 10 giới thô làm gốc, 8 giới còn lại làm ngọn.

1. Nhãn thức giới làm ngọn (*Cakkhuvīññāṇadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... cakkhuvīññāṇadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... nhãn thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 11 xứ; 11 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi ekenāyataneṇa sattahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 1 xứ; 7 giới.

Từ (2) nhãn thức giới làm ngọn ... cho đến (7) ý thức giới làm ngọn đều trình bày như nhãn thức giới làm ngọn chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

8. Pháp giới làm ngọn (*Dhammadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... dhammadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Asaṅkhatam kandhato ṭhapetvā catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 4 uẩn; 11 xứ; 11 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 1 uẩn; 1 xứ; 7 giới.

Dứt phần mười gốc

MƯỜI MỘT GỐC (EKĀDASAMŪLA)

Trong phần mười một gốc này, 10 giới thô và 1 nhãn thức giới làm gốc, 7 giới còn lại làm ngọn.

1. Nhĩ thức giới làm ngọn (Sotaviññāṇadhātumūlī)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... sotaviññāṇadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... nhĩ thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi dvādasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 11 xứ; 12 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi ekenāyatanena chahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 1 xứ; 6 giới.

Từ (2) tỷ thức giới làm ngọn ... cho đến (6) ý thức giới làm ngọn đều trình bày như nhĩ thức giới làm ngọn chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

7. Pháp giới làm ngọn (Dhammadhātumūlī)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... dhammadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi dvādasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn; 12 xứ; 12 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Nakehici khandhehi nakehici āyatanehi chahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ nào cả; bất yếu hiệp 6 giới.

Dứt phần mười một gốc

MƯỜI HAI GỐC (DVĀDASAMŪLA)

Trong phần mười hai gốc này, 10 giới thô và 2 thức giới đầu làm gốc, 6 giới còn lại làm ngọn.

1. Tỷ thức giới làm ngọn (Ghānaviññāṇadhātumūlī)

Pucchā: Cakkhudhātu ca ... ghānaviññāṇadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn giới, ... tỷ thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitā.

Yếu hiệp được 2 uẩn; 11 xứ; 13 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi ekenāyatanena pañcahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 1 xứ; 5 giới.

Từ (2) thiết thức giới làm ngọn ... cho đến (5) ý thức giới làm ngọn đều trình bày như tỷ thức giới làm ngọn chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

6. Pháp giới làm ngọn (Dhammadhātumūlī)

Pucchā: Cakkhudhātu ca ... dhammadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn giới, ... pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitā.

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn; 12 xứ; 13 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Nakehici khandhehi nakehici āyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitā.

Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ nào cả; bất yếu hiệp 5 giới.

Dứt phần mười hai gốc

MƯỜI BA GỐC (TERASAMŪLA)

Trong phần mười ba gốc này, 10 giới thô và 3 thức giới đầu làm gốc, 5 giới còn lại làm ngọn.

1. Thiết thức giới làm ngọn (Jivhāviññāṇadhātumūlī)

Pucchā: Cakkhudhātu ca ... jivhāviññāṇadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn giới, ... thiết thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi cuddasahi dhātūhi saṅgahitā.

Yếu hiệp được 2 uẩn; 11 xứ; 14 giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi ekenāyatanena catūhi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 1 xứ; 4 giới.

Từ (2) thân thức giới làm ngọn ... cho đến (4) ý thức giới làm ngọn đều trình bày như thiệt thức giới làm ngọn chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

5. Pháp giới làm ngọn (*Dhammadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... dhammadhātu ca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Asaṅkhatam khandhato thapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi cuddasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn; 12 xứ; 14 giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Nakehici khandhehi nakehici āyatanehi catūhi dhātūhi asaṅgahitā.*

Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ nào cả; bất yếu hiệp 4 giới.

Dứt phần mười ba gốc

MƯỜI BỐN GỐC (*CUDDASAMŪLA*)

Trong phần mười bốn gốc này, 10 giới thô và 4 thức giới đầu làm gốc, 4 giới còn lại làm ngọn.

1. Thân thức giới làm ngọn (*Kāyaviññāṇadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... kāyaviññāṇadhātu ca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... thân thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi pañnarasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 11 xứ; 15 giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi ekenāyatanena tīhi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 1 xứ; 3 giới.

Từ (2) ý giới làm ngọn cho đến (3) ý thức giới làm ngọn đều trình bày như thân thức giới làm ngọn chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

4. Pháp giới làm ngọn (*Dhammadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... dhammadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi paññarasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn; 12 xứ; 15 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Nakehici khandhehi nakehici āyatanehi tīhi dhātūhi asaṅgahitā.*

Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ nào cả; bất yếu hiệp 3 giới.

Dứt phần mười bốn gốc

MƯỜI LĂM GỐC (*PAÑÑARASAMŪLA*)

Trong phần mười lăm gốc này, 10 giới thô và 5 thức giới đầu làm gốc, 3 giới còn lại làm ngọn.

1. Ý giới làm ngọn (*Manodhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... manodhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... ý giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 11 xứ; 16 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi ekenāyatanena dvīhi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 1 xứ; 2 giới.

(2) ý thức giới làm ngọn đều trình bày như ý giới làm ngọn chỉ có khác ở chỗ là thay đổi tên giới.

3. Pháp giới làm ngọn (*Dhammadhātumūlī*)

Pucchā: *Cakkhudhātu ca ... dhammadhātu ca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn giới, ... pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn; 12 xứ; 16 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Nakehici khandhehi nakehici āyatanehi dvīhi dhātūhi asaṅgahitā.

Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ nào cả; bất yếu hiệp 2 giới.

Dứt phần mười lăm gốc

MƯỜI SÁU GỐC (SOḬASAMŪLA)

Trong phần mười sáu gốc này, 10 giới thô và 6 thức giới đầu làm gốc, 2 giới còn lại làm ngọn.

1. Ý thức giới làm ngọn (*Manoviññāṇadhātumūlī*)

Pucchā: Cakkhudhātu ca ... manoviññāṇadhātu ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn giới, ... ý thức giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi saṅgahitā.

Yếu hiệp được 2 uẩn; 11 xứ; 17 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 3 uẩn; 1 xứ; 1 giới.

2. Pháp giới làm ngọn (*Dhammadhātumūlī*)

Pucchā: Cakkhudhātu ca ... dhammadhātu ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn giới, ... pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi saṅgahitā.

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn; 12 xứ; 17 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Nakehici khandhehi nakehici āyatanehi ekāya dhātuyā asaṅgahitā.

Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ nào cả; bất yếu hiệp 1 giới.

Dứt phần mười sáu gốc

MƯỜI BẢY GỐC (SATTARASAMŪLA)

Trong phần mười bảy gốc này, 10 giới thô và 7 thức giới làm gốc, pháp giới làm ngọn.

1. Pháp giới làm ngọn (*Dhammadhātumūlī*)

Pucchā: Cakkhudhātu ca ... dhammadhātu ca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn giới, ... pháp giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭharasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn; 12 xứ; 18 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Nakehici khandhehi nakehici āyatanehi nakāhica dhātūhi asaṅgahitā.*

Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới nào cả.

*Dứt phần mười bảy gốc
Dứt phần một gốc riêng lẻ*

PHẦN CHUNG NHẤT (ABHEDA)

Pucchā: *Aṭṭhārasa dhātuyo katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*
18 giới yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Aṭṭhārasa dhātuyo asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭhārasahi dhātūhi saṅgahitā.*

18 giới này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn; 12 xứ; 18 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.*

Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới nào cả.

Dứt phần xiển minh giới

4/ XIỂN MINH ĐẾ (SACCANIDDESA)

Xiển minh đế có 2 phần là: Riêng lẻ (*bheda*) và chung nhất (*abheda*)

Phần Riêng lẻ có 2 là: Thuần riêng lẻ (*bhedasuddha*) và một gốc riêng lẻ (*bhedaekamūlādi*),

Phần Thuần riêng lẻ có 4 là: thuần khổ đế (*dukkhasaccasuddha*), thuần tập đế (*samudayasaccasuddha*), thuần diệt đế (*nirodhasaccasuddha*), thuần đạo đế (*maggasaccasuddha*).

THUẦN RIÊNG LẺ (BHEDASUDDHA)

1. Thuần khổ đế (*Dukkhasaccasuddha*)

Pucchā: *Dukkhasaccam katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitam?*
Khổ đế yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dukkhasaccam pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭhārasahi dhātūhi saṅgahitam.*

Khổ đế này yếu hiệp được 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitaṃ.*
Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới nào cả.

2. Thuần tập đế (*Samudayasaccasuddha*)

Pucchā: *Samudayasaccaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*

Tập đế yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitaṃ.*
Yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.*
Bất yếu hiệp 4 uẩn (trừ hành uẩn), 11 xứ (trừ pháp xứ), 17 giới (trừ pháp giới).

3. Thuần diệt đế (*Nirodhasaccasuddha*)

Pucchā: *Nirodhasaccaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*
Diệt đế yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Nirodhasaccaṃ na kehici khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitaṃ.*

Diệt đế này không có yếu hiệp được uẩn nào cả, yếu hiệp được 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Pañcahi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.*
Bất yếu hiệp 5 uẩn, 11 xứ (trừ pháp xứ), 17 giới (trừ pháp giới).

4. Thuần đạo đế (*Maggasaccasuddha*)

Pucchā: *Maggasaccaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*
Đạo đế yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Maggasaccaṃ ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitaṃ.*
Đạo đế này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.*
Bất yếu hiệp 4 uẩn (trừ hành uẩn), 11 xứ (trừ pháp xứ), 17 giới (trừ pháp giới).

Dứt phần thuần Riêng lẻ

PHẦN MỘT GỐC RIÊNG LẺ (BHEDA EKAMŪLĀDI)

Phần một gốc riêng lẻ có 3 là: Một gốc, hai gốc, ba gốc.

Phần một gốc có 3 là: Khổ để làm gốc, tập để làm gốc, diệt để làm gốc.

Khổ để làm gốc có 3 ngọn là: tập để làm ngọn, diệt để làm ngọn, đạo để làm ngọn.

Một gốc khổ để (Dukkhasaccaekamūla)

Yếu hiệp - Bất yếu hiệp

1. Khổ để làm gốc - Tập để làm ngọn (Dukkhasaccamūla - Samudayasaccamūlī)

Pucchā: Dukkhasaccañca samudayasaccañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Khổ để và tập để yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭhārasahi dhātūhi saṅgahitā.

Yếu hiệp được 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.

Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới nào cả!

2. Khổ để làm gốc - đạo để làm ngọn (Dukkhasaccamūla - Maggasaccamūlī)

Pucchā: Dukkhasaccañca maggasaccañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Khổ để và đạo để yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭhārasahi dhātūhi saṅgahitā.

Yếu hiệp được 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.

Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới nào cả!

3. Khổ để làm gốc - diệt để làm ngọn (Dukkhasaccamūla - Nirodhasaccamūlī)

Pucchā: Dukkhasaccañca nirodhasaccañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Khổ để và diệt để yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dukkhasaccañca nirodhasaccañca asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭhārasahi dhātūhi saṅgahitā.

Khổ để và diệt để này, trừ ra nibbāna bất yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.*
Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới nào cả!

Một gốc tập đế có 2 ngọn là: diệt đế làm ngọn và đạo đế làm ngọn.

Một gốc tập đế (*Samudayasaccaekamūla*)

Yếu hiệp - Bất yếu hiệp

1. Tập đế làm gốc - diệt đế làm ngọn (*Samudayasaccamūla - Nirodhasaccamūlī*)

Pucchā: *Samudayasaccañca nirodhasaccañca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitā?*

Tập đế và diệt đế yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Samudayasaccañca nirodhasaccañca asaṅkhatam khandhato thapetvā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Tập đế và diệt đế này, trừ ra nibbāna bất yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.*
Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

2. Tập đế làm gốc - đạo đế làm ngọn (*Samudayasaccamūla - Maggasaccamūlī*)

Pucchā: *Samudayasaccañca maggasaccañca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitā?*

Tập đế và đạo đế yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Samudayasaccañca maggasaccañca ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Tập đế và đạo đế này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.*
Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

Một gốc diệt đế (*Nirodhasaccaekamūla*)

Yếu hiệp - Bất yếu hiệp

Diệt đế làm gốc - đạo đế làm ngọn (*Nirodhasaccamūla - Maggasaccamūlī*)

Pucchā: *Nirodhasaccañca maggasaccañca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitā?*

Diệt đế và đạo đế yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Nirodhasaccañca maggasaccañca ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.

Diệt đế và đạo đế này, trừ ra nibbāna bất yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

Dứt phần một gốc

HAI GỐC (DVIMŪLA)

Trong phần hai gốc này, khổ đế - tập đế làm gốc, diệt đế, đạo đế làm ngọn.

1. diệt đế làm ngọn (Nirodhasaccamūlī)

Pucchā: *Dukkhasaccañca samudayasaccañca nirodhasaccañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Khổ đế, tập đế và diệt đế yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭhārasahi dhātūhi saṅgahitā.

Trừ ra nibbāna bất yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.

Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới nào cả!

2. đạo đế làm ngọn (Maggasaccamūlī)

Pucchā: *Dukkhasaccañca samudayasaccañca maggasaccañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Khổ đế, tập đế và đạo đế yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭhārasahi dhātūhi saṅgahitā.

Yếu hiệp được 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.

Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới nào cả!

Dứt phần hai gốc

BA GỐC (TIMŪLA)

Trong phần hai gốc này, khổ đế - tập đế - diệt đế làm gốc, đạo đế làm ngọn.

1. đạo để làm ngọn (*Maggasaccamūlī*)

Pucchā: *Dukkhasaccañca samudayasaccañca nirodhasaccañca maggasaccañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭhārasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Trừ ra nibbāna bất yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.*

Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới nào cả!

*Dứt phần ba gốc
Và dứt phần một gốc riêng lẻ*

PHẦN CHUNG NHẤT (*ABHEDA*)

Pucchā: *Cattāri saccāni katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Tứ đế yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭhārasahi dhātūhi saṅgahitāni.*

Trừ ra nibbāna bất yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitāni.*

Không có bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới nào cả!

Thuần Riêng lẻ		Xiển minh đế					
		Yếu hiệp			Bất yếu hiệp		
		Uẩn	Xứ	Giới	Uẩn	Xứ	Giới
Khổ đế	1	5	12	18	x	x	x
Tập đế	2	1	1	1	4	11	17
Diệt đế	3	x	1	1	5	11	17
Đạo đế	4	1	1	1	4	11	17

*Dứt phần chung nhất
Dứt phần xiển minh đế*

5/ XIÊN MINH QUYỀN (INDRIYANIDDESA)

Xiên minh quyền có 2 phần là: Riêng lẻ (*bheda*) và chung nhất (*abheda*)

Phần Riêng lẻ có 2 là: Thuần riêng lẻ (*bhedasuddha*) và một gốc riêng lẻ (*bhedaekamūlādi*).

Phần Thuần riêng lẻ có 4 là: thuần nhãn quyền (*cakkhundriyasuddha*), cho đến thuần tri cụ tri quyền (*aññātāvindriyasuddha*).

THUẦN RIÊNG LẺ (BHEDASUDDHA)

1. Thuần nhãn quyền (*Cakkhundriyasuddha*)

Pucchā: *Cakkhundriyaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*

Nhãn quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhundriyaṃ ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitaṃ.*

Nhãn quyền này yếu hiệp được 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

Từ (2) thuần nhĩ quyền ... cho đến (5) thuần thân quyền trình bày như thuần nhãn quyền, chỉ khác là thay đổi tên.

Tóm gọn là:

Sotindriyaṃ... ghānindriyaṃ... jivhindriyaṃ... kāyindriyaṃ... itthindriyaṃ ... purisindriyaṃ ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitaṃ.

Katihi asaṅgahitaṃ?

Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.

Nhĩ quyền..., tỷ quyền..., thiết quyền..., thân quyền..., nữ quyền..., nam quyền yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

6. Thuần nữ quyền (*Itthindriyasuddha*)

Pucchā: *Itthindriyaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*

Nữ quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Itthindriyaṃ ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitaṃ.*

Nữ quyền này yếu hiệp được 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

(7) thuần nam quyền trình bày như thuần nữ quyền, chỉ khác là thay đổi tên.

8. Thuần mạng quyền (*Jīvitindriyasuddha*)

Pucchā: *Jīvitindriyaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*

Mạng quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Jīvitindriyaṃ dvīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitaṃ.*

Mạng quyền này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

9. Thuần ý quyền (*Manindriyasuddha*)

Pucchā: *Manindriyaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*

Ý quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Manindriyaṃ ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi saṅgahitaṃ.*

Ý quyền này yếu hiệp được 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.

10. Thuần lạc quyền (*Sukhindriyasuddha*)

Pucchā: *Sukhindriyaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*

Lạc quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Sukhindriyaṃ ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitaṃ.*

Lạc quyền này yếu hiệp được 1 thọ uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

Từ (11) thuần khổ quyền ... cho đến (14) thuần xả quyền trình bày như thuần lạc quyền chỉ khác là thay đổi tên.

15. Thuần tín quyền (*Saddhindriyasuddha*)

Pucchā: *Saddhindriyaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*

Tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Saddhindriyaṃ ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitaṃ.

Tín quyền này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

Từ (16) thuận căn quyền ... cho đến (22) thuận tri cụ tri quyền trình bày như thuận tín quyền, chỉ khác là thay đổi tên.

Tóm tắt như vậy:

Sukhindriyaṃ... Dukkhindriyaṃ... somanassindriyaṃ... domanassindriyaṃ... upekkhindriyaṃ... saddhindriyaṃ... viriyindriyaṃ... satindriyaṃ... samādhindriyaṃ... paññindriyaṃ... anaññātāññassāmītindriyaṃ... aññindriyaṃ... aññātāvindriyaṃ ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitaṃ. Katihi asaṅgahitaṃ? Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.

Lạc quyền..., khổ quyền..., hỷ quyền..., ưu quyền..., xả quyền..., tín quyền..., căn quyền..., niệm quyền..., định quyền..., tuệ quyền..., tri dị tri quyền..., tri dĩ tri quyền..., tri cụ tri quyền yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

Thuần Riêng lẻ		Xiển minh quyền					
		Yếu hiệp			Bất yếu hiệp		
		Uẩn	Xứ	Giới	Uẩn	Xứ	Giới
Nhãn quyền (<i>cakkhundriya</i>)	1	1	1	1	4	11	17
Nhĩ quyền (<i>sotindriya</i>)	2	1	1	1	4	11	17
Tỷ quyền (<i>ghānindriya</i>)	3	1	1	1	4	11	17
Thiệt quyền (<i>jivhindriya</i>)	4	1	1	1	4	11	17
Thân quyền (<i>kāyindriya</i>)	5	1	1	1	4	11	17
Nữ quyền (<i>itthindriya</i>)	6	1	1	1	4	11	17
Nam quyền (<i>purisinriya</i>)	7	1	1	1	4	11	17
Mạng quyền (<i>jīvitindriya</i>)	8	2	1	1	3	11	17
Ý quyền (<i>manindriya</i>)	9	1	1	7	4	11	11
Lạc quyền (<i>sukhindriya</i>)	10	1	1	1	4	11	17
Khổ quyền (<i>dukkhindriya</i>)	11	1	1	1	4	11	17
Hỷ quyền (<i>somanassindriya</i>)	12	1	1	1	4	11	17
Ưu quyền (<i>domanassindriya</i>)	13	1	1	1	4	11	17
Xả quyền (<i>upekkhindriya</i>)	14	1	1	1	4	11	17
Tín quyền (<i>saddhindriya</i>)	15	1	1	1	4	11	17
Căn quyền (<i>viriyindriya</i>)	16	1	1	1	4	11	17
Niệm quyền (<i>satindriya</i>)	17	1	1	1	4	11	17

Định quyền (<i>samādhindriya</i>)	18	1	1	1	4	11	17
Tuệ quyền (<i>paññindriya</i>)	19	1	1	1	4	11	17
Tri vị tri quyền (<i>anaññātaññassāmitindriya</i>)	20	1	1	1	4	11	17
Tri dĩ tri quyền (<i>aññindriya</i>)	21	1	1	1	4	11	17
Tri cụ tri quyền (<i>aññātāvindriya</i>)	22	1	1	1	4	11	17

Dứt phần thuần Riêng lẻ

PHẦN MỘT GỐC RIÊNG LẺ (BHEDAEKAMŪLĀDI)

Phần một gốc riêng lẻ có 21 là: Một gốc ... cho đến 21 gốc.

Phần một gốc có 21 là: nhãn quyền làm gốc, ... cho đến tri dĩ tri quyền làm gốc.

Nhãn quyền làm gốc có 21 ngọn là: nhĩ quyền làm ngọn, ... cho đến tri cụ tri quyền làm ngọn.

Một gốc nhãn quyền (*Cakkhundriyaekamūla*)

Yếu hiệp - Bất yếu hiệp

1. Nhãn quyền làm gốc - Nhĩ quyền làm ngọn

(*Cakkhundriyamūla - Sotindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyañca sotindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn quyền và nhĩ quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhundriyañca sotindriyañca ekena khandhena dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.

Nhãn quyền và nhĩ quyền này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 2 xứ là nhãn xứ và nhĩ xứ; 2 giới là nhãn giới và nhĩ giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

Từ (2) tỷ quyền làm ngọn ... cho đến (4) thân quyền làm ngọn trình bày giống như nhĩ quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

5. Nhãn quyền làm gốc - Nữ quyền làm ngọn

(*Cakkhundriyamūla - Itthindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyañca itthindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn quyền và nữ quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhundriyañca itthindriyañca ekena khandhena dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.

Nhãn quyền và nữ quyền này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 2 xứ là nhãn xứ và pháp xứ; 2 giới là nhãn giới và pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

(6) Nam quyền làm ngọn trình bày giống như nữ quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Hay tóm gọn như vậy:

*Cakkhundriyaṇca ghānindriyaṇca... cakkhundriyaṇca jivhindriyaṇca...
cakkhundriyaṇca kāyindriyaṇca... cakkhundriyaṇca itthindriyaṇca... cakkhundriyaṇca
purisindriyaṇca ekena khandhena dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn quyền và tỷ quyền..., nhãn quyền và thiết quyền..., nhãn quyền và thân quyền..., nhãn quyền và nữ quyền..., nhãn quyền và nam quyền yếu hiệp 1 uẩn, 2 xứ, 2 giới.

Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Catūhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

7. Nhãn quyền làm gốc - Mạng quyền làm ngọn

(*Cakkhundriyamūla - Jīvitindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyaṇca jīvitindriyaṇca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn quyền và mạng quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhundriyaṇca jīvitindriyaṇca dvīhi khandhehi dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn quyền và mạng quyền này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và hành uẩn; 2 xứ là nhãn xứ và pháp xứ; 2 giới là nhãn giới và pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

8. Nhãn quyền làm gốc - Ý quyền làm ngọn

(*Cakkhundriyamūla - Manindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyaṇca manindriyaṇca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn quyền và ý quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhundriyaṇca manindriyaṇca dvīhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn quyền và ý quyền này yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 2 xứ là nhãn xứ, ý xứ; 8 giới là nhãn giới, 7 thức giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi dasahāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

9. Nhãn quyền làm gốc - Lạc quyền làm ngọn

(*Cakkhundriyamūla - Sukhindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca sukhindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn quyền và lạc quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhundriyañca sukhindriyañca dvīhi khandhehi dvīḥāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn quyền và lạc quyền này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thọ uẩn; 2 xứ là nhãn xứ và pháp xứ; 2 giới là nhãn giới và pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

Từ (10) khổ quyền làm ngọn ... cho đến (13) xả quyền làm ngọn trình bày giống như lạc quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

14. Nhãn quyền làm gốc - Tín quyền làm ngọn

(*Cakkhundriyamūla - Saddhindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca saddhindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nhãn quyền và tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cakkhundriyañca saddhindriyañca dvīhi khandhehi dvīḥāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Nhãn quyền và tín quyền này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và hành uẩn; 2 xứ là nhãn xứ và pháp xứ; 2 giới là nhãn giới và pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

Từ (15) cần quyền làm ngọn ... cho đến (21) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tín quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần một gốc

HAI GỐC (DVIMŪLA)

Trong phần hai gốc này, nhãn quyền - nhĩ quyền làm gốc, 20 quyền còn lại làm ngọn.

1. Tỷ quyền làm ngọn (Ghānindriyamūlī)

Pucchā: Cakkhundriyañca sotindriyañca ghānindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, nhĩ quyền và tỷ quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Cakkhundriyañca sotindriyañca ghānindriyañca ekena khandhena tīḥāyatanehi tīhi dhātūhi saṅgahitāni.

Nhãn quyền, nhĩ quyền và tỷ quyền này yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 3 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ và tỷ xứ; 3 giới là nhãn giới, nhĩ giới và tỷ giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi navahāyatanehi paṇṇarasahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 9 xứ, 15 giới.

Từ (2) thiết quyền làm ngọn ... cho đến (3) thân quyền làm ngọn trình bày giống như tỷ quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

4. Nữ quyền làm ngọn (Itthindriyamūlī)

Pucchā: Cakkhundriyañca sotindriyañca itthindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, nhĩ quyền và nữ quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Ekena khandhena tīḥāyatanehi tīhi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 1 uẩn; 3 xứ; 3 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi navahāyatanehi paṇṇarasahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 9 xứ, 15 giới.

(5) Nam quyền làm ngọn trình bày giống như nữ quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

6. Mạng quyền làm ngọn (Jīvitindriyamūlī)

Pucchā: Cakkhundriyañca sotindriyañca jīvitindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, nhĩ quyền và mạng quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi tīḥāyatanehi tīhi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và hành uẩn; 3 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ và pháp xứ; 3 giới là nhãn giới, nhĩ giới và pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi navahāyatanehi paṇṇarasahi dhātūhi asaṅgahitāni.*
Bất yếu hiệp 3 uẩn, 9 xứ, 15 giới.

7. Ý quyền làm ngọn (*Manindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca sotindriyañca manindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, nhĩ quyền và ý quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi tīhāyatanehi navahi dhātūhi saṅgahitāni.*

Yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 3 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ và ý xứ; 9 giới là nhãn giới, nhĩ giới và 7 thức giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi navahāyatanehi navahi dhātūhi asaṅgahitāni.*
Bất yếu hiệp 3 uẩn, 9 xứ, 9 giới.

8. Lạc quyền làm ngọn (*Sukhindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca sotindriyañca sukhindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, nhĩ quyền và lạc quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi tīhāyatanehi tīhi dhātūhi saṅgahitāni.*

Yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thọ uẩn; 3 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ và pháp xứ; 3 giới là nhãn giới, nhĩ giới và pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi navahāyatanehi paṇṇarasahi dhātūhi asaṅgahitāni.*
Bất yếu hiệp 3 uẩn, 9 xứ, 15 giới.

Từ (9) khổ quyền làm ngọn ... cho đến (12) xả quyền làm ngọn trình bày giống như lạc quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

13. Tín quyền làm ngọn (*Saddhindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca sotindriyañca saddhindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, nhĩ quyền và tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi tīhāyatanehi tīhi dhātūhi saṅgahitāni.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 3 xứ; 3 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi navahāyatanehi paṇṇarasahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 9 xứ, 15 giới.

Từ (14) cần quyền làm ngọn ... cho đến (20) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tín quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần hai gốc

BA GỐC (TIMŪLA)

Trong phần ba gốc này, nhãn quyền - nhĩ quyền - tỷ quyền làm gốc, 19 quyền còn lại làm ngọn.

1. Thiết quyền làm ngọn (*Jivhindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyaṇca sotindriyaṇca ghānindriyaṇca jivhindriyaṇca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền và thiết quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Ekena khandhena catūhāyatanehi catūhi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 4 xứ; 4 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi aṭṭhahāyatanehi cuddasahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 8 xứ, 14 giới.

Từ (2) thân quyền làm ngọn trình bày giống như thiết quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

3. Nữ quyền làm ngọn (*Itthindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyaṇca sotindriyaṇca ghānindriyaṇca itthindriyaṇca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền và nữ quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Ekena khandhena catūhāyatanehi catūhi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 1 uẩn; 4 xứ; 4 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi aṭṭhahāyatanehi cuddasahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 8 xứ, 14 giới.

(4) Nam quyền làm ngọn trình bày giống như nữ quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

5. Mạng quyền làm ngọn (*Jīvitindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyaṇca sotindriyaṇca ghānindriyaṇca jīvitindriyaṇca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền và mạng quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi catūhāyatanehi catūhi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 2 uẩn; 4 xứ; 4 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi aṭṭhahāyatanehi cuddasahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 8 xứ, 14 giới.

6. Ý quyền làm ngọn (*Manindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca sotindriyañca ghānindriyañca manindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền và ý quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi catūhāyatanehi dasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp 2 uẩn; 4 xứ; 10 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi aṭṭhahāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 8 xứ, 8 giới.

7. Lạc quyền làm ngọn (*Sukhindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca sotindriyañca ghānindriyañca sukhindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền và lạc quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi catūhāyatanehi catūhi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 2 uẩn; 4 xứ; 4 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi aṭṭhahāyatanehi cuddasahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 8 xứ, 14 giới.

Từ (8) khổ quyền làm ngọn ... cho đến (11) xả quyền làm ngọn trình bày giống như lạc quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

12. Tín quyền làm ngọn (*Saddhindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca sotindriyañca ghānindriyañca saddhindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền và tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi catūhāyatanehi catūhi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 2 uẩn; 4 xứ; 4 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi aṭṭhahāyatanehi cuddasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 8 xứ, 14 giới.

Từ (13) cần quyền làm ngọn ... cho đến (19) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tín quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần ba gốc

BỐN GỐC (CATUMŪLA)

Trong phần bốn gốc này, nhãn quyền - nhĩ quyền - tỷ quyền - thiết quyền làm gốc, 18 quyền còn lại làm ngọn.

1. Thân quyền làm ngọn (*Kāyindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyaṇca ... kāyindriyaṇca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... thân quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 5 xứ; 5 giới.

Pucchā: Katihi saṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 7 xứ, 13 giới.

2. Nữ quyền làm ngọn (*Itthindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyaṇca ... itthindriyaṇca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... nữ quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 1 uẩn; 5 xứ; 5 giới.

Pucchā: Katihi saṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 7 xứ, 13 giới.

(3) Nam quyền làm ngọn trình bày giống như nữ quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

4. Mạng quyền làm ngọn (*Jīvitindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyaṇca ... jīvitindriyaṇca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... mạng quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 2 uẩn; 5 xứ; 5 giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi asaṅgahitāni.*
Bất yếu hiệp 3 uẩn, 7 xứ, 13 giới.

5. Ý quyền làm ngọn (*Manindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyaṇca ... manindriyaṇca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... ý quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi pañcahāyatanehi ekādasahi dhātūhi saṅgahitāni.*
Yếu hiệp 2 uẩn; 5 xứ; 11 giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi sattahāyatanehi sattahi dhātūhi asaṅgahitāni.*
Bất yếu hiệp 3 uẩn, 7 xứ, 7 giới.

7. Lạc quyền làm ngọn (*Sukhindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyaṇca ... sukhindriyaṇca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... lạc quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi saṅgahitāni.*
Yếu hiệp được 2 uẩn; 5 xứ; 5 giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi asaṅgahitāni.*
Bất yếu hiệp 3 uẩn, 7 xứ, 13 giới.

Từ (7) khổ quyền làm ngọn ... cho đến (10) xả quyền làm ngọn trình bày giống như lạc quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

11. Tín quyền làm ngọn (*Saddhindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyaṇca ... saddhindriyaṇca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi saṅgahitāni.*
Yếu hiệp được 2 uẩn; 5 xứ; 5 giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi asaṅgahitāni.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 7 xứ, 13 giới.

Từ (12) cần quyền làm ngọn ... cho đến (18) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tín quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần bốn góc

NĂM GỐC (PAÑCAMŪLA)

Trong phần năm gốc này, 5 sắc quyền đầu làm gốc, 17 quyền còn lại làm ngọn.

1. Nữ quyền làm ngọn (Itthindriyamūlī)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... itthindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... nữ quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Ekena khandhena chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 1 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

(2) Nam quyền làm ngọn trình bày giống như nữ quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

3. Mạng quyền làm ngọn (Jīvitindriyamūlī)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... jīvitindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... mạng quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 2 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

4. Ý quyền làm ngọn (Manindriyamūlī)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... manindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... ý quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp 2 uẩn; 6 xứ; 12 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 6 giới.

6. Lạc quyền làm ngọn (*Sukhindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... sukhindriyañca katihī khandhehi katihāyatanehi katihī dhātūhi saṅgahitā?

Nhãn quyền, ... lạc quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitā.

Yếu hiệp được 2 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: Katihī asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

Từ (6) khổ quyền làm ngọn ... cho đến (9) xả quyền làm ngọn trình bày giống như lạc quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

10. Tín quyền làm ngọn (*Saddhindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... saddhindriyañca katihī khandhehi katihāyatanehi katihī dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 2 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: Katihī asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

Từ (11) cần quyền làm ngọn ... cho đến (17) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tín quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần năm gốc

SÁU GỐC (*CHAMŪLA*)

Trong phần sáu gốc này, 6 sắc quyền đầu làm gốc, 16 quyền còn lại làm ngọn.

1. Nam quyền làm ngọn (*Purisindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... purisindriyañca katihī khandhehi katihāyatanehi katihī dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... nam quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Ekena khandhena chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 1 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitāni.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

2. Mạng quyền làm ngọn (*Jīvitindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyaṇca ... jīvitindriyaṇca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... mạng quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitāni.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitāni.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

3. Ý quyền làm ngọn (*Manindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyaṇca ... manindriyaṇca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... ý quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.*

Yếu hiệp 2 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi pañcāhāyatanehi pañcāhi dhātūhi asaṅgahitāni.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

4. Lạc quyền làm ngọn (*Sukhindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyaṇca ... sukhindriyaṇca katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... lạc quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitāni.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitāni.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

Từ (5) khổ quyền làm ngọn ... cho đến (8) xả quyền làm ngọn trình bày giống như lạc quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

9. Tín quyền làm ngọn (*Saddhindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca ... saddhindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitāni.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitāni.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

Từ (10) cần quyền làm ngọn ... cho đến (16) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tín quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần sáu gốc

BẢY GỐC (*SATTAMŪLA*)

Trong phần bảy gốc này, 7 sắc quyền đầu làm gốc, 15 quyền còn lại làm ngọn.

1. Mạng quyền làm ngọn (*Jīvitindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca ... jīvitindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... mạng quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitāni.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitāni.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

2. Ý quyền làm ngọn (*Manindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca ... manindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... ý quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.*

Yếu hiệp 2 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi pañcāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.
Bất yếu hiệp 3 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

3. Lạc quyền làm ngọn (*Sukhindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... sukhindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... lạc quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitāni.
Yếu hiệp được 2 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitāni.
Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

Từ (4) khổ quyền làm ngọn ... cho đến (7) xả quyền làm ngọn trình bày giống như lạc quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

8. Tín quyền làm ngọn (*Saddhindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... saddhindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitāni.
Yếu hiệp được 2 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitāni.
Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

Từ (9) cần quyền làm ngọn ... cho đến (15) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tín quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần bảy gốc

TÁM GỐC (*Aṭṭhamūla*)

Trong phần tám gốc này, 7 sắc quyền và 1 sắc mạng quyền làm gốc, 14 quyền còn lại làm ngọn.

1. Ý quyền làm ngọn (*Manindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... manindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... ý quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Tīhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp 3 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.*

Bất yếu hiệp 2 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

2. Lạc quyền làm ngọn (*Sukhindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca ... sukhindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... lạc quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitāni.*

Yếu hiệp được 3 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitāni.*

Bất yếu hiệp 2 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

Từ (3) khổ quyền làm ngọn ... cho đến (6) xả quyền làm ngọn trình bày giống như lạc quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

7. Tín quyền làm ngọn (*Saddhindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca ... saddhindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi saṅgahitāni.*

Yếu hiệp được 2 uẩn; 6 xứ; 6 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitāni.*

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

Từ (8) cần quyền làm ngọn ... cho đến (14) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tín quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần tám gốc

CHÍN GỐC (*NAVAMŪLA*)

Trong phần chín gốc này, 7 sắc quyền và 1 sắc mạng quyền, 1 ý quyền làm gốc, 13 quyền còn lại làm ngọn.

1. Lạc quyền làm ngọn (*Sukhindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... sukhindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... lạc quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

Từ (2) khổ quyền làm ngọn ... cho đến (5) xả quyền làm ngọn trình bày giống như lạc quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

6. Tín quyền làm ngọn (Saddhindriyamūlī)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... saddhindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Tīhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 3 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 2 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

Từ (7) cần quyền làm ngọn ... cho đến (13) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tín quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần chín gốc

MƯỜI GỐC (DASAMŪLA)

Trong phần mười gốc này, 7 sắc quyền và 1 sắc mạng quyền, 1 ý quyền, 1 lạc quyền làm gốc, 12 quyền còn lại làm ngọn.

1. Khổ quyền làm ngọn (Dukkhindriyamūlī)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... dukkhindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... khổ quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

Từ (2) hỷ quyền làm ngọn ... cho đến (4) xả quyền làm ngọn trình bày giống như khổ quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

5. Tín quyền làm ngọn (*Saddhindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... saddhindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

Từ (6) cần quyền làm ngọn ... cho đến (12) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tín quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần mười gốc

MƯỜI MỘT GỐC (*EKADASAMŪLA*)

Trong phần mười một gốc này, 11 quyền đầu làm gốc, 11 quyền còn lại làm ngọn.

1. Hỷ quyền làm ngọn (*Somanassindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... somanassindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... hỷ quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

Từ (2) ưu quyền làm ngọn ... cho đến (3) xả quyền làm ngọn trình bày giống như hỷ quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

4. Tín quyền làm ngọn (*Saddhindriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... saddhindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.*

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

Từ (5) cần quyền làm ngọn ... cho đến (11) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tín quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần mười một gốc

MƯỜI HAI GỐC (DVĀDASAMŪLA)

Trong phần mười hai gốc này, 12 quyền đầu làm gốc, 10 quyền còn lại làm ngọn.

1. Ưu quyền làm ngọn (*Domanassindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca ... domanassindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... ưu quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.*

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.*

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

(2) xả quyền làm ngọn trình bày giống như ưu quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

3. Tín quyền làm ngọn (*Saddhindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyañca ... saddhindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.*

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.*

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

Từ (4) cần quyền làm ngọn ... cho đến (10) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tín quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần mười hai gốc

MƯỜI BA GỐC (TERASAMŪLA)

Trong phần mười ba gốc này, 13 quyền đầu làm gốc, 9 quyền còn lại làm ngọn.

1. Xả quyền làm ngọn (Upekkhindriyamūlī)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... upekkhindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... xả quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcaḥāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

2. Tín quyền làm ngọn (Saddhindriyamūlī)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... saddhindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcaḥāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

Từ (3) căn quyền làm ngọn ... cho đến (9) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tín quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần mười ba gốc

MƯỜI BỐN GỐC (CUDDASAMŪLA)

Trong phần mười bốn gốc này, 14 quyền đầu làm gốc, 8 quyền còn lại làm ngọn.

1. Tín quyền làm ngọn (Saddhindriyamūlī)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... saddhindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... tín quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

Từ (2) cần quyền làm ngọn ... cho đến (8) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tín quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần mười bốn gốc

MƯỜI LĂM GỐC (PAÑÑARASAMŪLA)

Trong phần mười lăm gốc này, 15 quyền đầu làm gốc, 7 quyền còn lại làm ngọn.

1. Cần quyền làm ngọn (*Viriyaṇḍriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... viriyaṇḍriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... cần quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

Từ (2) niệm quyền làm ngọn ... cho đến (7) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như cần quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần mười lăm gốc

MƯỜI SÁU GỐC (SOḶASAMŪLA)

Trong phần mười sáu gốc này, 16 quyền đầu làm gốc, 6 quyền còn lại làm ngọn.

1. Niệm quyền làm ngọn (*Viriyaṇḍriyamūlī*)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... satindriyañca katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... niệm quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

Từ (2) định quyền làm ngọn ... cho đến (6) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như niệm quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần mười sáu gốc

MƯỜI BẢY GỐC (SATTARASAMŪLA)

Trong phần mười bảy gốc này, 17 quyền đầu làm gốc, 5 quyền còn lại làm ngọn.

1. Định quyền làm ngọn (Samādhindriyamūlī)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... samādhindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... định quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

Từ (2) tuệ quyền làm ngọn ... cho đến (5) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như định quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần mười bảy gốc

MƯỜI TÁM GỐC (AṬṬHARASAMŪLA)

Trong phần mười tám gốc này, 18 quyền đầu làm gốc, 4 quyền còn lại làm ngọn.

1. Tuệ quyền làm ngọn (Paññindriyamūlī)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... paññindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... tuệ quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitāni? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

Từ (2) tri dị tri quyền làm ngọn ... cho đến (4) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tuệ quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần mười tám gốc

MƯỜI CHÍN GỐC (EKŪNAVĪSATIMŪLA)

Trong phần mười chín gốc này, 19 quyền đầu làm gốc, 3 quyền còn lại làm ngọn.

1. Tri vị tri quyền làm ngọn (Anaññātaññassāmitindriyamūlī)

Pucchā: Cakkhundriyañca ... anaññātaññassāmitindriyañca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?

Nhãn quyền, ... tri vị tri quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

Từ (2) tri dĩ tri quyền làm ngọn ... cho đến (3) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tri vị tri quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần mười chín gốc

HAI MƯƠI GỐC (VĪSATIMŪLA)

Trong phần hai mươi gốc này, 20 quyền đầu làm gốc, 2 quyền còn lại làm ngọn.

1. Tri dĩ tri quyền làm ngọn (*Aññindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyaṇca ... aññindriyaṇca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... tri dĩ tri quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

(2) tri cụ tri quyền làm ngọn trình bày giống như tri dĩ tri quyền làm ngọn, chỉ thay đổi tên.

Dứt phần hai mươi gốc

HAI MƯƠI MỘT GỐC (*EKA VĪSATIMŪLA*)

Trong phần hai mươi gốc này, 21 quyền đầu làm gốc, tri cụ tri quyền còn lại làm ngọn.

1. Tri cụ tri quyền làm ngọn (*Aññātāvindriyamūlī*)

Pucchā: *Cakkhundriyaṇca ... aññātāvindriyaṇca katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*

Nhãn quyền, ... tri cụ tri quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Yếu hiệp được 4 uẩn; 7 xứ; 13 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitāni?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

*Dứt phần hai mươi mốt gốc
Và dứt phần một gốc riêng lẻ*

PHẦN CHUNG NHẤT (ABHEDA)

Pucchā: *Bāvīsatiṇḍriyāni katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitāni?*
Nhị thập nhị quyền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Bāvīsatiṇḍriyāni catūhi khandhehi sattahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitāni.

Nhị thập nhị quyền này yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 7 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ và pháp xứ; 13 giới là nhãn giới, nhĩ giới và tỷ giới, thiệt giới, thân giới, 7 thức giới và pháp giới.

Pucchā: *Bāvīsatiṇḍriyāni katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitāni?*

Nhị thập nhị quyền bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Bāvīsatiṇḍriyāni ekena khandhena pañcahāyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitāni.

Nhị thập nhị quyền này bất yếu hiệp 1 tướng uẩn; 5 xứ là sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ; 5 giới là sắc giới, tinh giới, khí giới, vị giới và xúc giới.

*Dứt phần chung nhất
Và dứt phần xiển minh quyền*

6/ XIỂN MINH Y TƯƠNG SINH (PAṬICCASAMUPPĀDANIDDESA)

Xiển minh y tương sinh có 18 là: xiển minh vô minh (*avijjā*) ... cho đến xiển minh ai (*upāyāsa*).

1) Xiển minh vô minh (*Avijjāniddeśa*)

Pucchā: *Avijjā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Vô minh yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Avijjā ekena khandhena ekenāyatanehi ekāya dhātuyā saṅgahitā.

Vô minh này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

2) Xiển minh hành (Saṅkhāraniddesa)

Pucchā: Avijjāpaccayā saṅkhārā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Hành sanh do vô minh làm nhân, yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Avijjāpaccayā saṅkhārā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.

Hành sanh do vô minh làm nhân, yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitā? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

3) Xiển minh thức (Viññāṇaniddesa)

Pucchā: Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?

Thức sanh do hành làm nhân, yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi saṅgahitaṃ.

Thức sanh do hành làm nhân, yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 7 thức giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitaṃ? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.

4) Xiển minh Danh sắc (Nāmarūpaniddesa)

Pucchā: Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?

Danh sắc sanh do thức làm nhân, yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi saṅgahitaṃ.

Danh sắc sanh do thức làm nhân, yếu hiệp được 4 hành uẩn, 11 pháp xứ, 11 thức giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahitaṃ? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.

Bất yếu hiệp 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới.

5) Xiển minh sáu xứ nội (Saḷāyatananiddesa)

Pucchā: Nāmarūpapaccayā saḷāyatanaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?

Sáu xứ sanh do danh sắc làm nhân, yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Nāmarūpapaccayā saḷāyatanam dvīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi saṅgahitam.

Sáu xứ sanh do danh sắc làm nhân, yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 6 xứ là 5 xứ thô đầu và 1 ý xứ; 12 giới là 5 giới thô đầu và 7 thức giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitam?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi chahāyatanehi chahi dhātūhi asaṅgahitam.

Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 6 giới.

6) Xiển minh xúc (*Phassaniddesa*)

Pucchā: *Saḷāyatanapaccayā phasso katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahito?*

Xúc sanh do sáu xứ làm nhân, yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Saḷāyatanapaccayā phasso ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahito.

Xúc sanh do sáu xứ làm nhân này yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattahi dhātūhi asaṅgahito.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

7) Xiển minh thọ (*Vedanāniddesa*)

Pucchā: *Phassapaccayā vedanā katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitā?*

Thọ sanh do xúc làm nhân, yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Phassapaccayā vedanā dvīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi saṅgahitā.

Thọ sanh do xúc làm nhân này yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

8) Xiển minh Ái (*Taṇhāniddesa*)

Pucchā: *Vedanāpaccayā taṇhā katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi saṅgahitā?*

Ái sanh do thọ làm nhân, yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Vedanāpaccayā taṇhā dvīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi saṅgahitā.

Ái sanh do thọ làm nhân này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattahi dhātūhi asaṅgahitā.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

9) Xiển minh Thủ (*Upādānaniddesa*)

Pucchā: *Taṇhāpaccayā upādānaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*

Thủ sanh do ái làm nhân, yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Taṇhāpaccayā upādānaṃ dvīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi saṅgahitaṃ.

Thủ sanh do ái làm nhân này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

10) Xiển minh hữu (*Bhavaniddesa*)

Xiển minh hữu này có 2 là nghiệp hữu (*kammabhava*) và sanh hữu (*uppatibhava*)

Xiển minh nghiệp hữu (*kammabhavaniddesa*)

Pucchā: *Upādānapaccayā kammabhavo katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*

Nghiệp hữu sanh do thủ làm nhân, yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Upādānapaccayā kammabhavo dvīhi khandhehi chahāyatanehi dvādasahi dhātūhi saṅgahito.

Nghiệp hữu sanh do thủ làm nhân này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattahi dhātūhi asaṅgahito.

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

Xiển minh sanh hữu (*uppatibhavaniddesa*)

Pucchā: *Uppattibhavo katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*

Sanh hữu yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Uppattibhavo pañcahi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi saṅgahito.

Sanh hữu này yếu hiệp được 5 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Na kehici khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā asaṅgahito.

Không có bất yếu hiệp uẩn nào cả, bất yếu hiệp 1 xứ, 1 giới.

(a). *Xiển minh dục hữu (kāma bhavaniddesa)*

Pucchā: *Kāmabhavo katihi khandhehi kati hāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*

Dục hữu yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Kāmabhavo pañcahi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi saṅgahito.

Dục hữu này yếu hiệp được 5 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Na kehici khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā asaṅgahito.

Không có bất yếu hiệp uẩn nào cả; bất yếu hiệp 1 xứ, 1 giới.

(b). *Xiển minh sắc hữu (Rūpa bhavaniddesa)*

Pucchā: *Rūpabhavo katihi khandhehi kati hāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*

Sắc hữu yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Rūpabhavo pañcahi khandhehi pañca hāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi saṅgahito.

Sắc hữu này yếu hiệp được 5 uẩn; 5 xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, sắc xứ, ý xứ và pháp xứ; 8 giới là nhãn giới, nhĩ giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ thức giới, ý giới, ý thức giới và pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Na kehici khandhehi sattahāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahito.

Không có bất yếu hiệp uẩn nào cả; bất yếu hiệp 7 xứ là tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ; 10 giới là tỷ giới, thiệt giới, thân giới, tinh giới, khí giới, vị giới, xúc giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới và thân thức giới.

(c). *Xiển minh vô sắc hữu (Arūpa bhavaniddesa)*

Pucchā: *Arūpabhavo katihi khandhehi kati hāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*

Vô sắc hữu yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Arūpabhavo catūhi khandhehi dvī hāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahito.

Vô sắc hữu này yếu hiệp được 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahito.*
Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

³(d). **Xiển minh tướng hữu** (*Saññābhavaniddesa*)

Pucchā: *Saññābhavo katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*
Tướng hữu yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Saññābhavo pañcahi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi saṅgahito.*

Tướng hữu này yếu hiệp được 5 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Na kehici khandhehi ekenāyatane ekāya dhātuyā asaṅgahito.*
Không có bất yếu hiệp uẩn nào cả, bất yếu hiệp 1 xứ, 1 giới.

(e). **Xiển minh vô tướng hữu** (*Asaññābhavaniddesa*)

Pucchā: *Asaññābhavo katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*
Vô tướng hữu yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Asaññābhavo ekena khandhena dvīḥāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahito.*
Vô tướng hữu này yếu hiệp được 1 uẩn, 2 xứ, 2 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahito.*
Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

(f). **Xiển minh phi tướng phi phi tướng hữu** (*Nevasaññānāsaññābhavaniddesa*)

Pucchā: *Nevasaññānāsaññābhavo katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*

Phi tướng phi phi tướng hữu yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Nevasaññānāsaññābhavo catūhi khandhehi dvīḥāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahito.*

Phi tướng phi phi tướng hữu này yếu hiệp được 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahito.*
Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

³ Tướng hữu, vô tướng hữu, phi tướng phi phi tướng hữu; cả 3 câu này sẽ trình bày là *saññābhava*, *asaññābhava*, *nevasaññānāsaññābhava* cũng được như nhau, không có ý nghĩa nào khác. Học viên nên biết như vậy.

(g). Xiển minh nhất uẩn hữu (Ekevokārabhavaniddesa)

Pucchā: Ekevokārabhavo katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?
Nhất uẩn hữu yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Ekevokārabhavo ekena khandhena dvihāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahito.
Nhất uẩn hữu này yếu hiệp được 1 uẩn, 2 xứ, 2 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahito? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahito.
Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

(h). Xiển minh tứ uẩn hữu (Caturvokārabhavaniddesa)

Pucchā: Caturvokārabhavo katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?
Tứ uẩn hữu yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Caturvokārabhavo catūhi khandhehi dvihāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahito.
Tứ uẩn hữu này yếu hiệp được 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahito? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahito.
Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

(i). Xiển minh ngũ uẩn hữu (Pañcavokārabhavaniddesa)

Pucchā: Pañcavokārabhavo katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?
Ngũ uẩn hữu yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Pañcavokārabhavo pañcahi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi saṅgahito.

Ngũ uẩn hữu này yếu hiệp được 5 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

Pucchā: Katihi asaṅgahito? Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Na kehici khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā asaṅgahito.
Không có bất yếu hiệp uẩn nào cả, bất yếu hiệp 1 xứ, 1 giới.

11. Xiển minh Sanh (Jātiniddesa)

Pucchā: Jāti katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?
Sanh yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Jāti dvīhi khandhehi, ekenāyatanena, ekāyadhātuyā saṅgahito.
Sanh này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahito.*
Bất yếu hiệp 3 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

12. Xiển minh lão (*jarāniddesa*)

Pucchā: *Jarā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*
Lão yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Jarā dvīhi khandhehi, ekenāyatanena, ekāyadhātuyā saṅgahito.*
Lão này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahito.*
Bất yếu hiệp 3 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

13. Xiển minh tử (*Marāṇaniddesa*)

Pucchā: *Marāṇaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*
Tử yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Marāṇaṃ dvīhi khandhehi, ekenāyatanena, ekāyadhātuyā saṅgahitaṃ.*
Tử này yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Tīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.*
Bất yếu hiệp 3 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

14. Xiển minh Sầu (*Sokaṇiddesa*)

Pucchā: *Soko katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*
Sầu yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Soko ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāyadhātuyā saṅgahito.*
Sầu này yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahito.*
Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

15. Xiển minh khóc (*Paridevaniddesa*)

Pucchā: *Paridevo katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*
Khóc yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Parideva ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāyadhātuyā saṅgahito*.
Khóc này yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 tinh xứ, 1 tinh giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahito*.
Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

16. Xiển minh khổ (*Dukkhaniddesa*)

Pucchā: *Dukkhaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*
Khổ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Dukkhaṃ ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāyadhātuyā saṅgahitaṃ*.
Khổ này yếu hiệp được 1 thọ uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ*.
Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

17. Xiển minh ưu (*Domanassaniddesa*)

Pucchā: *Domanassaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*
Ưu yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Domanassaṃ ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāyadhātuyā saṅgahitaṃ*.
Ưu này yếu hiệp được 1 thọ uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ*.
Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

18. Xiển minh ái (*Upāyāsaniddesa*)

Pucchā: *Upāyāso katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*
Ái yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Upāyāso ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāya dhātuyā saṅgahito*.
Ái này yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitao?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā*.
Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

Dứt xiển minh liên quan tương sinh

7/ XIÊN MINH NIỆM XỨ (SATIPATTHĀNANIDDESA)

Pucchā: *Satipatthānaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*

Niệm xứ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Satipatthānaṃ ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāyadhātuyā saṅgahitaṃ.*

Niệm xứ này yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

Dứt xiển minh niệm xứ

8/ XIÊN MINH CHÁNH CẦN (SAMMAPPA DHĀNANIDDESA)

Pucchā: *Sammappadhānaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*

Chánh cần yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Sammappadhānaṃ ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāyadhātuyā saṅgahitaṃ.*

Chánh cần này yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

Dứt xiển minh chánh cần

9/ NHƯ Ý TÚC XIÊN MINH (IDDHIPĀDANIDDESA)

Pucchā: *Iddhipādo katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*

Như ý túc yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Iddhipādo dvīhi khandhehi, dvīhāyatanehi, dvīhi dhātūhi saṅgahito.*

Như ý túc này yếu hiệp được 2 uẩn là hành uẩn và thức uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 2 giới là ý thức giới và pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahito.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới còn lại.

Dứt xiển minh như ý túc

10/ THIỀN XIÊN MINH (JHĀNANIDDESA)

Pucchā: *Jhānaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*

Thiền yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Jhānaṃ dvīhi khandhehi, ekenāyatanena, ekāya dhātuyā saṅgahitaṃ.
Thiền này yếu hiệp được 2 uẩn là thọ uẩn và hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Tīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitaṃ.
Bất yếu hiệp 3 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

Dúṭ xiển minh thiền

11/ VÔ LƯỢNG XIỂN MINH (APPAMAÑÑĀNIDDESA)

Pucchā: *Appamaññā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*
Vô lượng yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Appamaññā ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāya dhātuyā saṅgahitā.
Vô lượng này yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.
Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

Dúṭ xiển minh vô lượng

12/ NGŨ QUYỀN XIỂN MINH (PAÑCINDRIYANIDDESA)

Pucchā: *Pañcindriyāni katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*
Ngũ quyền, yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Pañcindriyāni ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāya dhātuyā saṅgahitā.
Ngũ quyền này yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.
Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

Dúṭ xiển minh ngũ quyền

13/ LỰC XIỂN MINH (BALANIDDESA)

Pucchā: *Pañca balāni katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*
Lực, yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: Pañca balāni ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāya dhātuyā saṅgahitā.
Lực này yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.
Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

Dúṭ xiển minh ngũ lực

14/ GIÁC CHI XIÊN MINH (BOJJHAṄGANIDDESA)

Pucchā: *Satta bojjhaṅgā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Giác chi yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Satta bojjhaṅgā ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Giác chi này yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

Dứt xiển minh giác chi

15/ ĐẠO XIÊN MINH (MAGGANIDDESA)

Pucchā: *Ariyo aṭṭhaṅgiko maggo katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*

8 chi Đạo yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Ariyo aṭṭhaṅgiko maggo ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāya dhātuyā saṅgahito.*

8 chi Đạo này yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahito.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

Dứt xiển minh đạo

Dứt xiển minh phần uẩn trước (khandhādiniddesa)

Xiển minh nhóm bảy như có xúc ... (phassasattakarāsiniddesa)

Xiển minh nhóm bảy này có 7 điều là xiển minh xúc v.v... tác ý.

1. Xúc xiển minh (phassaniddesa)

Pucchā: *Phasso katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*

Xúc yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Phasso ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāya dhātuyā saṅgahito.*

Xúc này yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahito.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

2. Thọ xiển minh (vedanāniddesa)

Pucchā: *Vedanā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Thọ yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Vedanā ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Thọ này yếu hiệp được 1 thọ uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

3. Tưởng xiển minh (saññāniddesa)

Pucchā: *Saññā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Tưởng yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Saññā ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Tưởng này yếu hiệp được 1 tưởng uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

4. Tư xiển minh (cetanāniddesa)

Pucchā: *Cetanā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Tư yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cetanā ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Tư này yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

5. Tâm xiển minh (cittāniddesa)

Pucchā: *Cittaṃ katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitaṃ?*

Tâm yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Cittaṃ ekena khandhena, ekenāyatanena, sattahi dhātūhi saṅgahitaṃ.*

Tâm này yếu hiệp được 1 thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitaṃ?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasā dhātūhi asaṅgahitaṃ.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới còn lại.

6. Thắng giải xiển minh (*adhimokkhaniddesa*)

Pucchā: *Adhimokkho katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*

Thắng giải, yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Phasso ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāya dhātuyā saṅgahito.*

Thắng giải này yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahito.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

7. Tác ý xiển minh (*manasikāraniddesa*)

Pucchā: *Manasikāro katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahito?*

Tác ý yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Manasikāro ekena khandhena, ekenāyatanena, ekāya dhātuyā saṅgahito.*

Tác ý này yếu hiệp được 1 hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahito?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahito.*

Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới còn lại.

Dứt phần xiển minh nhóm bảy như có xúc ...

Dứt xiển minh nội đề

XIỂN MINH NGOẠI ĐỀ (*BĀHIRAMĀTIKĀNIDDESA*)

Khi đức Phật thuyết xong nội đề, ngài thuyết tiếp ngoại đề. Sự trình bày ngoại đề trong cách thứ nhất này là trình bày theo tất cả pháp tụ, tức 22 tam đề có 66 câu, 100 nhị đề có 200 câu. Tổng cộng là 266 câu và sự trình bày trong cách thứ nhất này cũng trình bày yếu hiệp được không được uẩn, xứ, giới có cùng phương cách với cách trình bày trong bộ pháp tụ, không có gì sai khác. Nếu học viên muốn biết chi tiết, hãy nên học tập từ bộ Pháp tụ vậy. Ở đây sẽ trình bày chỉ riêng câu đầu và câu cuối cho thấy làm ví dụ:

Xiển minh câu thiện (*Kusalapadaniddesa*)

Pucchā: *Kusalā dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Chư pháp thiện, yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Kusalā dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Chư pháp thiện này yếu hiệp được 4 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 2 giới là ý thức giới và pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Bất yếu hiệp 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới).

Xiển minh câu pháp vô y (*Araṇapadaniddesa*)

Pucchā: *Araṇā dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Chư pháp vô y yếu hiệp được bao nhiêu uẩn, xứ, giới?

Visajjanā: *Araṇā dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭhārasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Chư pháp vô y này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp được uẩn, yếu hiệp được 5 uẩn; 12 xứ; 18 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.*

Không có bất yếu hiệp một uẩn, xứ, giới nào.

Dứt phần xiển minh ngoại đề

Dứt xiển minh cách thứ nhất

II. XIỂN MINH CÂU YẾU HIỆP VỚI BÁT YẾU HIỆP CÁCH THỨ HAI (DUTTIYANAYASAṄGAHITENAASAṄGAHITAPADANIDDESO)

Kệ ngôn trình bày câu được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ hai.

Dasāyatanā sattarasa dhātuyo

Sattindriyā asaṇṇībhavo ekavokārabhavo

Paridevo sanidassanasappaṭikhaṃ anidassanaṃ

Punadeva sappaṭikhaṃ upādāti

Câu được đức Phật trình bày trong xiển minh cách thứ hai có 42 câu là:

10 xứ thô (*olārikāyatana*), 17 giới (*dhātu*), 7 sắc quyền (*rūpa indriya*) như nhãn quyền ... cho đến nam quyền cuối cùng, 1 vô tướng hữu, 1 nhất uẩn hữu, 1 câu khóc (*parideva*), 1 câu hữu kiến hữu đối chiếu (*sanidassanasappaṭikha*), 1 câu vô kiến hữu đối chiếu (*anidassanasappaṭikha*), 1 câu hữu kiến (*sanidassa*), 1 câu hữu đối chiếu (*sappaṭikha*), 1 câu y sinh (*upādāpada*).

Khi đức Phật thuyết xong xiển minh cách thứ nhất, ngài thuyết tiếp xiển minh cách thứ hai. Pháp được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ hai là pháp mà uẩn giống nhau, nhưng xứ và giới khác nhau (đối với sắc) hay pháp mà uẩn, xứ giống nhau nhưng giới khác nhau (đối với tâm).

Xiển minh cách thứ hai có 2 loại là: Xiển minh nội đề (1), xiển minh ngoại đề (2). Đức Phật thuyết xiển minh nội đề trước rồi thuyết xiển minh ngoại đề sau.

XIỂN MINH NỘI ĐỀ (ABBHANTARAMĀTIKĀNIDDESA)

Xiển minh nội đề có 4 là:

- i. Xiển minh xứ (*āyatananiddesa*)
- ii. Xiển minh giới (*dhātuniddesa*)
- iii. Xiển minh quyền (*indriyaniddesa*)
- iv. Xiển minh liên quan tương sinh (*paṭiccasamuppādaniddesa*)

Đức Phật thuyết xiển minh xứ trước, rồi thuyết xiển minh giới tiếp theo tuần tự.

i. Xiển minh xứ (*āyatananiddesa*)

Xiển minh xứ có 10 là: 1. Xiển minh nhãn xứ v.v... cho đến 10. Xiển minh xúc xứ là cuối cùng. Đức Phật thuyết xiển minh nhãn xứ trước rồi thuyết xiển minh nhĩ xứ theo tuần tự.

1. Xiển minh nhãn xứ (*cakkhāyatananiddesa*)

Pucchā: Cakkhāyatanaṃ ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?

Nhãn xứ này yếu hiệp được 27 sắc pháp (trừ nhãn thanh triệt) bằng cách sắc uẩn, nhưng bất yếu hiệp bằng cách nhãn xứ, nhãn giới; 27 sắc pháp ấy bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.

27 sắc pháp ấy bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là nhãn xứ và ý xứ; 8 giới là nhãn giới và 7 thức giới.

Từ (2) xiển minh nhĩ xứ v.v... cho đến (9) xiển minh vị xứ đều giống như xiển minh nhãn xứ, chỉ thay đổi tên.

10. Xiển minh xúc xứ (phoṭṭhabbāyatananiddesa)

Pucchā: Phoṭṭhabbāyatanena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?

Xúc xứ này yếu hiệp được 25 sắc pháp (trừ cảnh xúc) bằng cách sắc uẩn, nhưng bất yếu hiệp bằng cách xúc xứ, xúc giới; 25 sắc pháp ấy bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.

25 sắc pháp ấy bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là xúc xứ và ý xứ; 8 giới là xúc giới và 7 thức giới.

Dứt xiển minh xứ

ii. Xiển minh giới (dhātuniddesa)

Xiển minh giới có 17 thứ là: 1. Xiển minh nhãn giới v.v... cho đến 17. Xiển minh ý thức giới.

1. Xiển minh nhãn giới (cakkhudhātuniddesa)

Pucchā: Cakkhudhātuyā ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?

Nhãn giới này yếu hiệp được 27 sắc pháp (trừ nhãn thanh triệt) bằng cách sắc uẩn, nhưng bất yếu hiệp bằng cách nhãn xứ, nhãn giới; 27 sắc pháp ấy bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.

27 sắc pháp ấy bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là nhãn xứ, ý xứ; 8 giới là nhãn giới, 7 thức giới.

Từ (2) xiển minh nhĩ giới v.v... cho đến (9) xiển minh vị giới đều giống với xiển minh nhãn giới, chỉ thay đổi tên.

10. Xiển minh xúc giới (phoṭṭhabbadhātuniddesa)

Pucchā: *Phoṭṭhabbadhātuyā ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Xúc giới này yếu hiệp được 25 sắc pháp (trừ cảnh xúc) bằng cách sắc uẩn, nhưng bất yếu hiệp bằng cách xúc xú, xúc giới; 25 sắc pháp ấy bất yếu hiệp uẩn, xú, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi dvihāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.*

25 sắc pháp ấy bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xú là xúc xú và ý xú; 8 giới là xúc giới và 7 thức giới.

11. Xiển minh nhãn thức giới (cakkhuvīññādhātuniddesa)

Pucchā: *Cakkhuvīññādhātuyā ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nhãn thức giới này yếu hiệp được 6 thức giới còn lại (trừ nhãn thức giới) bằng cách thức uẩn, ý xú nhưng bất yếu hiệp bằng cách nhãn thức giới; 6 thức giới còn lại ấy bất yếu hiệp uẩn, xú, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi dvādasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

6 thức giới còn lại ấy bất yếu hiệp 4 uẩn (trừ thức uẩn); 11 xú là 10 xú thô và 1 pháp xú; 12 giới là 10 giới thô, nhãn thức giới, pháp giới.

Từ (12) xiển minh nhĩ thức giới v.v... cho đến (17) xiển minh ý thức giới đều giống như xiển minh nhãn thức giới chỉ thay đổi tên.

Dứt xiển minh giới

iii. Xiển minh quyền (indriyaniddesa)

Xiển minh quyền có 7 câu là: 1. Xiển minh nhãn quyền v.v... cho đến 7. Xiển minh nam quyền.

1. Xiển minh nhãn quyền (cakhundriyaniddesa)

Pucchā: *Cakhundriyena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi dvihāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Từ (2) xiển minh nhĩ quyền v.v... cho đến (5) xiển minh thân quyền đều giống như xiển minh nhãn quyền chỉ thay đổi tên.

6. Xiển minh nữ quyền (*itthindriyaniddesa*)

Pucchā: *Itthindriyena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Nữ quyền này yếu hiệp được 12 sắc thô bằng cách sắc uẩn, nhưng bất yếu hiệp bằng cách pháp xứ, pháp giới; 12 sắc thô ấy bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi dvīḥāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.*

12 sắc thô ấy bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và pháp giới.

(7) *xiển minh nam quyền đều giống như xiển minh nữ quyền, chỉ thay đổi tên.*

iv. Xiển minh liên quan tương sinh (*paṭiccasamuppādaniddesa*)

Xiển minh liên quan tương sinh có 7 câu là: 1. Xiển minh vô tướng hữu, 2. Xiển minh nhất uẩn hữu, 3. Xiển minh khóc.

1. Xiển minh vô tướng hữu (*asaññābhavaniddesa*)

Pucchā: *Asaññābhavena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Vô tướng hữu này yếu hiệp được 11 sắc thô (trừ cảnh sắc) bằng cách sắc uẩn, nhưng bất yếu hiệp bằng cách sắc xứ, pháp xứ, sắc giới, pháp giới; 11 sắc thô ấy bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi tīḥāyatanehi navahi dhātūhi asaṅgahitā.*

11 sắc thô ấy bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 3 xứ là sắc xứ, ý xứ và pháp xứ; 9 giới là sắc giới, 7 thức giới và pháp giới.

(2) *Xiển minh nhất uẩn hữu đều giống như xiển minh vô tướng hữu chỉ thay đổi tên.*

3. Xiển minh khóc (*paridevaniddesa*)

Pucchā: *Paridevena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Khóc này yếu hiệp được 27 sắc pháp (trừ cảnh thính) bằng cách sắc uẩn, nhưng bất yếu hiệp bằng cách thính xứ, thính giới; 27 sắc pháp ấy bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi dvīḥāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.*

27 sắc pháp ấy bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là thính xứ và ý xứ; 8 giới là thính giới và 7 thức giới.

Dứt xiển minh liên quan tương sinh

Dứt xiển minh nội đề

XIỂN MINH NGOẠI ĐỀ (*BĀHIRAMĀTIKĀNIDDESA*)

Xiển minh ngoại đề này có 2 loại là xiển minh tam đề và xiển minh nhị đề.

i. Xiển minh tam đề (*Tikamātikāniddesa*)

Xiển minh tam đề có 2 câu là: 1. Xiển minh chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, 2. Xiển minh chư pháp vô kiến hữu đối chiếu.

1. Xiển minh chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu

Pucchā: *Sanidassanasappaṭighehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu này yếu hiệp được 27 sắc pháp (trừ cảnh sắc) bằng cách sắc uẩn, nhưng bất yếu hiệp bằng cách sắc xứ, sắc giới; 27 sắc pháp ấy bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi dvīḥāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.*

27 sắc pháp ấy bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là sắc xứ và ý xứ; 8 giới là sắc giới và 7 thức giới.

2. Xiển minh chư pháp vô kiến hữu đối chiếu

Pucchā: *Anidassanasappaṭighehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu này yếu hiệp được cảnh sắc và 16 sắc tế bằng cách sắc uẩn, nhưng bất yếu hiệp bằng cách 9 xứ thô (trừ cảnh sắc), 9 giới thô (trừ cảnh sắc); cảnh sắc và 16 sắc tế ấy bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Cảnh sắc và 16 sắc tế ấy bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 10 xứ là 9 xứ thô, ý xứ; 16 giới là 9 giới thô và 7 thức giới (trừ sắc xứ, sắc giới).

Dứt xiển minh tam đề

ii. Xiển minh nhị đề (*Dukamātikāniddesa*)

Xiển minh nhị đề có 3 câu là: 1. Xiển minh chư pháp hữu kiến, 2. Xiển minh chư pháp hữu đối chiếu, 3. Xiển minh chư pháp y sinh.

1. Xiển minh chư pháp hữu kiến

Pucchā: *Sanidassanehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Chư pháp hữu kiến này yếu hiệp được 27 sắc pháp (trừ cảnh sắc) bằng cách sắc uẩn, nhưng bất yếu hiệp bằng cách sắc xứ, sắc giới; 27 sắc pháp ấy bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.

27 sắc pháp ấy bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là sắc xứ và ý xứ; 8 giới là sắc giới và 7 thức giới.

2. Xiển minh chư pháp hữu đối chiếu

Pucchā: Sappāṭighehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?

Chư pháp hữu đối chiếu này yếu hiệp được 16 sắc tế bằng cách sắc uẩn, nhưng bất yếu hiệp bằng cách 10 xứ thô, 10 giới thô; 16 sắc tế ấy bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

16 sắc tế ấy bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 11 xứ; 17 giới (trừ pháp xứ, pháp giới).

3. Xiển minh chư pháp y sinh

Pucchā: Upādādharmehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?

Chư pháp y sinh (24 sắc y sinh) này yếu hiệp được đất, lửa, gió bằng cách sắc uẩn, nhưng bất yếu hiệp bằng cách 9 xứ thô là pháp xứ, 9 giới thô là pháp giới (trừ xúc xứ, xúc giới); đất, lửa, gió ấy bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Đất lửa gió ấy bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 11 xứ; 17 giới (trừ pháp xứ, pháp giới).

Dútt xiển minh nhị đề

Dútt xiển minh ngoai đề

Dútt xiển minh cách thứ hai

III. XIỂN MINH CÂU BẤT YẾU HIỆP YẾU HIỆP CÁCH THỨ BA (TATIYANAYA ASAṄGAHITENASAṄGAHITAPADANIDDESO)

Kệ ngôn trình bày câu được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ ba.

- (1) *Tayo khandhā tathā saccā indriyāni ca soḷasa*
Padāni paccayākāre cuddasūpari cuddasa
- (2) *Samatimsa padā honti gocchakesu dasasvatha*
Duve cūḷantaradukā aṭṭha honti mahantarāti.
- (1) Tất cả học viên nên biết câu được đức Phật trình bày trong xiển minh cách thứ ba có như sau:
- 3 uẩn sở hữu tâm (*cetasikakhandha*).
 - 3 đế là tập đế, diệt đế, đạo đế.
 - 16 quyền (trừ 5 quyền thanh triệt và 1 ý quyền).
 - 14 câu liên quan tương sinh (trừ thức, danh sắc, sáu xứ, sanh hữu và khóc).
 - 14 câu kế sau liên quan tương sinh (trừ như ý túc và tâm).
- (2) 30 câu trong phần 10 tụ (*gocchaka*).
 Câu pháp vô duyên (*appacaya*), câu pháp vô vi (*asankhata*) trong phần nhị đề đỉnh (*cūḷantaraduka*).
 8 câu trong nhị đề đại (*mahantaraduka*).

Tất cả 90 câu.

Khi đức Phật thuyết xong xiển minh cách thứ hai, ngài trình bày tiếp xiển minh cách thứ ba. Pháp được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ ba là pháp mà uẩn khác nhau, xứ và giới giống nhau.

Xiển minh cách thứ ba có 2 loại là: 1. Xiển minh nội đề và 2. Xiển minh ngoại đề.
 Đức Phật thuyết xiển minh nội đề trước rồi thuyết tiếp xiển minh ngoại đề sau.

XIỂN MINH NỘI ĐỀ (ABBHANTARAMĀTIKĀNIDDESA)

Xiển minh nội đề có 2 phần là: *Khandhādiniddesa* và *Phassasattakarāsīniddesa*.

Đức Phật thuyết *khandhādiniddesa* trước rồi thuyết tiếp *phassasattakarāsīniddesa* sau.

Xiển minh uẩn trước (*Khandhādiniddesa*)

Khandhādiniddesa có 12 phần là: 1. Xiển minh uẩn, 2. Xiển minh đế, 3. Xiển minh quyền, 4. Xiển minh liên quan tương sinh, 5. Xiển minh niệm xứ, 6. Xiển minh chánh căn, 7. Xiển minh thiền, 8. Xiển minh vô lượng, 9. Xiển minh ngũ quyền, 10. Xiển minh lực, 11. Xiển minh giác chi, 12. Xiển minh chi Đạo.

Đức Phật thuyết xiển minh uẩn trước rồi thuyết tiếp xiển minh đế sau theo tuần tự.

i. Xiển minh uẩn (*khandhaniddesa*)

Xiển minh uẩn có 3 câu là:

1. Xiển minh thọ uẩn, 2. Xiển minh tướng uẩn, 3. Xiển minh hành uẩn.

Đức Phật thuyết xiển minh thọ uẩn trước rồi thuyết tiếp xiển minh tướng uẩn sau theo tuần tự.

1. Xiển minh thọ uẩn (*Vedanākkhandhaniddesa*)

Pucchā: *Vedanākkhandhena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Thọ uẩn này bắt yếu hiệp tướng, hành, sắc tế, nibbāna bằng cách thọ uẩn, nhưng yếu hiệp được bằng cách pháp xứ, pháp giới; tướng, hành, sắc tế, nibbāna ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Tướng, hành, sắc tế, nibbāna ấy trừ ra nibbāna bắt yếu hiệp bằng cách uẩn yếu hiệp được 3 uẩn là sắc uẩn, tướng uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Xiển minh tướng uẩn (2), xiển minh hành uẩn (3) giống với xiển minh thọ uẩn, chỉ thay đổi tên.

Dứt xiển minh uẩn

ii. Xiển minh đế (*Saccaniddesa*)

Xiển minh đế có 3 câu là:

1. Xiển minh tập đế, 2. Xiển minh diệt đế, 3. Xiển minh đạo đế.

Đức Phật thuyết xiển minh tập đế trước rồi thuyết tiếp xiển minh diệt đế sau theo tuần tự.

1. Xiển minh tập đế (*samudayasaccaniddesa*)

Pucchā: *Samudayasaccena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Tập đế này bắt yếu hiệp thọ, tướng, sắc tế, nibbāna bằng cách hành uẩn, nhưng yếu hiệp được bằng cách pháp xứ, pháp giới; thọ, tướng, sắc tế, nibbāna ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Thọ, tướng, sắc tế, nibbāna ấy trừ ra nibbāna bắt yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 3 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn và tướng uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

2. Xiển minh diệt đế (*nirodhasaccaniddesa*)

Pucchā: *Nirodhasaccena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Diệt đế này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, hành, sắc tế bằng cách uẩn, nhưng yếu hiệp được bằng cách pháp xứ, pháp giới; thọ, tưởng, hành, sắc tế ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Thọ, tưởng, hành, sắc tế ấy yếu hiệp được 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

3. Xiển minh đạo đế (*maggasaccaniddesa*)

Pucchā: *Maggasaccena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Đạo đế này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, sắc tế, nibbāna bằng cách hành uẩn, nhưng yếu hiệp được bằng cách pháp xứ, pháp giới; thọ, tưởng, sắc tế, nibbāna ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Tưởng, hành, sắc tế, nibbāna ấy trừ ra nibbāna bắt yếu hiệp bằng cách uẩn yếu hiệp được 3 uẩn là sắc uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Dứt xiển minh đế

iii. Xiển minh quyền (*indriyaniddesa*)

Trong phần xiển minh quyền này có 16 câu từ nữ quyền (1) cho đến xiển minh tri cụ tri quyền (16) là cuối cùng (trừ 5 sắc thanh triệt và ý quyền).

1. Xiển minh nữ quyền (*itthindriyaniddesa*)

Pucchā: *Itthindriyena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Nữ quyền này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách sắc uẩn, nhưng yếu hiệp được bằng cách pháp xứ, pháp giới; thọ, tưởng, hành, nibbāna ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Thọ, tưởng, hành, nibbāna ấy trừ ra nibbāna bắt yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

(2) xiển minh nam quyền cũng trình bày giống xiển minh nữ quyền, chỉ thay đổi tên.

3. Xiển minh mạng quyền (*jīvitindriyaniddesa*)

Pucchā: *Jīvitindriyena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Mạng quyền này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, nibbāna bằng cách sắc uẩn và hành uẩn, nhưng yếu hiệp được bằng cách pháp xứ, pháp giới; thọ, tưởng, nibbāna ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā dvīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Thọ, tưởng, nibbāna ấy trừ ra nibbāna bắt yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 2 uẩn là thọ uẩn và tưởng uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Từ (4) xiển minh lạc quyền cho đến (8) xiển minh xả quyền trình bày như xiển minh thọ quyền.

Từ (9) xiển minh tín quyền cho đến (16) xiển minh tri cụ tri quyền giống với xiển minh tập đế, chỉ thay đổi tên.

Dứt xiển minh quyền

iv. Xiển minh liên quan tương sinh (*paṭiccasamuppādaniddesa*)

Xiển minh liên quan tương sinh này có 14 câu là: 1. Xiển minh vô minh v.v... cho đến 14. Xiển minh ai (trừ thức, danh sắc, sáu xứ, sanh hữu, khóc).

Đức Phật thuyết xiển minh vô minh trước rồi thuyết tiếp xiển minh hành sau theo tuần tự.

1. Xiển minh vô minh (*avijjāniddesa*)

Pucchā: *Avijjāya ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Vô minh này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, sắc tế, nibbāna bằng cách hành uẩn, nhưng yếu hiệp được bằng cách pháp xứ, pháp giới; thọ, tưởng, sắc tế, nibbāna ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Thọ, tưởng, sắc tế, nibbāna ấy, trừ ra nibbāna bắt yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 3 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn và tưởng uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

(2) xiển minh hành uẩn, (3) xiển minh xúc giống như xiển minh vô minh, chỉ thay đổi tên.

4. Xiển minh thọ (*vedanāniddesa*)

Pucchā: *Phassapaccayā vedanāya ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Thọ sinh khởi do nương xúc làm nhân này bắt yếu hiệp tướng, hành, sắc tế, nibbāna bằng cách thọ uẩn, nhưng yếu hiệp được bằng cách pháp xứ, pháp giới; tướng, hành, sắc tế, nibbāna ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Tướng, hành, sắc tế, nibbāna ấy, trừ ra nibbāna bắt yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 3 uẩn là sắc uẩn, tướng uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

(5) xiển minh ái, (6) xiển minh thủ và (7) xiển minh nghiệp hữu, cả ba câu này này giống xiển minh vô minh, chỉ thay đổi tên.

8. Xiển minh sanh (*jātiniddesa*)

Pucchā: *Jātiyā ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Sanh này bắt yếu hiệp thọ, tướng, nibbāna bằng cách sắc uẩn và hành uẩn, nhưng yếu hiệp được bằng cách pháp xứ, pháp giới; thọ, tướng, nibbāna ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā dvīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Thọ, tướng, nibbāna ấy, trừ ra nibbāna bắt yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 2 uẩn là thọ uẩn và tướng uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

(9) xiển minh lão và (10) xiển minh tử đều giống xiển minh sanh, chỉ thay đổi tên.

(11) xiển minh sầu, (12) xiển minh khổ, (13) xiển minh ưu đều giống xiển minh thọ, (14) xiển minh ái giống xiển minh vô minh, chỉ thay đổi tên.

Dứt xiển minh liên quan tương sinh

v. Xiển minh niệm xứ (*satipaṭṭhānaniddesa*)

Pucchā: *Satipaṭṭhānena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Niệm xứ này bắt yếu hiệp thọ, tướng, sắc tế, nibbāna bằng cách hành uẩn, nhưng yếu hiệp được bằng cách pháp xứ, pháp giới; thọ, tướng, sắc tế, nibbāna ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Thọ, tưởng, sắc tế, nibbāna ấy, trừ ra nibbāna bất yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 3 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn và tưởng uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

vi. Xiển minh chánh cần (*sammappadhānaniddesa*)

Pucchā: *Sammappadhānena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Chánh cần này bất yếu hiệp thọ, tưởng, sắc tế, nibbāna bằng cách hành uẩn, nhưng yếu hiệp được bằng cách pháp xứ, pháp giới; thọ, tưởng, sắc tế, nibbāna ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhataṃ kandhato ṭhapetvā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Thọ, tưởng, sắc tế, nibbāna ấy, trừ ra nibbāna bất yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 3 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn và tưởng uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

vii. Xiển minh thiền (*jhānaniddesa*)

Pucchā: *Jhānena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Thiền này bất yếu hiệp tưởng, sắc tế, nibbāna bằng cách thọ uẩn và hành uẩn, nhưng yếu hiệp được bằng cách pháp xứ, pháp giới; tưởng, sắc tế, nibbāna ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhataṃ kandhato ṭhapetvā dvīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Tưởng, sắc tế, nibbāna ấy, trừ ra nibbāna bất yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 2 uẩn là sắc uẩn và tưởng uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Từ (8) xiển minh vô lượng v.v... cho đến (12) xiển minh chi Đạo giống với xiển minh vô minh, chỉ thay đổi tên.

Dứt xiển minh khandhādiniddesa

Xiển Minh Nhóm Bảy Như Có Xúc, ... (*Phassasattakarāsī*)

Phassasattakarāsī có 6 phần là: 1. Xiển minh xúc v.v... cho đến 6. Xiển minh tác ý là cuối cùng (trừ tâm).

Đức Phật thuyết xiển minh xúc trước rồi thuyết xiển minh thọ theo tuần tự.

Chi pháp của (1) xiển minh xúc v.v... cho đến (6) xiển minh tác ý có thọ, tưởng, hành. Do đó câu trả lời của những câu này cũng giống thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn.

Pucchā: *Phassena ye dhammā vedanāya ye dhammā saññāya ye dhammā cetanāya ye dhammā adhimokkheṇa ye dhammā manasikārena ye dhammā khandhasaṅgahena*

asaṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Visajjanā: Te dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.

Dứt xiển minh phassasattakarāsī

Dứt xiển minh nội đề

XIỂN MINH NGOẠI ĐỀ (BĀHIRAMĀTIKĀNIDDESA)

Trong xiển minh ngoại đề này, chỉ có phần xiển minh nhị đề.

Xiển minh nhị đề có 12 câu là: 1. Xiển minh tụ nhân, 2. Xiển minh nhị đề đỉnh, 3. Xiển minh tụ lậu, 4. Xiển minh tụ triền, 5. Xiển minh tụ phục, 6. Xiển minh tụ bộc, 7. Xiển minh tụ phối, 8. Xiển minh tụ cái, 9. Xiển minh tụ khinh thị, 10. Xiển minh nhị đề đại, 11. Xiển minh tụ thủ, 12. Xiển minh tụ phiền não.

Đức Phật thuyết phần xiển minh tụ nhân trước rồi thuyết tiếp phần xiển minh nhị đề đỉnh v.v... theo tuần tự.

Xiển minh phần tụ nhân có 3 câu:

1. Xiển minh câu nhân

Pucchā: Hetūhi dhammehi ye dhammā ...

Tất cả pháp nhân này, ...

2. Xiển minh câu nhân hữu nhân

Pucchā: Hetūhi ceva sahetukehi ca dhammehi ye dhammā ...

Tất cả pháp nhân và hữu nhân này, ...

3. Xiển minh câu nhân tương ưng nhân

Pucchā: Hetūhi ceva hetusampayuttehi ca dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Tất cả pháp nhân và tương ưng nhân này bất yếu hiệp thọ, tưởng, sắc tế, nibbāna bằng cách hành uẩn, nhưng yếu hiệp được bằng cách pháp xứ, pháp giới; thọ, tưởng, sắc tế, nibbāna ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.

Thọ, tưởng, sắc tế, nibbāna ấy, trừ ra nibbāna bất yếu hiệp bằng cách uẩn, yếu hiệp được 3 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn và tưởng uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

Xiển minh nhị đề đỉnh có 2 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp vô duyên

Pucchā: Appaccayehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp vô duyên này, ...

2. Xiển minh câu chư pháp vô vi

Pucchā: Asaṅkhatehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp vô vi này, ...

Xiển minh tụ lậu có 3 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp lậu

Pucchā: Āsavehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp lậu này, ...

2. Xiển minh câu chư pháp lậu cảnh lậu

Pucchā: Āsavehi ceva sāsavehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp lậu và làm cảnh của lậu này, ...

3. Xiển minh câu chư pháp lậu tương ưng lậu

Pucchā: Āsavehi ceva āsavasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp lậu và tương ưng với lậu này, ...

Xiển minh phần tụ triền có 3 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp triền

Pucchā: Saṃyojanehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp triền này, ...

2. Xiển minh câu chư pháp triền cảnh triền

Pucchā: Saṃyojanehi ceva saṃyojanīyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp triền và làm cảnh của triền này, ...

3. Xiển minh câu chư pháp lậu tương ưng lậu

Pucchā: Saṃyojanehi ceva saṃyojanasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp triền và tương ưng với triền này, ...

Xiển minh phần tụ phược có 3 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp phược

Pucchā: Ganthehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phược này, ...

2. Xiển minh câu chư pháp phược cảnh phược

Pucchā: Ganthehi ceva ganthaniyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phược và làm cảnh của phược này, ...

3. Xiển minh câu chư pháp phược tương ưng phược

Pucchā: Ganthehi ceva ganthasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phược và tương ưng với phược này, ...

Xiển minh phần tụ bộc có 3 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp bộc

Pucchā: Oghehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp bộc này, ...

2. Xiển minh câu chư pháp bộc cảnh bộc

Pucchā: Oghehi ceva oghaniyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp bộc và làm cảnh của bộc này, ...

3. Xiển minh câu chư pháp bộc tương ưng bộc

Pucchā: Oghehi ceva oghasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp bộc và tương ưng với bộc này, ...

Xiển minh phần tụ phối có 3 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp phối

Pucchā: Yogehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phối này, ...

2. Xiển minh câu chư pháp phối cảnh phối

Pucchā: Yogehi ceva yoganiyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phối và làm cảnh của phối này, ...

3. Xiển minh câu chư pháp phối tương ưng phối

Pucchā: Yogehi ceva yogasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phối và tương ưng với phối này, ...

Xiển minh phần tự cái có 3 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp cái

Pucchā: Nīvaraṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp cái này, ...

2. Xiển minh câu chư pháp cái cảnh cái

Pucchā: Nīvaraṇehi ceva nīvaraṇiyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp cái và làm cảnh của cái này, ...

3. Xiển minh câu chư pháp cái tương ưng cái

Pucchā: Nīvaraṇehi ceva nīvaraṇasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp cái và tương ưng với cái này, ...

Xiển minh phần tự khinh thị có 2 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp khinh thị

Pucchā: Parāmāsehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp khinh thị này, ...

2. Xiển minh câu chư pháp khinh thị cảnh khinh thị

Pucchā: Parāmāsehi ceva parāmaṭṭhehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp khinh thị và làm cảnh của khinh thị này, ...

Xiển minh nhị đề đại có 8 câu là:

1. Xiển minh câu pháp sở hữu tâm

Pucchā: Cetasikehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp sở hữu tâm này, ...

2. Xiển minh câu pháp tương ưng tâm

Pucchā: Cittasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tương ưng tâm này, ...

3. Xiển minh câu pháp hòa với tâm

Pucchā: Cittasaṃsaṭṭhehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp hòa với tâm này, ...

4. Xiển minh câu pháp đồng sanh tồn với tâm

Pucchā: Cittasahabhūmi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp đồng sanh tồn với tâm này, ...

5. Xiển minh câu pháp từng tâm thông lưu

Pucchā: Cittānuparivattīhi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp từng tâm thông lưu này, ...

6. Xiển minh câu pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh

Pucchā: Cittasamsatthasamutthānehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh này, ...

7. Xiển minh câu pháp hòa, có tâm làm sở sanh và đồng sanh tồn với tâm

Pucchā: Cittasamsatthasamutthānasahabhūhi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp hòa với tâm, có tâm làm sở sanh và đồng sanh tồn với tâm này, ...

8. Xiển minh câu pháp hòa, có tâm làm sở sanh và từng tâm thông lưu

Pucchā: Cittasamsatthasamutthānānuparivattīhi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp hòa với tâm, có tâm làm sở sanh và từng tâm thông lưu này, ...

Xiển minh phân tự thủ có 3 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp thủ

Pucchā: Upādānehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp thủ này, ...

2. Xiển minh câu chư pháp thủ cảnh thủ

Pucchā: Upādānehi ceva upādāniyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp thủ và làm cảnh của thủ này, ...

3. Xiển minh câu chư pháp thủ tương ưng thủ

Pucchā: Upādāyehi ceva Upādānasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp thủ và tương ưng với thủ này, ...

Xiển minh phân tự phiền não có 4 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp phiền não

Pucchā: Kilesehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phiền não này, ...

2. Xiển minh câu chư pháp phiền não cảnh phiền não

Pucchā: Kilesehi ceva saṃkilesikehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phiền não và làm cảnh của phiền não này, ...

3. Xiển minh câu pháp phiền não và phiền toái

Pucchā: Kilesehi ceva saṃkiliṭṭhehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phiền não và phiền toái (hay bị phiền não làm cho sôi nổi nóng nảy) này, ...

4. Xiển minh câu chư pháp phiền não tương ưng phiền não

Pucchā: Kilesehi ceva kilesasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phiền não và tương ưng với phiền não này, ...

Dútt xiển minh ngoai đề/ Dútt xiển minh cách thứ ba

IV. XIỂN MINH CÂU YẾU HIỆP VỚI YẾU HIỆP CÁCH THỨ TƯ (CATUTTHANAYA SAṄGAHITENASAṄGAHITAPADANIDDESO)

Kệ ngôn trình bày câu đợc đợc Phật thuyết trong xiển minh cách thứ tư (giống cách 11).

Dve saccā pannarasindriyā ekādasapaṭiccasamuppādā
Uddham puna ekādasagocchakapadamettha tiṃsavidham

Đức Phật trình bày 69 câu trong phần xiển minh cách thứ tư có như sau:

- 2 đế (trừ khổ đế, diệt đế).
- 15 quyền (trừ 5 quyền thanh triệt, 1 mạng quyền, 1 ý quyền).
- 11 câu trong liên quan tương sinh (trừ thức, danh sắc, sáu xứ, thọ, sanh hữu, sanh, lão, tử).
- 11 câu nữa kể sau liên quan tương sinh là niệm xứ, chánh cần, vô lượng phần, ngũ quyền, ngũ lực, giác chi, chi Đạo, xúc, thọ, thắng giải, tác ý.
- 30 câu trong phần tụ.

Gom tất cả có 69.

Khi đức Phật thuyết xong xiển minh cách thứ ba, ngài thuyết tiếp xiển minh cách thứ tư.

Pháp đợc đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ tư ấy là pháp mà uẩn, xứ, giới giống nhau và cách trình bày trong xiển minh phần thứ tư này có trình bày bày theo kiểu quay lại chánh đề.

Xiển minh cách thứ tư này có 2 phần là xiển minh nội đề và xiển minh ngoại đề.

Đức Phật thuyết xiển minh nội đề trước rồi thuyết đến xiển minh ngoại đề sau.

XIỂN MINH NỘI ĐỀ (ABBHANTARAMĀTIKĀNIDDESA)

Xiển minh nội đề có 2 phần là: 1. *Saccādiniddesa* và 2. *Phassasattakarāsīniddesa*.

Đức Phật thuyết phần *saccādiniddesa* trước rồi thuyết tiếp phần *phassasattakarāsī* sau.

Xiển minh đế trước (*Saccādiniddesa*)

i. Xiển minh đế (*saccaniddesa*)

Xiển minh đế có hai phần là: 1. Xiển minh tập đế và 2. Xiển minh đạo đế.

Đức Phật thuyết xiển minh tập đế trước rồi thuyết xiển minh đạo đế sau theo tuần tự.

1. Xiển minh tập đế

Pucchā: Samudayasaccena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihī khandhehi katihāyatanehi katihī dhātūhi saṅgahitā?

Tập đế này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham) bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 49 sở hữu tâm hành uẩn này yếu hiệp được tập đế bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; tập đế ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.

Tập đế ấy yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

2. Xiển minh đạo đế

Pucchā: Maggasaccena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Tập đế này yếu hiệp được 50 sở hữu tâm hành uẩn bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 50 sở hữu tâm hành uẩn này yếu hiệp được đạo đế bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; đạo đế ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.

Đạo đế ấy yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Dứt xiển minh đế

Chú ý: đạo đế yếu hiệp 50 sở hữu tâm hành uẩn, chớ chẳng phải yếu hiệp 42 sở hữu tâm vì đạo đế có pháp bản thể là 8 chi Đạo hợp với tâm Đạo mà thôi, chứ không tính 8 sở hữu tâm này hợp với những tâm khác vào cùng. Do đó, sở hữu tâm là hành uẩn cũng tính 50.

Trong định quyền, tri vị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền cũng như thế.

ii. Xiển minh quyền (*indriyaniddesa*)

Xiển minh quyền có 15 phần là: 1. Xiển minh nữ quyền v.v... cho đến 15. Xiển minh tri cụ tri quyền cuối cùng (trừ 5 quyền thanh triệt, 1 mạng quyền, 1 ý quyền).

1. Xiển minh nữ quyền

Pucchā: Itthindriyena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Nữ quyền này yếu hiệp được 15 sắc tế (trừ nữ tính) bằng cách sắc uẩn, pháp xứ, pháp giới; 15 sắc tế này yếu hiệp được nữ quyền bằng cách sắc uẩn, pháp xứ, pháp giới; nữ quyền ấy, yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.

Nữ quyền ấy, yếu hiệp được 1 sắc uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

(2) xiển minh nam quyền giống xiển minh nữ quyền, chỉ thay đổi tên.

3. Xiển minh lạc quyền

Pucchā: *Sukhindriyena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Lạc quyền này yếu hiệp được khổ-hỷ-ưu-xả quyền bằng cách thọ uẩn, pháp xứ, pháp giới; khổ-hỷ-ưu-xả quyền này yếu hiệp được lạc quyền bằng cách thọ uẩn, pháp xứ, pháp giới; lạc quyền ấy, yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena kandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Lạc quyền ấy, yếu hiệp được 1 thọ uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Từ (4) xiển minh khổ quyền v.v... cho đến (7) xiển minh xả quyền cuối cùng giống xiển minh lạc quyền, chỉ thay đổi tên.

8. Xiển minh tín quyền

Pucchā: *Saddhindriyena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Tín quyền này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tín) bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 49 sở hữu tâm hành uẩn này yếu hiệp được tín quyền bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; nữ quyền ấy, yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena kandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Tín quyền ấy, yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Từ (9) xiển minh cần quyền, (10) xiển minh niệm quyền giống xiển minh tín quyền, chỉ thay đổi tên.

11. Xiển minh định quyền

Pucchā: *Samādhindriyena ye dhammā ...*

Định quyền này yếu hiệp được 50 sở hữu tâm hành uẩn ...

12. Xiển minh tuệ quyền

Pucchā: *Paññindriyena ye dhammā ...*

Tuệ quyền này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tuệ) ...

Từ (13) xiển minh tri vị tri quyền v.v... cho đến (15) xiển minh tri cụ tri quyền cuối cùng giống với xiển minh định quyền, chỉ thay đổi tên.

Dứt xiển minh quyền

iii. Xiển minh liên quan tương sinh

Xiển minh liên quan tương sinh có 11 câu là: 1. Xiển minh vô minh v.v... 11. Xiển minh ái cuối cùng (trừ thức, danh sắc, sáu xứ, thọ, sanh hữu, sanh, lão, tử).

Đức Phật thuyết về xiển minh vô minh trước rồi thuyết tiếp đến xiển minh hành v.v... theo tuần tự.

1. Xiển minh vô minh

Pucchā: Avijjāya ye dhammā...

Vô minh này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ si) ...

2. Xiển minh hành

Pucchā: Avijjāpaccayā saṅkhārena ye dhammā ...

Hành sinh khởi do nương vô minh làm nhân này yếu hiệp được 50 sở hữu tâm hành uẩn

...

3. Xiển minh xúc

Pucchā: Saḷāyatanapaccayā phassena ye dhammā ...

Xúc sinh khởi do nương sáu xứ làm nhân này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ xúc) ...

4. Xiển minh ái

Pucchā: Vedanāpaccayā tanhāya ye dhammā ...

Ái sinh khởi do nương thọ làm nhân này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham) ...

5. Xiển minh thủ

Pucchā: Tanhāpaccayā upādānena ye dhammā ...

Thủ sinh khởi do nương ái làm nhân này yếu hiệp được 48 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham, tà kiến) ...

6. Xiển minh nghiệp hữu

Pucchā: Upādānapaccayā kammabhavena ye dhammā ...

Nghiệp hữu sinh khởi do nương thủ làm nhân này yếu hiệp được 50 sở hữu tâm hành uẩn ...

7. Xiển minh sầu

Pucchā: Sokena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihī khandhehi katihāyatanehi katihī dhātūhi saṅgahitā?

Sầu này yếu hiệp được lạc-khổ-hỷ-xả quyền bằng cách thọ uẩn, pháp xứ, pháp giới; lạc-khổ-hỷ-xả quyền này yếu hiệp được sầu bằng cách thọ uẩn, pháp xứ, pháp giới; sầu ấy, yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

8. Xiển minh khóc

Pucchā: Paridevena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?

Khóc này yếu hiệp được thỉnh sanh từ tâm mà không phải khóc (*aparidevacittajasadda*) và thỉnh sanh từ quý tiết bằng cách sắc uẩn, thỉnh xứ, thỉnh giới; thỉnh sanh từ tâm mà không phải khóc (*aparidevacittajasadda*) và thỉnh sanh từ quý tiết này yếu hiệp được thỉnh sanh từ tâm khóc (*paridevacittajasadda*) bằng cách sắc uẩn, thỉnh xứ, thỉnh giới; thỉnh sanh từ tâm khóc (*paridevacittajasadda*) ấy yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

9. Xiển minh khổ

Pucchā: Dukkheṇa ye dhammā ...

Khổ này yếu hiệp được lạc-hỷ-ưu-xả thọ ...

10. Xiển minh ưu

Pucchā: Domanassena ye dhammā ...

Ưu này yếu hiệp được lạc-khổ-hỷ-xả thọ ...

11. Xiển minh ái

Pucchā: Upāyāsenā ye dhammā ...

Ái này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ sân) ...

Dútt xiển minh liên quan tương sinh

iv. Xiển minh niệm xứ

Pucchā: Satipaṭṭhānena ye dhammā ...

Niệm xứ này yếu hiệp được 50 sở hữu tâm hành uẩn ...

v. Xiển minh chánh cần

Pucchā: Sammappadhānena ye dhammā ...

Chánh cần này yếu hiệp được 50 sở hữu tâm hành uẩn ...

vi. Xiển minh vô lượng

Pucchā: Appamaññāya ye dhammā ...

Vô lượng này yếu hiệp được 50 sở hữu tâm hành uẩn ...

vii. Xiển minh ngũ quyền

Pucchā: Pañcahi indriyehi ye dhammā ...

Ngũ quyền này yếu hiệp được 50 sở hữu tâm hành uẩn ...

viii. Xiển minh lực

Pucchā: Pañcahi balehi ye dhammā ...

Ngũ lực này yếu hiệp được 50 sở hữu tâm hành uẩn ...

ix. Xiển minh giác chi

Pucchā: Sattahi bojjhaṅgehi ye dhammā ...

Thất giác chi này yếu hiệp được 50 sở hữu tâm hành uẩn ...

x. Xiển minh niệm xứ

Pucchā: Ariyena aṭṭhaṅgikena maggena ye dhammā ...

Bát Thánh đạo này yếu hiệp được 50 sở hữu tâm hành uẩn ...

Dútt xiển minh phāṇ xiển minh để trước tên (saccādiniddesa)

Xiển minh nhóm 7 có xúc ... (*phassasattakarāsī*)

Xiển minh nhóm 7 có xúc *phassasattakarāsī* có 4 câu là: 1. Xiển minh xúc, 2. Xiển minh tư, 3. Xiển minh thắng giải, 4. Xiển minh tác ý.

Đức Phật thuyết xiển minh xúc trước rồi thuyết tiếp xiển minh tư v.v... theo tuần tự.

i. Xiển minh xúc

Pucchā: Phassena ye dhammā ...

Xúc này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ xúc) ...

ii. Xiển minh tư

Pucchā: Cetanāya ye dhammā ...

Tư này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tư) ...

iii. Xiển minh thắng giải

Pucchā: Adhimokkhena ye dhammā ...

Thắng giải này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ thắng giải) ...

iv. Xiển minh tác ý

Pucchā: Manasikārena ye dhammā ...

Tác ý này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tác ý) ...

Dútt xiển minh phassasattakarāsī

Dútt xiển minh nôi đề

XIỂN MINH NGOẠI ĐỀ (BĀHIRAMĀTIKĀNIDDESA)

Trong xiển minh ngoại đề này, chỉ có phần nhị đề. Trong nhị đề có 10 phần là: 1. Xiển minh tự nhân, 2. Xiển minh tự lậu, 3. Xiển minh tự triền, 4. Xiển minh tự phục, 5. Xiển minh tự bộc, 6. Xiển minh tự phối, 7. Xiển minh tự cái, 8. Xiển minh tự khinh thị, 9. Xiển minh tự thủ, 10. Xiển minh tự phiền não.

Đức Phật thuyết phần xiển minh tự nhân trước rồi thuyết tiếp phần xiển minh tự lậu v.v... theo tuần tự.

Xiển minh phần tự nhân có 3 câu:

1. Xiển minh câu nhân

Pucchā: *Hetūhi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Chư pháp nhân này yếu hiệp được 44 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 6 nhân) bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 44 sở hữu tâm hành uẩn này yếu hiệp được chư pháp nhân bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; chư pháp nhân ấy, yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Chư pháp nhân ấy, yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

2. Xiển minh câu nhân hữu nhân

Pucchā: *Hetūhi ceva sahetukehi ca dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Chư pháp nhân và có nhân tương ưng này yếu hiệp được 45 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham, sân, vô tham, vô sân, vô si) bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 45 sở hữu tâm hành uẩn này yếu hiệp được chư pháp nhân và có nhân tương ưng bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; chư pháp nhân và có nhân tương ưng ấy, yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.*

Chư pháp nhân và có nhân tương ưng ấy, yếu hiệp được 1 hành uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

3. Xiển minh câu pháp nhân tương ưng nhân

Pucchā: *Hetūhi ceva hetusampayuttehi ca dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp nhân và tương ưng với tương ưng này yếu hiệp được 45 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham, sân, vô tham, vô sân, vô si) ...

Xiển minh tụ lậu có 3 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp lậu

Pucchā: Āsavehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp lậu này yếu hiệp được 47 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham, tà kiến, si) ...

2. Xiển minh câu chư pháp lậu cảnh lậu

Pucchā: Āsavehi ceva sāsavehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp lậu và làm cảnh của lậu này yếu hiệp được 47 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham, tà kiến, si) ...

3. Xiển minh câu chư pháp lậu tương ưng lậu

Pucchā: Āsavehi ceva āsavasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp lậu và tương ưng với lậu này yếu hiệp được 48 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham, tà kiến) ...

Xiển minh phần tụ triển có 3 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp triển

Pucchā: Saṃyojanehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp triển này yếu hiệp được 42 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 8 chi pháp triển) ...

2. Xiển minh câu chư pháp triển cảnh triển

Pucchā: Saṃyojanehi ceva saṃyojanīyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp triển và làm cảnh của triển này yếu hiệp được 42 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 8 chi pháp triển) ...

3. Xiển minh câu chư pháp lậu tương ưng lậu

Pucchā: Saṃyojanehi ceva saṃyojanasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp triển và tương ưng với triển này yếu hiệp được 43 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 7 chi pháp triển) ...

Xiển minh phần tụ phược có 3 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp phược

Pucchā: Ganthehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phược này yếu hiệp được 47 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 3 chi pháp phược) ...

2. Xiển minh câu chư pháp phược cảnh phược

Pucchā: Ganthehi ceva ganthaniyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phược và làm cảnh của phược này yếu hiệp được 47 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 3 chi pháp phược) ...

3. Xiển minh câu chư pháp phược tương ưng phược

Pucchā: Ganthehi ceva ganthasampayutthehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phược và tương ưng với phược này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tà kiến) ...

Xiển minh phần tự bộc có 3 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp bộc

Pucchā: Oghehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp bộc này yếu hiệp được 47 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 3 chi pháp bộc) ...

2. Xiển minh câu chư pháp bộc cảnh bộc

Pucchā: Oghehi ceva oghaniyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp bộc và làm cảnh của bộc này yếu hiệp được 47 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 3 chi pháp bộc) ...

3. Xiển minh câu chư pháp bộc tương ưng bộc

Pucchā: Oghehi ceva oghasampayutthehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp bộc và tương ưng với bộc này yếu hiệp được 48 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham, tà kiến) ...

Xiển minh phần tự phối có 3 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp phối

Pucchā: Yogehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phối này yếu hiệp được 47 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 3 chi pháp phối) ...

2. Xiển minh câu chư pháp phối cảnh phối

Pucchā: Yogehi ceva yoganiyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phối và làm cảnh của phối này yếu hiệp được 47 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 3 chi pháp phối) ...

3. Xiển minh câu chư pháp phối tương ưng phối

Pucchā: Yogehi ceva yogasampayutthehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phối và tương ưng với phối này yếu hiệp được 48 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham, tà kiến) ...

Xiển minh phần tự cái có 3 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp cái

Pucchā: Nīvaraṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp cái này yếu hiệp được 42 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 8 chi pháp cái) ...

2. Xiển minh câu chư pháp cái cảnh cái

Pucchā: Nīvaraṇehi ceva nīvaraṇīyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp cái và làm cảnh của cái này yếu hiệp được 42 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 8 chi pháp cái) ...

3. Xiển minh câu chư pháp cái tương ưng cái

Pucchā: Nīvaraṇehi ceva nīvaraṇasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp cái và tương ưng với cái này yếu hiệp được 42 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 8 chi pháp cái) ...

Xiển minh phần tự khinh thị có 2 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp khinh thị

Pucchā: Parāmāsehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp khinh thị này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tà kiến) ...

2. Xiển minh câu chư pháp khinh thị cảnh khinh thị

Pucchā: Parāmāsehi ceva parāmaṭṭhehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp khinh thị và làm cảnh của khinh thị này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tà kiến) ...

Xiển minh phần tự thủ có 3 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp thủ

Pucchā: Upādānehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp thủ này yếu hiệp được 48 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham, tà kiến) ...

2. Xiển minh câu chư pháp thủ cảnh thủ

Pucchā: Upādānehi ceva upādāṇīyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp thủ và làm cảnh của thủ này yếu hiệp được 48 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham, tà kiến) ...

3. Xiển minh câu chư pháp thủ tương ưng thủ

Pucchā: Upādāyehi ceva upādāṇasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp thủ và tương ưng với thủ này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tà kiến) ...

Xiển minh phần tự phiền não có 4 câu là:

1. Xiển minh câu chư pháp phiền não

Pucchā: Kilesehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phiền não này yếu hiệp được 40 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 10 chi pháp phiền não) ...

2. Xiển minh câu chư pháp phiền não cảnh phiền não

Pucchā: Kilesehi ceva saṃkilesikehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phiền não và làm cảnh của phiền não này yếu hiệp được 40 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 10 chỉ pháp phiền não) ...

3. Xiển minh câu chư pháp phiền não và phiền toái

Pucchā: Kilesehi ceva saṃkiliṭṭhehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phiền não và phiền toái (hay bị phiền não làm cho sôi nổi nóng nảy) này yếu hiệp được 40 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 10 chỉ pháp phiền não) ...

4. Xiển minh câu chư pháp phiền não tương ưng phiền não

Pucchā: Kilesehi ceva kilesasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phiền não và tương ưng với phiền não này yếu hiệp được 40 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 10 chỉ pháp phiền não) ...

Dứt xiển minh ngoại đề
Dứt xiển minh cách thứ ba

V. XIỂN MINH CÂU BẤT YẾU HIỆP BẤT YẾU HIỆP CÁCH THỨ NĂM (PAÑCAMANAYA SAṄGAHITENSAṄGAHITAPADANIDDESO)

Kệ ngôn trình bày câu được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ năm.

- | | | |
|------|----------------------------------|------------------------------|
| (1). | <i>Sabbe khandhā tathāyatanā</i> | <i>dhātuyo saccato tayo</i> |
| | <i>Indriyānipi sabbāni</i> | <i>tevīsati paṭiccato</i> |
| (2). | <i>Parato soḷasa padā</i> | <i>tecattālīsakaṃ tike</i> |
| | <i>Gocchake sattati dve ca</i> | <i>satta cūḷantare padā</i> |
| (3). | <i>Mahantare padā vuttā</i> | <i>aṭṭhārasa tato param</i> |
| | <i>Aṭṭhāraseva ñātabbā</i> | <i>sesā idha na bhāsitā.</i> |

- (1). Đức Phật trình bày 257 câu trong phần xiển minh cách thứ năm như sau:

Tất cả uẩn, tất cả xứ, tất cả giới, 3 đế là tập đế, diệt đế và đạo đế.

Tất cả quyền, 23 câu liên quan tương sinh (trừ sanh hữu, dục hữu, sắc hữu, tướng hữu, ngũ uẩn hữu).

- (2). Kế theo đó trình bày tiếp nữa 16 câu như niệm xứ ... cho đến tác ý cuối cùng.

Trình bày tam đề 43 câu được riêng danh uẩn, sắc uẩn hay danh uẩn và Nibbāna.

Nhị đề 72 câu ở trong phần tự, nhị đề 7 câu trong phần nhị đề đỉnh là câu pháp vô duyên, câu pháp vô vi, câu hữu kiến, câu hữu đối chiếu, câu sắc, câu phi sắc, câu pháp siêu thế.

Trình bày 18 câu trong nhị đề đại, nhị đề 18 câu trong phần yêu bồi.

Gom tất cả 257 câu. 118 câu còn lại đức Phật không trình bày trong phần xiển minh cách thứ năm này. Học viên nên biết như vậy.

Khi đức Phật thuyết xong xiển minh cách thứ tư, Ngài thuyết tiếp xiển minh cách thứ năm.

Pháp được đức Phật thuyết trong cách thứ năm là pháp mà có uẩn, xứ, giới khác nhau và có cách trình bày trong xiển minh cách thứ năm này có quay ngược lại chánh đề.

Xiển minh cách thứ năm này có 2 phần là: 1. Xiển minh nội đề và 2. Xiển minh ngoại đề. Đức Phật thuyết phần xiển minh nội đề trước rồi thuyết tiếp ngoại đề.

XIỂN MINH NỘI ĐỀ

Xiển minh nội đề có 2 phần là: 1. Xiển minh *khandhādi*, 2. Xiển minh *phassasattakarāsī*. Đức Phật thuyết xiển minh *khandhādi* trước rồi thuyết tiếp đến *phassasattakarāsī*.

Xiển minh *khandhādi*

Trong xiển minh *khandhādi* có 15 phần là: 1. Xiển minh uẩn v.v... cho đến 15. Xiển minh Đạo cuối cùng. Đức Phật thuyết phần xiển minh uẩn trước rồi thuyết tiếp xiển minh xứ v.v... theo tuần tự.

i. Xiển minh uẩn

Xiển minh uẩn có 5 câu là: 1. Xiển minh sắc uẩn v.v... cho đến 5. Xiển minh thức uẩn. Đức Phật thuyết về xiển minh sắc uẩn trước rồi thuyết tiếp đến xiển minh thọ uẩn v.v... theo tuần tự.

1. Xiển minh sắc uẩn

Pucchā: *Rūpakkkhandhena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Sắc uẩn này bắt yếu hiệp 89 tâm bằng cách sắc uẩn; 10 xứ thô là 1 pháp xứ; 10 giới thô là 1 pháp giới; 89 tâm này bắt yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách thức uẩn, ý xứ, 7 thức giới; sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi asaṅgahitā.*
Sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới.

2. Xiển minh thọ uẩn

Pucchā: *Vedanākkhandhena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi asaṅgahitā?*

Thọ uẩn này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách thọ uẩn, 1 pháp xứ, 1 pháp giới; 89 tâm và 12 sắc thô này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách sắc uẩn thức uẩn, 10 xứ thô 1 ý xứ, 10 giới thô 7 thức giới; thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

3. Xiển minh tưởng uẩn

Pucchā: *Saññākkhandhena ye dhammā ...*

Tưởng uẩn này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

4. Xiển minh hành uẩn

Pucchā: *Saṅkhārakkhandhena ye dhammā ...*

Hành uẩn này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

5. Xiển minh thức uẩn

Pucchā: *Viññāṇakkhandhena ye dhammā...*

Thức uẩn này bắt yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách thức uẩn, ý xứ, 7 thức giới; sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 89 tâm bằng sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, 10 xứ thô 1 pháp xứ, 10 giới thô 1 pháp giới; 89 tâm này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

89 tâm này bắt yếu hiệp 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới.

Dứt xiển minh uẩn

ii. Xiển minh xứ

Xiển minh xứ có 12 câu là: 1. Xiển minh nhãn xứ v.v... 12. Xiển minh pháp xứ cuối cùng.

1. Xiển minh nhãn xứ

Pucchā: *Cakkhāyatanena ye dhammā ...*

Nhãn xứ này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna bằng cách sắc uẩn, nhãn xứ, nhãn giới; 4 danh uẩn và nibbāna này bắt yếu hiệp 12 sắc thô bằng 4 danh uẩn, ý xứ pháp xứ, 7 thức giới pháp giới; 12 sắc thô này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.*

12 sắc thô này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và pháp giới.

9 xứ thô còn lại trình bày như trên.

11. Xiển minh ý xứ

Pucchā: *Manāyatanena ye dhammā...*

Ý xứ này bắt yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách thức uẩn, ý xứ, 7 thức giới; sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 89 tâm bằng sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, 10 xứ thô 1 pháp xứ, 10 giới thô 1 pháp giới; 89 tâm này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

89 tâm này bắt yếu hiệp 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới.

12. Xiển minh pháp xứ

Pucchā: *Dhammāyatanena ye dhammā ...*

Pháp xứ này bắt yếu hiệp 89 tâm bằng cách sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm này bắt yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách thức uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 1 thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới.

Dứt xiển minh xứ

iii. Xiển minh giới

Xiển minh giới có 18 câu là: 1. Xiển minh nhãn giới v.v... cho đến xiển minh pháp giới cuối cùng.

1. Xiển minh nhãn giới

Pucchā: *Cakkhudhātuyā ye dhammā ...*

Nhãn giới này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna bằng cách sắc uẩn, nhãn xứ, nhãn giới; 4 danh uẩn và nibbāna này bắt yếu hiệp 12 sắc thô bằng 4 danh uẩn, ý xứ - pháp xứ, 7 thức giới - pháp giới; 12 sắc thô này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.*

12 sắc thô này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và pháp giới.

9 xứ thô còn lại trình bày như trên.

11. Xiển minh nhãn thức giới

Pucchā: *Cakkhuvīññānadhātuyā ye dhammā...*

Nhãn thức giới này bắt yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách thức uẩn, ý xứ, nhãn thức giới; sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 89 tâm bằng sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, 10 xứ thô 1 pháp xứ, 10 giới thô 1 pháp giới; 89 tâm này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

89 tâm này bắt yếu hiệp 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới.

Từ (12) xiển minh nhĩ thức giới cho đến (17) xiển minh ý thức giới là cuối cùng cũng trình bày như trên, chỉ thay đổi tên. (18) xiển minh pháp giới trình bày giống với xiển minh pháp xứ.

Dứt xiển minh giới

iv. Xiển minh đế

Xiển minh đế có 3 câu là: 1. Xiển minh tập đế, 2. Xiển minh diệt đế, 3. Xiển minh đạo đế.

1. Xiển minh tập đế

Pucchā: Samudayasaccena ye dhammā ...

Tập đế này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm và 12 sắc thô này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng sắc uẩn - thức uẩn, 10 xứ thô - 1 ý xứ, 10 giới thô - 7 thức giới; thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

2. Xiển minh diệt đế

Pucchā: Nirodhasaccena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā ...pe...

Diệt đế này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm và 12 sắc thô này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng sắc uẩn - thức uẩn, 10 xứ thô - 1 ý xứ, 10 giới thô - 7 thức giới; thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

3. Xiển minh đạo đế

Pucchā: Maggasaccena ye dhammā ...

Đạo đế này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm và 12 sắc thô này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng sắc uẩn - thức uẩn, 10 xứ thô - 1 ý xứ, 10 giới thô - 7 thức giới; thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

Dứt xiển minh đế

v. Xiển minh quyền

Xiển minh quyền có 22 câu là: 1. Xiển minh nhãn quyền v.v... cho đến xiển minh tri cụ tri quyền cuối cùng.

1. Xiển minh nhãn quyền

Pucchā: *Cakkhundriyena ye dhammā ...*

Nhãn quyền này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna bằng cách sắc uẩn, nhãn xứ, nhãn giới; 4 danh uẩn và nibbāna này bắt yếu hiệp 12 sắc thô bằng 4 danh uẩn, ý xứ - pháp xứ, 7 thức giới - pháp giới; 12 sắc thô này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.*

12 sắc thô này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và pháp giới.

Từ (2) xiển minh nhĩ quyền cho đến (5) xiển minh thân quyền cuối cùng trình bày giống với xiển minh nhãn quyền, chỉ thay đổi tên.

6. Xiển minh nữ quyền

Pucchā: *Itthindriyena ye dhammā ...*

Nữ quyền này bắt yếu hiệp 89 tâm bằng cách sắc uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm này bắt yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách thức uẩn, ý xứ, 7 thức giới; sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 1 thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới.

(7) xiển minh nam quyền trình bày giống như xiển minh nữ quyền, chỉ thay đổi tên.

8. Xiển minh mạng quyền

Pucchā: *Jīvitindriyena ye dhammā ...*

Mạng quyền này bắt yếu hiệp 89 tâm bằng cách sắc uẩn và hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm này bắt yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách thức uẩn, ý xứ, 7 thức giới; sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 1 thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới.

9. Xiển minh ý quyền

Pucchā: *Manindriyena ye dhammā...*

Ý quyền giới này bắt yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách thức uẩn, ý xứ, 7 thức giới; sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 89 tâm bằng sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, 10 xứ thô 1 pháp xứ, 10 giới thô 1 pháp giới; 89 tâm này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi asaṅgahitā.

89 tâm này bắt yếu hiệp 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới.

10. Xiển minh lạc quyền

Pucchā: Sukhindriyena ye dhammā ...

Lạc quyền này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách thọ uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm và 12 sắc thô này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng sắc uẩn - thức uẩn, 10 xứ thô - 1 ý xứ, 10 giới thô - 7 thức giới; thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

Từ (11) xiển minh khổ quyền v.v... cho đến (14) xiển minh xả quyền cuối cùng giống như xiển minh lạc quyền, chỉ thay đổi tên.

15. Xiển minh tín quyền

Pucchā: Saddhindriyena ye dhammā ...

Tín quyền này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm và 12 sắc thô này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách sắc uẩn - thức uẩn, 10 xứ thô - 1 ý xứ, 10 giới thô - 7 thức giới; thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

Từ (16) xiển minh cần quyền v.v... cho đến (22) xiển minh tri cụ tri quyền cuối cùng giống như xiển minh tín quyền, chỉ thay đổi tên.

Dứt xiển minh quyền

vi. Xiển minh liên quan tương sinh

Xiển minh liên quan tương sinh có 23 câu là: 1. Xiển minh vô minh v.v... cho đến xiển minh ai cuối cùng (trừ sanh hữu, dục hữu, sắc hữu, tưởng hữu, ngũ uẩn hữu).

1. Xiển minh vô minh

Pucchā: Avijjāya ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā...pe...

Vô minh này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm và 12 sắc thô này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách sắc uẩn - thức uẩn, 10 xứ thô - 1 ý xứ, 10 giới thô - 7 thức giới; thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

2. Xiển minh hành

Pucchā: Avijjāpaccayā saṅkhārena ye dhammā ...

Hành sanh do vô minh làm nhân này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm và 12 sắc thô này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách sắc uẩn - thức uẩn, 10 xứ thô - 1 ý xứ, 10 giới thô - 7 thức giới; thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

3. Xiển minh thức

Pucchā: Saṅkhārapaccayā viññāṇena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā...pe...

Thức sinh khởi do nương hành làm nhân này bắt yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách thức uẩn, ý thức, 7 thức giới; sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 89 tâm ...

4. Xiển minh danh sắc

Pucchā: Viññāṇapaccayā nāmarūpena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā...pe...

Danh sắc sinh khởi do nương thức làm nhân này bắt yếu hiệp 89 tâm bằng cách sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, 10 xứ thô và 1 pháp xứ, 10 giới thô và 1 pháp giới; 89 tâm này bắt yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách thức uẩn, ý xứ, 7 thức giới; sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi asaṅgahitā.

Sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 1 thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới.

5. Xiển minh sáu xứ

Pucchā: Nāmarūpapaccayā saḷāyatanena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā...pe...

Sáu xứ sinh khởi do nương danh sắc làm nhân này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách sắc uẩn - thức uẩn, 5 xứ thanh triệt - 1 ý xứ, 5 giới thanh triệt - 7 thức giới; thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 89 tâm, 12 sắc thô ...

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā asaṅgahitā.

89 tâm và 12 sắc thô này bắt yếu hiệp 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ; 1 pháp giới.

6. Xiển minh xúc

Pucchā: Saḷāyatanapaccayā phassena ye dhammā...

Xúc sanh do nương sáu xứ làm nhân này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới ...

7. Xiển minh thọ

Pucchā: Phassapaccayā vedanāya ye dhammā...

Thọ sanh do nương xúc làm nhân này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách thọ uẩn, pháp xứ, pháp giới ...

8. Xiển minh ái

Pucchā: Vedanāpaccayā taṇhāya ye dhammā...

Ái sanh do nương thọ làm nhân này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới ...

9. Xiển minh thủ

Pucchā: Taṇhāpaccayā upādānena ye dhammā...

Thủ sanh do nương ái làm nhân này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới ...

10. Xiển minh nghiệp hữu

Pucchā: Kammabhavena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā...pe...

Nghiệp hữu sinh khởi do nương thủ làm nhân này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm và 12 sắc thô này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, hành, nibbāna ...

Visajjanā: Te dhammā dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 2 uẩn bằng cách sắc uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

11. Vô sắc hữu

Pucchā: Arūpabhavena ye dhammā ...

Vô sắc hữu này bắt yếu hiệp 12 sắc thô bằng cách 4 danh uẩn, ý xứ - pháp xứ, ý thức giới - pháp giới, 12 sắc thô này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna bằng cách sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; 4 danh uẩn và nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.

4 danh uẩn và nibbāna bắt yếu hiệp 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô.

12. Xiển minh vô tướng hữu

Pucchā: Asaññībhavena ye dhammā ...

Vô tướng hữu này bắt yếu hiệp 89 tâm bằng cách sắc uẩn, sắc xứ - pháp xứ, sắc giới - pháp giới ...

13. Xiển minh phi tướng phi phi tướng hữu

Pucchā: Nevasaññānāsaññābhavena ye dhammā ...

Phi tướng phi phi tướng hữu này bắt yếu hiệp 12 sắc thô ...

14. Xiển minh nhất uẩn hữu

Pucchā: Ekavokārabhavena ye dhammā ...

Nhất uẩn hữu này bắt yếu hiệp 89 tâm ...

15. Xiển minh tứ uẩn hữu

Pucchā: Catuvokārabhavena ye dhammā...

Tứ uẩn hữu này bắt yếu hiệp 12 sắc thô ...

16. Xiển minh sanh

Pucchā: Jātiyā ye dhammā ...

Sanh này bắt yếu hiệp 89 tâm bằng cách sắc uẩn - hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm này bắt yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách thức uẩn, ý xứ, 7 thức giới; sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanehi sattahi dhātūhi asaṅgahitā.

Sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 1 thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới.

17. Xiển minh lão*Pucchā: Jarāya ye dhammā ...*

Lão này bắt yếu hiệp 89 tâm bằng cách sắc uẩn - hành uẩn, pháp xứ, pháp giới ...

18. Xiển minh tử*Pucchā: Marañena ye dhammā ...*

Tử này bắt yếu hiệp 89 tâm ...

19. Xiển minh sâu*Pucchā: Sokena ye dhammā ...*

Sâu này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách thọ uẩn, pháp xứ, pháp giới ...

20. Xiển minh khóc*Pucchā: Paridevena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā...pe...*

Khóc này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna bằng cách sắc uẩn, tinh xứ, tinh giới; 4 danh uẩn và nibbāna này bắt yếu hiệp 12 sắc thô bằng 4 danh uẩn, ý xứ - pháp xứ, 7 thức giới - pháp giới; 12 sắc thô này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.

12 sắc thô này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và pháp giới.

21. Xiển minh khổ*Pucchā: Dukkheṇa ye dhammā ...*

Khổ này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

22. Xiển minh ưu*Pucchā: Domanassena ye dhammā ...*

Ưu này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

23. Xiển minh khổ*Pucchā: Upāyāsena ye dhammā ...*

Ai này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

*Dútt xiển minh liên quan tương sinh***vii. Xiển minh niệm xứ***Pucchā: Satipaṭṭhānena ye dhammā ...*

Niệm xứ này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

viii. Xiển minh chánh cần

Pucchā: *Sammappadhānena ye dhammā ...*

Chánh cần này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

ix. Xiển minh như ý túc

Pucchā: *Iddhipādena ye dhammā ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā...pe...*

Như ý túc này bắt yếu hiệp 12 sắc thô bằng cách hành uẩn - thức uẩn, ý xứ - pháp xứ, ý thức giới - pháp giới, 12 sắc thô này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna bằng sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; 4 danh uẩn và nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

4 danh uẩn và nibbāna bắt yếu hiệp 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô.

x. Xiển minh thiền

Pucchā: *Jhānena ye dhammā ...*

Thiền này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

xi. Xiển minh vô lượng

Pucchā: *Appamaññāya ye dhammā ...*

Vô lượng này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

xii. Xiển minh ngũ quyền

Pucchā: *Pañcahi indriyehi ye dhammā ...*

Ngũ quyền này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

xiii. Xiển minh lực

Pucchā: *Pañcahi balehi ye dhammā ...*

Ngũ lực này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

xiv. Xiển minh giác chi

Pucchā: *Sattahi bojjhaṅgehi ye dhammā ...*

Thất giác chi này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

xv. Xiển minh chi Đạo

Pucchā: *Ariyena aṭṭhaṅgikena maggena ye dhammā ...*

Bát Thánh đạo này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

Dútt xiển minh khandhādiniddesa

Xiển minh phassasattakarāsī

Xiển minh *phassasattakarāsī* có 7 câu là: 1. Xiển minh xúc v.v... cho đến 7. Xiển minh tác ý cuối cùng.

i. Xiển minh xúc

Pucchā: Phassena ye dhammā ...

Xúc này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm và 12 sắc thô này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng sắc uẩn - thức uẩn, 10 xứ thô - 1 ý xứ, 10 giới thô - 7 thức giới; thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

Từ (ii) xiển minh thọ v.v... cho đến (iv) xiển minh tư cuối cùng giống với xúc, chỉ thay đổi tên.

v. Xiển minh tâm

Pucchā: Cittena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā...pe...

Tâm này bắt yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng cách thức uẩn, ý xứ, 7 thức giới; sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 89 tâm bằng cách sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, 10 xứ thô 1 pháp xứ, 10 giới thô 1 pháp giới; 89 tâm này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi asaṅgahitā.

89 tâm này bắt yếu hiệp 4 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới.

Từ (vi) xiển minh thắng giải v.v... cho đến (vii) xiển minh tác ý cuối cùng giống với xiển minh xúc, chỉ thay đổi tên.

Dútt xiển minh phassasattakarāsī

Dútt xiển minh nội đề

XIỂN MINH NGOẠI ĐỀ

Xiển minh ngoại đề có 2 phần là: xiển minh tam đề và xiển minh nhị đề

i. Xiển Minh Tam Đề

Xiển minh tam đề có 43 câu là: 1. Xiển minh câu thiện v.v... cho đến 43. Xiển minh câu vô kiến hữu đối chiếu cuối cùng.

Đức Phật thuyết xiển minh câu thiện trước rồi thuyết tiếp xiển minh câu bất thiện sau v.v... theo tuần tự.

1. Xiển minh câu thiện

Pucchā: *Kusalehi dhammehi ye dhammā...*

Chư pháp thiện này bắt yếu hiệp 12 sắc thô bằng cách 4 danh uẩn, ý xứ - pháp xứ, ý thức giới - pháp giới; 12 sắc thô này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna bằng sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; 4 danh uẩn và nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

4 danh uẩn và nibbāna bắt yếu hiệp 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô.

2. Xiển minh câu bất thiện

Pucchā: *Akusalehi dhammehi ye dhammā...*

Chư pháp bất thiện này bắt yếu hiệp 12 sắc thô

3. Xiển minh câu pháp tương ưng lạc thọ

Pucchā: *Sukhāya vedanāya sampayuttehi dhammehi ye dhammā...*

Chư pháp tương ưng lạc thọ này bắt yếu hiệp 12 sắc thô bằng cách 3 danh uẩn (tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn), ý xứ - pháp xứ, thân thức giới - ý thức giới - pháp giới; 12 sắc thô này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna bằng cách sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; 4 danh uẩn và nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

4. Xiển minh câu pháp tương ưng khổ thọ

Pucchā: *Dukkāya vedanāya sampayuttehi dhammehi ye dhammā...*

Chư pháp tương ưng khổ thọ này bắt yếu hiệp 12 sắc thô bằng cách 3 danh uẩn (tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn), ý xứ - pháp xứ, thân thức giới - ý thức giới - pháp giới; 12 sắc thô này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna bằng sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; 4 danh uẩn và nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

5. Xiển minh câu pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ

Pucchā: *Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttehi dhammehi ye dhammā...*

Chư pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ này bắt yếu hiệp 12 sắc thô bằng cách 3 danh uẩn (tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn), ý xứ - pháp xứ, 6 thức giới (trừ thân thức giới) - pháp giới; 12 sắc thô này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna bằng sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; 4 danh uẩn và nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

6. Xiển minh câu pháp quả

Pucchā: *Vipākehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp quả này bắt yếu hiệp 12 sắc thô bằng cách 4 danh uẩn, ý xứ - pháp xứ, 8 giới; 12 sắc thô này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna bằng sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; 4 danh uẩn và nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

7. Xiển minh câu pháp nhân*Pucchā: Vipākadhammadhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp có thực tính cho quả phát sanh này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

8. Xiển minh câu pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ*Pucchā: Anupādinnaanupādāniyehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phi thành do thủ và phi cảnh thủ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

9. Xiển minh câu pháp phiền toái cảnh phiền não*Pucchā: Saṃkiliṭṭhasaṃkilesikehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phiền toái và cảnh phiền não này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

10. Xiển minh câu pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não*Pucchā: Asaṃkiliṭṭhaasaṃkilesikehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phi phiền toái và phi cảnh phiền não này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

11. Xiển minh câu pháp hữu tầm hữu tứ*Pucchā: Savitakkasavicārehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hữu tầm hữu tứ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ... [bằng 3 giới] ...

12. Xiển minh câu pháp vô tầm hữu tứ*Pucchā: Avitakkavicāramattehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp không có tâm chỉ có tứ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

13. Xiển minh câu pháp đồng sanh hỷ*Pucchā: Pītisahagatehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp câu hành với hỷ (thọ) này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

14. Xiển minh câu pháp câu hành lạc*Pucchā: Sukhasahagatehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp câu hành với lạc (thọ) này bất yếu hiệp 12 sắc thô ... [bằng 3 giới] ...

15. Xiển minh câu pháp câu hành xả*Pucchā: Upekkhāsahagatehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp câu hành với xả (thọ) này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

16. Xiển minh câu pháp sơ Đạo đoạn trừ*Pucchā: Dassanena pahātabbehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp sơ Đạo tuyệt trừ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

17. Xiển minh câu pháp ba Đạo cao đoạn trừ*Pucchā: Bhāvanāya pahātabbehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp ba Đạo cao tuyệt trừ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

18. Xiển minh câu pháp hữu nhân sơ Đạo sát trừ*Pucchā: Dassanena pahātabbahetukehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hữu nhân sơ Đạo sát (sát trừ, đoạn trừ) này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

19. Xiển minh câu pháp hữu nhân ba Đạo cao sát trừ*Pucchā: Bhāvanāya pahātabbahetukehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hữu nhân ba Đạo cao sát trừ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

20. Xiển minh câu pháp nhân sanh tử*Pucchā: Ācayagāmīhi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp nhân sanh tử này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

21. Xiển minh câu pháp nhân đến nibbāna*Pucchā: Apacayagāmīhi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp nhân đến nibbāna này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

22. Xiển minh câu pháp hữu học*Pucchā: Sekkhehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hữu học này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

23. Xiển minh câu pháp vô học*Pucchā: Asekkhehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp vô học này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

24. Xiển minh câu pháp đáo đại*Pucchā: Mahaggatehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp đáo đại này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

25. Xiển minh câu pháp vô lượng*Pucchā: Appamāṇehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp vô lượng này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

26. Xiển minh câu pháp biết cảnh hy thiếu*Pucchā: Parittārammaṇehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp biết cảnh hy thiếu này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

27. Xiển minh câu pháp biết cảnh đáo đại

Pucchā: Mahaggaṭārammaṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp biết cảnh đáo đại này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

28. Xiển minh câu pháp biết cảnh vô lượng

Pucchā: Appamāṇārammaṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp biết cảnh vô lượng này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

29. Xiển minh câu pháp ty hạ

Pucchā: Hīnehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp ty hạ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

30. Xiển minh câu pháp tinh lương

Pucchā: Paṇṭitehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tinh lương này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

31. Xiển minh câu pháp tà cho quả nhất định

Pucchā: Micchattaniyatehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tà cho quả nhất định hay chư pháp thực tính có trạng thái tà vạy hiện bày và cho quả nhất định trong kiếp liền kề không xen hở này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

32. Xiển minh câu pháp chánh cho quả nhất định

Pucchā: Sammattaniyatehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp chánh cho quả nhất định liên tiếp sát-na hay chư pháp thực tính có trạng thái tốt đẹp hiện bày và cho quả nhất định liên tiếp nhau không xen hở này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

33. Xiển minh câu pháp có Đạo thành cảnh

Pucchā: Maggārammaṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp có Đạo làm cảnh hay chư pháp chỉ có cảnh là Đạo hay tất cả pháp thực tính làm cho Đạo thành cảnh hiện bày này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

34. Xiển minh câu pháp có Đạo làm nhân

Pucchā: Maggaḥetukehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp có Đạo có nhân hay chư pháp có nhân là 8 chi Đạo hay chư pháp thực tính có nhân tương ưng Đạo hay tất cả pháp thực tính đã có nhân ở trong Đạo này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

35. Xiển minh câu pháp có Đạo thành trưởng

Pucchā: Maggādhīpatīhi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp có Đạo thành trưởng (cảnh trưởng duyên), hay chư pháp có Đạo thành trưởng (câu sanh trưởng duyên), hay chư pháp có câu sanh trưởng duyên là Đạo này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

36. Xiển minh câu pháp biết cảnh quá khứ

Pucchā: Atītārammaṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp biết cảnh quá khứ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

37. Xiển minh câu pháp biết cảnh vị lai

Pucchā: Anāgatārammaṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp biết cảnh vị lai này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

38. Xiển minh câu pháp biết cảnh hiện tại

Pucchā: Paccupannārammaṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp biết cảnh hiện tại này bất yếu hiệp 12 sắc thô ... [bằng 8 giới] ...

39. Xiển minh câu pháp nội phần

Pucchā: Ajjhattārammaṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp biết cảnh nội phần này bất yếu hiệp 12 sắc thô ... [bằng 8 giới] ...

40. Xiển minh câu pháp biết cảnh ngoại phần

Pucchā: Bahiddhārammaṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp biết cảnh ngoại phần này bất yếu hiệp 12 sắc thô ... [bằng 8 giới] ...

41. Xiển minh câu pháp biết cảnh nội và ngoại phần

Pucchā: Ajjhatabhiddhārammaṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp biết cảnh nội và ngoại phần này bất yếu hiệp 12 sắc thô ... [bằng 8 giới] ...

42. Xiển minh câu pháp hữu kiến hữu đối chiếu

Pucchā: Sanidassanasappaṭighehi dhammehi ye dhammā... anidassanasappaṭighehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā...pe...

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu này bất yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna bằng cách sắc uẩn, sắc xứ, sắc giới; 4 danh uẩn và nibbāna này bất yếu hiệp 12 sắc thô bằng 4 danh uẩn, ý xứ - pháp xứ, 7 thức giới - pháp giới; 12 sắc thô này bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.

12 sắc thô này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và pháp giới.

43. Xiển minh câu pháp vô kiến hữu đối chiếu

Pucchā: Anidassanasappaṭighehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna ...

Dutt xiển minh tam đề

ii. Xiển Minh Nhị Đề

Xiển minh nhị đề có 115 câu là: 1. Xiển minh câu nhân v.v... cho đến 115. Xiển minh câu hữu y cuối cùng.

Đức Phật thuyết xiển minh câu nhân trước rồi thuyết tiếp xiển minh câu hữu nhân sau v.v... theo tuần tự.

1. Xiển minh câu pháp nhân

Pucchā: Hetūhi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā...pe...

Chư pháp nhân này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm và 12 sắc thô này bắt yếu hiệp thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng sắc uẩn - thức uẩn, 10 xứ thô - 1 ý xứ, 10 giới thô - 7 thức giới; thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

Thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

2. Xiển minh câu pháp hữu nhân

Pucchā: Sahetukehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp hữu nhân này bắt yếu hiệp 12 sắc thô ...

3. Xiển minh câu pháp tương ưng nhân

Pucchā: Hetusampayuttehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tương ưng nhân này bắt yếu hiệp 12 sắc thô ...

4. Xiển minh câu pháp nhân hữu nhân

Pucchā: Hetūhi ceva sahetukehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp nhân và hữu nhân này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

5. Xiển minh câu pháp hữu nhân mà phi nhân

Pucchā: Sahetukehi ceva na ca hetūhi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp hữu nhân mà phi nhân này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

6. Xiển minh câu pháp nhân tương ưng nhân

Pucchā: Hetūhi ceva hetusampayutthehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp nhân và hữu nhân này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

7. Xiển minh câu pháp tương ưng nhân mà phi nhân

Pucchā: Hetusampayutthehi ceva na ca hetūhi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tương ưng nhân mà phi nhân này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

8. Xiển minh câu pháp phi nhân hữu nhân

Pucchā: Na hetūhi sahetukehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phi nhân mà hữu nhân này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

9. Xiển minh câu pháp vô duyên

Pucchā: Appaccayehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp vô duyên này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

10. Xiển minh câu pháp vô vi

Pucchā: Asaṅkhatehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp vô vi này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

11. Xiển minh câu pháp hữu kiến

Pucchā: Sanidassanehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp hữu kiến này bất yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna bằng cách sắc uẩn, sắc xứ, sắc giới; 4 danh uẩn và nibbāna này bất yếu hiệp 12 sắc thô bằng 4 danh uẩn, ý xứ - pháp xứ, 7 thức giới - pháp giới; 12 sắc thô này bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.

12 sắc thô này bất yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và pháp giới.

12. Xiển minh câu pháp hữu đối chiếu

Pucchā: Sappaṭighehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp hữu đối chiếu này bất yếu hiệp 4 danh uẩn và nibbāna bằng cách sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; 4 danh uẩn và nibbāna này bất yếu hiệp 12 sắc thô bằng 4 danh uẩn, ý xứ - pháp xứ, 7 thức giới - pháp giới; 12 sắc thô này bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi asaṅgahitā.

12 sắc thô này bắt yếu hiệp 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và pháp giới.

13. Xiển minh câu pháp sắc

Pucchā: Rūpīhi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā...pe...

Chư pháp chơn sắc này bắt yếu hiệp 89 tâm bằng cách sắc uẩn, 10 xứ thô - 1 pháp xứ, 10 giới thô - 1 pháp giới; 89 tâm này bắt yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng thức uẩn, ý xứ, 7 thức giới; sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi asaṅgahitā.

Sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bắt yếu hiệp 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới.

14. Xiển minh câu pháp phi sắc

Pucchā: Arūpīhi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phi sắc này bắt yếu hiệp 12 sắc thô ...

15. Xiển minh câu pháp siêu thế

Pucchā: Lokuttarehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp siêu thế hay chư pháp thoát khỏi chư hành, là luân hồi khổ có sự sanh diệt này bắt yếu hiệp 12 sắc thô ...

16. Xiển minh câu pháp lậu

Pucchā: Āsavehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp lậu này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

17. Xiển minh câu pháp phi cảnh lậu

Pucchā: Anāsavehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phi cảnh lậu này bắt yếu hiệp 12 sắc thô ...

18. Xiển minh câu pháp tương ưng lậu

Pucchā: Āsavasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tương ưng lậu này bắt yếu hiệp 12 sắc thô ...

19. Xiển minh câu pháp lậu cảnh lậu

Pucchā: Āsavehi ceva sāsavehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp lậu cảnh lậu này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

20. Xiển minh câu pháp lậu tương ưng lậu

Pucchā: Āsavehi ceva āsavasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp lậu tương ưng lậu này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

21. Xiển minh câu pháp tương ưng lậu mà phi lậu

Pucchā: Āsavasampayuttehi ceva no ca āsavehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tương ưng lậu mà phi lậu này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

22. Xiển minh câu pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu

Pucchā: Āsavavippayuttehi anāsavehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp bất tương ưng lậu mà phi cảnh lậu này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

23. Xiển minh câu pháp triển

Pucchā: Saṃyojanehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp triển này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

24. Xiển minh câu pháp phi cảnh triển

Pucchā: Asaññojaniyehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phi cảnh triển này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

25. Xiển minh câu pháp tương ưng triển

Pucchā: Saññojanasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tương ưng triển này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

26. Xiển minh câu pháp triển cảnh triển

Pucchā: Saññojanehi ceva saññojaniyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp triển và là cảnh của triển này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

27. Xiển minh câu pháp triển tương ưng triển

Pucchā: Saññojanehi ceva saññojanasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp triển và tương ưng triển này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

28. Xiển minh câu pháp tương ưng triển mà phi triển

Pucchā: Saññojanasampayuttehi ceva no ca saññojanehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tương ưng triển mà phi triển này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

29. Xiển minh câu pháp bất tương ưng triển phi cảnh triển

Pucchā: Saññojanavippayuttehi asaññojaniyehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp bất tương ưng triền mà phi cảnh triền này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

30. Xiển minh câu pháp phược

Pucchā: Ganthehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phược này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

31. Xiển minh câu pháp phi cảnh phược

Pucchā: Aganthaniyehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phi cảnh phược này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

32. Xiển minh câu pháp tương ưng phược

Pucchā: Ganthasampayutthehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tương ưng phược này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

33. Xiển minh câu pháp phược cảnh phược

Pucchā: Ganthehi ceva ganthaniyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phược và là cảnh của phược này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

34. Xiển minh câu pháp phược tương ưng phược

Pucchā: Ganthehi ceva ganthasampayutthehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phược và tương ưng với phược này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

35. Xiển minh câu pháp tương ưng phược mà phi phược

Pucchā: Ganthasampayutthehi ceva no ca ganthehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tương ưng phược mà phi phược này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

36. Xiển minh câu pháp bất tương ưng phược phi cảnh phược

Pucchā: Ganthavippayutthehi aganthaniyehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp bất tương ưng phược mà phi cảnh phược này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

37. Xiển minh câu pháp bộc

Pucchā: Oghehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp bộc này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

38. Xiển minh câu pháp phi cảnh bộc

Pucchā: Anoghaniyehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phi cảnh bộc này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

39. Xiển minh câu pháp tương ưng bộc*Pucchā: Oghasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp tương ưng bộc này bắt yếu hiệp 12 sắc thô ...

40. Xiển minh câu pháp bộc cảnh bộc*Pucchā: Oghehi ceva oghaniyehi ca dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp bộc và làm cảnh của bộc này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

41. Xiển minh câu pháp bộc tương ưng bộc*Pucchā: Oghehi ceva oghasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp bộc và tương ưng với bộc này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

42. Xiển minh câu pháp tương ưng bộc mà phi bộc*Pucchā: Oghasampayuttehi ceva no ca oghehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp tương ưng bộc mà phi bộc này bắt yếu hiệp 12 sắc thô ...

43. Xiển minh câu pháp bất tương ưng bộc phi cảnh bộc*Pucchā: Oghavippayuttehi anoghaniyehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp bất tương ưng bộc mà phi cảnh bộc này bắt yếu hiệp 12 sắc thô ...

44. Xiển minh câu pháp phối*Pucchā: Yogehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phối này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

45. Xiển minh câu pháp phi cảnh phối*Pucchā: Ayoganiyehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phi cảnh phối này bắt yếu hiệp 12 sắc thô ...

46. Xiển minh câu pháp tương ưng phối*Pucchā: Yogasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp tương ưng phối này bắt yếu hiệp 12 sắc thô ...

47. Xiển minh câu pháp phối cảnh phối*Pucchā: Yogehi ceva yoganiyehi ca dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phối và làm cảnh của phối này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

48. Xiển minh câu pháp phối tương ưng phối*Pucchā: Yogehi ceva yogasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phối và tương ưng với phối này bắt yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

49. Xiển minh câu pháp tương ưng phôi mà phi phôi

Pucchā: Yogasampayuttehi ceva no ca yogehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tương ưng phôi mà phi phôi này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

50. Xiển minh câu pháp bất tương ưng phôi phi cảnh phôi

Pucchā: Yogavippayuttehi ayoganiyehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp bất tương ưng phôi mà phi cảnh phôi này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

51. Xiển minh câu pháp cái

Pucchā: Nīvaraṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp cái này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

52. Xiển minh câu pháp phi cảnh cái

Pucchā: Anīvaraṇiyehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phi cảnh cái này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

53. Xiển minh câu pháp tương ưng cái

Pucchā: Nīvaraṇasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tương ưng cái này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

54. Xiển minh câu pháp cái cảnh cái

Pucchā: Nīvaraṇehi ceva nīvaraṇiyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp cái và làm cảnh của cái này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

55. Xiển minh câu pháp cái tương ưng cái

Pucchā: Nīvaraṇehi ceva nīvaraṇasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp cái và tương ưng với cái này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

56. Xiển minh câu pháp tương ưng cái mà phi cái

Pucchā: Nīvaraṇasampayuttehi ceva no ca nīvaraṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tương ưng cái mà phi cái này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

57. Xiển minh câu pháp bất tương ưng cái phi cảnh cái

Pucchā: Nīvaraṇavippayuttehi anīvaraṇiyehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp bất tương ưng cái mà phi cảnh cái này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

58. Xiển minh câu pháp khinh thị

Pucchā: Parāmāsehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp khinh thị này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

59. Xiển minh câu pháp phi cảnh khinh thị

Pucchā: Aparāmatthehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phi cảnh khinh thị này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

60. Xiển minh câu pháp tương ưng khinh thị

Pucchā: Parāmāsasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tương ưng khinh thị này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

61. Xiển minh câu pháp khinh thị cảnh khinh thị

Pucchā: Parāmāsehi ceva parāmatthehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp khinh thị và làm cảnh của khinh thị này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

62. Xiển minh câu pháp bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị

Pucchā: Parāmāsavippayuttehi Aparāmatthehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp bất tương ưng khinh thị mà phi cảnh khinh thị này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

63. Xiển minh câu pháp hữu tri cảnh

Pucchā: Sārammaṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp hữu tri cảnh này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

64. Xiển minh câu pháp vô tri cảnh

Pucchā: Sārammaṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp vô tri cảnh này bất yếu hiệp 89 tâm bằng cách sắc uẩn, 10 xứ thô - 1 pháp xứ, 10 giới thô - 1 pháp giới; 89 tâm này bất yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna bằng thức uẩn, ý xứ, 7 thức giới; sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi asaṅgahitā.

Sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna này bất yếu hiệp 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới.

65. Xiển minh câu pháp tâm

Pucchā: Cittehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā...pe...

Chư pháp tâm này bất yếu hiệp sắc, thọ, tưởng, hành, nibbāna ...

66. Xiển minh câu pháp phi tâm

Pucchā: No cittehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phi tâm này bất yếu hiệp 89 tâm ...

67. Xiển minh câu pháp sở hữu tâm*Pucchā: Cetasikehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp sở hữu tâm này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

68. Xiển minh câu pháp tương ưng tâm*Pucchā: Cittasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp tương ưng tâm này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

69. Xiển minh câu pháp bất tương ưng tâm*Pucchā: Cittavippayuttehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp bất tương ưng tâm này bất yếu hiệp 89 tâm ...

70. Xiển minh câu pháp hòa với tâm*Pucchā: Cittasamsatthehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hòa với tâm này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

71. Xiển minh câu pháp không hòa với tâm*Pucchā: Cittavisamsatthehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp không hòa với tâm này bất yếu hiệp 89 tâm ...

72. Xiển minh câu pháp có tâm làm sở sanh*Pucchā: Cittasamutthānehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp có tâm làm sở sanh này bất yếu hiệp 89 tâm ...

73. Xiển minh câu pháp đồng sanh tồn với tâm*Pucchā: Cittasahabhūhi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp đồng sanh tồn với tâm này bất yếu hiệp 89 tâm ...

74. Xiển minh câu pháp từng tâm thông lưu*Pucchā: Cittānuparivattīhi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp diễn tiến theo dòng tâm hay từng tâm thông lưu này bất yếu hiệp 89 tâm ...

75. Xiển minh câu pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh*Pucchā: Cittasamsatthasamutthānehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

76. Xiển minh câu pháp hòa, có tâm làm sở sanh và đồng sanh tồn với tâm*Pucchā: Cittasamsatthasamutthānasahabhūhi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hòa với tâm, có tâm làm sở sanh và đồng sanh tồn với tâm này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

77. Xiển minh câu pháp hòa, có tâm làm sở sanh và từng tâm thông lưu

Pucchā: Cittasamsaṭṭhasamuṭṭhānānuparivattīhi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp hòa với tâm, có tâm làm sở sanh và từng tâm thông lưu này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

78. Xiển minh câu pháp tự nội

Pucchā: Ajjhattikehi dhammehi ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, tehi dhammehi ye dhammā...pe...

Chư pháp tự nội này bất yếu hiệp thọ, tưởng, hành, nibbāna ...

79. Xiển minh câu pháp ngoại phần

Pucchā: Bāhirehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp ngoại phần này bất yếu hiệp 89 tâm ...

80. Xiển minh câu pháp y sanh

Pucchā: Upādādharmmehi ye dhammā ...

Chư pháp y sanh này bất yếu hiệp 89 tâm ...

81. Xiển minh câu pháp thủ

Pucchā: Upādānehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp thủ này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

82. Xiển minh câu pháp phi cảnh thủ

Pucchā: Anupādāniyehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp phi cảnh thủ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

83. Xiển minh câu pháp tương ưng thủ

Pucchā: Upādānasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp tương ưng thủ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

84. Xiển minh câu pháp thủ cảnh thủ

Pucchā: Upādānehi ceva upādāniyehi ca dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp thủ và làm cảnh của thủ này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

85. Xiển minh câu pháp thủ tương ưng thủ*Pucchā: Upādānehi ceva upādānasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp thủ và tương ưng với thủ này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

86. Xiển minh câu pháp tương ưng thủ mà phi thủ*Pucchā: Upādānasampayuttehi ceva no ca upādānehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp tương ưng thủ mà phi thủ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

87. Xiển minh câu pháp bất tương ưng thủ phi cảnh thủ*Pucchā: Upādānavippayuttehi anupādāniyehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp bất tương ưng thủ mà phi cảnh thủ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

88. Xiển minh câu pháp phiền não*Pucchā: Kilesehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phiền não này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

89. Xiển minh câu pháp phi cảnh phiền não*Pucchā: Asaṅkilesikehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phi cảnh phiền não này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

90. Xiển minh câu pháp phiền toái*Pucchā: Saṅkiliṭṭhehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phiền toái này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

91. Xiển minh câu pháp tương ưng phiền não*Pucchā: Kilesasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp tương ưng phiền não này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

92. Xiển minh câu pháp phiền não cảnh phiền não*Pucchā: Kilesehi ceva saṅkilesikehi ca dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phiền não và làm cảnh của phiền não này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

93. Xiển minh câu pháp phiền não phiền toái*Pucchā: Kilesehi ceva saṅkiliṭṭhehi ca dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phiền não và phiền toái này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

94. Xiển minh câu pháp phiền phiền toái phi phiền não*Pucchā: Saṅkiliṭṭhehi ceva no ca kilesehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phiền toái mà phi phiền não này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

95. Xiển minh câu pháp phiền não tương ưng phiền não*Pucchā: Kilesehi ceva kilesasampayuttehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phiền não và tương ưng với phiền não này bất yếu hiệp 89 tâm và 12 sắc thô ...

96. Xiển minh câu pháp tương ưng phiền não mà phi phiền não*Pucchā: Kilesasampayuttehi ceva no ca kilesehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp tương ưng phiền não mà phi phiền não này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

97. Xiển minh câu pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não*Pucchā: Kilesavippayuttehi asaṅkilesikehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp bất tương ưng phiền não mà phi cảnh phiền não này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

98. Xiển minh câu pháp sơ Đạo đoạn trừ*Pucchā: Dassanena pahātabbehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp sơ Đạo đoạn trừ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

99. Xiển minh câu pháp ba Đạo cao đoạn trừ*Pucchā: Bhāvanāya pahātabbehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp ba Đạo cao đoạn trừ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

100. Xiển minh câu pháp hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ*Pucchā: Dassanena pahātabbahetukehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

101. Xiển minh câu pháp hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ*Pucchā: Bhāvanāya pahātabbahetukehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

102. Xiển minh câu pháp hữu tầm*Pucchā: Savitakkehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hữu tầm này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

103. Xiển minh câu pháp hữu tứ*Pucchā: Savicārehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hữu tứ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

104. Xiển minh câu pháp hữu hỷ*Pucchā: Sappīlikehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hữu hỷ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

105. Xiển minh câu pháp hữu câu hành hỷ*Pucchā: Pītisahagatehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp câu hành hỷ này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

106. Xiển minh câu pháp câu hành lạc*Pucchā: Sukhasahagatehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp câu hành lạc này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

107. Xiển minh câu pháp câu hành xả*Pucchā: Upekkhāsahagatehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp câu hành xả này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

108. Xiển minh câu pháp phi dục giới*Pucchā: Na kāmāvacarehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phi dục giới này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

109. Xiển minh câu pháp sắc giới*Pucchā: Rūpāvacarehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp sắc giới này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

110. Xiển minh câu pháp vô sắc giới*Pucchā: Arūpāvacarehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp vô sắc giới này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

111. Xiển minh câu pháp không liên quan luân hồi*Pucchā: Apariyāpannehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp không liên quan luân hồi này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

112. Xiển minh câu pháp nhân xuất luân hồi*Pucchā: Niyyanikehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp là nhân xuất luân hồi này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

113. Xiển minh câu pháp cho quả nhất định*Pucchā: Niyatehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp cho quả nhất định này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

114. Xiển minh câu pháp vô thượng

Pucchā: Anuttarehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp vô thượng này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

115. Xiển minh câu pháp hữu y (sinh cùng phiền não)

Pucchā: Saraṇehi dhammehi ye dhammā ...

Chư pháp hữu y hay pháp sinh cùng với phiền não này bất yếu hiệp 12 sắc thô ...

Dú²t xiển minh nhị đề

Dú²t xiển minh ngoai đề

Dú²t xiển minh cách thứ năm

VI. XIỂN MINH CÂU PHỐI HỢP, BẤT PHỐI HỢP CÁCH THỨ SÁU (CHAṬṬHANAYA SAMPAYOGAVIPPAYOGAPADANIDDESO)

Kệ ngôn trình bày câu được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ sáu (giống cách thứ 10).

- | | | |
|------|----------------------------------|------------------------------------|
| (1). | <i>Dhammāyatanaṃ dhammadhātu</i> | <i>dukkhasaccañca jīvitam</i> |
| | <i>Salāyatanaṃ nāmarūpaṃ</i> | <i>cattāro ca mahābhavā</i> |
| (2). | <i>Jāti jarā maraṇaṃ</i> | <i>tikesvekūnavīsati</i> |
| | <i>Gocchakesu ca paññāsa</i> | <i>aṭṭha cūlantare padā</i> |
| (3). | <i>Mahantare paṇṇarasa</i> | <i>soḷasa ca tato pare</i> |
| | <i>Ekavīsati padasatam</i> | <i>etaṃ sampayoge na labbhati.</i> |

Đức Phật không trình bày 121 câu trong phần xiển minh cách thứ sáu như sau:

- (1). Pháp xứ, pháp giới, khổ đế, mạng quyền, sáu xứ, danh sắc, 4 hữu lớn là sanh hữu, dục hữu, tưởng hữu, ngũ uẩn hữu.
- (2). Sanh, lão, tử trong tam đề 19 câu được cả uẩn, xứ, giới như câu vô ký ...
Trong phần tụ 50 đề mà được cả uẩn, xứ, giới như câu phi nhân, câu vô nhân ...
Trong phần nhị đề đỉnh có 8 câu mà được cả uẩn, xứ, giới như câu hữu duyên, câu hữu vi ...
- (3). Trong 15 câu phân nhị đề đại như câu phi tâm ...

Sau đó trong phần nhị đề yêu bối có 16 câu mà được cả uẩn, xứ, giới như câu phi sơ Đạo đoạn trừ (*na dassanenapahātabbapada*) ...

Trình bày uẩn tương ưng, bất tương ưng và không được

1. 4 danh uẩn đó là tâm, sở hữu tâm này khi đủ cả bốn đặc điểm là đồng sanh (*ekuppāda*), đồng diệt (*ekanirodha*), đồng cảnh (*ekārammaṇa*), đồng vật (*ekavatthuka*), rồi tương ưng với nhau được. Nếu không đủ cả 4 trạng thái thì là bất tương ưng.
2. 4 danh uẩn với nibbāna, 4 danh uẩn với sắc chỉ là bất tương ưng.
3. Sắc với sắc, sắc với nibbāna không gọi là tương ưng hay bất tương ưng.
4. Giữa pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký là tâm, sở hữu tâm với nhau là bất tương ưng, gọi là bất tương ưng về giống.
5. Giữa 4 danh uẩn sanh trong cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc với nhau là bất tương ưng, gọi là bất tương ưng về cõi.
6. Giữa 4 danh uẩn là quá khứ, vị lai, hiện tại với nhau là bất tương ưng, gọi là bất tương ưng về thời.

7. Giữa 4 danh uẩn sanh trong thân ta và ngoài ta với nhau là bất tương ưng, gọi bất tương ưng về sự tiếp nối.

Đức Phật thuyết xiển minh cách thứ sáu này có cách trình bày số lượng uẩn, xứ, giới phối hợp đẳng và không đẳng, có sự khác biệt nữa bằng cách sử dụng từ ‘kehici’ (phần nào)

Xiển minh cách thứ sáu có 2 phần là: Xiển minh nội đề và xiển minh ngoại đề. Đức Phật thuyết xiển minh nội đề trước rồi thuyết xiển minh ngoại đề sau.

XIỂN MINH NỘI ĐỀ

Xiển minh nội đề có 2 phần là: 1. Xiển minh *khandhādi*, 2. Xiển minh *phassasattakarāsī*. Đức Phật thuyết xiển minh *khandhādi* trước rồi thuyết tiếp phần xiển minh *phassasattakarāsī*.

Xiển minh *khandhādi*

Xiển minh *khandhādi* có 15 phần là: 1. Xiển minh uẩn v.v... cho đến 15. Xiển minh Đạo là cuối cùng. Đức Phật thuyết phần xiển minh uẩn trước rồi thuyết tiếp xiển minh xứ v.v... theo tuần tự.

i. Xiển minh uẩn

1. Xiển minh sắc uẩn

Pucchā: *Rūpakkhandho katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi sampayutto?*
Sắc uẩn này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Natthi*. Không có

Pucchā: *Rūpakkhandho katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi vippayutto?*
Sắc uẩn này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Rūpakkhandho catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayutto.*

Sắc uẩn này bất tương ưng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

2. Xiển minh thọ uẩn

Pucchā: *Vedanākkhandho katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi sampayutto?*
Thọ uẩn này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Vedanākkhandho tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayutto.*

Thọ uẩn này tương ưng với 3 uẩn là tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 51 sở hữu tâm (trừ thọ).

Pucchā: *Vedanākkhandho katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi vippayutto?*

Thọ uẩn này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Rūpakkhandho ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayutto

Thọ uẩn này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

(3) xiển minh tướng uẩn, (4) xiển minh hành uẩn đều trình bày giống xiển minh thọ uẩn, chỉ thay đổi tên.

5. Xiển minh thức uẩn

Pucchā: Viññāṇakkhandho katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayutto?

Thức uẩn này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Viññāṇakkhandho tīhi khandhehi sampayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayutto.

Thức uẩn này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tướng uẩn và hành uẩn; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

Pucchā: Katihi vippayutto? Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayutto.

Thức uẩn này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

ii. Xiển minh xứ

Xiển minh xứ có 11 câu là: 1. Xiển minh nhãn xứ v.v... cho đến 11. Xiển minh ý xứ cuối cùng.

1. Xiển minh nhãn xứ

Pucchā: Cakkhāyatanaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttaṃ?

Nhãn xứ này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Natthi. Không có

Pucchā: Cakkhāyatanaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi vippayuttaṃ?

Nhãn xứ này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Cakkhāyatanaṃ catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttaṃ; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttaṃ.

Sắc uẩn này bất tương ưng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

Từ (2) xiển minh nhĩ xứ v.v... cho đến (10) xiển minh xúc xứ là cuối cùng, trình bày như xiển minh nhãn xứ.

11. Xiển minh ý xứ

Pucchā: *Manāyatanam katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttam?*
Ý xứ này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Manāyatanam tīhi khandhehi Sampayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttam.*

Ý xứ này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

Pucchā: *Katihi vippayuttam?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttam.*

Ý xứ này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô và bất tương ứng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

Dứt xiển minh xứ

iii. Xiển minh giới

Trong phần xiển minh giới có 17 câu là: 1. Xiển minh nhãn giới v.v... cho đến xiển minh ý thức giới cuối cùng.

Đức Phật thuyết xiển minh nhãn giới trước rồi thuyết tiếp xiển minh nhĩ giới v.v... theo tuần tự.

Xiển minh 10 giới thô như xiển minh nhãn giới v.v... cho đến xiển minh xúc giới cuối cùng, trình bày giống với xiển minh 10 xứ thô như nhãn xứ v.v...xiển minh xúc xứ là cuối cùng, đều như nhau.

11. Xiển minh nhãn thức giới

Pucchā: *Cakkhuvīññāṇadhātu katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttā?*

Nhãn thức giới này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Cakkhuvīññāṇadhātu tīhi khandhehi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Nhãn thức giới này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 7 sở hữu biến hành.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Nhãn thức giới này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ nhãn thức giới) và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 45 sở hữu tâm, sắc tế, nibbāna.

Từ (12) xiển minh nhĩ thức giới v.v... cho đến (15) xiển minh thân thức giới cuối cùng, trình bày giống với xiển minh nhãn thức giới.

16. Xiển minh ý giới

Pucchā: *Manodhātu katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttā?*

Ý giới này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Manodhātu tīhi khandhehi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Ý giới này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 10 sở hữu tợ tha (trừ căn, hỷ, dục).

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Ý giới này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý giới) và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 42 sở hữu tâm, sắc tế, nibbāna.

16. Xiển minh ý thức giới

Pucchā: *Manoviññāṇadhātu katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttā?*

Ý thức giới này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Manoviññāṇadhātu tīhi khandhehi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Ý thức giới này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tợ tha.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Ý thức giới này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

Dứt xiển minh giới

iv. Xiển minh đế

Xiển minh đế có câu: 1. Xiển minh tập đế, 2. Xiển minh diệt đế, 3. Xiển minh đạo đế.

1. Xiển minh tập đế

Pucchā: *Samudayasaccam katihī khandhehi katihāyatanehi katihī dhātūhi sampayuttam?*

Tập đế này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Samudayasaccam tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā Sampayuttam; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttam.*

Tập đế này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 19 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham), một phần pháp xứ, pháp giới là 21 sở hữu tâm (trừ tham).

Pucchā: *Katihī vippayuttam?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttam.*

Tập đế này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ứng một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hoại nghi, 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

2. Xiển minh diệt đế

Pucchā: *Nirodhasaccam katihī khandhehi katihāyatanehi katihī dhātūhi sampayuttam?*

Diệt đế này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Natthi.* Không có

Pucchā: *Nirodhasaccam katihī khandhehi katihāyatanehi katihī dhātūhi vippayuttam?*

Diệt đế này bất tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Nirodhasaccam catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttam.*

Diệt đế này bất tương ứng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới và bất tương ứng một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

3. Xiển minh đạo đế

Pucchā: *Maggasaccam katihī khandhehi katihāyatanehi katihī dhātūhi sampayuttam?*

Đạo đế giới này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Maggasaccam tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā Sampayuttam; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttam.*

Đạo đế này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 26 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 8 chi Đạo), một phần pháp xứ, pháp giới là 28 sở hữu tâm (trừ 8 chi Đạo).

Pucchā: *Katihi vippayuttam?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttam.*

Đạo đế này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, 2 sở hữu vô lượng phần, sắc tế, nibbāna.

v. Xiển minh quyền

Xiển minh quyền này có 21 câu là: 1. Xiển minh nhãn quyền v.v... cho đến 21. Xiển minh tri cụ tri quyền là cuối cùng (xiển minh mạng quyền).

1. Xiển minh nhãn quyền

Pucchā: *Cakkhundriyam katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttam?*

Nhãn quyền này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Natthi.* Không có

Pucchā: *Cakkhundriyam katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi vippayuttam?*

Nhãn quyền này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Cakkhundriyam catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttam.*

Nhãn quyền này bất tương ưng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

Từ (2) xiển minh nhĩ quyền v.v... cho đến (7) xiển minh nam quyền là cuối cùng trình bày giống với xiển minh nhãn quyền, chỉ thay đổi tên.

8. Xiển minh ý quyền

Pucchā: *Manindriyam katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttam?*

Ý quyền này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Manindriyam tīhi khandhehi Sampayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttam.*

Ý quyền này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

Pucchā: *Katihi vippayuttam?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttam.*

Ý quyền này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

9. Xiển minh lạc quyền

Pucchā: *Sukhindriyaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttaṃ?*

Lạc quyền này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Sukhindriyaṃ tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā Sampayuttaṃ; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttaṃ.*

Lạc quyền này tương ứng với 3 uẩn là tướng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 thân thức giới; và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 6 sở hữu tâm biến hành (trừ thọ).

Pucchā: *Katihi vippayuttaṃ?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttaṃ; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttaṃ.*

Lạc quyền này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ thân thức giới) và bất tương ứng một phần pháp xứ, pháp giới là 45 sở hữu tâm, sắc tế, nibbāna.

(10) xiển minh khổ quyền giống với xiển minh lạc quyền, chỉ thay đổi tên.

11. Xiển minh hỷ quyền

Pucchā: *Somanassindriyaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttaṃ?*

Hỷ quyền này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Somanassindriyaṃ tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā Sampayuttaṃ; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttaṃ.*

Hỷ quyền này tương ứng với 3 uẩn là tướng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 46 sở hữu tâm (trừ thọ).

Pucchā: *Katihi vippayuttaṃ?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttaṃ; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttaṃ.*

Hỷ quyền này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ứng một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hoại nghi, sắc tế, nibbāna.

(12) xiển minh ưu quyền giống với xiển minh hỷ quyền, chỉ thay đổi tên.

13. Xiển minh xả quyền

Pucchā: *Upekkhindriyaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttaṃ?*

Xả quyền này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Upekkhindriyaṃ tīhi khandhehi ekenāyatanena chahi dhātūhi Sampayuttaṃ; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttaṃ.

Xả quyền này tương ứng với 3 uẩn là tướng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 6 thức giới (trừ thân thức giới); và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 46 sở hữu tâm (trừ thọ).

Pucchā: *Katihi vippayuttaṃ?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi vippayuttaṃ; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttaṃ.

Xả quyền này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 11 giới là 10 giới thô và 1 thân thức giới và bất tương ứng một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hỷ, sắc tế, nibbāna.

14. Xiển minh tín quyền

Pucchā: *Saddhindriyaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttaṃ?*

Tín quyền này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Saddhindriyaṃ tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā Sampayuttaṃ; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttaṃ.

Tín quyền này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tướng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 35 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tín), một phần pháp xứ, pháp giới là 37 sở hữu tâm (trừ tín).

Pucchā: *Katihi vippayuttaṃ?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttaṃ; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttaṃ.

Tín quyền này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ứng một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, sắc tế, nibbāna.

15. Xiển minh cần quyền

Pucchā: *Vīriyindriyaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttaṃ?*

Cần quyền này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Vīriyindriyaṃ tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā Sampayuttaṃ; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttaṃ.

Cần quyền này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tướng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ cần), một phần pháp xứ, pháp giới là 51 sở hữu tâm (trừ cần).

Pucchā: *Katihi vippayuttaṃ?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttam.

Cần quyền này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

16. Xiển minh niệm quyền

Pucchā: Satindriyam katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttam?
Niệm quyền này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Satindriyam tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā Sampayuttam; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttam.

Niệm quyền này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 35 sở hữu tâm hành uẩn (trừ niệm), một phần pháp xứ, pháp giới là 37 sở hữu tâm (trừ niệm).

Pucchā: Katihi vippayuttam? Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttam.

Niệm quyền này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, sắc tế, nibbāna.

17. Xiển minh định quyền

Pucchā: Samādhindriyam katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttam?

Định quyền này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Samādhindriyam tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā Sampayuttam; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttam.

Định quyền này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 48 sở hữu tâm hành uẩn (trừ hoài nghi, nhất hành), một phần pháp xứ, pháp giới là 50 sở hữu tâm (trừ hoài nghi, nhất hành).

Pucchā: Katihi vippayuttam? Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttam.

Định quyền này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 1 sở hữu hoài nghi, sắc tế, nibbāna.

18. Xiển minh tuệ quyền

Pucchā: Paññindriyam katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttam?

Tuệ quyền này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Paññindriyaṃ tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā Sampayuttaṃ; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttaṃ.

Tuệ quyền này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 35 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tuệ), một phần pháp xứ, pháp giới là 37 sở hữu tâm (trừ tuệ).

Pucchā: *Katīhi vip̐payuttaṃ?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vip̐payuttaṃ; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vip̐payuttaṃ.

Tuệ quyền này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ứng một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, sắc tế, nibbāna.

19. Xiển minh tri vị tri quyền

Pucchā: *Anaññātaññassāmītindriyaṃ katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi sampayuttaṃ?*

Tri vị tri quyền này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Anaññātaññassāmītindriyaṃ tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā Sampayuttaṃ; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttaṃ.

Tri vị tri quyền này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 33 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tuệ), một phần pháp xứ, pháp giới là 35 sở hữu tâm (trừ tuệ).

Pucchā: *Katīhi vip̐payuttaṃ?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vip̐payuttaṃ; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vip̐payuttaṃ.

Tri vị tri quyền này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ứng một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, 2 sở hữu vô lượng phần, sắc tế, nibbāna.

(20) xiển minh tri dĩ tri quyền và (21) xiển minh tri cụ tri quyền đều trình bày giống xiển minh tri vị tri quyền, chỉ thay đổi tên.

vi. Xiển minh liên quan tương sinh

Xiển minh liên quan tương sinh có 19 câu là: 1. Xiển minh vô minh v.v... cho đến xiển minh ai là cuối cùng (trừ sáu xứ, danh sắc, sanh hữu, nghiệp hữu, tưởng hữu, ngũ uẩn hữu, sanh, lão, tử).

1. Xiển minh vô minh

Pucchā: *Avijjā katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi sampayuttā?*

Vô minh này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Avijjā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Vô minh này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 24 sở hữu tâm hành uẩn (trừ si), pháp xứ, pháp giới là 26 sở hữu tâm (trừ si).

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Vô minh này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ứng một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

2. Xiển minh hành

Pucchā: *Avijjāpaccayā saṅkhārā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttā?*

Hành sanh do vô minh làm nhân này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Avijjāpaccayā saṅkhārā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Hành sanh do vô minh làm nhân này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tư), một phần pháp xứ, pháp giới là 51 sở hữu tâm (trừ tư).

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Hành sanh do vô minh làm nhân này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ứng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

3. Xiển minh thức

Pucchā: *Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttam?*

Thức sanh do hành làm nhân này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ tīhi khandhehi Sampayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttam.

Thức sanh do hành làm nhân này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

Pucchā: *Katihi vippayuttam?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttam.*

Thức sanh do hành làm nhân này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

4. Xiển minh xúc

Pucchā: *Salāyatanapaccayā phasso katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayutto?*

Xúc sanh do nương sáu xứ làm nhân này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Salāyatanapaccayā phasso tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayutto; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayutto.*

Xúc sanh do nương sáu xứ làm nhân này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ xúc), một phần pháp xứ, pháp giới là 51 sở hữu tâm (trừ xúc).

Pucchā: *Katihi vippayutto?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayutto.*

Xúc sanh do nương sáu xứ làm nhân này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

5. Xiển minh thọ

Pucchā: *Phassapaccayā vedanā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttā?*

Thọ sanh do nương xúc làm nhân này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Phassapaccayā vedanā tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Thọ sanh do nương xúc làm nhân này tương ưng với 3 uẩn là tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 51 sở hữu tâm (trừ thọ).

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Thọ sanh do nương xúc làm nhân này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

6. Xiển minh ái

Pucchā: *Vedanāpaccayā tanhā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayutto?*

Ái sanh do nương thọ làm nhân này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Vedanāpaccayā tanhā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayutto; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayutto.*

Ái sanh do nương thọ làm nhân này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 19 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham), một phần pháp xứ, pháp giới là 21 sở hữu tâm (trừ tham).

Pucchā: *Katihi vippayutto?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayutto.*

Ái sanh do nương thọ làm nhân này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hoại nghi, 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(7) Xiển minh thủ giống với xiển minh ái, chỉ đổi sở hữu hợp 18-20 mà thôi.

(8) Nghiệp hữu cũng trình bày như nhau, chỉ thay đổi sở hữu hợp là 49-51.

9. Xiển minh sắc hữu

Pucchā: *Rūpabhavo...pe... sampayuttoti?*

Visajjanā: *Natthi.* Không có.

Pucchā: *Katihi vippayutto?*

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi tīhi dhātūhi vippayutto.*

Sắc hữu này không bất tương ưng với uẩn, xứ nào cả; nhưng bất tương ưng với ba giới là tỷ thức giới, thiết thức giới và thân thức giới.

10. Xiển minh Vô sắc hữu

Pucchā: *Arūpabhavo...pe... sampayuttoti?*

Visajjanā: *Natthi.* Không có.

Pucchā: *Katihi vippayutto?*

Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayutto.

Vô sắc hữu này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 22 sở hữu tâm, sắc tế, nibbāna.

11. Xiển minh vô tướng hữu

Pucchā: *Asaññābhavo...pe... sampayuttoti?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: *Katihi vippayutto?*

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayutto.*

Vô tướng hữu này bất tương ưng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

(12) Xiển minh nhất uẩn hữu trình bày giống như trên.

Còn (13) xiển minh phi tướng phi phi tướng hữu và (14) xiển minh tứ uẩn hữu trình bày giống với xiển minh vô sắc hữu.

15. Xiển minh sâu

Pucchā: *Soko katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi sampayutto?*

Thọ sanh do nương xúc làm nhân này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Soko tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayutto.*

Sâu này tương ưng với 3 uẩn là tướng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 21 sở hữu tâm (trừ thọ).

Pucchā: *Katihi vippayutto? Bất tương ưng bao nhiêu?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayutto.*

Sâu này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô, 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 3 sở hữu tham phần, 1 sở hữu hỷ, 1 sở hữu hoại nghi, 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(16) Xiển minh khóc giống với xiển minh vô tướng hữu, (17) xiển minh khổ và (18) xiển minh ưu giống với xiển minh sâu, chỉ riêng xiển minh khổ thay đổi hợp với 6 sở hữu biến hành (trừ thọ).

19. Xiển minh Ai

Pucchā: *Upāyāso...*

Visajjanā: *Upāyāso tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayutto; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayutto.*

Ai này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tướng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 19 sở hữu tâm hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 21 sở hữu tâm (trừ sân).

Pucchā: *Katihi vippayutto?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayutto.*

Ai này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô, 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 3 sở hữu tham phần, 1 sở hữu hỷ, 1 sở hữu hoại nghi, 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

Dứt xiển minh liên quan tương sinh

vii. Xiển minh niệm xứ

Xiển minh niệm xứ giống với xiển minh ai, chỉ đổi sở hữu hợp là 33-35 (trừ niệm).

viii. Xiển minh chánh cần

Xiển minh chánh cần giống với xiển minh ai, chỉ đổi sở hữu hợp là 33-35 (trừ cần).

ix. Xiển minh như ý túc

Pucchā: *Iddhipādo ... sampayutto?*

Visajjanā: *Iddhipādo dvīhi khandhehi sampayutto; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayutto.*

Như ý túc này tương ưng với 2 uẩn là thọ uẩn và tưởng uẩn; và tương ưng với một phần hành uẩn là 31 sở hữu tâm, một phần pháp xứ, pháp giới là 33 sở hữu tâm (trừ chi pháp như ý túc).

Pucchā: *Katihi vippayutto?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayutto.*

Như ý túc này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, 2 sở hữu vô lượng phần, sắc tế, nibbāna.

x. Xiển minh thiền

Pucchā: *Jhānaṃ ... sampayuttaṃ?*

Visajjanā: *Jhānaṃ dvīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā Sampayuttaṃ; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttaṃ.*

Thiền này tương ưng với 2 uẩn là tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 29 sở hữu tâm, một phần pháp xứ, pháp giới là 30 sở hữu tâm (trừ 5 chi thiền).

Pucchā: *Katihi vippayuttaṃ?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttaṃ; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttaṃ.*

Thiền này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, 3 sở hữu ngăn trừ phần, sắc tế, nibbāna.

Câu tiếp theo trình bày cùng phương cách với ai, chỉ thay đổi số lượng sở hữu tâm khác nhau, tùy theo chi pháp, tức (11) xiển minh vô lượng phần hợp 29-31 sở hữu (trừ vô sân, bi, tùy hỷ, trung bình), (12) xiển minh ngũ quyền, (13) xiển minh ngũ lực hợp với 29-31 sở hữu tâm (trừ tín, tấn, niệm, định, tuệ), (14) xiển minh giác chi hợp với 26-28 sở hữu tâm (trừ niệm, tuệ, cần, hỷ, tịnh thân - tịnh tâm, nhất hành, trung bình), (15) xiển minh chi Đạo hợp với 26-28 sở hữu tâm (trừ tuệ, tầm, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, cần, niệm, nhất hành).

Dứt xiển minh khandhādi

Xiển minh nhóm bảy như có xúc, ... (Phassasattakarāsī)

Xiển minh *Phassasattakarāsī* có 7 câu là: 1. Xiển minh xúc v.v... cho đến xiển minh tác ý.

1. Xiển minh xúc

Pucchā: *Phasso ... sampayutto?*

Visajjanā: *Phasso tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayutto; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayutto.*

Xúc này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 49 sở hữu tâm hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 51 sở hữu tâm (trừ xúc).

Pucchā: *Katihi vippayutto?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayutto.*

Xúc này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô, và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

(4) Xiển minh tư và (7) xiển minh tác ý trình bày cùng phương cách.

2. Xiển minh thọ

Pucchā: *Vedanā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttā?*

Thọ sanh do nương xúc làm nhân này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Soko tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Thọ này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 51 sở hữu tâm (trừ thọ).

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Thọ này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

(3) *Xiển minh* tương cũng trình bày như trên, chỉ thay đổi tương ưng tướng uẩn thành tương ưng thọ uẩn.

5. Xiển minh tâm

Pucchā: *Cittam katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttam?*

Tâm này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Cittam tīhi khandhehi Sampayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttam.

Tâm này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tướng uẩn và hành uẩn; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

Pucchā: *Katihi vippayuttam?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttam; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttam.

Tâm này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

6. Xiển minh thắng giải

Pucchā: *Adhimokkho ...*

Visajjanā: Adhimokkho tīhi khandhehi ekenāyatanena dvīhi dhātūhi sampayutto; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayutto.

Thắng giải này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tướng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 2 giới là ý giới và ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 48 sở hữu tâm hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 50 sở hữu tâm (trừ thắng giải, hoài nghi).

Pucchā: *Katihi vippayutto?*

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi pannarasahi dhātūhi vippayutto; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayutto.

Ái này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 15 giới là 10 giới thô, 5 thức giới (trừ ý giới, ý thức giới) và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 1 sở hữu hoài nghi, sắc tế, nibbāna.

*Dútt xiển minh phassasattakarāsī
Dútt xiển minh nội đế*

XIỂN MINH NGOẠI ĐỀ

Xiển minh ngoại đề có hai phần là xiển minh tam đề và xiển minh nhị đề. Đức Phật thuyết xiển minh tam đề trước rồi mới thuyết xiển minh nhị đề.

Xiển minh tam đề

Xiển minh tam đề có 47 câu là xiển minh câu thiện .v.v... cho đến xiển minh câu vô kiến hữu đối chiếu là cuối cùng.

1. Xiển minh câu thiện

Pucchā: *Kusalā dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttāti?*

Chư pháp thiện này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Natthi*. Không có

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp thiện này bất tương ưng 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, sắc tế, nibbāna.

(2) *Xiển minh câu bất thiện trình bày cũng như trên, chỉ thay đổi là bất tương ưng 25 sở hữu tịnh hảo.*

3. Xiển minh câu pháp tương ưng lạc thọ

Pucchā: *Sukhāya vedanāya sampayuttā dhammā ...*

Visajjanā: *Sukhāya vedanāya sampayuttā dhammā ekena khandhena sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp tương ưng lạc thọ này tương ưng với 1 thọ uẩn và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là thọ uẩn.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Ekena khandhena dasahāyatanehi pannarasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp tương ưng lạc thọ này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 15 giới là 10 giới thô và 5 thức giới (trừ thân thức giới, ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hoại nghi, sắc tế, nibbāna.

(4) *xiển minh câu pháp tương ưng khổ thọ trình bày như trên, chỉ đổi sở hữu hợp theo sự tương thích.*

5. Xiển minh câu pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ

Pucchā: *Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā dhammā ...*

Visajjanā: *Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā dhammā ekena khandhena sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ này tương ưng với 1 thọ uẩn và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là thọ uẩn.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 11 giới là 10 giới thô và 1 thân thức giới; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hỷ, sắc tế, nibbāna.

6. Xiển minh câu pháp quả

Pucchā: *Vipākā dhammā...pe... sampayuttāti?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp quả này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, sắc tế, nibbāna.

7. Xiển minh câu pháp nhân

Pucchā: *Vipākadhammadhammā dhammā...pe... sampayuttāti?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp nhân này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

8. Xiển minh câu pháp phi quả phi nhân

Pucchā: *Nevavipākanavipākadhammadhammā... anupādinnaupādāniyā dhammā...pe... sampayuttāti?*

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: *Katihi vip̐payuttā?*

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi pañcahi dhātūhi vip̐payuttā.

Chư pháp phi quả phi nhân này không bất tương ưng với một uẩn, xứ, giới nào, mà là bất tương ưng với 5 thức giới.

(9) *Xiển minh câu pháp phi thành do thủ mà cảnh thủ trình bày như cách trên, dù cho cả hai câu có chi pháp khác nhau ở 5 xứ nội và 5 giới nội cũng vậy, nhưng chi pháp này là sắc với sắc, chớ chẳng phải tương ưng với bất tương ưng, nên cũng không tương ưng, chỉ có 5 thức giới giống nhau.*

10. Xiển minh câu pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ

Pucchā: *Anupādinnaanupādāniyā dhammā... ...pe... sampayuttāti?*

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: *Katihi vip̐payuttā?*

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi chahi dhātūhi vip̐payuttā.

Chư pháp phi thành do thủ và phi cảnh thủ này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào cả, mà bất tương ưng với 6 thức giới (trừ ý thức giới).

(11) *Xiển minh câu pháp phiễn toái cảnh phiễn não trình bày giống như câu pháp quả,*
(12) *Xiển minh câu pháp phi phiễn toái phi cảnh phiễn não trình bày giống như xiển minh câu pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ.*

13. Xiển minh câu hữu tầm hữu tứ

Pucchā: *Savitakkasavicārā dhammā ...*

Visajjanā: Savitakkasavicārā dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là sở hữu tầm, tứ.

Pucchā: *Katihi vip̐payuttā?*

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi pannarasahi dhātūhi vip̐payuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vip̐payuttā.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ này bất tương ưng 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 15 giới là 10 giới thô và 5 thức giới; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

14. Xiển minh câu pháp vô tầm hữu tứ

Pucchā: *Avitakkavicāramattā dhammā ...*

Visajjanā: Avitakkavicāramattā dhammā... pītisahagatā dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp vô tầm hữu tứ này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là sở hữu tứ.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp vô tầm hữu tứ này bất tương ưng 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, sắc tế, nibbāna.

15. Xiển minh câu pháp vô tầm vô tứ

Pucchā: *Avitakkaavicārā dhammā...pe... sampayuttāti?*

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi ekāya dhātuyā vippayuttā.

Chư pháp vô tầm vô tứ này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào cả, nhưng bất tương ưng với 1 ý giới.

(16) Xiển minh câu pháp câu hành hỷ trình bày cũng như cách với xiển minh câu pháp vô tầm hữu tứ mọi phần, chỉ thay đổi sự tương ưng sở hữu tứ là sở hữu hỷ mà thôi.

17. Xiển minh câu pháp câu hành lạc

Pucchā: *Sukhasahagatā dhammā ...*

Visajjanā: Sukhasahagatā dhammā ekena khandhena sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp câu hành lạc này tương ưng với thọ uẩn, và một phần pháp xứ, pháp giới là sở hữu thọ.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi pannarasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp câu hành lạc này bất tương ưng 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 15 giới là 10 giới thô và 5 thức giới (trừ thân thức giới, ý thức giới); và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hoại nghi, sắc tế, nibbāna.

18. Xiển minh câu pháp câu hành xả

Pucchā: *Upekkhāsahagatā dhammā...*

Visajjanā: Upekkhāsahagatā dhammā ekena khandhena sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp câu hành xả này tương ưng với thọ uẩn, và một phần pháp xứ, pháp giới là sở hữu thọ.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp câu hành lạc này bất tương ưng 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 11 giới là 10 giới thô và 1 thân thức giới; và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hỷ, sắc tế, nibbāna.

19. Xiển minh câu pháp sơ Đạo đoạn trừ

Pucchā: *Dassanena pahātabbā dhammā ... sampayuttā?*

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp sơ Đạo đoạn trừ này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(20) Xiển minh câu pháp ba Đạo cao đoạn trừ, (21) xiển minh câu pháp hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ, (22) xiển minh câu pháp hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ, (23) xiển minh câu pháp nhân sanh tử, (24) xiển minh câu pháp nhân đến nibbāna, (25) xiển minh câu pháp hữu học, (26) xiển minh câu pháp vô học, (27) xiển minh câu pháp đáo đại, tất cả trình bày giống như xiển minh câu pháp sơ Đạo đoạn trừ.

28. Xiển minh câu pháp Vô lượng

Pucchā: *Appamāṇā dhammā...pe... sampayuttāti?*

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi chahi dhātūhi vippayuttā.

Chư pháp vô lượng này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào cả, mà bất tương ưng với 6 thức giới (trừ ý thức giới).

29. Xiển minh câu pháp biết cảnh hy thiếu

Pucchā: *Parittārammaṇā dhammā...pe... sampayuttāti?*

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp biết cảnh hy thiếu này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 2 sở hữu vô lượng phần, sắc tế, nibbāna.

30. Xiển minh câu pháp biết cảnh đáo đại

Pucchā: Mahaggatārammaṇā dhammā... sampayuttāti?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp biết cảnh đáo đại này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 3 sở hữu ngăn trừ phần, 2 sở hữu vô lượng phần, sắc tế, nibbāna.

(31) Xiển minh câu pháp biết cảnh vô lượng, (32) Xiển minh câu pháp ty hạ, hai câu này trình bày như xiển minh câu pháp biết cảnh đáo đại. (33) Xiển minh câu pháp tình lương trình bày như xiển minh câu pháp vô lượng. (34) Xiển minh câu pháp tà cho quả nhất định, (35) Xiển minh câu pháp chánh cho quả nhất định, (36) Xiển minh câu pháp có Đạo thành cảnh, (37) Xiển minh câu pháp có nhân là Đạo, (38) Xiển minh câu pháp có Đạo thành trưởng. Cả 5 câu này trình bày như xiển minh câu pháp biết cảnh đáo đại.

39. Xiển minh câu pháp phi sanh tồn

Pucchā: Anuppannā dhammā...pe... sampayuttāti?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi pañcahi dhātūhi vippayuttā.

Chư pháp phi sanh tồn này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào cả, nhưng bất tương ưng với 5 thức giới.

40. Xiển minh câu pháp biết cảnh quá khứ

Pucchā: Atītārammaṇā dhammā...pe... anāgatārammaṇā dhammā...pe... sampayuttāti?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp biết cảnh quá khứ này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 3 sở hữu ngăn trừ phần, 2 sở hữu vô lượng phần, sắc tế, nibbāna.

(41) Xiển minh câu pháp biết cảnh vị lai trình bày như câu trên.

42. Xiển minh câu pháp biết cảnh hiện tại

Pucchā: Paccuppannārammaṇā dhammā...pe... sampayuttāti?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp biết cảnh hiện tại này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 2 sở hữu vô lượng phần, sắc tế, nibbāna.

(43) Xiển minh câu pháp biết cảnh nội phần, (44) Xiển minh câu pháp biết cảnh ngoại phần, (45) Xiển minh câu pháp biết cảnh nội và ngoại phần. 3 câu này trình bày như xiển minh câu pháp biết cảnh hiện tại.

46. Xiển minh câu pháp hữu kiến hữu đối chiếu

Pucchā: Sanidassanasappaṭighā dhammā... sampayuttāti?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu này bất tương ưng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

(47) Xiển minh câu pháp vô kiến hữu đối chiếu trình bày như câu trên.

Dứt xiển minh tam đề

Xiển minh nhị đề

Xiển minh nhị đề có 111 câu là: 1. Xiển minh câu pháp nhân v.v... cho đến 111. Xiển minh câu pháp hữu y là cuối cùng.

1. Xiển minh câu pháp nhân

Pucchā: *Hetū dhammā*

Visajjanā: *Hetū dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp nhân này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 44 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 6 nhân), một phần pháp xứ, pháp giới là 46 sở hữu tâm (trừ 6 nhân).

Pucchā: *Katīhi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp nhân này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

2. Xiển minh câu pháp hữu nhân

Pucchā: *Sahetukā dhammā... sampayuttāti?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: *Katīhi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp hữu nhân hay có nhân tương ứng này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới) và bất tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

(3) Xiển minh câu pháp tương ứng nhân trình bày như câu pháp hữu nhân, (4) Xiển minh câu pháp nhân hữu nhân trình bày giống câu chư pháp nhân.

5. Xiển minh câu pháp hữu nhân phi nhân

Pucchā: *Sahetukā ceva na ca hetū dhammā ...*

Visajjanā: *Sahetukā ceva na ca hetū dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp hữu nhân phi nhân này tương ứng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là 6 nhân.

Pucchā: *Katīhi vippayuttā?*

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp hữu nhân phi nhân này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 xứ thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

(6) Xiển minh câu pháp nhân tương ưng nhân trình bày giống như câu pháp nhân, (7) Xiển minh câu pháp tương ưng nhân mà phi nhân, (8) xiển minh câu pháp phi nhân mà hữu nhân, cả hai câu này trình bày giống câu hữu nhân mà phi nhân.

9. Xiển minh câu pháp vô duyên

Pucchā: Appaccayā dhammā... asaṅkhatā dhammā... sanidassanā dhammā... sappatighā dhammā... rūpino dhammā...pe... sampayuttāti?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp vô duyên này bất tương ưng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

(10) Xiển minh câu pháp vô vi, (11) xiển minh câu pháp hữu kiến, (12) xiển minh câu pháp hữu đối chiếu, (13) xiển minh câu pháp sắc. Cả 4 câu này trình bày như nhau.

14. Xiển minh câu pháp siêu thế

Pucchā: Lokuttarā dhammā...pe... sampayuttā?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi chahi dhātūhi vippayuttā.

Chư pháp siêu thế này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào cả, nhưng bất tương ưng với 6 thức giới (trừ ý thức giới).

15. Xiển minh câu pháp lậu

Pucchā: Āsavā dhammā...

Visajjanā: Āsavā dhammā... tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp lậu này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 22 sở hữu hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 24 sở hữu (trừ 3 chi pháp lậu).

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp lậu này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

16. Xiển minh câu pháp phi cảnh lậu

Pucchā: *Anāsavā dhammā...pe... sampayuttā?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi chahi dhātūhi vippayuttā.*

Chư pháp phi cảnh lậu này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 6 thức giới (trừ ý thức giới).

17. Xiển minh câu pháp tương ưng lậu

Pucchā: *Āsavasampayuttā dhammā...pe... sampayuttā?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp tương ưng lậu này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(18) Xiển minh câu pháp lậu cảnh lậu và (19) chư pháp lậu tương ưng lậu trình bày giống xiển minh câu pháp lậu.

(20) Xiển minh câu pháp tương ưng lậu phi lậu

Pucchā: *Āsavasampayuttā ceva no ca āsavā dhammā ...*

Visajjanā: *Āsavasampayuttā ceva no ca āsavā dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp tương ưng lậu phi lậu này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là 3 chi pháp lậu.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp tương ưng lậu phi lậu này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(21) *Xiển minh câu pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu trình bày giống câu pháp phi cảnh lậu.*

22. Xiển minh câu pháp triền

Pucchā: Saṃyojanā dhammā ...

Visajjanā: Saṃyojanā dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp triền này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 17 sở hữu hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 19 sở hữu (trừ 8 chi pháp lậu).

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp lậu này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

23. Xiển minh câu pháp phi cảnh triền

Pucchā: Asaññojaniyā dhammā...pe... sampayuttā?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi chahi dhātūhi vippayuttā.

Chư pháp phi cảnh triền này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 6 thức giới (trừ ý thức giới).

24. Xiển minh câu pháp tương ưng triền

Pucchā: Saññojanasampayuttā dhammā...pe... sampayuttā?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp tương ưng triền này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(25) Xiển minh câu pháp triền cảnh triền và (26) chư pháp triền tương ưng triền trình bày giống xiển minh câu pháp triền.

(27) Xiển minh câu pháp tương ưng triền phi triền

Pucchā: Saññojanasampayuttā ceva no ca āsavā dhammā ...

Visajjanā: Saññojanasampayuttā ceva no ca saññojanā dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp tương ưng triền phi triền này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là 8 chi pháp triền.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp tương ưng triền phi triền này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(28) Xiển minh câu pháp bất tương ưng triền phi cảnh triền trình bày giống câu pháp phi cảnh triền.

29. Xiển minh câu pháp phược

Pucchā: Ganthā dhammā ...

Visajjanā: Ganthā dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp phược này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 21 sở hữu hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 23 sở hữu tâm (trừ 3 chi pháp phược).

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp phược này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 1 sở hữu hoại nghi, 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

30. Xiển minh câu pháp phi cảnh phược

Pucchā: Aganthaniyā dhammā...pe... sampayuttā?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi chahi dhātūhi vippayuttā.

Chư pháp phi cảnh phược này không bắt tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bắt tương ưng với 6 thức giới (trừ ý thức giới).

31. Xiển minh câu pháp tương ưng phược

Pucchā: Ganthasampayuttā dhammā...pe... sampayuttā?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp tương ưng phược này bắt tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bắt tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 1 sở hữu hoại nghi, 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(32) Xiển minh câu pháp phược cảnh phược và (33) chư pháp phược tương ưng phược trình bày giống xiển minh câu pháp phược.

34. Xiển minh câu pháp tương ưng phược phi phược

Pucchā: Ganthasampayuttā ceva no ca ganthā dhammā ...

Visajjanā: Ganthasampayuttā ceva no ca ganthā dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp tương ưng phược phi phược này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là 3 chỉ pháp phược.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp tương ưng phược phi phược này bắt tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bắt tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 1 sở hữu hoại nghi, 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(35) Xiển minh câu pháp bắt tương ưng phược phi cảnh phược trình bày giống câu pháp phi cảnh phược.

36. Xiển minh câu pháp bộc

Pucchā: Oghā dhammā...

Visajjanā: Oghā dhammā... tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp bộc này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 22 sở hữu hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 24 sở hữu (trừ 3 chi pháp bộc).

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp bộc này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

37. Xiển minh câu pháp phi cảnh bộc

Pucchā: Anoghanīyā dhammā...pe... sampayuttā?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi chahi dhātūhi vippayuttā.

Chư pháp phi cảnh bộc này không bất tương ứng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ứng với 6 thức giới (trừ ý thức giới).

38. Xiển minh câu pháp tương ứng bộc

Pucchā: Oghasampayuttā dhammā...pe... sampayuttā?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp tương ứng bộc này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(39) Xiển minh câu pháp bộc cảnh bộc và (40) chư pháp bộc tương ứng bộc trình bày giống xiển minh câu pháp bộc.

41. Xiển minh câu pháp tương ưng bậc phi bậc

Pucchā: *Oghasampayuttā ceva no ca āsavā dhammā ...*

Visajjanā: *Oghasampayuttā ceva no ca oghā dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp tương ưng bậc phi bậc này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là 3 chi pháp bậc.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp tương ưng bậc phi bậc này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(42) Xiển minh câu pháp bất tương ưng bậc phi cảnh bậc trình bày giống câu pháp phi cảnh bậc.

Từ (43) Xiển minh câu pháp phối cho đến (49) Xiển minh câu pháp bất tương ưng phối phi cảnh phối là cuối cùng, trình bày giống xiển minh câu pháp bậc v.v... theo tuần tự.

50. Xiển minh câu pháp cái

Pucchā: *Nīvaraṇā dhammā...*

Visajjanā: *Nīvaraṇā dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp cái này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 17 sở hữu hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 19 sở hữu (trừ 8 chi pháp cái).

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp cái này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

51. Xiển minh câu pháp phi cảnh cái

Pucchā: *Anīvaraṇīyā dhammā...pe... sampayuttā?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi chahi dhātūhi vippayuttā.*

Chư pháp phi cảnh cái này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 6 thức giới (trừ ý thức giới).

52. Xiển minh câu pháp tương ưng cái

Pucchā: *Nīvaraṇasampayuttā dhammā...pe... sampayuttā?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: *Katīhi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp tương ưng cái này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(53) Xiển minh câu pháp cái cảnh cái và (54) chư pháp cái tương ưng cái trình bày giống xiển minh câu pháp cái.

55. Xiển minh câu pháp tương ưng cái phi cái

Pucchā: *Nīvaraṇasampayuttā ceva no ca nīvaraṇā dhammā ...*

Visajjanā: *Nīvaraṇasampayuttā ceva no ca nīvaraṇā dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp tương ưng cái phi cái này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là 8 chỉ pháp cái.

Pucchā: *Katīhi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp tương ưng cái phi cái này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(56) Xiển minh câu pháp bất tương ưng cái phi cảnh cái trình bày giống câu pháp phi cảnh cái.

57. Xiển minh câu pháp khinh thị

Pucchā: *Parāmāsā dhammā...*

Visajjanā: *Parāmāsā dhammā... tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp khinh thị này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 18 sở hữu hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 20 sở hữu (trừ 1 sở hữu tà kiến).

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp khinh thị này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 1 sở hữu ngã mạn, 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hoài nghi, 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

58. Xiển minh câu pháp phi cảnh khinh thị

Pucchā: *Aparāmatṭhā dhammā...pe... sampayuttā?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi chahi dhātūhi vippayuttā.*

Chư pháp phi cảnh khinh thị này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 6 thức giới (trừ ý thức giới).

59. Xiển minh câu pháp tương ưng khinh thị

Pucchā: *Parāmāsasampayuttā dhammā...pe... sampayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp tương ưng khinh thị này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là sở hữu tà kiến.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp tương ưng khinh thị này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 1 sở hữu ngã mạn, 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hoài nghi, 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(60) Xiển minh câu pháp khinh thị cảnh khinh thị trình bày giống xiển minh câu pháp khinh thị. Và câu (61) xiển minh câu pháp bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị trình bày giống câu pháp phi cảnh khinh thị.

62. Xiển minh câu pháp hữu tri cảnh

Pucchā: *Sārammaṇā dhammā...pe... sampayuttāti?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp hữu tri cảnh này bất tương ưng với 1 uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

63. Xiển minh câu pháp vô tri cảnh

Pucchā: Anārammaṇā dhammā... sampayuttāti?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp vô tri cảnh này bất tương ưng 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu.

64. Xiển minh câu pháp tâm

Pucchā: Cittā dhammā ...

Visajjanā: Cittā dhammā tīhi khandhehi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp tâm này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp tâm này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

65. Xiển minh câu pháp sở hữu tâm

Pucchā: Cetasikā dhammā...

Visajjanā: Cetasikā dhammā ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayuttā.

Chư pháp sở hữu tâm này tương ưng với 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp sở hữu tâm này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

(66) *Xiển minh câu pháp tương ưng tâm*, (68) *Xiển minh câu pháp hòa với tâm*, (70) *Xiển minh câu pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh*, (71) *Xiển minh câu pháp hòa, có tâm làm sở sanh và đồng sanh tồn với tâm*, (72) *Xiển minh câu pháp hòa, có tâm làm sở sanh và từng tâm thông lưu*, cả 5 câu này trình bày giống câu pháp sở hữu tâm. Và (67) *Xiển minh câu pháp bất tương ưng tâm*, (69) *Xiển minh câu pháp phi hòa với tâm*, cả hai câu này trình bày giống xiển minh câu pháp vô tri cảnh.

73. Xiển minh câu pháp y sinh

Pucchā: *Upādā dhammā... sampayuttāti?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: *Katīhi vippayuttā?*

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp y sinh này bất tương ưng 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu.

74. Xiển minh câu pháp phi thành do thủ

Pucchā: *Anupādinna dhammā... sampayuttāti?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: *Katīhi vippayuttā?*

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp phi thành do thủ này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào cả, nhưng bất tương ưng với 5 thức giới.

75. Xiển minh câu pháp thủ

Pucchā: *Upādānā dhammā...*

Visajjanā: *Upādānā dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp thủ này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 18 sở hữu hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 20 sở hữu (trừ 2 chỉ pháp thủ).

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp thủ này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hoài nghi, 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

76. Xiển minh câu pháp phi cảnh thủ

Pucchā: *Anupādāniyā dhammā...pe... sampayuttā?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi chahi dhātūhi vippayuttā.*

Chư pháp phi cảnh thủ này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 6 thức giới (trừ ý thức giới).

77. Xiển minh câu pháp tương ưng thủ

Pucchā: *Upādānasampayuttā dhammā...pe... sampayuttā?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp tương ưng thủ này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hoài nghi, 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(78) Xiển minh câu pháp thủ cảnh thủ và (79) chư pháp thủ tương ưng thủ trình bày giống xiển minh câu pháp thủ.

80. Xiển minh câu pháp tương ưng thủ phi thủ

Pucchā: *Upādānasampayuttā ceva no ca upādānā dhammā ...*

Visajjanā: *Upādānasampayuttā ceva no ca upādānā dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp tương ưng thủ phi thủ này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là 2 chi pháp thủ.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp tương ưng thủ phi thủ này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hoài nghi, 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(81) *Xiển minh câu pháp bất tương ưng thủ phi cảnh thủ trình bày giống câu pháp phi cảnh thủ.*

82. Xiển minh câu pháp phiền não

Pucchā: Kilesā dhammā...

Visajjanā: Kilesā dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp phiền não này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 15 sở hữu hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 17 sở hữu (trừ 10 chi pháp phiền não).

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp phiền não này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

83. Xiển minh câu pháp phi cảnh phiền não

Pucchā: Asaṅkilesikā dhammā...pe... sampayuttā?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi chahi dhātūhi vippayuttā.

Chư pháp phi cảnh phiền não này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 6 thức giới (trừ ý thức giới).

84. Xiển minh câu pháp phiền toái

Pucchā: Saṅkiliṭṭhā dhammā...pe... sampayuttā?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp phiền toái này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(85) Xiển minh câu pháp tương ưng phiền não trình bày giống xiển minh câu pháp phiền toái, và (86) xiển minh câu pháp phiền não cảnh phiền não và (87) chư pháp phiền não phiền toái trình bày giống xiển minh câu pháp phiền não.

88. Xiển minh câu pháp phiền toái phi phiền não

Pucchā: Saṅkiliṭṭhā ceva no ca kilesā dhammā ...

Visajjanā: Saṅkiliṭṭhā ceva no ca kilesā dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp phiền toái phi phiền não này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là 10 chi pháp phiền não.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp phiền toái phi phiền não này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(89) Xiển minh câu pháp phiền não tương ưng phiền não trình bày giống câu pháp phiền não, (90) xiển minh câu pháp tương ưng phiền não phi phiền não trình bày giống câu pháp phiền toái phi phiền não và (91) xiển minh câu pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não trình bày giống câu pháp phi cảnh phiền não.

92. Xiển minh câu pháp sơ Đạo đoạn trừ

Pucchā: Dassanena pahātabbā dhammā...pe... sampayuttā?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp sơ Đạo đoạn trừ này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(93) Xiển minh câu pháp ba Đạo cao đoạn trừ, (94) câu pháp hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ, (95) câu hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ. Cả ba câu đều trình bày giống như câu pháp sơ Đạo đoạn trừ.

96. Xiển minh câu pháp hữu tâm

Pucchā: *Savitakkā dhammā ...*

Visajjanā: *Savitakkā dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp hữu tâm này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là sở hữu tâm.

Pucchā: *Katīhi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp hữu tâm này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 15 giới là 10 giới thô và 5 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

97. Xiển minh câu pháp vô tâm

Pucchā: *Avitakkā dhammā...pe... sampayuttā?*

Visajjanā: *Natthi.*

Pucchā: *Katīhi vippayuttā?*

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi chahi dhātūhi vippayuttā.*

Chư pháp vô tâm này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với ý giới.

(98) Xiển minh câu pháp hữu tứ trình bày giống câu pháp hữu tâm; (99) xiển minh câu pháp vô tứ trình bày giống câu pháp vô tâm.

100. Xiển minh câu pháp hữu hỷ

Pucchā: *Sappītikā dhammā ...*

Visajjanā: *Sappītikā dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp hữu hỷ này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là sở hữu hỷ.

Pucchā: *Katīhi vippayuttā?*

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Chư pháp hữu hỷ này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 2 sở hữu hoài nghi, 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

(101) Xiển minh câu pháp câu hành hỷ trình bày như câu pháp hữu hỷ.

102. Xiển minh câu pháp câu hành lạc

Pucchā: Sukhasahagatā dhammā ...

Visajjanā: Sukhasahagatā dhammā ekena khandhena sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp câu hành lạc này tương ưng với 1 thọ uẩn; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là sở hữu thọ.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi paṇṇarasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp câu hành lạc này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 15 giới là 10 giới thô và 5 thức giới (trừ thân thức giới, ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hoài nghi, sắc tế, nibbāna.

103. Xiển minh câu pháp câu hành xả

Pucchā: Upekkhāsahagatā dhammā ...

Visajjanā: Upekkhāsahagatā dhammā ekena khandhena sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp câu hành xả này tương ưng với 1 thọ uẩn; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là sở hữu thọ.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp câu hành lạc này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 11 giới là 10 giới thô và 1 thân thức giới; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hỷ, sắc tế, nibbāna.

104. Xiển minh câu pháp phi dục giới

Pucchā: Na kāmāvacarā dhammā...pe... sampayuttā?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi chahi dhātūhi vippayuttā.

Chư pháp phi dục giới này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 6 thức giới (trừ ý thức giới).

105. Xiển minh câu pháp sắc giới

Pucchā: Rūpāvacarā dhammā...pe... sampayuttā?

Visajjanā: Natthi.

Pucchā: Katihi vippayuttā?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Chư pháp sắc giới này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, 3 sở hữu ngăn trừ phần, sắc tế, nibbāna.

(106) Xiển minh câu pháp vô sắc giới, (108) xiển minh câu pháp nhân xuất luân hồi, (109) xiển minh câu pháp cho quả nhất định, (111) xiển minh câu pháp hữu y, cả 4 câu này đều trình bày như xiển minh pháp sắc giới.

(107) Xiển minh câu pháp không liên quan luân hồi, (110) xiển minh câu pháp vô thượng, cả 2 câu này trình bày giống xiển minh câu pháp phi dục giới.

Dứt xiển minh ngoại đề
Dứt xiển minh cách thứ sáu

VII. XIỂN MINH CÂU TƯƠNG ỨNG VỚI BẤT TƯƠNG ỨNG CÁCH THỨ BẢY (SATTAMANAYA SAMPAYUTTENA VIPPAYUTTAPADANIDDESO)

Kệ ngôn trình bày câu được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ bảy.

- | | |
|---------------------------------------|-----------------------------------|
| (1). <i>Khandhā caturo āyatanañca</i> | ekam dhātūsu satta dve picā |
| <i>Indriyato tayo paṭicca</i> | <i>tathariva phassapañcamā</i> |
| (2). <i>Adhimuccanā manasi</i> | <i>tikesu tīṇi sattantarā</i> |
| <i>Dve ca manena yuttā</i> | <i>vitakkavicāranā upekkhāya.</i> |

- (1). Đức Phật trình bày 37 câu trong phần xiển minh cách thứ bảy như sau:
4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới, 2 quyền là ý quyền và xả quyền.
3 câu trong liên quan tương sinh là thức, xúc, thọ.
Trong xiển minh nhóm bảy có xúc (*phassasattakarāsī*) có trình bày 5 câu là xúc, thọ, tưởng, tư, tâm.
- (2). Thắng giải, tác ý. Trong đầu đề tam trình bày 3 câu là tương ứng phi khổ phi lạc thọ, hữu tâm hữu tứ, câu hành xả.

Trong nhị đề đại trình bày 7 câu là câu tâm, câu sở hữu tâm, câu tương ứng tâm, câu hòa với tâm (*cittasamsattha*), câu pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh (*cittasamsatthasamutthāna*), câu pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và đồng sanh tồn với tâm (*cittasamsatthasamutthānasahabhuno*), câu pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và từng tâm thông lưu (*cittasamsatthasamutthānānuparivattino*).

Câu hữu tâm, câu hữu tứ, cả hai hợp với 3 ý giới. Câu câu hành xả tương ứng với xả thọ.

Khi đức Phật thuyết xong xiển minh cách thứ sáu, ngài thuyết tiếp đến xiển minh cách thứ bảy.

Pháp được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ bảy là pháp mà có tương ứng, cách trình bày xiển minh cách thứ bảy này có quay lại chánh đề và có trình bày đặc biệt khác nữa bởi dùng từ ‘*kehici*’.

Xiển minh cách thứ bảy này có 2 phần là: Xiển minh nội đề và xiển minh ngoại đề.

Đức Phật thuyết xiển minh nội đề trước rồi mới thuyết xiển minh ngoại đề sau.

XIỂN MINH NỘI ĐỀ

Xiển minh nội đề có 2 phần là: Xiển minh uẩn trước (*khandhādi*) và xiển minh nhóm 7 có xúc v.v... (*phassasattakarāsī*). Đức Phật thuyết phần xiển minh uẩn (*khandhādi*) trước rồi thuyết xiển minh nhóm 7 có xúc v.v... (*phassasattakarāsī*) sau.

Xiển minh uẩn trước (*khandhādiniddesa*)

Trong phần xiển minh uẩn trước, có 5 phần là: 1. Xiển minh uẩn, 2. Xiển minh xứ, 3. Xiển minh giới, 4. Xiển minh quyền, 5. Xiển minh liên quan tương sinh.

i. Xiển minh uẩn

Xiển minh uẩn có 4 câu là:

1. Xiển minh thọ uẩn

Pucchā: *Vedanākkhandhena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi vippayuttā?*

Thọ uẩn này tương ứng với 89 tâm, 51 sở hữu tâm (trừ thọ); 89 tâm, 52 sở hữu tâm này bất tương ứng với 28 sắc pháp, nibbāna; 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ứng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

2. Xiển minh tướng uẩn

Pucchā: *Saññākkhandhena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi vippayuttā?*

Tướng uẩn này tương ứng với 89 tâm, 51 sở hữu tâm (trừ tướng); 89 tâm, 52 sở hữu tâm này bất tương ứng với 28 sắc pháp, nibbāna; 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ứng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

3. Xiển minh hành uẩn

Pucchā: *Saṅkhārakkhandhena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi vippayuttā?*

Hành uẩn này tương ứng với 89 tâm, sở hữu thọ, sở hữu tướng; 89 tâm, 52 sở hữu tâm này bất tương ứng với 28 sắc pháp, nibbāna; 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ứng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

4. Xiển minh thức uẩn

Pucchā: *Viññāṇakkhandhena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, te dhammā katihī khandhehi katihāyatanehi katihī dhātūhi vippayuttā?*

Thức uẩn này tương ứng với 52 sở hữu tâm; 89 tâm, 52 sở hữu tâm này bất tương ứng với 28 sắc pháp, nibbāna; 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ứng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

Dứt xiển minh uẩn

ii. Xiển minh xứ

Xiển minh xứ này có 1 câu là xiển minh ý xứ, xiển minh ý xứ này trình bày với xiển minh thức uẩn.

Dứt xiển minh xứ

iii. Xiển minh giới

Xiển minh giới này, có 7 câu là xiển minh nhãn thức giới v.v... cho đến 7. Xiển minh ý thức giới là cuối cùng.

1. Xiển minh nhãn thức giới

Pucchā: *Cakkhuvīññāṇadhātuyā ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Nhãn thức giới này tương ứng với 7 sở hữu biến hành; tâm nhãn thức giới đồng sanh với sở hữu này bất tương ứng với sáu thức giới còn lại đồng sanh với sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna; sáu thức giới còn lại đồng sanh với sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā na kehici khandhehi na kehici āyatanehi ekāya dhātuyā vippayuttā.*

Sáu thức giới còn lại đồng sanh với sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này không bất tương ứng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ứng với nhãn thức giới.

Từ (2) xiển minh nhĩ thức giới v.v... cho đến (5) xiển minh thân thức giới là cuối cùng, giống với xiển minh nhãn thức giới.

6. Xiển minh ý giới

Pucchā: *Manodhātuyā ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Ý giới này tương ứng với 10 sở hữu tợ tha (trừ căn, hỷ, dục); tâm ý giới đồng sanh với sở hữu này bất tương ứng với sáu thức giới còn lại đồng sanh với sở hữu tâm và 28 sắc

pháp, nibbāna; sáu thức giới còn lại đồng sanh với sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā na kehici khandhehi na kehici āyatanehi ekāya dhātuyā vippayuttā.

Sáu thức giới còn lại đồng sanh với sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với ý giới.

Từ (7) xiển minh ý thức giới trình bày giống với xiển minh 6 thức giới trên.

Dứt xiển minh giới

iv. Xiển minh quyền

Xiển minh quyền có 2 câu là 1. Xiển minh ý quyền trình bày như xiển minh thức uẩn.

2. Xiển minh xả quyền

Pucchā: Upekkhindriyena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Xả quyền này tương ưng với 55 tâm câu hành xả, 46 sở hữu tâm (trừ thọ); 55 tâm câu hành xả sanh cùng sở hữu tâm, bất tương ưng với 4 thọ quyền còn lại đồng sanh với sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna; 4 thọ quyền còn lại sanh cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā na kehici khandhehi na kehici āyatanehi pañcahi dhātūhi vippayuttā.

4 thọ quyền còn lại sanh cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 5 thức giới là nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, ý giới.

Dứt xiển minh quyền

v. Xiển minh liên quan tương sinh

Xiển minh liên quan tương sinh có 3 câu là:

1. Xiển minh thức trình bày như xiển minh thức uẩn.

2. Xiển minh xúc

Pucchā: Saḷāyatanapaccayā phassena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi vippayuttā?

Xúc sanh do nương sáu xứ làm nhân này tương ưng với 89 tâm, 51 sở hữu tâm (trừ xúc); 89 tâm, 52 sở hữu tâm này bất tương ưng với 28 sắc pháp, nibbāna; 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

3. Xiển minh thọ trình bày như xiển minh thọ uẩn.

*Dứt xiển minh liên quan tương sinh
Dứt xiển minh phần uẩn trước (khandhādiniddesa)*

Xiển minh nhóm 7 như xúc v.v... (phassasattakarāsī)

Xiển minh nhóm 7 như có xúc v.v... có 7 câu: 1. xiển minh xúc, 4. xiển minh tư, 7. xiển minh tác ý trình bày giống như xiển minh hành uẩn. 2. xiển minh thọ trình bày giống xiển minh thọ uẩn. 3. xiển minh tưởng trình bày giống xiển minh tưởng uẩn. 5. xiển minh tâm trình bày giống xiển minh thức uẩn.

6. Xiển minh thắng giải

Pucchā: Adhimokkkena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Thắng giải này tương ứng với 78 tâm, 50 sở hữu tâm (trừ thắng giải, hoài nghi); 78 tâm, 51 sở hữu tâm (trừ hoài nghi), bất tương ứng với ngũ song thức đồng sanh với sở hữu tâm, tâm tương ứng hoài nghi đồng sanh với sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna; ngũ song thức đồng sanh với sở hữu tâm, tâm tương ứng hoài nghi đồng sanh với sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā na kehici khandhehi na kehici āyatanehi ekāya dhātuyā vippayuttā.

Ngũ song thức đồng sanh với sở hữu tâm, tâm tương ứng hoài nghi đồng sanh với sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này không bất tương ứng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ứng với 1 ý giới.

Dứt xiển minh phần nhóm 7 như có xúc v.v...

Dứt xiển minh nội đề

XIỂN MINH NGOẠI ĐỀ

Xiển minh ngoại đề có hai phần là: Xiển minh tam đề và xiển minh nhị đề.

i. Xiển minh tam đề có 3 câu là:**1. Xiển minh câu pháp tương ứng phi khổ phi lạc thọ**

Pucchā: Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttehi dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Chư pháp tương ứng phi khổ phi lạc thọ này tương ứng với xả thọ; 55 tâm câu hành xả, 47 sở hữu tâm này bất tương ứng với tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna; tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā na kehici khandhehi na kehici āyatanehi pañcahi dhātūhi vippayuttā.

Tâm câu hành lạc, khô, hỷ, ưu cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này không bắt tương ứng với một uẩn, xứ nào, nhưng bắt tương ứng với 5 thức giới là nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới và ý giới.

2. Xiển minh câu pháp hữu tâm hữu tứ

Pucchā: Savitakkasavicārehi dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Chư pháp hữu tâm hữu tứ này tương ứng với sở hữu tâm, tứ; 55 tâm hữu tâm hữu tứ, 52 sở hữu tâm này bắt tương ứng với 55 tâm vô tâm vô tứ, 36 sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna; 55 tâm vô tâm vô tứ đồng sanh sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này bắt tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā na kehici khandhehi na kehici āyatanehi ekāya dhātuyā vippayuttā.

55 tâm vô tâm vô tứ đồng sanh sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này không bắt tương ứng với một uẩn, xứ nào, nhưng bắt tương ứng với 1 ý giới.

(3) Xiển minh câu pháp câu hành xả trình bày giống xiển minh câu pháp tương ứng phi khổ phi lạc thọ.

Dứt xiển minh tam đề

ii. Xiển minh nhị đề

Xiển minh nhị đề có 10 câu là nhị đề đại 7 câu, phần yếu bối 3 câu.

Xiển minh nhị đề đại

1. Xiển minh câu tâm trình bày giống xiển minh thức uẩn

2. Xiển minh câu pháp sở hữu tâm

Pucchā: Cetasikehi dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Chư pháp sở hữu tâm này tương ứng với 89 tâm; 89 tâm, 52 sở hữu tâm này bắt tương ứng với 28 sắc pháp, nibbāna; 28 sắc pháp, nibbāna này bắt tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

28 sắc pháp, nibbāna này bắt tương ứng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bắt tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

Từ (3) Xiển minh câu pháp tương ứng tâm v.v... cho đến (7) xiển minh câu pháp hòa, có tâm làm sở sanh và từng tâm thông lưu, cả 5 câu này trình bày giống xiển minh câu pháp sở hữu tâm.

8. Xiển minh câu pháp hữu tâm

Pucchā: Savitakkehi dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Chư pháp hữu tâm này tương ưng với sở hữu tâm; 55 tâm hữu tâm, 52 sở hữu tâm này bất tương ưng với 66 tâm vô tâm đồng sanh sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna; 66 tâm vô tâm đồng sanh sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā na kehici khandhehi na kehici āyatanehi ekāya dhātuyā vippayuttā.

Tâm vô tâm đồng sanh sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 1 ý giới.

9. Xiển minh câu pháp hữu tứ

Pucchā: Savicārehi dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Chư pháp hữu tứ này tương ưng với sở hữu tứ; 66 tâm hữu tứ, 52 sở hữu tâm này bất tương ưng với 55 tâm vô tứ đồng sanh sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna; 55 tâm vô tứ đồng sanh sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā na kehici khandhehi na kehici āyatanehi ekāya dhātuyā vippayuttā.

Tâm vô tứ đồng sanh sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 1 ý giới.

(10) xiển minh câu pháp câu hành xả trình bày giống xiển minh câu pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ.

Dứt xiển minh nhị đề
Dứt xiển minh ngoại đề
Dứt xiển minh cách thứ bảy

VIII. XIÊN MINH CÂU BẤT TƯƠNG ƯNG VỚI TƯƠNG ƯNG CÁCH THỨ TÁM (AṬṬHAMANAYA VIPPAYUTTENASAMPAYUTTAPADANIDDESO)

Kệ ngôn trình bày câu được đức Phật thuyết trong xiên minh cách thứ tám.

- | | |
|---------------------------------------|-------------------------------------|
| (1). <i>Dhammāyatanam dhammadhātu</i> | <i>atha jīvitam nāmarūpaṃ</i> |
| <i>Salāyatanam jāti jarāmaranam</i> | <i>dve ca tike na labbhare</i> |
| (2). <i>Paṭhamantare satta ca</i> | <i>gocchake dasa aparante</i> |
| <i>Cuddassa cha ca matthake</i> | <i>iccete sattacattālīsa dhammā</i> |
| <i>Samucchede na labbhanti</i> | <i>moghapucchakena ca</i> |

Câu mà đức Phật không trình bày trong phần xiên minh cách thứ tám và cách thứ mười bốn có 47 câu là:

- (1). Pháp xứ, pháp giới, mạng quyền, danh sắc, sáu xứ, sanh, lão, tử. Trong tam đề có hai câu là câu nội phần ngoại phần, vô kiến vô đối chiếu.
- (2). Trong nhị đề đỉnh có 7 câu là câu hữu duyên, câu hữu vi, câu vô kiến, câu vô đối chiếu, câu phi sắc, câu pháp có tâm biết đặng (*kenaciviññeyya*), câu pháp có tâm không biết đặng (*na kenaciviññeyya*).

Trong phần tụ có 10 câu là câu phi nhân, phi lậu, phi triền, phi phược, phi bộc, phi phối, phi cái, phi khinh thị, phi thủ, phi phiền não. Trong nhị đề đại có 14 câu là pháp phi tâm, pháp phi sở hữu tâm, câu pháp có tâm làm sở sanh (*cittasamuṭṭhāna*), câu pháp không có tâm làm sở sanh (*no cittasamuṭṭhāna*), câu pháp đồng sanh tồn với tâm (*cittasahabhuno*), câu pháp không đồng sanh tồn với tâm (*no cittasahabhuno*), câu pháp từng tâm thông lưu (*cittanuparivattino*), câu pháp không từng tâm thông lưu (*no cittanuparivattino*), câu pháp không hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh (*no cittasamsatṭhasamuṭṭhāna*), câu pháp không hòa với tâm không có tâm làm sở sanh và không đồng sanh tồn với tâm (*no cittasamsatṭhasamuṭṭhānasahabhuno*), câu pháp không hòa với tâm không có tâm làm sở sanh và không từng tâm thông lưu (*no cittasamsatṭhasamuṭṭhānānuparivattino*). Câu pháp nội phần, câu pháp ngoại phần, câu pháp y sinh.

Trong phần nhị đề yếu bối có 6 câu là câu vô tâm, câu vô tứ, câu pháp vô hỷ (*appītika*), câu pháp không sanh cùng hỷ (*nappītisahagata*), câu pháp không câu hành lạc thọ (*na sukhasahagata*), câu pháp không câu hành xả thọ (*na upekkhāsahagata*). Gồm tất cả có 47 câu.

Khi đức Phật thuyết xong phần xiên minh cách thứ bảy, ngài thuyết tiếp xiên minh cách thứ tám.

Pháp được đức Phật thuyết trong xiên minh cách thứ tám này là pháp mà không có pháp tương ưng và không quay lại chánh đề, không có trình bày uẩn, xứ, giới bằng cách dùng từ 'kehici'.

Xiển minh cách thứ tám có hai phần là: Xiển minh nội đề và xiển minh ngoại đề. Đức Phật thuyết xiển minh nội đề trước rồi thuyết xiển minh ngoại đề sau theo tuần tự.

XIỂN MINH NỘI ĐỀ

Xiển minh nội đề có 2 phần là: Xiển minh phần uẩn trước (*khandhādiniddesa*) và xiển minh nhóm 7 như có xúc v.v... (*phassasattakarāsi*).

Đức Phật thuyết phần xiển minh uẩn trước rồi thuyết phần xiển minh nhóm 7 như có xúc v.v... sau.

Xiển minh phần uẩn trước

Đức Phật thuyết xiển minh uẩn trước rồi thuyết xiển minh xứ sau v.v... theo tuần tự.

1. Xiển minh uẩn

Pucchā: *Rūpakkhandhena ye dhammā vippayuttā, te dhammā katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi sampayuttāti?*

Sắc uẩn này bất tương ưng với 4 danh uẩn; 4 danh uẩn này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Natthi*. Không có.

Pucchā: *Vedanākkhandhena ye dhammā vippayuttā, te dhammā katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi sampayuttāti?*

Thọ uẩn này bất tương ưng với 28 sắc pháp, nibbāna; 28 sắc pháp, nibbāna này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Natthi*. Không có.

Trong cách thứ 8 này, bất cứ câu hỏi ra sao thì câu trả lời đều là duy nhất không có (*natthi*). Do đó, những câu tiếp theo chỉ trình bày câu hỏi (*pucchā*), 3 danh uẩn còn lại trình bày như thọ uẩn.

2. Xiển minh xứ

Pucchā: *Cakkhāyatanena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Nhãn xứ này bất tương ưng với 4 danh uẩn ...

9 xứ thô còn lại trình bày như xiển minh nhãn xứ.

Pucchā: *Manāyatanena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Ý xứ này bất tương ưng với 28 sắc pháp, nibbāna ...

3. Xiển minh giới

Pucchā: *Cakkhudhātuyā ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Nhãn giới này bất tương ưng với 4 danh uẩn ...

9 giới thô còn lại trình bày như xiển minh nhãn xứ.

Pucchā: *Cakkhuvīññāṇadhātuyā ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Nhãn thức giới này bất tương ưng với 6 thức giới còn lại cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna ...

6 thức giới còn lại trình bày như xiển minh nhãn thức giới.

4. Xiển minh đế

Pucchā: *Dukkhasaccena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Khổ đế này bất tương ưng với tâm siêu thế và các sở hữu tâm đồng sanh ...

9 giới thô còn lại trình bày như xiển minh nhãn xứ.

Pucchā: *Samudayasaccena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Tập đế này bất tương ưng với tâm sân, tâm si, tâm thiện, tâm quả, tâm tố cùng sở hữu tâm đồng sanh và 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Nirodhasaccena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā.*

Diệt đế này bất tương ưng với 4 danh uẩn ...

Pucchā: *Maggasaccena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā.*

Đạo đế này bất tương ưng với tâm hiệp thế, tâm quả cùng sở hữu tâm đồng sanh và sắc pháp, nibbāna.

6 thức giới còn lại trình bày như xiển minh nhãn thức giới.

5. Xiển minh quyền

Pucchā: *Cakkhundriyena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Nhãn quyền này bất tương ưng với 4 danh uẩn ...

Từ nhĩ quyền cho đến nam quyền trình bày giống như xiển minh nhãn quyền.

Pucchā: *Manindriyena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Ý quyền này bất tương ưng với 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Sukhindriyena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Lạc quyền này bất tương ưng với tâm câu hành khổ, hỷ, ưu, xả cùng sở hữu tâm đồng sanh và 28 sắc pháp, nibbāna ...

4 thọ quyền còn lại cũng trình bày như lạc quyền.

Pucchā: *Saddhindriyena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Tín quyền này bất tương ưng với tâm vô tịnh hảo cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Viriyindriyena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Cần quyền này bất tương ưng với tâm vô cần cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Satindriyena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Niệm quyền này bất tương ưng với tâm vô tịnh hảo cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Samādhindriyena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Định quyền này bất tương ưng với tâm vô cần, tâm tương ưng hoà nghi cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Paññindriyena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Tuệ quyền này bất tương ưng với tâm vô tịnh hảo, tâm bất tương ưng trí, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Anaññātāññassāmitindriyena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Tri vị tri quyền này bất tương ưng với tâm hiệp thế, 3 tâm Đạo cao, tâm quả cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Aññindriyena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Tri dĩ tri quyền này bất tương ưng với tâm hiệp thế, tâm Đạo thất lai, tâm quả Vô sanh cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Aññātāvindriyena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Tri cụ tri quyền này bất tương ưng với tâm hiệp thế, tâm Đạo, 3 tâm quả thấp cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna ...

6. Xiển minh liên quan tương sinh

Pucchā: *Avijjāya ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Vô minh này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Avijjāpaccayā saṅkhārehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Hành sinh khởi do nương vô minh làm nhân này bất tương ưng với tâm quả hiệp thế, tổ, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Saṅkhārapaccayā viññāṇeṇa ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Thức sinh khởi do nương hành làm nhân này bất tương ưng với 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Salāyatanapaccayā phassena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Xúc sinh khởi do nương sáu xứ làm nhân này bất tương ưng với 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Phassapaccayā vedanāya ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Thọ sinh khởi do nương xúc làm nhân này bất tương ưng với 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Vedanāpaccayā tanhāya ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Ái sinh khởi do nương thọ làm nhân này bắt tương ưng với tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Tanhāpaccayā upādānena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Thủ sinh khởi do nương ái làm nhân này bắt tương ưng với tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Kammabhāvena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Nghiệp hữu này bắt tương ưng với tâm quả hiệp thể, tổ, siêu thể cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Uppattibhāvena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Sanh hữu này bắt tương ưng với tâm thiện, bất thiện, tổ, tâm quả siêu thể cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Kāmabhāvena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Dục hữu này bắt tương ưng với tâm, sở hữu tâm thuộc về sắc hữu, vô sắc hữu, tâm thiện, bất thiện, tổ, quả siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Rūpabhāvena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Sắc hữu này bắt tương ưng với tâm, sở hữu tâm thuộc về dục hữu, vô sắc hữu, tâm thiện, bất thiện, tổ, quả siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Arūpabhāvena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Vô sắc hữu này bắt tương ưng với dục hữu, sắc hữu, tâm thiện, bất thiện, tổ, quả siêu thể cùng sở hữu hợp và sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực, nibbāna ...

Pucchā: *Saññībhāvena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Tưởng hữu này bắt tương ưng với phi tướng phi phi tướng hữu, tâm thiện, bất thiện, tổ, quả siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Asaññībhāvena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Dục hữu này bắt tương ưng với tâm, sở hữu tâm thuộc về tưởng hữu, phi tướng phi phi tướng hữu, tâm thiện, bất thiện, tổ, quả siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Nevasaññīnāsaññībhāvena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Phi tướng phi phi tướng hữu này bắt tương ưng với tưởng hữu, vô tưởng hữu, tâm thiện, bất thiện, tổ, quả siêu thể cùng sở hữu hợp và sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực, nibbāna ...

Pucchā: *Ekavokārabhāvena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Nhất uẩn hữu này bắt tương ưng với tứ uẩn hữu tâm, sở hữu tâm thuộc về ngũ uẩn hữu, tâm thiện, bất thiện, tổ, quả siêu thể cùng sở hữu hợp⁴ ...

⁴ Hoặc 89 tâm, 52 sở hữu hợp.

Pucchā: *Catuvokārabhavana ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*
Tứ uẩn hữu này bất tương ưng với nhất uẩn hữu, ngũ uẩn hữu, tâm thiện, bất thiện, tố, quả siêu thế cùng sở hữu hợp và sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực, nibbāna ...

Pucchā: *Pañcavokārabhavana ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Ngũ uẩn hữu này bất tương ưng với tứ uẩn hữu, tâm thiện, bất thiện, tố, quả siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Sokena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Sâu này bất tương ưng với tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, xả cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Paridevena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Khóc này bất tương ưng với 28 tâm, 52 sở hữu tâm ...

Pucchā: *Dukkheṇa ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Khổ này bất tương ưng với tâm câu hành lạc, hỷ, ưu, xả cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Ưu trình bày như sâu.

Pucchā: *Sokena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Sâu này bất tương ưng với tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, xả cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Upāyāsena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Ái này bất tương ưng với tâm căn tham - căn si, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Satipaṭṭhānena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Niệm xứ này bất tương ưng với tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Sammappadhānena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chánh cần này bất tương ưng với tâm hiệp thế, quả siêu thế cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Iddhipādena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Sâu này bất tương ưng với tâm hiệp thế, quả siêu thế cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Jhānena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Thiền này bất tương ưng với tâm dục giới cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Appamaññāya ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Vô lượng này bất tương ưng với tâm dục giới, vô sắc giới, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Pañcahi indriyehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Ngũ quyền này bất tương ưng với tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Lực, giác chi, chi Đạo trình bày giống ngũ quyền.

Dứt phần xiển minh uẩn trước

Xiển minh nhóm 7 như có xúc v.v...

Pucchā: *Phassena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Xúc này bắt tương ưng với 28 sắc pháp, nibbāna ...

Thọ, tưởng, tư, tâm, tác ý trình bày giống như xúc.

Pucchā: *Adhimokkhena ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Thắng giải này bắt tương ưng với tâm ngũ song thức, tâm tương ưng hoài nghi cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Dứt xiển minh nhóm 7 như có xúc v.v...

Dứt xiển minh nội đề

XIỂN MINH NGOẠI ĐỀ

i. Xiển minh tam đề

1. Tam đề thiện (*kusalatika*)

Pucchā: *Kusalehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp thiện này bắt tương ưng với tâm bất thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Akusalehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất thiện này bắt tương ưng với tâm thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Abyākatehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp vô ký này bắt tương ưng với tâm bất thiện, thiện cùng sở hữu hợp ...

2. Tam đề thọ (*vadanātika*)

Pucchā: *Sukhāya vedanāya sampayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng lạc thọ này bắt tương ưng với tâm câu hành khổ, ưu, xả cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Dukkhāya vedanāya sampayuttehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng khổ thọ này bắt tương ưng với tâm câu hành lạc, hỷ, xả cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ này bất tương ưng với tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

3. Tam đề quả (*vipākatika*)

Pucchā: *Vipākehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*
Chư pháp quả này bất tương ưng với tâm bất thiện, thiện, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Vipākadhammadhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp nhân này bất tương ưng với tâm quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Nevavipākanavipākadhammadhammehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi quả phi nhân này bất tương ưng với tâm bất thiện, thiện, quả cùng sở hữu hợp ...

4. Tam đề thành do thủ (*upādinnatika*)

Pucchā: *Upādinnupādāniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp thành do thủ và cảnh thủ này bất tương ưng với tâm bất thiện, thiện, tố, quả siêu thế ...

Pucchā: *Anupādinnupādāniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi thành do thủ mà cảnh thủ này bất tương ưng với tâm quả hiệp thế, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Anupādinñanupādāniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi thành do thủ và phi cảnh thủ này bất tương ưng với tâm hiệp thế ...

5. Tam đề phiền toái (*saṅkiliṭṭhatika*)

Pucchā: *Saṅkiliṭṭhasaṅkilesikehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phiền toái cảnh phiền não này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Asaṅkiliṭṭhasaṅkilesikehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi phiền toái mà cảnh phiền não này bất tương ưng với tâm bất thiện, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Asaṅkiliṭṭhāsāṅkilesikehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi phiến toái và phi cảnh phiến não này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp ...

6. Tam đề hữu tâm (*vitakkatika*)

Pucchā: *Savitakkasavicārehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hữu tâm hữu tứ này bất tương ưng với tâm ngũ song thức, tâm nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, ngũ thiền cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Avitakkavicāramattehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp vô tâm hữu tứ này bất tương ưng với tâm ngũ song thức, tam thiền, tứ thiền, ngũ thiền cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Avitakka avicārehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp vô tâm vô tứ này bất tương ưng với 44 tâm dục giới (trừ 10 tâm ngũ song thức), tâm sơ thiền cùng sở hữu hợp ...

7. Tam đề hỷ (*pīṭitika*)

Pucchā: *Pītisahagatehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp câu hành hỷ này bất tương ưng với tâm câu hành lạc, khổ, ưu, xả, tâm tứ thiền cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Sukhasahagatehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp câu hành lạc này bất tương ưng với tâm câu hành khổ, ưu, xả cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Upekkhāsahagatehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp câu hành xả này bất tương ưng với tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

8. Tam đề sơ Đạo sát trừ (*dassanatika*)

Pucchā: *Dassanena pahātabbehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp sơ Đạo đoạn trừ này bất tương ưng với tâm bất tương ưng tà kiến và tâm căn sân cùng sở hữu hợp (ngoài ra loại *apāyagamaniya*), tâm tương ưng điều cử, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Bhāvanāya pahātabbehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp ba Đạo cao đoạn trừ này bất tương ưng với tâm tương ưng tà kiến và tâm tương ưng hoài nghi cùng sở hữu hợp, tâm bất tương ưng tà kiến và tâm căn sân cùng sở hữu hợp (là loại *apāyagamaniya*), thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Nevadassanena nabhāvanāya pahātabbehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi sơ Đạo, phi ba Đạo cao đoạn trừ này bất tương ưng với tâm bất thiện cùng sở hữu hợp ...

9. Tam đề hữu nhân sơ Đạo sát trừ (*dassanahetukatika*)

Pháp hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ trình bày giống với pháp sơ Đạo đoạn trừ, pháp hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ trình bày như pháp ba Đạo cao đoạn trừ.

Pucchā: *Nevadassanena nabhāvanāya pahātabbahetukehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hữu nhân phi sơ Đạo phi ba Đạo cao đoạn trừ này bất tương ưng với tâm căn tham, tâm căn sân cùng sở hữu hợp ...

10. Tam đề nhân sanh tử (*ācayagāmitika*)

Pucchā: *Ācayagāmīhi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp nhân sanh tử này bất tương ưng với tâm quả, tố, Đạo cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Apacayagāmīhi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp nhân đến nibbāna này bất tương ưng với tâm hiệp thể, quả siêu thể cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Nevācayagāmināpacayagāmīhi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến nibbāna này bất tương ưng với tâm bất thiện, thiện cùng sở hữu hợp ...

11. Tam đề hữu học (*sekkhatika*)

Pucchā: *Sekkhehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hữu học này bất tương ưng với tâm hiệp thể - quả vô sanh cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Asekkhehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp vô học này bất tương ưng với tâm hiệp thể, tâm siêu thể (trừ quả Vô sanh) cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: Nevasekkhānāsekkhehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?

Chư pháp phi hữu học phi vô học này bất tương ưng với tâm siêu thể cùng sở hữu hợp ...

12. Tam đề hy thiếu (*parittatika*)

Pucchā: Parittehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?

Chư pháp hy thiếu này bất tương ưng với tâm đạo đại - tâm siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: Mahaggatehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?

Chư pháp đạo đại này bất tương ưng với tâm dục giới, tâm siêu thể cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: Appamāṇehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?

Chư pháp hy thiếu này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp ...

13. Tam đề cảnh hy thiếu (*parittārammaṇatika*)

Pucchā: Parittārammaṇehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?

Chư pháp biết cảnh hy thiếu này bất tương ưng với pháp biết cảnh đạo đại, pháp biết cảnh vô lượng, pháp biết cảnh chế định và sắc pháp, nibbāna ...

Pháp biết cảnh đạo đại và pháp biết cảnh vô lượng trình bày giống cách pháp biết cảnh hy thiếu (*cả ba câu này học viên xem chi pháp trong dhammasaṅgaṇī*).

14. Tam đề ty hạ (*hīnatika*)

Pucchā: Hīnehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?

Chư pháp ty hạ này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: Majjhimehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?

Chư pháp trung bình này bất tương ưng với tâm bất thiện, tâm siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: Paṇītehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?

Chư pháp tinh lương này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp ...

15. Tam đề tà (*micchattatika*)

Pucchā: *Micchattaniyatehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tà cho quả nhất định này bất tương ưng với pháp chánh cho quả nhất định, pháp bất định ...

Pháp chánh cho quả nhất định và pháp bất định trình bày giống như pháp tà cho quả nhất định (*cả ba câu này xem chi pháp trong dhammasaṅgaṇī*).

16. Tam đề có Đạo thành cảnh (*maggārammaṇatika*)

Pucchā: *Maggārammaṇehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp có Đạo làm cảnh này bất tương ưng với 85 tâm cùng sở hữu hợp (trừ tâm đại tổ tương ưng trí, tâm thông tổ và tâm khai ý môn, tâm đại thiện tương ưng trí, tâm thông thiện của quả hữu học) và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Maggahetukehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp có nhân là Đạo này bất tương ưng với tâm hiệp thể, quả siêu thể cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Maggādhīpatīhi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp có Đạo thành trưởng này bất tương ưng với 81 tâm cùng sở hữu hợp (trừ 4 tâm đại tổ tương ưng trí, 4 tâm Đạo và 4 tâm đại thiện tương ưng trí của quả hữu học) và sắc pháp, nibbāna ...

17. Tam đề sanh tồn (*uppannatika*)

Pucchā: *Uppannehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp sanh tồn này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu thuộc quá khứ, vị lai ...

Pucchā: *Anuppannehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi sanh tồn này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu thuộc hiện tại, quá khứ và tâm quả cùng sở hữu hợp thuộc vị lai ...

Pucchā: *Uppādīhi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp sẽ sanh này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu thuộc về hiện tại, quá khứ và tâm bất thiện, thiện, tổ cùng sở hữu tâm thuộc về vị lai ...

18. Tam đề quá khứ (*atītatika*)

Pucchā: *Atītehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp quá khứ này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu thuộc về hiện tại, vị lai ...

Pucchā: *Anāgatehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*
 Chư pháp vị lai này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu thuộc về hiện tại, quá khứ ...

Pucchā: *Paccuppannehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hiện tại này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu thuộc về quá khứ, vị lai ...

19. Tam đề cảnh quá khứ (*atītārammaṇatika*)

Pucchā: *Atītārammaṇehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp biết cảnh quá khứ này bất tương ưng pháp biết cảnh vị lai, pháp biết cảnh hiện tại, pháp biết cảnh vô lượng, pháp biết cảnh chế định và sắc pháp, nibbāna ...

Pháp biết cảnh vị lai và pháp biết cảnh hiện tại cũng trình bày như pháp biết cảnh quá khứ (*chi pháp xem trong dhammasaṅgaṇī*).

20. Tam đề tự nội (*ajjhattatika*)

Pucchā: *Ajjhattehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*
 Chư pháp nội phần này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu thuộc về ngoại phần ...

Pucchā: *Bahiddhehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp ngoại phần này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu thuộc về nội phần ...

21. Tam đề cảnh nội (*ajjhattārammaṇatika*)

Pucchā: *Ajjhattārammaṇehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp biết cảnh nội phần này bất tương ưng với pháp biết cảnh ngoại phần, pháp biết cảnh vô hữu chế định và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Ajjhattabahiddhārammaṇehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp biết cảnh nội và ngoại phần này bất tương ưng với pháp biết cảnh nội phần (nhất định), pháp biết cảnh ngoại phần (nhất định), pháp biết cảnh vô hữu chế định và sắc pháp, nibbāna ...

(cả ba câu này xem chi pháp trong *dhammasaṅgaṇī*)

22. Tam đề kiến (*sanidassanatika*)

Pucchā: *Sanidassanasappaṭighehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu ...

Pucchā: *Anidassanasappaṭighehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu ...

Dứt xiển minh tam đề

ii. Xiển minh nhị đề

1. Phần tỵ nhân (*hetugocchaka*)

Pucchā: *Hetūhi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp nhân này bất tương ưng với tâm vô nhân cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Sahetukehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hữu nhân này bất tương ưng với tâm vô nhân cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Ahetukehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp vô nhân này bất tương ưng với 69 tâm hữu nhân cùng sở hữu hợp (trừ 2 tâm căn si) ...

Pucchā: *Hetusampayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng nhân này bất tương ưng với tâm vô nhân cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Hetuvippayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng nhân này bất tương ưng với 69 tâm hữu nhân cùng sở hữu hợp (trừ 2 tâm căn si) ...

Pucchā: *Hetūhi ceva sahetukehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp nhân hữu nhân này bất tương ưng với tâm vô nhân - tâm căn si cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Sahetukehi ceva na ca hetūhi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hữu nhân phi nhân này bất tương ưng với tâm vô nhân cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Hetūhi ceva hetusampayuttehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp nhân tương ưng nhân này bất tương ưng với tâm vô nhân - tâm căn si cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Hetusampayuttehi ceva na ca hetūhi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng nhân phi nhân này bất tương ưng với tâm vô nhân cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Na hetusahetukehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi nhân hữu nhân này bất tương ưng với tâm vô nhân cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Na hetu ahetukehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi nhân vô nhân này bất tương ưng với tâm hữu nhân cùng sở hữu hợp ...

2. Phần nhị đề đĩnh (*cūḷantaraduka*)

Pucchā: *Appaccayehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp vô duyên này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu ...

Pucchā: *Asaṅkhatehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp vô vi này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu ...

Pucchā: *Sanidassanehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hữu kiến này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu ...

Pucchā: *Sappaṭighehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hữu đối chiếu này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu ...

Pucchā: *Rūpīhi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp sắc này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu ...

Pucchā: *Lokiyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hiệp thể này bất tương ưng với tâm siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Lokuttarehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp siêu thể này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp ...

3. Phần tụ lậu (*āsavagocchaka*)

Pucchā: *Āsavehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp lậu này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Sāsavehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh lậu này bất tương ưng với tâm siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Anāsavehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi cảnh lậu này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Āsavasampayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng lậu này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Āsavavippayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng lậu này bất tương ưng với tâm căn tham cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Āsavehi ceva sāsavehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp lậu cảnh lậu này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Sāsavehi ceva no ca āsavehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh lậu phi lậu này bất tương ưng với tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Āsavehi ceva āsavasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp lậu tương ưng lậu này bất tương ưng với tâm căn sân, si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Āsavasampayuttehi ceva no ca āsavehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng lậu phi lậu này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Āsavavippayuttehi ceva sāsavehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu này bất tương ưng với tâm căn tham, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Āsavavippayuttehi anāsavehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu này bất tương ưng với tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp ...

4. Phần tụ triển (*saññojanagocchaka*)

Pucchā: *Saññojanehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp triển này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Saññojaniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh triển này bất tương ưng với tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Asaññojaniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi cảnh triền này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Saññojanasampayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng triền này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Saññojanavippayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng triền này bất tương ưng với tâm căn tham, căn sân, tương ưng hoài nghi cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Saññojanehi ceva saññojaniyehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp triền cảnh triền này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Saññojaniyehi ceva no ca saññojanehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh triền phi triền này bất tương ưng với tâm siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Saññojanehi ceva saññojanasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp triền tương ưng triền này bất tương ưng với tâm tương ưng điều cử, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Saññojanasampayuttehi ceva no ca saññojanehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng triền phi triền này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Saññojanavippayuttehi ceva saññojaniyehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng triền cảnh triền này bất tương ưng với tâm căn tham, căn sân, tương ưng hoài nghi, tâm siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Saññojanavippayuttehi asaññojaniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng triền phi cảnh triền này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp ...

5. Phần tụ phược (*ganthagocchaka*)

Pucchā: *Ganthehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phược này bất tương ưng với tâm căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *ganthaniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh phược này bất tương ưng với tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Aganthaniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi cảnh phược này bất tương ưng với tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Ganthasampayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng phược này bất tương ưng với tâm căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Ganthavippayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng phược này bất tương ưng với tâm tương ưng tà kiến cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Ganthehi ceva ganthaniyehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phược cảnh phược này bất tương ưng với tâm căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Ganthaniyehi ceva no ca ganthehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh phược phi phược này bất tương ưng với tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Ganthehi ceva ganthasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phược tương ưng phược này bất tương ưng với tâm bất tương ưng tà kiến, căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Ganthasampayuttehi ceva no ca ganthehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng phược phi phược này bất tương ưng với tâm căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Ganthavippayuttehi ceva ganthaniyehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng phược cảnh phược này bất tương ưng với tâm tương ưng tà kiến, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Ganthavippayuttehi aganthaniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng phược phi cảnh phược này bất tương ưng với tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp ...

6. Phần tụ tộc (*oghagocchaka*)

Pucchā: *Oghehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tộc này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Oghaniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh tộc này bất tương ưng với tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Anoghaniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi cảnh tộc này bất tương ưng với tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Oghasampayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng tộc này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Oghavippayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng tộc này bất tương ưng với tâm căn tham cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Oghehi ceva oghaniyehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tộc cảnh tộc này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Oghaniyehi ceva no ca oghehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh tộc phi tộc này bất tương ưng với tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Oghehi ceva oghasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tộc tương ưng tộc này bất tương ưng với tâm căn sân, si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Oghasampayuttehi ceva no ca oghehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng tộc phi tộc này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Oghavippayuttehi ceva oghaniyehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng tộc cảnh tộc này bất tương ưng với tâm căn tham, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Oghavippayuttehi anoghaniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng bộc phi cảnh bộc này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp ...

7. Phần tụ phối (*yogagocchaka*) trình bày như phần tụ bộc theo tuần tự.

8. Phần tụ cái (*nīvaraṇagocchaka*)

Pucchā: *Nīvaraṇehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cái này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Nīvaraṇīyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh cái này bất tương ưng với tâm siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Anīvaraṇīyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi cảnh cái này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Nīvaraṇasampayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng bộc này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Nīvaraṇavippayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng bộc này bất tương ưng với tâm bất thiện cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Nīvaraṇehi ceva nīvaraṇīyehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cái cảnh cái này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Nīvaraṇīyehi ceva no ca nīvaraṇehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh cái phi cái này bất tương ưng với tâm siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Nīvaraṇehi ceva nīvaraṇasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cái tương ưng cái này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Nīvaraṇasampayuttehi ceva no ca nīvaraṇehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng cái phi cái này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Nīvaraṇavippayuttehi ceva nīvaraṇīyehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng cái cảnh cái này bất tương ưng với tâm bất thiện, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Nīvaraṇavippayuttehi anīvaraṇīyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng bậc phi cảnh bậc này bất tương ưng với tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp ...

9. Phần tụng khinh thị (*parāmāsagocchaka*)

Pucchā: *Parāmāsehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp khinh thị này bất tương ưng với tâm bất tương ưng tà kiến, căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Parāmaṭṭhehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh khinh thị này bất tương ưng với tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Aparāmaṭṭhehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi cảnh khinh thị này bất tương ưng với tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Parāmāsasampayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng khinh thị này bất tương ưng với tâm bất tương ưng tà kiến, căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Parāmāsavippayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng khinh thị này bất tương ưng với tâm tương ưng tà kiến cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Parāmāsehi ceva parāmaṭṭhehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp khinh thị cảnh khinh thị này bất tương ưng với tâm bất tương ưng tà kiến, căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Parāmaṭṭhehi ceva no ca parāmāsehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh khinh thị phi khinh thị này bất tương ưng với tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Parāmāsavippayuttehi ceva parāmaṭṭhehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị này bất tương ưng với tâm tương ưng tà kiến, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Parāmāsavippayuttehi aparāmaṭṭhehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị này bất tương ưng với tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp ...

10. Phần nhị đề đại (mahantaraduka)

Pucchā: *Sārammaṇehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hữu tri cảnh này bất tương ưng với sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Anārammaṇehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp vô tri cảnh này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu tâm ...

Pucchā: *Cittehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tâm này bất tương ưng với sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Cetasikehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp sở hữu tâm này bất tương ưng với sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Cittasampayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng tâm này bất tương ưng với sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Cittavippayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng tâm này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu tâm ...

Pucchā: *Cittasamsaṭṭhehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hòa với tâm này bất tương ưng với sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Cittavisamsaṭṭhehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi hòa với tâm này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu tâm ...

Pucchā: *Cittasamsaṭṭhasamutṭhānehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh này bất tương ưng với sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Cittasamsaṭṭhasamutṭhānasahabhūhi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh và đồng sanh tồn với tâm này bất tương ưng với sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Cittasamsatṭhasamutṭhānānuparivattīhi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh và từng tâm thông lưu này bất tương ưng với sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Upādādhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp y sinh này bất tương ưng với 89 tâm, 52 sở hữu tâm ...

Pucchā: *Upādinnehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp thành do thủ này bất tương ưng với tâm thiện, bất thiện, tố, quả siêu thế cùng sở hữu tâm ...

Pucchā: *Anupādinnehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi thành do thủ này bất tương ưng với tâm hiệp thế cùng sở hữu tâm ...

11. Phần tụ thủ (*upādānagocchaka*)

Pucchā: *Upādānehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp thủ này bất tương ưng với tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Upādāniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh thủ này bất tương ưng với tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Anupādāniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi cảnh thủ này bất tương ưng với tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Upādānasampayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng bộc này bất tương ưng với tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Upādānavippayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng thủ này bất tương ưng với tâm tương ưng tà kiến cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Upādānehi ceva upādāniyehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp thủ cảnh thủ này bất tương ưng với tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Upādāniyehi ceva no ca upādānehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh thủ phi thủ này bất tương ưng với tâm siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Upādānehi ceva upādānasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp thủ tương ưng thủ này bất tương ưng với tâm bất tương ưng tà kiến, căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Upādānasampayuttehi ceva no ca upādānehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng thủ mà phi thủ này bất tương ưng với tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Upādānavippayuttehi ceva upādāniyehehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng thủ cảnh thủ này bất tương ưng với tâm tương ưng tà kiến, tâm siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Upādānavippayuttehi anupādāniyehehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng thủ phi cảnh thủ này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp ...

12. Phân tỵ phiền não (kilesagocchaka)

Pucchā: *Kilesehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phiền não này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Saṅkilesikehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh phiền não này bất tương ưng với tâm siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Asaṅkilesikehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi cảnh phiền não này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Saṅkiliṭṭhehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phiền toái này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Asaṅkiliṭṭhehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi phiền toái này bất tương ưng với tâm bất thiện cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Kilesasampayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng phiền não này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Kilesavippayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng phiền não này bất tương ưng với tâm bất thiện cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Kilesehi ceva saṅkilesikehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phiền não cảnh phiền não này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Saṅkilesikehi ceva no ca kilesehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp cảnh phiền não mà phi phiền não này bất tương ưng với tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Kilesehi ceva saṅkiliṭṭhehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phiền não và phiền toái này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Saṅkiliṭṭhehi ceva no ca kilesehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phiền toái mà phi phiền não này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Kilesehi ceva kilesasampayuttehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phiền não tương ưng phiền não này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Kilesasampayuttehi ceva no ca kilesehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp tương ưng phiền não mà phi phiền não này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Kilesavippayuttehi ceva saṅkilesikehi ca dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não này bất tương ưng với tâm bất thiện, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Kilesavippayuttehi asaṅkilesikehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não này bất tương ưng với tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp ...

13. Phần nhị đề yêu bối (piṭṭhiduka)

Pucchā: *Dassanena pahātabbehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp sơ Đạo đoạn trừ này bất tương ưng với tâm bất tương ưng tà kiến và tâm căn sân cùng sở hữu hợp (ngoài ra loại *apāyagamaniya*), tâm tương ưng điều cử, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Na dassanena pahātabbehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi sơ Đạo đoạn trừ này bất tương ưng với tâm tương ưng tà kiến và tâm tương ưng hoài nghi cùng sở hữu hợp, tâm bất tương ưng tà kiến và tâm căn sân (là *apāyagamaniya*) ...

Pucchā: *Bhāvanāya pahātabbehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp ba Đạo cao đoạn trừ này bất tương ưng với tâm tương ưng tà kiến và tâm tương ưng hoài nghi cùng sở hữu hợp, tâm bất tương ưng tà kiến và tâm căn sân cùng sở hữu hợp (là loại *apāyagamaniya*), thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Na bhāvanāya pahātabbehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi ba Đạo cao đoạn trừ này bất tương ưng với tâm bất tương ưng tà kiến và tâm căn sân cùng sở hữu hợp (không phải loại *apāyagamaniya*), tâm tương ưng điều cử cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Dassanena pahātabbahetukehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ này bất tương ưng với tâm bất tương ưng tà kiến và tâm căn sân cùng sở hữu hợp (ngoài ra loại *apāyagamaniya*), tâm tương ưng điều cử, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Na dassanena pahātabbahetukehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ này bất tương ưng với tâm tương ưng tà kiến và tâm tương ưng hoài nghi cùng sở hữu hợp (trừ sở hữu si hợp với tâm tương ưng hoài nghi), tâm bất tương ưng tà kiến và tâm căn sân (là *apāyagamaniya*) ...

Pucchā: *Bhāvanāya pahātabbahetukehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ này bất tương ưng với tâm tương ưng tà kiến và tâm tương ưng hoài nghi cùng sở hữu hợp, tâm bất tương ưng tà kiến và tâm căn sân cùng sở hữu hợp (là loại *apāyagamaniya*), thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Na bhāvanāya pahātabbahetukehi dhammehi ye dhammā vippayuttā te dhammā katīhi ... sampayuttā?*

Chư pháp phi hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ này bất tương ưng với tâm bất tương ưng tà kiến và tâm căn sâu cùng sở hữu hợp (*không phải loại apāyagamaniya*) ...

Pucchā: *Savitakkehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hữu tầm này bất tương ưng với tâm ngũ song thức, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, ngũ thiền cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna.

Pucchā: *Savicārehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hữu tứ này bất tương ưng với tâm ngũ song thức, tam thiền, tứ thiền, ngũ thiền cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna.

Pucchā: *Sappīlikehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hữu hỷ này bất tương ưng với tâm câu hành lạc, khổ, ưu, xả, tứ thiền cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna.

Câu pháp câu hành hỷ cũng trình bày như câu pháp hữu hỷ.

Pucchā: *Sukkhasahagatehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp câu hành lạc này bất tương ưng với tâm câu hành khổ, ưu, xả cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna.

Pucchā: *Upekkhāsahagatehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp câu hành xả này bất tương ưng với tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna.

Pucchā: *Kāmāvacarehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp dục giới này bất tương ưng với tâm đạo đại, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Na kāmāvacarehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phi dục giới này bất tương ưng với tâm dục giới cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Rūpāvacarehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp sắc giới này bất tương ưng với tâm dục giới, vô sắc giới, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Na rūpāvacarehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phi sắc giới này bất tương ưng với tâm sắc giới cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Arūpāvacarehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp vô sắc giới này bất tương ưng với tâm dục giới, sắc giới, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Na arūpāvacarehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phi vô sắc giới này bất tương ưng với tâm vô sắc giới cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Pariyāpannehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp liên quan luân hồi này bất tương ưng với tâm siêu thế cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Apariyāpannehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phi liên quan luân hồi này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Niyyānikehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp nhân xuất luân hồi này bất tương ưng với tâm hiệp thể, quả siêu thể cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Aniyyānikehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp phi nhân xuất luân hồi này bất tương ưng với tâm Đạo cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Niyatehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp cho quả nhất định này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp (trừ đồng lực thứ 7 của tâm tương ưng tà kiến cùng sở hữu hợp sinh khởi bởi mãnh lực nghiệp tà kiến cố định, và đồng lực thứ 7 của tâm căn sân cùng sở hữu hợp sinh khởi bởi mãnh lực năm tội vô gián nghiệp) quả siêu thể cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Aniyatehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp cho quả bất định này bất tương ưng với đồng lực thứ 7 của tâm tương ưng tà kiến cùng sở hữu hợp sinh khởi bởi mãnh lực nghiệp tà kiến cố định, và đồng lực thứ 7 của tâm căn sân cùng sở hữu hợp sinh khởi bởi mãnh lực năm tội vô gián nghiệp, tâm Đạo siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Sa uttarehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hữu thượng này bất tương ưng với tâm siêu thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Anuttarehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp vô thượng này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp ...

Pucchā: *Saraṇehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp hữu y này bất tương ưng với tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và sắc pháp, nibbāna ...

Pucchā: *Araṇehi dhammehi ye dhammā ...*

Chư pháp vô y này bất tương ưng với tâm bất thiện cùng sở hữu hợp ...

Dứt xiển minh nhị đề
Dứt xiển minh ngoại đề
Dứt xiển minh cách thứ tám

IX. XIỂN MINH CÂU TƯƠNG ỨNG VỚI TƯƠNG ỨNG CÁCH THỨ CHÍN (NAVAMANAYA SAMPAYUTTENASAMPAYUTTAPADANIDDESO)

Kệ ngôn trình bày câu được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ chín (giống cách thứ 12).

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| (1). <i>Arūpakkhandhā cattāro</i> | <i>manāyatanaṃeva ca</i> |
| <i>Viññāṇadhātuyo satta</i> | <i>dve saccā cūddasindriyā</i> |
| (2). <i>Paccaye dvādasa padā</i> | <i>tato upari soḷasa</i> |
| <i>Tikesu aṭṭha gocchake</i> | <i>tecattālīsaṃeva ca</i> |
| (3). <i>Mahantaraduke satta</i> | <i>padā piṭṭhidukesu cha</i> |
| <i>Navamassa padassete</i> | <i>niddese saṅgaḥaṃ gatā.</i> |

Câu được gom vào phân xiển minh cách thứ chín có 120 câu như sau:

4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới, 2 đế là tập đế, đạo đế.

14 quyền là ý quyền ... cho đến tri cụ tri quyền cuối cùng.

Trong liên quan tương sinh có 12 câu đó là vô minh, hành, thức, xúc, thọ, ái, thủ, nghiệp hữu, sàu, khổ, ưu, ái. Câu kế tiếp từ liên quan tương sinh có 16 câu là niệm xứ ... cho đến tác ý cuối cùng.

Trong tam đề có 8 câu là tam đề thọ 3 câu, 2 câu trong tam đề hữu tâm là câu thứ nhất và thứ hai, 3 câu trong tam đề hỷ. Trong phần tụ có 43 đề là 6 câu phần tụ nhân, 4 câu phần tụ lậu, 4 câu phần tụ triền, 4 câu phần tụ phược, 4 câu phần tụ bộc, 4 câu phần tụ phối, 4 câu phần tụ cái, 3 câu phần tụ khinh thị, 4 câu phần tụ thủ, 6 câu phần tụ phiền não. Trong phần yếu bối có 7 câu là câu tâm, câu sở hữu tâm, câu pháp tương ưng tâm, câu pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh (*cittasamsatṭhasamuṭṭhāna*), câu pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và đồng sanh tồn với tâm (*cittasamsatṭhasamuṭṭhāna-sahabhuno*), câu pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và từng tâm thông lưu (*cittasamsatṭhasamuṭṭhānānuparivattino*).

Trong phần yếu bối có 6 câu là câu pháp hữu tâm, câu pháp hữu tứ, câu pháp hữu hỷ, câu pháp câu hành hỷ, câu pháp câu hành lạc, câu pháp câu hành xả.

Khi đức Phật thuyết xong xiển minh cách thứ tám, ngài thuyết tiếp xiển minh cách thứ chín tiếp tục.

Pháp được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ chín này là pháp có tương ưng và cách trình bày cách thứ chín này có sự quay lại chánh đề và có cách trình bày đặc biệt nữa bởi sử dụng từ 'kehici'

Xiển minh cách thứ chín có 2 phần là: Xiển minh nội đề và xiển minh ngoại đề. Đức Phật thuyết xiển minh nội đề trước rồi thuyết xiển minh ngoại đề sau, theo tuần tự.

XIỂN MINH NỘI ĐỀ

Xiển minh nội đề có 2 phần là: Xiển minh phần uẩn trước và xiển minh nhóm 7 như có xúc v.v... Đức Phật thuyết xiển minh phần uẩn trước rồi thuyết tiếp xiển minh nhóm 7 như có xúc v.v... sau theo tuần tự.

Xiển minh phần uẩn trước (*khandhādiniddesa*)

Xiển minh phần uẩn trước có 15 phần là: i. Xiển minh uẩn v.v... cho đến xv. Xiển minh Đạo là cuối cùng. Đức Phật thuyết xiển minh uẩn trước rồi thuyết xiển minh xứ v.v... sau theo tuần tự.

i. Xiển minh uẩn

Xiển minh uẩn có 5 câu là:

1. Xiển minh thọ uẩn

Pucchā: Vedanākkhandhena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttā?

Thọ uẩn này tương ứng với 89 tâm, 51 sở hữu tâm (trừ thọ); 89 tâm, 51 sở hữu tâm này tương ứng với thọ uẩn; thọ uẩn này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Thọ uẩn này tương ứng với 3 uẩn là tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới; và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 51 sở hữu tâm (trừ thọ).

(2) Xiển minh tưởng uẩn, (3) xiển minh hành uẩn cũng trình bày như xiển minh thọ uẩn.

4. Xiển minh thức uẩn

Pucchā: Viññāṇakkhandhena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttā?

Thức uẩn này tương ứng với 52 sở hữu tâm; 52 sở hữu tâm này tương ứng với thức uẩn; thức uẩn này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Thức uẩn này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

Dútt xiển minh uẩn

ii. Xiển minh xứ

Xiển minh xứ có 1 câu là xiển minh ý xứ, trình bày như xiển minh thức uẩn.

iii. Xiển minh giới

Xiển minh giới có 7 câu là: 1. Xiển minh nhãn thức giới v.v... cho đến (7) xiển minh ý thức giới là cuối cùng.

Pucchā: Cakkhuvīññāḍadhātuyā ye dhammā...pe...

Nhãn thức giới này tương ứng với 7 sở hữu biến hành; 7 sở hữu biến hành này tương ứng với nhãn thức giới; nhãn thức giới này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Nhãn thức giới uẩn này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 7 sở hữu biến hành.

6 thức giới còn lại trình bày như trên.

Dứt xiển minh giới

iv. Xiển minh đế

Xiển minh đế có 2 câu là xiển minh tập đế và xiển minh đạo đế.

1. Xiển minh tập đế

Pucchā: Samudayasaccena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Tập đế này tương ứng với 8 tâm căn tham, 21 sở hữu hợp (trừ tham); 8 tâm căn tham, 21 sở hữu hợp (trừ tham) này tương ứng với tập đế; tập đế này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Tập đế này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 19 sở hữu tâm hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 21 sở hữu tâm (trừ tham).

Đạo đế cũng trình bày như trên.

Dứt xiển minh đế

v. Xiển minh quyền

Xiển minh quyền có 14 câu là: 1. Xiển minh ý quyền v.v... cho đến 14. Xiển minh tri cụ tri quyền cuối cùng.

1. Xiển minh ý quyền trình bày như xiển minh thức uẩn.

2. Xiển minh lạc quyền

Pucchā: Sukhindriyena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Lạc quyền này tương ứng với 1 tâm thân thức câu hành lạc, 6 sở hữu biến hành (trừ thọ); 1 tâm thân thức câu hành lạc, 6 sở hữu biến hành (trừ thọ) này tương ứng với lạc quyền; lạc quyền này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Lạc quyền này tương ứng với 3 uẩn là tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 thân thức giới; và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 6 sở hữu biến hành (trừ thọ).

(2) *xiển minh khổ quyền*, (3) *xiển minh hỷ quyền*, (4) *xiển minh ưu quyền* trình bày như trên.

5. Xiển minh xả quyền

Pucchā: Upekkhindriyena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Xả quyền này tương ứng với 55 tâm câu hành xả, 46 sở hữu tâm (trừ thọ); 55 tâm câu hành xả, 46 sở hữu tâm này tương ứng với xả quyền; xả quyền này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena chahi dhātūhi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Xả quyền này tương ứng với 3 uẩn là tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 6 thức giới (trừ thân thức giới); và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 46 sở hữu tâm (trừ thọ).

(6) *Xiển minh tín quyền* v.v... cho đến (14) *xiển minh tri cụ tri quyền* cuối cùng, trình bày cùng phương cách với hành uẩn.

Dứt xiển minh quyền

vi. Xiển minh liên quan tương sinh

Xiển minh liên quan tương sinh có 12 câu là: 1. Xiển minh vô minh, 2. Xiển minh hành, 3. Xiển minh thức, 4. Xiển minh xúc, 5. Xiển minh thọ, 6. Xiển minh ái, 7. Xiển minh thủ, 8. Xiển minh nghiệp hữu, 9. Xiển minh sầu, 10. Xiển minh khổ, 11. Xiển minh ưu, 12. Xiển minh ai.

(1) *Xiển minh vô minh*, (2) *xiển minh hành* cả hai câu này trình bày như *xiển minh hành uẩn*, (3) *xiển minh thức* trình bày như *xiển minh thức uẩn*.

4. Xiển minh xúc

Pucchā: Saḷāyatanapaccayā phassena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Xúc sinh khởi do nương sáu xứ làm nhân này tương ứng với 89 tâm, 51 sở hữu tâm (trừ xúc); 89 tâm, 51 sở hữu hợp (trừ xúc) này tương ứng với xúc sinh khởi do nương sáu

xú làm nhân; xúc sinh khởi do nương sáu xú làm nhân này tương ưng với uẩn, xú, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Xúc sinh khởi do nương sáu xú làm nhân này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xú; 7 thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 49 sở hữu tâm hành uẩn, một phần pháp xú, pháp giới là 51 sở hữu hợp (trừ xúc).

(5) xiển minh thọ trình bày như xiển minh thọ uẩn, (6) xiển minh ái, (7) xiển minh thủ, (8) xiển minh nghiệp hữu, (12) xiển minh ái trình bày như xiển minh hành uẩn; (9) xiển minh sầu, (10) xiển minh khổ, (11) xiển minh ưu trình bày cùng cách với xiển minh lạc quyền.

Dứt xiển minh liên quan tương sinh

vii. Xiển minh niệm xú

Pucchā: Satipaṭṭhānena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Niệm xú này tương ưng với 8 tâm siêu thế, 35 sở hữu hợp (trừ niệm); 8 tâm siêu thế, 35 sở hữu hợp (trừ niệm) này tương ưng với niệm xú; niệm xú này tương ưng với uẩn, xú, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Niệm xú này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xú; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 33 sở hữu tâm hành uẩn, một phần pháp xú, pháp giới là 35 sở hữu tâm (trừ niệm).

viii. Xiển minh chánh cần

Pucchā: Sammappadhena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Niệm xú này tương ưng với 4 tâm Đạo, 35 sở hữu hợp (trừ cần); 4 tâm Đạo, 35 sở hữu hợp (trừ cần) này tương ưng với niệm xú; niệm xú này tương ưng với uẩn, xú, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Niệm xú này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xú; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 33 sở hữu tâm hành uẩn, một phần pháp xú, pháp giới là 35 sở hữu tâm (trừ cần).

ix. Xiển minh chánh cần

Pucchā: Iddhipādena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Như ý túc này tương ứng với 33 sở hữu hợp (trừ chi pháp như ý túc); 33 sở hữu hợp này tương ứng với như ý túc; như ý túc này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā dvīhi khandhehi sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Như ý túc này tương ứng với 2 uẩn là thọ uẩn và tưởng uẩn; và tương ứng với một phần hành uẩn là 31 sở hữu tâm hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 33 sở hữu tâm (trừ chi pháp như ý túc).

x. Xiển minh thiền na

Pucchā: Jhānena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Thiền này tương ứng với 27 tâm đạo đại, 8 tâm siêu thế, 33 sở hữu hợp (trừ 5 chi thiền); 27 tâm đạo đại, 8 tâm siêu thế, 33 sở hữu hợp này tương ứng với thiền na; Thiền này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā dvīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Thiền này tương ứng với 2 uẩn là tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 32 sở hữu tâm hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 33 sở hữu tâm (trừ 5 chi thiền).

xi. Xiển minh vô lượng

Pucchā: Appamaññāya ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Vô lượng này tương ứng với 15 tâm sắc giới, 31 sở hữu hợp (trừ 4 vô lượng); 15 tâm sắc giới, 31 sở hữu hợp này tương ứng với vô lượng; vô lượng này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Vô lượng này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 29 sở hữu tâm hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 31 sở hữu tâm (trừ 4 chi pháp vô lượng).

Dứt xiển minh uẩn trước

Xiển minh nhóm 7 có xúc v.v...

Xiển minh nhóm 7 có xúc v.v... có 7 câu là: 1. xiển minh xúc v.v... cho đến 7. xiển minh tác ý là cuối cùng. (1) xiển minh xúc, (4) xiển minh tư, (7) xiển minh tác ý, 3 câu này trình bày giống như xiển minh hành uẩn. (2) xiển minh thọ trình bày giống xiển minh thọ uẩn. (3) xiển minh tưởng trình bày giống như xiển minh tưởng uẩn. (5) xiển minh tâm trình bày giống xiển minh thức uẩn.

6. Xiển minh thắng giải

Pucchā: *Adhimokkkena ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...*

Thắng giải này tương ứng với 78 tâm, 50 sở hữu hợp (trừ thắng giải, hoài nghi); 78 tâm, 50 sở hữu hợp này tương ứng với thắng giải; thắng giải này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā tihi khandhehi ekenāyatanena dvīhi dhātūhi sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Thắng giải này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 2 giới là ý giới, ý thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 48 sở hữu tâm hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 50 sở hữu tâm (trừ thắng giải, hoài nghi).

Dứt xiển minh nhóm 7 như có xúc v.v...

Dứt xiển minh nội đề

XIỂN MINH NGOẠI ĐỀ

i. Xiển minh tam đề

1. Xiển minh câu pháp tương ứng lạc thọ

Pucchā: *Sukhāya vedanāya sampayuttehi dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...*

Chư pháp tương ứng lạc thọ này tương ứng với lạc thọ; lạc thọ này tương ứng với 63 tâm câu hành lạc, 46 sở hữu hợp (trừ thọ); 63 tâm câu hành lạc, 46 sở hữu hợp này tương ứng với uẩn xứ giới bao nhiêu.

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

63 tâm câu hành lạc, 46 sở hữu hợp này tương ứng với thọ uẩn; và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là lạc thọ.

2. Xiển minh câu pháp tương ứng khổ thọ

Pucchā: *Dukkāya vedanāya sampayuttehi dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...*

Chư pháp tương ứng khổ thọ này tương ứng với khổ thọ; khổ thọ này tương ứng với 3 tâm câu hành khổ, 21 sở hữu hợp (trừ thọ); 3 tâm câu hành khổ, 21 sở hữu hợp này tương ứng với uẩn xứ giới bao nhiêu.

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

3 tâm câu hành khổ, 21 sở hữu hợp này tương ứng với thọ uẩn; và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là khổ thọ.

(3) xiển minh câu pháp phi khổ phi lạc thọ trình bày như trên.

4. Xiển minh câu pháp hữu tâm hữu tứ

Pucchā: Savitakkasavicārehi dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Chư pháp hữu tâm hữu tứ này tương ưng với sở hữu tâm, tứ; sở hữu tâm, tứ này tương ưng với 55 tâm hữu tâm hữu tứ, 50 sở hữu hợp (trừ tâm, tứ); 55 tâm hữu tâm hữu tứ, 50 sở hữu hợp này tương ưng với uẩn xứ giới bao nhiêu.

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

55 tâm hữu tâm hữu tứ, 50 sở hữu hợp này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là sở hữu tâm, sở hữu tứ.

5. Xiển minh câu pháp vô tâm hữu tứ

Pucchā: Avitakkavicāramattehi dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Chư pháp vô tâm hữu tứ này tương ưng với sở hữu tứ; sở hữu tứ này tương ưng với 66 tâm hữu tứ, 51 sở hữu hợp (trừ tứ); 66 tâm hữu tứ, 51 sở hữu hợp này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu.

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

66 tâm hữu tứ, 51 sở hữu hợp này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là sở hữu tứ.

(6) xiển minh câu pháp câu hành hỷ trình bày giống câu xiển minh hữu tâm hữu tứ, (7) xiển minh câu pháp câu hành lạc, (8) xiển minh pháp câu hành xả trình bày giống câu xiển minh pháp tương ưng lạc thọ.

ii. Xiển minh nhị đề

1. Xiển minh câu pháp nhân

Pucchā: Hetūhi dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Chư pháp nhân này tương ưng với 71 tâm hữu nhân, 46 sở hữu hợp (trừ 6 nhân); 71 tâm hữu nhân, 46 sở hữu hợp này tương ưng với 6 nhân; 6 nhân này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

6 nhân này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 44 sở hữu hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 46 sở hữu hợp (trừ 6 nhân).

2. Xiển minh câu pháp nhân hữu nhân

Pucchā: *Hetūhi ceva sahetukehi ca dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...*

Chư pháp nhân hữu nhân này tương ưng với 69 tâm hữu nhân (trừ 2 tâm căn si), 45 sở hữu hợp (trừ 6 nhân, hoài nghi); 69 tâm hữu nhân (trừ 2 tâm căn si), 45 sở hữu hợp (trừ 6 nhân, hoài nghi) này tương ưng với 6 nhân; 6 nhân này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

6 nhân này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 44 sở hữu hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 46 sở hữu hợp (trừ 6 nhân).

3. Xiển minh câu pháp hữu nhân phi nhân

Pucchā: *Sahetukehi ceva na ca hetūhi dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...*

Chư pháp hữu nhân phi nhân này tương ưng 6 nhân; 6 nhân này tương ưng với 71 tâm hữu nhân, 46 sở hữu hợp (trừ 6 nhân); 71 tâm hữu nhân, 46 sở hữu hợp này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

71 tâm hữu nhân, 46 sở hữu hợp này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là 6 nhân.

(4) Xiển minh câu pháp nhân tương ưng nhân trình bày như câu nhân hữu nhân, (5) xiển minh câu pháp tương ưng nhân phi nhân, (6) xiển minh câu phi nhân hữu nhân trình bày như câu hữu nhân phi nhân.

7. Xiển minh câu pháp lậu

Pucchā: *Āsavehi dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...*

Chư pháp lậu này tương ưng với 12 tâm bất thiện, 24 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp lậu); 12 tâm bất thiện, 24 sở hữu hợp này tương ưng với chư pháp lậu; chư pháp lậu này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Chư pháp lậu này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 22 sở hữu hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 24 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp lậu).

(8) Xiển minh câu pháp lậu cảnh lậu, (9) xiển minh câu pháp lậu tương ưng lậu trình bày giống như câu pháp lậu.

10. xiển minh câu pháp tương ưng lậu phi lậu

Pucchā: Āsavasampayuttehi ceva no ca āsavehi dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Chư pháp tương ưng lậu phi lậu này tương ưng với 3 chi pháp lậu; 3 chi pháp pháp lậu này tương ưng với 12 tâm bất thiện, 24 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp lậu); 12 tâm bất thiện, 24 sở hữu hợp này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

12 tâm bất thiện, 24 sở hữu hợp này tương ưng với một phần hành uẩn, pháp xứ, pháp giới là 3 chi pháp lậu.

(11) Câu pháp triền, (12) câu pháp triền cảnh triền, (13) câu pháp triền tương ưng triền, (14) câu tương ưng triền phi triền, (15) Câu pháp phược, (16) câu pháp phược cảnh phược, (17) câu pháp phược tương ưng phược, (18) câu tương ưng phược phi phược, (19) Câu pháp bộc, (20) câu pháp bộc cảnh bộc, (21) câu pháp bộc tương ưng bộc, (22) câu tương ưng bộc phi bộc, (23) câu pháp phối, (24) câu pháp phối cảnh phối, (25) câu pháp phối tương ưng phối, (26) câu tương ưng phối phi phối, (27) Câu pháp cái, (28) câu pháp cái cảnh cái, (29) câu pháp cái tương ưng cái, (30) câu tương ưng cái phi cái. Tất cả câu này trình bày giống như 4 câu phần tụ lậu theo tuần tự, chỉ thay đổi tên và chi pháp.

31. Xiển minh câu pháp khinh thị

Pucchā: Parāmāsasampayuttehi dhammehi ye dhammā sampayuttā, tehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Chư pháp khinh thị này tương ưng với 4 tâm tương ưng tà kiến, 20 sở hữu hợp (trừ tà kiến); 4 tâm tương ưng tà kiến, 20 sở hữu hợp này tương ưng với chư pháp khinh thị; chư pháp khinh thị này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

Chư pháp khinh thị này tương ưng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 1 ý thức giới; và tương ưng với một phần hành uẩn là 18 sở hữu hành uẩn, một phần pháp xứ, pháp giới là 20 sở hữu hợp (trừ tà kiến).

(32) Xiển minh câu pháp tương ưng khinh thị trình bày như xiển minh câu tương ưng lậu phi lậu. (33) Xiển minh câu pháp khinh thị cảnh khinh thị trình bày như câu pháp khinh thị; (34) xiển minh câu pháp tâm trình bày như câu xiển minh thức uẩn.

35. xiển minh câu pháp sở hữu tâm

Pucchā: Cetasikehi dhammehi ye dhammā sampayuttā...

Chư pháp sở hữu tâm này tương ưng với 89 tâm; 89 tâm này tương ưng với 52 sở hữu; 52 sở hữu này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayuttā.

52 sở hữu này tương ưng với 1 thức uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới.

(36) Câu pháp tương ưng tâm, (37) câu pháp hòa với tâm, (38) câu pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh, (39) câu pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và đồng sanh tồn với tâm, (40) câu pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và từng tâm thông lưu, tất cả đề trình bày như câu pháp sở hữu tâm. (41) Câu pháp thủ, (42) câu pháp thủ cảnh thủ, (43) câu pháp thủ tương ưng thủ, (44) câu pháp tương ưng thủ phi thủ, trình bày giống 4 câu phần tụ lâu theo tuần tự. (45) câu pháp phiền não, (46) câu pháp phiền não cảnh phiền não, (47) câu pháp phiền não phiền toái, (48) câu pháp phiền não tương ưng phiền não, (49) câu pháp phiền toái phi phiền não, (50) câu pháp tương ưng phiền não phi phiền não, (51) câu pháp hữu tâm, (52) câu pháp hữu tứ, (53) câu pháp hữu hỷ, (54) câu pháp câu hành hỷ, (55) câu pháp câu hành lạc, (56) câu pháp câu hành xả, tất cả trình bày tương tự như những câu đầu đã qua.

Dứt xiển minh nhị đề

Dứt xiển minh ngoại đề

Dứt xiển minh cách thứ chín

X. XIỂN MINH CÂU BẤT TƯƠNG ỨNG VỚI BẤT TƯƠNG ỨNG CÁCH THỨ MƯỜI (DASAMANAYA VIPPAYUTTENA VIPPAYUTTAPADANIDDESO)

Kệ ngôn trình bày câu được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ mười (giống cách thứ 6).

- | | | |
|------|----------------------------------|------------------------------------|
| (1). | <i>Dhammāyatanam dhammadhātu</i> | <i>dukkhasaccañca jīvitam</i> |
| | <i>Salāyatanam nāmarūpam</i> | <i>cattāro ca mahābhavā</i> |
| (2). | <i>Jāti jarā maraṇaṇca</i> | <i>tikesvekūnavīsati</i> |
| | <i>Gocchakesu ca paññāsa</i> | <i>aṭṭha cūlantare padā</i> |
| (3). | <i>Mahantare paṇṇarasa</i> | <i>soḷasa ca tato pare</i> |
| | <i>Ekavīsa padasatam</i> | <i>etam vippayoge na labbhati.</i> |

Đức Phật không trình bày 121 câu trong phần xiển minh cách thứ mười như sau:

- (1). Pháp xứ, pháp giới, khổ đế, mạng quyền, sáu xứ, danh sắc, 4 hữu lớn là sanh hữu, dục hữu, tưởng hữu, ngũ uẩn hữu.
- (2). Sanh, lão, tử trong tam đề 19 câu được cả uẩn, xứ, giới như câu vô ký ...
Trong phần tụ 50 đề mà được cả uẩn, xứ, giới như câu phi nhân, câu vô nhân ...
Trong phần nhị đề đỉnh có 8 câu mà được cả uẩn, xứ, giới như câu hữu duyên, câu hữu vi ...
- (3). Trong 15 câu phần nhị đề đại như câu phi tâm ...

Sau đó trong phần nhị đề yêu bồi có 16 câu mà được cả uẩn, xứ, giới như câu phi sơ Đạo đoạn trừ (*na dassanenapahātabbapada*) ...

Khi đức Phật thuyết xong phần xiển minh cách thứ chín, ngài thuyết tiếp xiển minh cách thứ mười.

Pháp được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ mười, chỉ có pháp bất tương ứng, chính là câu được thuyết trong xiển minh cách thứ sáu, mà chỉ thay đổi cách trình bày và trong xiển minh cách thứ mười này có trình bày quay lại chánh đề, đồng thời trình bày uẩn, xứ, giới đặc biệt bởi sử dụng từ ‘*kehici*’.

Xiển minh cách thứ mười có 2 phần là: Xiển minh nội đề và xiển minh ngoại đề.

XIỂN MINH NỘI ĐỀ

Xiển minh nội đề có 2 phần là: 1. Xiển minh phần uẩn trước, 2. Xiển minh nhóm 7 như có xúc v.v...

Xiển minh phần uẩn trước (*khandhādiniddesa*): 1. Xiển minh uẩn v.v... cho đến xiển minh Đạo là cuối cùng.

i. Xiển minh uẩn

1. Xiển minh sắc uẩn

Pucchā: *Rūpakkkhandhena ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi vippayuttā?*

Sắc uẩn này bất tương ưng với 4 danh uẩn; 4 danh uẩn này bất tương ưng với 28 sắc pháp, nibbāna; 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

2. Xiển minh thọ uẩn

Pucchā: *Vedanākkhandhena ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...pe...*

Thọ uẩn này bất tương ưng với 28 sắc pháp, nibbāna; 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với 4 danh uẩn; 4 danh uẩn này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

4 danh uẩn này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

3 danh uẩn còn lại trình bày như xiển minh thọ uẩn.

ii. Xiển minh xứ

10 xứ thô trình bày giống như xiển minh sắc uẩn, ý xứ trình bày như xiển minh thọ uẩn.

iii. Xiển minh giới

10 giới thô trình bày như xiển minh sắc uẩn.

11. Xiển minh nhãn thức giới

Pucchā: *Cakkhuvīññāṇadhātuyā ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Nhãn thức giới này bất tương ưng với 6 thức giới còn lại cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna; 6 thức giới còn lại cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với nhãn thức giới cùng sở hữu hợp; nhãn thức giới cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Nhãn thức giới cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ nhãn thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 45 sở hữu hợp, sắc tế, nibbāna.

6 thức giới còn lại trình bày giống như nhãn thức giới.

iv. Xiển minh đế

1. Xiển minh tập đế

Pucchā: Samudayasaccena ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Tập đế này bất tương ưng với tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna; tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm căn tham cùng sở hữu hợp; tâm căn tham cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Tâm căn tham cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hoài nghi, 25 sở hữu tịnh hảo, sắc tế, nibbāna.

2. Xiển minh diệt đế

Pucchā: Nirodhasaccena ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Diệt đế này bất tương ưng với 4 danh uẩn; 4 danh uẩn này bất tương ưng với 28 sắc pháp, nibbāna; 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

Xiển minh đạo đế trình bày như xiển minh tập đế.

v. Xiển minh quyền

7 sắc quyền trình bày giống như xiển minh sắc uẩn, ý quyền trình bày như xiển minh thức uẩn.

9. Xiển minh lạc quyền

Pucchā: Sukhindriyena ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Lạc quyền này bất tương ưng với tâm câu hành khổ, ưu, hỷ, xả cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna; tâm câu hành khổ, ưu, hỷ, xả cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm câu hành lạc cùng sở hữu hợp; tâm câu hành lạc cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Tâm câu hành lạc cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ thân thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 45 sở hữu tâm, sắc tế, nibbāna.

(10) *Xiển minh khổ quyền*, (11) *xiển minh hỷ quyền*, (12) *xiển minh ưu quyền* đều giống cách trình bày xiển minh lạc quyền.

13. Xiển minh xả quyền

Pucchā: *Upekkhindriyena ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Xả quyền này bất tương ưng với tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna; tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu hợp và 28 sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm câu hành xả cùng sở hữu hợp; tâm câu hành xả cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Tâm câu hành xả cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 11 giới là 10 giới thô và 1 thức thân giới; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hỷ, sắc tế, nibbāna.

(14) *Tín quyền* v.v... cho đến (21) *tri cụ tri quyền* cuối cùng trình bày cùng phương cách với xiển minh hành uẩn.

vi. Xiển minh liên quan tương sinh

Xiển minh vô minh, xiển minh hành, xiển minh xúc, xiển minh ái, xiển minh thủ, xiển minh nghiệp hữu, xiển minh ai, 7 câu này trình bày giống như xiển minh hành uẩn. Xiển minh thức trình bày giống xiển minh thức uẩn. Xiển minh thọ, xiển minh sầu, xiển minh khổ, xiển minh ưu trình bày giống như xiển minh thọ uẩn.

9. Xiển minh sắc hữu

Pucchā: *Rūpabhavena ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Sắc hữu này bất tương ưng với tâm, sở hữu tâm thuộc về dục hữu, vô sắc hữu, tâm thiện, bất thiện, tố, quả siêu thế cùng sở hữu hợp; tâm, sở hữu tâm thuộc về dục hữu, vô sắc hữu, tâm thiện, bất thiện, tố, quả siêu thế cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với sắc hữu; sắc hữu này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā na kehici khandhehi na kehici āyatanehi tīhi dhātūhi vippayuttā.*

Sắc hữu này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 3 giới là tỷ thức giới, thiết thức giới, thân thức giới.

10. xiển minh vô sắc hữu

Pucchā: *Arūpabhavena ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Vô sắc hữu này bất tương ưng với dục hữu, sắc hữu, tâm thiện, bất thiện, tố, quả siêu thế cùng sở hữu hợp và sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực, nibbāna; dục hữu, sắc hữu, tâm thiện, bất thiện, tố, quả siêu thế cùng sở hữu hợp và sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực, nibbāna này bất tương ưng với vô sắc hữu; vô sắc hữu này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Vô sắc hữu này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô, 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 22 sở hữu hợp, sắc tế, nibbāna.

Phi tướng phi phi tướng hữu, tứ uẩn hữu trình bày như vô sắc hữu.

13. Vô tướng hữu

Pucchā: Asaññābhavena ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Vô sắc hữu này bất tương ưng với tâm, sở hữu tâm thuộc về tướng hữu, phi tướng phi phi tướng hữu, tâm thiện, bất thiện, tố, quả siêu thế cùng sở hữu hợp; tâm, sở hữu tâm thuộc về tướng hữu, phi tướng phi phi tướng hữu, tâm thiện, bất thiện, tố, quả siêu thế cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với vô tướng hữu; vô tướng hữu này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Vô tướng hữu này bất tương ưng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu tâm.

Nhất uẩn hữu, khốc, trình bày như xiển minh vô tướng hữu.

Xiển minh niệm xứ, ngũ quyền, ngũ lực, giác chi, chi Đạo

Pucchā: Satipaṭṭhānena ye dhammā... pañcahi indriyehi ye dhammā... pañcahi balehi ye dhammā... sattahi bojjhaṅgehi ye dhammā... ariyena aṭṭhaṅgikena maggena ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Niệm xứ, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát Thánh đạo này bất tương ưng với tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm siêu thế cùng sở hữu hợp; tâm siêu thế cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Tâm siêu thế cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô, 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, 2 sở hữu vô lượng phần, sắc tế, nibbāna.

Xiển minh chánh căn, như ý túc

Pucchā: *Sammappadhānena ye dhammā... iddhipādena ye dhammā... vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Chánh căn, như ý túc này bất tương ưng với tâm hiệp thể, quả siêu thể cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm hiệp thể, quả siêu thể cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm Đạo cùng sở hữu hợp; tâm Đạo cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Tâm Đạo cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô, 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, 2 sở hữu vô lượng phần, sắc tế, nibbāna.

Xiển minh thiên

Pucchā: *Jhānena ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Thiền này bất tương ưng với tâm dục giới cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm dục giới cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm thiên cùng sở hữu hợp; tâm thiên cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Tâm thiên cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô, 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, sắc tế, nibbāna.

Xiển minh vô lượng

Pucchā: *Appamaññāya ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Vô lượng này bất tương ưng với tâm dục giới - vô sắc giới - siêu thể cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm dục giới - vô sắc giới - siêu thể cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm sắc giới cùng sở hữu hợp; tâm sắc giới cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Tâm sắc giới cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô, 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, 3 sở hữu ngăn trừ phần, sắc tế, nibbāna.

Dứt xiển minh phần uẩn trước

Xiển minh nhóm 7 như có xúc v.v...

Xúc, tư, tác ý trình bày giống như xiển minh hành uẩn. Thọ trình bày giống như xiển minh thọ uẩn. Tưởng trình bày giống như xiển minh tưởng uẩn. Tâm trình bày giống như xiển minh thức uẩn.

Xiển minh thắng giải

Pucchā: Adhimokkhena ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Thắng giải này bất tương ưng với tâm ngũ song thức, tâm tương ưng hoài nghi cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm ngũ song thức, tâm tương ưng hoài nghi cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với 78 tâm hữu thắng giải cùng sở hữu hợp; 78 tâm hữu thắng giải cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

78 tâm hữu thắng giải cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 15 giới là 10 giới thô, 5 thức giới; và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 1 sở hữu hoài nghi, sắc tế, nibbāna.

Dứt xiển minh nhóm 7 như có xúc v.v...

Dứt xiển minh nội đề

XIỂN MINH NGOẠI ĐỀ

Xiển minh ngoại đề này có 2 phần là xiển minh tam đề và xiển minh nhị đề

i. Xiển minh tam đề

Xiển minh tam đề có 47 câu là:

1. Xiển minh câu thiện

Pucchā: Kusalehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Chư pháp thiện này bất tương ưng với tâm bất thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm bất thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm thiện cùng sở hữu hợp; tâm thiện cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Tâm thiện cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô, 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, sắc tế, nibbāna.

(2) Chư pháp bất thiện trình bày như trên, chỉ thay đổi tên.

3. Xiển minh câu pháp tương ưng lạc thọ

Pucchā: *Sukhāya vedanāya sampayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Chư pháp tương ưng lạc thọ này bất tương ưng với tâm câu hành khổ, ưu, xả cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm câu hành khổ, ưu, xả cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm câu hành lạc cùng sở hữu hợp; tâm câu hành lạc cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi pannarasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Tâm câu hành lạc cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 15 giới là 10 giới thô, 5 thức giới (trừ thân thức giới, ý thức giới); và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hoại nghi, sắc tế, nibbāna.

(4) Xiển minh câu pháp tương ưng khổ thọ trình bày giống như trên.

5. Xiển minh câu pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ

Pucchā: *Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Chư pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ này bất tương ưng với tâm câu hành lạc, hỷ, xả cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm tương ưng xả thọ cùng sở hữu hợp; tâm tương ưng xả thọ cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Tâm tương ưng xả thọ cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 11 giới là 10 giới thô, 1 thân thức giới; và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hỷ, sắc tế, nibbāna.

6. Xiển minh câu pháp quả

Pucchā: *Vipākehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Chư pháp quả này bất tương ưng với tâm bất thiện, thiện, tố cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm bất thiện, thiện, tố cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm quả cùng sở hữu hợp; tâm quả cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Tâm quả cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, sắc tế, nibbāna.

7. Xiển minh câu pháp nhân

Pucchā: *Vipākadhammadhammehi ye dhammā... saṃkiliṭṭhasaṃkilesikehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Chư pháp nhân này bất tương ưng với tâm quả, tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm quả, tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm bất thiện, thiện cùng sở hữu hợp; tâm bất thiện, thiện cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Tâm bất thiện, thiện cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô, 6 thức giới (trừ ý thức giới); và bất tương ưng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

8. Xiển minh câu pháp phi quả phi nhân

Pucchā: *Nevavipākaṇavipākadhammadhammehi ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Chư pháp phi quả phi nhân này bất tương ưng với tâm bất thiện, thiện, quả cùng sở hữu hợp; tâm bất thiện, thiện, quả cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với tâm tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *te dhammā na kehici khandhehi na kehici āyatanehi pañcahi dhātūhi vippayuttā.*

Tâm tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 5 thức giới.

9. Xiển minh câu pháp phi thành do thủ mà cảnh thủ

Pucchā: *Anupādinnaupādāniyehehi ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Chư pháp phi thành do thủ mà cảnh thủ này bất tương ưng với tâm quả hiệp thể - siêu thể cùng sở hữu hợp; tâm quả hiệp thể - siêu thể cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với tâm bất thiện, thiện hiệp thể - tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm bất thiện, thiện hiệp thể - tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *te dhammā na kehici khandhehi na kehici āyatanehi pañcahi dhātūhi vippayuttā.*

Tâm bất thiện, thiện hiệp thể - tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 5 thức giới.

10. Xiển minh câu pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ

Pucchā: *Anupādinnaanupādāniyehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Chư pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ này bất tương ưng với tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp; tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với tâm siêu thể cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm siêu thể cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā na kehici khandhehi na kehici āyatanehi chahi dhātūhi vippayuttā.*

Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 6 thức giới.

(11) Xiển minh câu pháp phiến toái cảnh phiến nào trình bày cùng phương cách với câu pháp bất thiện. (12) Xiển minh câu pháp phi phiến toái phi cảnh phiến nào trình bày cùng phương cách với câu phi thành do thủ phi cảnh thủ.

13. Xiển minh câu pháp hữu tầm hữu tứ

Pucchā: *Savitakkasavicārehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Chư pháp hữu tầm hữu tứ này bất tương ưng với tâm ngũ song thức, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, ngũ thiền cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm ngũ song thức, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, ngũ thiền cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm hữu tầm hữu tứ cùng sở hữu hợp; tâm hữu tầm hữu tứ cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi pannarasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Tâm hữu tầm hữu tứ cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 15 giới là 10 giới thô, 5 thức giới; và bất tương ưng một phần pháp xứ pháp giới là sắc tế, nibbāna.

14. Xiển minh câu pháp vô tầm hữu tứ

Pucchā: *Avitakkavicāramattehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...*

Chư pháp vô tầm hữu tứ này bất tương ưng với tâm ngũ song thức, tam thiền, tứ thiền, ngũ thiền cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm ngũ song thức, tam thiền, tứ thiền, ngũ thiền cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm nhị thiền cùng sở hữu hợp; tâm nhị thiền cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Tâm nhị thiên cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô, 6 thức giới; và bất tương ưng một phần pháp xứ pháp giới là 14 sở hữu bất thiện, sắc tế, nibbāna.

15. Xiển minh câu pháp vô tầm vô tứ

Pucchā: Avitakkaavicārehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Chư pháp vô tầm vô tứ này bất tương ưng với tâm hữu tầm hữu tứ cùng sở hữu hợp; tâm hữu tầm hữu tứ cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với tâm vô tầm hữu tứ cùng sở hữu hợp, tâm vô tầm vô tứ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm vô tầm hữu tứ cùng sở hữu hợp, tâm vô tầm vô tứ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā na kehici khandhehi na kehici āyatanehi ekāya dhātuyā vippayuttā.

Tâm vô tầm hữu tứ cùng sở hữu hợp, tâm vô tầm vô tứ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này không bất tương ưng với một uẩn, xứ nào, nhưng bất tương ưng với 1 ý giới.

16. Xiển minh câu pháp câu hành hỷ

Pucchā: Pītisahagatehi dhammehi ye dhammā vippayuttā, tehi dhammehi ye dhammā vippayuttā...

Chư pháp câu hành hỷ này bất tương ưng với tâm câu hành lạc, khổ, ưu, xả, tâm tứ thiên cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm câu hành lạc, khổ, ưu, xả, tâm tứ thiên cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này bất tương ưng với tâm câu hành hỷ cùng sở hữu hợp; tâm câu hành hỷ cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Tâm câu hành hỷ cùng sở hữu hợp này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới; và bất tương ưng một phần pháp xứ pháp giới là 4 sở hữu sân phần, 1 sở hữu hoại nghi, sắc tế, nibbāna.

(17) Xiển minh câu pháp câu hành lạc, (18) xiển minh câu pháp câu hành xả cũng trình bày như trên.

i. Xiển minh tam đề

Câu trình bày được trong xiển minh tam đề tiếp theo đây sẽ trình bày tên câu mà thôi, còn phương pháp trình bày cũng cùng phương thức như những câu ở đầu, tức là câu pháp sơ Đạo đoạn trừ, ba Đạo cao đoạn trừ, hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ, hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ, câu nhân sanh tử, câu nhân đến nibbāna, câu hữu học, câu vô học, câu đáo đại, câu vô lượng, câu cảnh hy thiếu, câu cảnh đáo đại, câu cảnh vô lượng, câu ty hạ, câu tinh lương, câu pháp tà cho quả nhất định, câu pháp chánh cho quả nhất định, câu có Đạo thành cảnh, câu có nhân là Đạo, câu có Đạo thành trường, câu pháp phi sanh

tồn, câu cảnh quá khứ, câu cảnh vị lai, câu cảnh hiện tại, câu cảnh nội phần, câu cảnh ngoại phần, câu cảnh nội và ngoại phần, câu hữu kiến hữu đối chiếu, câu vô kiến hữu đối chiếu.

ii. Xiển minh nhị đề

Xiển minh nhị đề có 111 câu, câu trình bày trong xiển minh nhị đề này cũng trình bày cùng phương cách như những câu đã trình bày ở đầu. Do đó cũng chỉ trình bày tên câu. Đó là:

- Câu nhân, câu hữu nhân, câu tương ưng nhân, câu nhân hữu nhân, câu hữu nhân phi nhân, câu nhân tương ưng nhân, câu tương ưng nhân phi nhân, câu phi nhân hữu nhân.
- Câu pháp vô duyên, câu pháp vô vi, câu pháp hữu kiến, câu pháp hữu đối chiếu, câu pháp sắc, câu pháp siêu thế.
- Câu pháp lậu, câu pháp phi cảnh lậu, câu tương ưng lậu, câu lậu cảnh lậu, câu lậu tương ưng lậu, câu tương ưng lậu phi lậu, câu bất tương ưng lậu phi cảnh lậu.
- Câu pháp triền, câu pháp phi cảnh triền, câu tương ưng triền, câu triền cảnh triền, câu triền tương ưng triền, câu tương ưng triền phi triền, câu bất tương ưng triền phi cảnh triền.
- Câu pháp phược, câu pháp phi cảnh phược, câu tương ưng phược, câu phược cảnh phược, câu phược tương ưng phược, câu tương ưng phược phi phược, câu bất tương ưng phược phi cảnh phược.
- Câu pháp bộc, câu pháp phi cảnh bộc, câu tương ưng bộc, câu bộc cảnh bộc, câu bộc tương ưng bộc, câu tương ưng bộc phi bộc, câu bất tương ưng bộc phi cảnh bộc.
- Câu pháp phối, câu pháp phi cảnh phối, câu tương ưng phối, câu phối cảnh phối, câu phối tương ưng phối, câu tương ưng phối phi phối, câu bất tương ưng phối phi cảnh phối.
- Câu pháp cái, câu pháp phi cảnh cái, câu tương ưng cái, câu cái cảnh cái, câu cái tương ưng cái, câu tương ưng cái phi cái, câu bất tương ưng cái phi cảnh cái.
- Câu pháp khinh thị, câu pháp phi cảnh khinh thị, câu tương ưng khinh thị, câu khinh thị cảnh khinh thị, câu bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị.
- Câu pháp hữu tri cảnh, câu pháp vô tri cảnh, câu pháp tâm, câu pháp sở hữu tâm, câu pháp tương ưng tâm, câu pháp bất tương ưng tâm, câu pháp hòa với tâm, câu pháp phi hòa với tâm, câu pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh, câu pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh và đồng sanh tồn với tâm, câu pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh và từng tâm thông lưu, câu pháp y sinh, câu pháp phi thành do thủ.
- Câu pháp thủ, câu pháp phi cảnh thủ, câu tương ưng thủ, câu thủ cảnh thủ, câu thủ tương ưng thủ, câu tương ưng thủ phi thủ, câu bất tương ưng thủ phi cảnh thủ.
- Câu pháp phiền não, câu pháp phi cảnh phiền não, câu pháp phiền toái, câu tương ưng phiền não, câu phiền não cảnh phiền não, câu phiền não phiền toái, câu phiền

toái phi phiền não, câu phiền não tương ưng phiền não, câu tương ưng phiền não phi phiền não, câu bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não.

- Câu pháp sơ Đạo đoạn trừ, câu pháp ba Đạo cao đoạn trừ, câu pháp hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ, câu pháp hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ, câu pháp hữu tâm, câu pháp vô tâm, câu pháp hữu tứ, câu pháp vô tứ, câu pháp hữu hỷ, câu pháp câu hành hỷ, câu pháp câu hành lạc, câu pháp câu hành xả, câu pháp phi dục giới, câu pháp sắc giới, câu pháp vô sắc giới, câu pháp không liên quan luân hồi, câu pháp nhân xuất luân hồi, câu pháp cho quả nhất định, câu pháp vô thượng, câu pháp hữu y.

Dứt xiển minh nhị đề

Dứt xiển minh ngoại đề

Dứt xiển minh cách thứ mười

XI. XIỂN MINH CÂU YẾU HIỆP VỚI TƯƠNG ỨNG, BẤT TƯƠNG ỨNG CÁCH THỨ MƯỜI MỘT (EKĀDASAMANAYA SAṄGAHITENASAMPAYUTTAVIPPAYUTTAPADANIDDESO)

Kệ ngôn trình bày câu được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ mười một (giống cách 4).

Dve saccā pannarasindriyā ekādasapaṭiccasamuppādā
Uddham puna ekādasā gocchakapadamettha tiṃsavidham

Đức Phật trình bày 69 câu trong phần xiển minh cách thứ mười một có như sau:

- 2 đế (trừ khổ đế, diệt đế).
- 15 quyền (trừ 5 quyền thanh triệt, 1 mạng quyền, 1 ý quyền).
- 11 câu trong liên quan tương sinh (trừ thức, danh sắc, sáu xứ, thọ, sanh hữu, sanh, lão, tử).
- 11 câu nữa kể sau liên quan tương sinh là niệm xứ, chánh cần, vô lượng phần, ngũ quyền, ngũ lực, giác chi, chi Đạo, xúc, thọ, thắng giải, tác ý.
- 30 câu trong phần tụ.

Gom tất cả có 69.

Đức Phật thuyết xong xiển minh cách thứ mười, ngài thuyết tiếp đến xiển minh cách thứ mười một.

Pháp được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ mười một này là pháp có uẩn, xứ, giới giống nhau, đó chính là câu trình bày trong cách thứ tư vậy, chỉ thay đổi phương pháp trình bày. Do đó chỉ trình bày một vài câu làm ví dụ mà thôi.

Xiển minh cách thứ mười một này có 2 phần là: Xiển minh nội đề và xiển minh ngoại đề.

Xiển minh nội đề có 2 phần là: Xiển minh phần đế trước và xiển minh nhóm 7 như có xúc v.v...

Xiển minh phần đế trước (*saccādiniddesa*) có 1 phần là: 1. Xiển minh đế v.v... cho đến xiển minh Đạo là cuối cùng.

Xiển minh tập đế

Pucchā: *Samudayasaccena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttā?*

Tập đế này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tham) bằng hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 49 sở hữu tâm hành uẩn này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

49 sở hữu tâm hành uẩn này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là sở hữu tham, một phần pháp xứ, pháp giới là sở hữu tham, thọ, tưởng.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

49 sở hữu tâm hành uẩn này bất tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

49 sở hữu tâm hành uẩn này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

Xiển minh đạo đế

Pucchā: *Maggasaccena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttā?*

Đạo đế này yếu hiệp được 50 sở hữu tâm hành uẩn (trừ 8 chi Đạo hợp 4 tâm Đạo) bằng hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 50 sở hữu tâm hành uẩn này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

50 sở hữu tâm hành uẩn này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là 8 chi Đạo hợp 4 tâm Đạo, một phần pháp xứ, pháp giới là 8 chi Đạo hợp 4 tâm Đạo, sở hữu thọ, tưởng.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?*

50 sở hữu tâm hành uẩn này bất tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

50 sở hữu tâm hành uẩn này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

Xiển minh nữ quyền

Pucchā: *Itthindriyena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttā?*

Nữ quyền này yếu hiệp được 15 sắc tế (trừ nữ quyền) bằng cách sắc uẩn, pháp xứ, pháp giới; 15 sắc tế (trừ nữ quyền) này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Natthi. Không có.*

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

15 sắc tế (trừ nữ quyền) này bất tương ưng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu hợp.

Xiển minh nam quyền trình bày như nhau.

Xiển minh lạc quyền

Pucchā: *Sukhindriyena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā...pe...*

Lạc quyền này yếu hiệp được khổ, hỷ, ưu, xả bằng cách thọ uẩn, pháp xứ, pháp giới; khổ, hỷ, ưu, xả này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Khổ, hỷ, ưu, xả này tương ưng với 3 uẩn là tướng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 51 sở hữu tâm (trừ thọ).

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Khổ, hỷ, ưu, xả này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

Khổ quyền trình bày như trên.

Xiển minh hỷ quyền

Pucchā: *Somanassindriyena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā...pe...*

Hỷ quyền này yếu hiệp được lạc, khổ, ưu, xả bằng cách thọ uẩn, pháp xứ, pháp giới; lạc, khổ, ưu, xả này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Lạc, khổ, ưu, xả này tương ưng với 3 uẩn là tướng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 50 sở hữu tâm (trừ thọ).

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Lạc, khổ, ưu, xả này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là sở hữu hỷ, sắc tế, nibbāna.

Xiển minh ưu quyền

Pucchā: *Domanassindriyena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā...pe...*

Ưu quyền này yếu hiệp được lạc, khổ, hỷ, xả bằng cách thọ uẩn, pháp xứ, pháp giới; lạc, khổ, hỷ, xả này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Lạc, khổ, hỷ, xả này tương ưng với 3 uẩn là tướng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 47 sở hữu tâm (trừ thọ).

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena kandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Lạc, khổ, hỷ, xả này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 4 sở hữu sân phần, sắc tế, nibbāna.

Xiển minh xả quyền

Pucchā: *Upekkhindriyena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā...*

Xả quyền này yếu hiệp được lạc, khổ, hỷ, ưu bằng cách thọ uẩn, pháp xứ, pháp giới; lạc, khổ, hỷ, ưu này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena dvīhi dhātūhi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

Lạc, khổ, hỷ, ưu này tương ưng với 3 uẩn là tướng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 2 giới là thân thức giới, ý thức giới; và tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là 50 sở hữu tâm (trừ thọ).

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ưng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena kandhena dasahāyatanehi pannarasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

Lạc, khổ, hỷ, ưu này bất tương ưng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 15 giới là 10 giới thô, 5 thức giới (trừ thân thức giới, ý thức giới); và bất tương ưng với một phần pháp xứ, pháp giới là sở hữu hoại nghi, sắc tế, nibbāna.

Xiển minh tín quyền

Pucchā: *Saddhindriyena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā ...*

Tín quyền này yếu hiệp được 49 sở hữu tâm hành uẩn (trừ tín) bằng cách hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 49 sở hữu tâm hành uẩn này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi sampayuttā; ekena khandhena ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.

49 sở hữu tâm hành uẩn này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn; 1 ý xứ; 7 thức giới; và tương ứng với một phần hành uẩn là sở hữu tín, một phần pháp xứ, pháp giới là sở hữu tín, thọ, tưởng.

Pucchā: *Katīhi vippayuttā?*

49 sở hữu tâm hành uẩn này bất tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

49 sở hữu tâm hành uẩn này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

7 quyền còn lại và vô minh, hành, xúc, ái, thủ, nghiệp hữu trình bày giống như phương cách trên.

Xiển minh khóc

Pucchā: *Paridevena ye dhammā khandhasaṅgahena saṅgahitā āyatanasaṅgahena saṅgahitā dhātusaṅgahena saṅgahitā, te dhammā katīhi khandhehi katihāyatanehi katīhi dhātūhi sampayuttāti?*

Khóc này yếu hiệp được thịnh sanh từ tâm phi khóc và thịnh sanh từ quý tiết bằng cách sắc uẩn, thịnh xứ, thịnh sanh từ tâm phi khóc và thịnh sanh từ quý tiết này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Natthi. Không có

Pucchā: *Katīhi vippayuttā?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: Catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.

Thịnh sanh từ tâm phi khóc và thịnh sanh từ quý tiết này bất tương ứng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu hợp.

- Sầu, khổ, ưu, ái.
- Niệm xứ, chánh cần, vô lượng, ngũ quyền, ngũ lực, giác chi, thánh Đạo.
- Xúc, tư, thắng giải, tác ý.
- Câu pháp nhân, nhân hữu nhân, nhân tương ứng nhân.
- Câu pháp lậu, lậu cảnh lậu, lậu tương ứng lậu.
- Câu pháp triền, triền cảnh triền, triền tương ứng triền.
- Câu pháp phược, phược cảnh phược, phược tương ứng phược.
- Câu pháp bộc, bộc cảnh bộc, bộc tương ứng bộc.
- Câu pháp phối, phối cảnh phối, phối tương ứng phối.
- Câu pháp cái, cái cảnh cái, cái tương ứng cái.
- Câu pháp khinh thị, khinh thị cảnh khinh thị.
- Câu pháp thủ, thủ cảnh thủ, thủ tương ứng thủ.

- Câu pháp phiền não, phiền não cảnh phiền não, phiền não phiền toái, phiền não tương ưng phiền não.

Tất cả các câu này trình bày cùng phương cách như những câu ban đầu.

Dứt xiển minh cách thứ mười một

XII. XIỂN MINH CÂU TƯƠNG ỨNG VỚI YẾU HIỆP, BẤT YẾU HIỆP CÁCH THỨ MUỖI HAI (DVĀDASAMANAYA SAMPAYUTTENASAṄGAHITĀSAṄGAHITAPADANIDDESO)

Kệ ngôn trình bày câu được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ mười hai (giống cách thứ 9).

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| (1). <i>Arūpakkhandhā cattāro</i> | <i>manāyatanameva ca</i> |
| <i>Viññāṇadhātuyo satta</i> | <i>dve saccā cuddasindriyā</i> |
| (2). <i>Paccaye dvādasā padā</i> | <i>tato upari soḷasa</i> |
| <i>Tikesu aṭṭha gocchake</i> | <i>tecattālīsameva ca</i> |
| (3). <i>Mahantaraduke satta</i> | <i>padā piṭṭhidukesu cha</i> |
| <i>Navamassa padassete</i> | <i>niddese saṅgaḥaṃ gatā.</i> |

Câu được gom vào phần xiển minh cách thứ mười hai có 120 câu như sau:

4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới, 2 đế là tập đế, đạo đế.

14 quyền là ý quyền ... cho đến tri cụ tri quyền cuối cùng.

Trong liên quan tương sinh có 12 câu đó là vô minh, hành, thức, xúc, thọ, ái, thủ, nghiệp hữu, sầu, khổ, ưu, ai. Câu kế tiếp từ liên quan tương sinh có 16 câu là niệm xứ ... cho đến tác ý cuối cùng.

Trong tam đề có 8 câu là tam đề thọ 3 câu, 2 câu trong tam đề hữu tâm là câu thứ nhất và thứ hai, 3 câu trong tam đề hỷ. Trong phần tụ có 43 đề là 6 câu phần tụ nhân, 4 câu phần tụ lậu, 4 câu phần tụ triền, 4 câu phần tụ phược, 4 câu phần tụ bộc, 4 câu phần tụ phối, 4 câu phần tụ cái, 3 câu phần tụ khinh thị, 4 câu phần tụ thủ, 6 câu phần tụ phiền não.

Trong phần yếu bối có 7 câu là câu tâm, câu sở hữu tâm, câu pháp tương ưng tâm, câu pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh (*cittasamsatṭhasamuṭṭhāna*), câu pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và đồng sanh tồn với tâm (*cittasamsatṭhasamuṭṭhāna-sahabhuno*), câu pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và từng tâm thông lưu (*cittasamsatṭhasamuṭṭhānānuparivattino*).

Trong phần yếu bối có 6 câu là câu pháp hữu tâm, câu pháp hữu tứ, câu pháp hữu hỷ, câu pháp câu hành hỷ, câu pháp câu hành lạc, câu pháp câu hành xả.

Khi đức Phật thuyết xong xiển minh cách thứ mười một, ngài thuyết tiếp xiển minh cách thứ mười hai theo tuần tự.

Câu mà đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ mười hai này là câu có tương ưng.

Xiển minh thọ uẩn

Pucchā: *Vedanākkhandhena ye dhammā sampayuttā, te dhammā katihī khandhehi katihāyatanehi katihī dhātūhi saṅgaḥitā?*

Thọ uẩn này tương ứng với 89 tâm, 51 sở hữu hợp (trừ thọ); 89 tâm, 51 sở hữu hợp này yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi dvīhāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi saṅgahitā.

89 tâm, 51 sở hữu hợp này yếu hiệp được 3 uẩn là tướng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và pháp giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi dasahāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.

89 tâm, 51 sở hữu hợp này bất yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thọ uẩn; 10 xứ thô; 10 giới thô.

Tướng uẩn, hành uẩn cũng trình bày cùng phương cách.

Xiển minh thức uẩn

Pucchā: *Viññāṇakkhandhena ye dhammā sampayuttā...pe...*

Thức uẩn này tương ứng với 52 sở hữu tâm; 52 sở hữu tâm này yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi ekenāyatanena ekāya dhātuyā saṅgahitā.

52 sở hữu tâm này yếu hiệp được 3 uẩn là thọ uẩn, tướng uẩn và hành uẩn; 1 pháp xứ, 1 pháp giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Dvīhi khandhehi ekādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi asaṅgahitā.

52 sở hữu tâm này bất yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thức uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 ý xứ; 17 giới là 10 giới thô và 7 thức giới.

Ý xứ và 7 thức giới cũng trình bày giống nhau.

Xiển minh tập đế

Pucchā: *Samudayasaccena ye dhammā sampayuttā...*

Tập đế này tương ứng với 8 tâm tham, 21 sở hữu hợp (trừ tham); 8 tâm tham, 21 sở hữu hợp (trừ tham) này yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: Te dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.

8 tâm tham, 21 sở hữu hợp (trừ tham) này yếu hiệp được 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 2 giới là ý thức giới và pháp giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.

8 tâm tham, 21 sở hữu hợp (trừ tham) này bất yếu hiệp 1 sắc uẩn; 10 xứ thô; 16 giới là 10 giới thô, 6 thức giới (trừ ý thức giới).

Đạo đế cũng trình bày như trên, ý quyền trình bày như thức uẩn.

Xiển minh lạc quyền

Pucchā: *Sukhindriyena ye dhammā sampayuttā...*

Lạc quyền này tương ứng với 1 tâm thân thức câu hành lạc, 6 sở hữu biến hành (trừ thọ); 1 tâm thân thức câu hành lạc, 6 sở hữu biến hành (trừ thọ) này yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā tīhi khandhehi dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.*

1 tâm thân thức câu hành lạc, 6 sở hữu biến hành (trừ thọ) này yếu hiệp được 3 uẩn là tướng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 2 giới là thân thức giới, pháp giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Dvīhi khandhehi dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

1 tâm thân thức câu hành lạc, 6 sở hữu biến hành (trừ thọ) này bất yếu hiệp 2 uẩn là sắc uẩn và thọ uẩn; 10 xứ thô; 16 giới là 10 giới thô, 6 thức giới (trừ thân thức giới).

4 thọ quyền còn lại trình bày như trên.

Xiển minh tín quyền

Pucchā: *Saddhindriyena ye dhammā sampayuttā...*

Tín quyền này tương ứng với 59 tâm tịnh hảo, 37 sở hữu hợp (trừ tín); 59 tâm tịnh hảo, 37 sở hữu hợp (trừ tín) này yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.*

59 tâm tịnh hảo, 37 sở hữu hợp (trừ tín) này yếu hiệp được 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 2 giới là ý thức giới và pháp giới.

Pucchā: *Katīhi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

59 tâm tịnh hảo, 37 sở hữu hợp (trừ tín) này bất yếu hiệp 1 sắc uẩn; 10 xứ thô; 16 giới là 10 giới thô, 6 thức giới (trừ ý thức giới).

Từ căn quyền v.v... cho đến tri cụ tri quyền cuối cùng, trình bày giống cách thức những câu trên. Những câu tiếp theo chỉ trình bày tên câu, vì sự tương ứng và yếu hiệp cũng diễn tiến cùng cách thức như những câu đã trình bày qua.

- Vô minh, hành, thức, xúc, thọ, ái, thủ, nghiệp hữu, sầu, khổ, ưu, ai.
- Niệm xứ, chánh cần, như ý túc, thiền, vô lượng, ngũ quyền, ngũ lực, giác chi, thánh Đạo.
- Xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, thắng giải, tác ý.
- Câu pháp tương ứng lạc thọ, tương ứng khổ thọ, tương ứng phi khổ phi lạc thọ.
- Câu pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ.

- Câu pháp câu hành hỷ, câu hành lạc, câu hành xả.
- Câu pháp nhân, nhân hữu nhân, hữu nhân phi nhân, nhân tương ưng nhân, tương ưng nhân phi nhân, phi nhân hữu nhân.
- Câu pháp lậu, lậu cảnh lậu, lậu tương ưng lậu, tương ưng lậu phi lậu.
- Câu pháp triền, triền cảnh triền, triền tương ưng triền, tương ưng triền phi triền.
- Câu pháp phược, phược cảnh phược, phược tương ưng phược, tương ưng phược phi phược.
- Câu pháp bộc, bộc cảnh bộc, bộc tương ưng bộc, tương ưng bộc phi bộc.
- Câu pháp phối, phối cảnh phối, phối tương ưng phối, tương ưng phối phi phối.
- Câu pháp cái, cái cảnh cái, cái tương ưng cái, tương ưng cái phi cái.
- Câu pháp khinh thị, tương ưng khinh thị, khinh thị cảnh khinh thị.
- Câu pháp thủ, thủ cảnh thủ, thủ tương ưng thủ, tương ưng thủ phi thủ.
- Câu pháp phiền não, phiền não cảnh phiền não, phiền não phiền toái, phiền toái phi phiền não, phiền não tương ưng phiền não, tương ưng phiền não phi phiền não.
- Câu pháp tâm, sở hữu tâm, tương ưng tâm, hòa với tâm, hòa với tâm và có tâm làm sở sanh, hòa với tâm và có tâm làm sở sanh và đồng sanh tồn với tâm, hòa với tâm và có tâm làm sở sanh và cùng tâm thông lưu, hữu tâm, hữu tứ, hữu hỷ, câu hành hỷ, câu hành lạc, câu hành xả.

Tất cả các câu này trình bày cùng phương cách như những câu ban đầu.

Dứt xiển minh cách thứ mười hai

XIII. XIỂN MINH CÂU BẤT YẾU HIỆP TƯƠNG ỨNG, BẤT TƯƠNG ỨNG CÁCH THỨ MƯỜI BA (TERASAMANAYA ASAṄGAHITENASAMPAYUTTAVIPPAYUTTAPADANIDDESO)

Kệ ngôn trình bày câu được đức Phật thuyết trong xiển minh cách thứ mười ba.

*Rūpañca dhammāyatanaṃ dhammadhātu,
Itthipumaṃ jīvitam nāmarūpaṃ;
Dve bhavā jātijarā maccurūpaṃ,
Anārammaṇaṃ no cittaṃ cittena vippayuttaṃ.
Visamsatthaṃ samutthānasahabhu,
Anuparivatti bāhiraṃ upādā;
Dve visayo esanayo subuddhoti.*

Câu được đức Phật trình bày trong phần xiển minh cách thứ mười ba là:

1. Sắc uẩn, pháp xứ, pháp giới, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, danh sắc, vô tướng hữu và nhất uẩn hữu, sanh, lão.
2. Từ, câu pháp sắc, câu pháp vô tri cảnh (*anārammaṇa*), câu phi tâm, câu pháp bất tương ưng tâm, câu pháp hòa với tâm, câu pháp có tâm làm sở sanh, câu pháp đồng sanh tồn với tâm, câu pháp từng tâm thông lưu, câu pháp ngoại phần, câu pháp y sanh, gom những gì cần để biết như đã trình bày đây, là câu được đặt ra làm câu chánh.

Chú ý: Câu được đức Phật trình bày lại trong phần xiển minh cách thứ mười ba có 130 câu, nhưng kệ ngôn trình bày ấy chỉ trình bày 22 câu, còn lại 108 câu không trình bày trong kệ ngôn này vì kệ ngôn được trình bày đây chỉ muốn lấy riêng câu trình bày giống nhau với sắc uẩn duy nhất. Còn 108 câu không trình bày trong kệ ngôn này là vô sắc hữu, phi tướng phi phi tướng hữu, tứ uẩn hữu, như ý túc. Trong tam đề có 41 câu có chi pháp chỉ là danh. Trong nhị đề 63 câu có chi pháp chỉ là danh duy nhất.

Khi đức Phật thuyết xong xiển minh cách thứ mười hai, ngài thuyết phần xiển minh cách thứ mười ba tiếp theo tuần tự. Câu trình bày trong xiển minh cách thứ mười ba này là câu có uẩn, xứ, giới khác nhau.

Xiển minh sắc uẩn

*Pucchā: Rūpakkhandhena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā
āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi
khandhehi katihāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttā?*

Sắc uẩn này bất yếu hiệp 89 tâm bằng cách sắc uẩn, 10 xứ thô, 1 pháp xứ, 10 giới thô, 1 pháp giới; 89 tâm này tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

*Visajjanā: Te dhammā tīhi khandhehi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā
kehici sampayuttā.*

89 tâm này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu hợp.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

89 tâm này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ứng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

Xiển minh pháp xứ

Pucchā: *Dhammāyatanena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā...pe...*

Pháp xứ này bất yếu hiệp 89 tâm bằng cách sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, pháp xứ, pháp giới; 89 tâm này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā tīhi khandhehi sampayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici sampayuttā.*

89 tâm này tương ứng với 3 uẩn là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; và tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu hợp.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

89 tâm này bất tương ứng với 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô; và bất tương ứng một phần pháp xứ, pháp giới là sắc tế, nibbāna.

Xiển minh vô sắc hữu

Pucchā: *Arūpabhavena ye dhammā khandhasaṅgahena asaṅgahitā āyatanasaṅgahena asaṅgahitā dhātusaṅgahena asaṅgahitā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi sampayuttāti?*

Vô sắc hữu này bất yếu hiệp 12 sắc thô bằng cách 4 danh uẩn, ý xứ, pháp xứ, ý thức giới, pháp giới; 12 sắc thô này tương ứng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Natthi?* Không có.

Pucchā: *Katihi vippayuttā?* Bất tương ứng bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekenāyatanena sattahi dhātūhi vippayuttā; ekenāyatanena ekāya dhātuyā kehici vippayuttā.*

12 sắc thô này bất tương ứng với 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới; và bất tương ứng với một phần pháp xứ, pháp giới là 52 sở hữu hợp.

Phi tướng phi phi tướng hữu, tứ uẩn hữu, như ý túc trình bày giống vô sắc hữu.

Những câu tiếp theo chỉ trình bày tên vì cách yếu hiệp và sự tương ứng cũng diễn tiến cùng phương cách với những câu đã trình bày.

i. Xiển minh tam đề

- Câu thiện, bất thiện.
- Câu pháp tương ứng lạc thọ, tương ứng khổ thọ, tương ứng phi khổ phi lạc thọ.
- Câu pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ.
- Câu pháp phiền toái cảnh phiền não, phi phiền toái phi cảnh phiền não.
- Câu pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ.
- Câu pháp câu hành hỷ, câu hành lạc, câu hành xả.
- Câu pháp sơ Đạo đoạn trừ, ba Đạo cao đoạn trừ.
- Câu pháp hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ, hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ.
- Câu nhân sanh tử, nhân đến nibbāna.
- Câu pháp hữu học, vô học.
- Câu pháp đáo đại, vô lượng.
- Câu pháp cảnh hy thiếu, cảnh đáo đại, cảnh vô lượng.
- Câu pháp ty hạ, tinh lương.
- Câu pháp tà cho quả nhất định, pháp chánh cho quả nhất định.
- Câu pháp đó Đạo thành cảnh, có nhân là Đạo, có Đạo thành trưởng.
- Câu pháp cảnh quá khứ, cảnh vị lai, cảnh hiện tại.
- Câu pháp cảnh nội phần, cảnh ngoại phần, cảnh nội và ngoại phần.

ii. Xiển minh nhị đề

- Câu hữu nhân, câu tương ứng nhân, câu hữu nhân phi nhân, câu tương ứng nhân phi nhân, câu phi nhân hữu nhân.
- Câu pháp sắc, câu pháp phi sắc, câu pháp siêu thế.
- Câu pháp phi cảnh lậu, câu tương ứng lậu, câu tương ứng lậu phi lậu, câu bất tương ứng lậu phi cảnh lậu.
- Câu pháp phi cảnh triền, câu tương ứng triền, câu tương ứng triền phi triền, câu bất tương ứng triền phi cảnh triền.
- Câu pháp phi cảnh phược, câu tương ứng phược, câu tương ứng phược phi phược, câu bất tương ứng phược phi cảnh phược.
- Câu pháp phi cảnh bộc, câu tương ứng bộc, câu tương ứng bộc phi bộc, câu bất tương ứng bộc phi cảnh bộc.
- Câu phi cảnh phối, câu tương ứng phối, câu tương ứng phối phi phối, câu bất tương ứng phối phi cảnh phối.
- Câu pháp phi cảnh cái, câu tương ứng cái, câu tương ứng cái phi cái, câu bất tương ứng cái phi cảnh cái.
- Câu pháp phi cảnh khinh thị, câu tương ứng khinh thị, câu bất tương ứng khinh thị phi cảnh khinh thị.
- Câu pháp hữu tri cảnh, câu pháp vô tri cảnh, câu pháp phi tâm, câu pháp bất tương ứng tâm, câu pháp phi hòa với tâm, câu pháp có tâm làm sở sanh, câu pháp đồng

sanh tồn với tâm, câu pháp tùng tâm thông lưu, câu pháp ngoại phần, câu pháp y sinh.

- Câu pháp phi cảnh thủ, câu tương ưng thủ, câu tương ưng thủ phi thủ, câu bất tương ưng thủ phi cảnh thủ.
- Câu pháp phi cảnh phiền não, câu pháp phiền toái, câu tương ưng phiền não, câu phiền toái phi phiền não, câu tương ưng phiền não phi phiền não, câu bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não.
- Câu pháp sơ Đạo đoạn trừ, câu pháp ba Đạo cao đoạn trừ, câu pháp hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ, câu pháp hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ, câu pháp hữu tâm, câu pháp hữu tứ, câu pháp hữu hỷ, câu pháp câu hành hỷ, câu pháp câu hành lạc, câu pháp câu hành xả, câu pháp phi dục giới, câu pháp sắc giới, câu pháp vô sắc giới, câu pháp không liên quan luân hồi, câu pháp nhân xuất luân hồi, câu pháp cho quả nhất định, câu pháp vô thượng, câu pháp hữu y.

Dứt xiển minh cách thứ mười ba

XIV. XIỂN MINH CÂU BẤT TƯƠNG ƯNG VỚI YẾU HIỆP, BẤT YẾU HIỆP CÁCH THỨ MƯỜI BỐN (CUDDASAMANAYA VIPPAYUTTENASAṄGAHITĀSAṄGAHITAPADANIDDESO)

Kệ ngôn trình bày câu được đức Phật thuyết trong xiển minh cách mười bốn.

- | | |
|---------------------------------------|-------------------------------------|
| (1). <i>Dhammāyatanam dhammadhātu</i> | <i>atha jīvitam nāmarūpaṃ</i> |
| <i>Salāyatanam jāti jarāmaranam</i> | <i>dve ca tike na labbhare</i> |
| (2). <i>Paṭhamantare satta ca</i> | <i>gocchake dasa aparante</i> |
| <i>Cuddassa cha ca matthake</i> | <i>iccete sattacattālīsa dhammā</i> |
| <i>Samucchede na labbhanti</i> | <i>moghapucchakena ca</i> |

Câu mà đức Phật không trình bày trong phần xiển minh cách thứ tám và cách thứ mười bốn có 47 câu là:

- (1). Pháp xứ, pháp giới, mạng quyền, danh sắc, sáu xứ, sanh, lão, tử. Trong tam đề có hai câu là câu nội phần ngoại phần, vô kiến vô đối chiếu.
- (2). Trong nhị đề đỉnh có 7 câu là câu hữu duyên, câu hữu vi, câu vô kiến, câu vô đối chiếu, câu phi sắc, câu pháp có tâm biết đặng (*kenaciviññeyya*), câu pháp có tâm không biết đặng (*na kenaciviññeyya*).

Trong phần tụ có 10 câu là câu phi nhân, phi lậu, phi triền, phi phược, phi bộc, phi phối, phi cái, phi khinh thị, phi thủ, phi phiền não. Trong nhị đề đại có 14 câu là pháp phi tâm, pháp phi sở hữu tâm, câu pháp có tâm làm sở sanh (*cittasamutṭhāna*), câu pháp không có tâm làm sở sanh (*no cittasamutṭhāna*), câu pháp đồng sanh tồn với tâm (*cittasahabhuno*), câu pháp không đồng sanh tồn với tâm (*no cittasahabhuno*), câu pháp từng tâm thông lưu (*cittanuparivattino*), câu pháp không từng tâm thông lưu (*no cittanuparivattino*), câu pháp không hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh (*no cittasamsatṭhasamutṭhāna*), câu pháp không hòa với tâm không có tâm làm sở sanh và không đồng sanh tồn với tâm (*no cittasamsatṭhasamutṭhānasahabhuno*), câu pháp không hòa với tâm không có tâm làm sở sanh và không từng tâm thông lưu (*no cittasamsatṭhasamutṭhānānuparivattino*). Câu pháp nội phần, câu pháp ngoại phần, câu pháp y sinh.

Trong phần nhị đề yêu bồi có 6 câu là câu vô tâm, câu vô tứ, câu pháp vô hỷ (*appītika*), câu pháp không sanh cùng hỷ (*nappītisahagata*), câu pháp không câu hành lạc thọ (*na sukkasahagata*), câu pháp không câu hành xả thọ (*na upekkhāsahagata*). Gồm tất cả có 47 câu.

Khi đức Phật thuyết xong xiển minh cách thứ mười ba, ngài thuyết tiếp xiển minh cách thứ mười bốn. Câu được trình bày trong xiển minh cách thứ mười bốn này là câu có bất tương ưng.

Xiển minh sắc uẩn

Pucchā: *Rūpakkkhandhena ye dhammā vippayuttā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Sắc uẩn này bất tương ưng 89 tâm, 52 sở hữu hợp; 89 tâm, 52 sở hữu hợp này yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi dvīḥāyatanehi aṭṭhahi dhātūhi saṅgahitā.*

89 tâm, 52 sở hữu hợp này yếu hiệp được 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 8 giới là 7 thức giới và pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?*

89 tâm, 52 sở hữu hợp này bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi dasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

89 tâm, 52 sở hữu hợp này bất yếu hiệp 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 10 giới thô.

Xiển minh thọ uẩn

Pucchā: *Vedanākkhandhena ye dhammā vippayuttā, te dhammā katihi khandhehi katiḥāyatanehi katihi dhātūhi saṅgahitā?*

Thọ uẩn này bất tương ưng với 28 sắc pháp, nibbāna; 28 sắc pháp, nibbāna này yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā ekena khandhena ekādasahāyatanehi ekādasahi dhātūhi saṅgahitā.*

28 sắc pháp, nibbāna này, trừ ra nibbāna không có yếu hiệp bằng uẩn yếu hiệp được 1 sắc uẩn; 11 xứ là 10 xứ thô và 1 pháp xứ; 11 giới là 10 giới thô và 1 pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Catūhi khandhehi ekenāyataneṇa sattahi dhātūhi asaṅgahitā.*

28 sắc pháp, nibbāna này bất yếu hiệp 4 danh uẩn, 1 ý xứ, 7 thức giới.

Tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, ý xứ, trình bày giống như xiển minh thọ uẩn. Nhãn xứ v.v... cho đến xúc xứ và nhãn giới v.v... cho đến xúc giới trình bày như xiển minh sắc uẩn.

Xiển minh nhãn thức giới

Pucchā: *Cakkhuvīññādhātuyā ye dhammā vippayuttā...*

Nhãn thức giới này bất tương ưng với 6 thức giới còn lại cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; 6 thức giới còn lại cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi sattarasahi dhātūhi saṅgahitā.*

6 thức giới còn lại cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này, trừ ra nibbāna bất yếu hiệp uẩn yếu hiệp được 5 uẩn, 12 xứ, 17 giới (trừ nhãn thức giới).

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi, ekāya dhātuyā asaṅgahitā.*

6 thức giới còn lại cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này không có bất yếu hiệp một uẩn, xứ nào, nhưng bất yếu hiệp 1 nhãn thức giới.

6 thức giới còn lại trình bày như nhau.

Xiển minh khổ đế

Pucchā: *Dukkhasaccena ye dhammā vippayuttā...*

Khổ đế này bất tương ưng với tâm siêu thể cùng sở hữu hợp; tâm siêu thể cùng sở hữu hợp này yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā catūhi khandhehi dvīhāyatanehi dvīhi dhātūhi saṅgahitā.*

Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp này yếu hiệp được 4 danh uẩn; 2 xứ là ý xứ và pháp xứ; 2 giới là ý thức giới và pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Ekena khandhena dasahāyatanehi soḷasahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp này bất yếu hiệp 1 sắc uẩn, 10 xứ thô, 16 giới là 10 giới thô và 6 thức giới (trừ ý thức giới).

Xiển minh tập đế

Pucchā: *Samudayasaccena ye dhammā vippayuttā...*

Tập đế này bất tương ưng với tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhatam khandhato ṭhapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi aṭṭhārasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này, trừ ra nibbāna bất yếu hiệp uẩn yếu hiệp được 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi na kāhici dhātūhi asaṅgahitā.*

Tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này không có bất yếu hiệp một uẩn, xứ, giới nào.

Đạo đế trình bày giống như nhau, diệt đế, nhãn quyền v.v... cho đến nam quyền trình bày như sắc uẩn. Ý quyền trình bày cùng cách với thức uẩn. Lạc quyền cho đến ưu quyền trình bày cùng cách với tập đế.

Xiển minh xả quyền

Pucchā: *Upekkhindriyena ye dhammā vippayuttā...*

Xả quyền này bất tương ưng với tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna; tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này yếu hiệp được uẩn, xứ, giới bao nhiêu?

Visajjanā: *Te dhammā asaṅkhatam khandhato thapetvā pañcahi khandhehi dvādasahāyatanehi terasahi dhātūhi saṅgahitā.*

Tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này, trừ ra nibbāna bất yếu hiệp uẩn yếu hiệp được 5 uẩn; 12 xứ; 13 giới là 10 giới thô, thân thức giới, ý thức giới và pháp giới.

Pucchā: *Katihi asaṅgahitā?* Bất yếu hiệp bao nhiêu?

Visajjanā: *Na kehici khandhehi na kehici āyatanehi pañcahi dhātūhi asaṅgahitā.*

Tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna này không có bất yếu hiệp một uẩn, xứ nào, nhưng bất yếu hiệp 5 giới (trừ thân thức giới, ý thức giới).

Câu tiếp theo sau chỉ trình bày tên, vì bất tương ưng và yếu hiệp diễn tiến cùng cách thức với những câu đã trình bày qua rồi. Như là:

- Tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, tri vị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền.
- Vô minh, hành, thức, xúc, thọ, ái, thủ, nghiệp hữu, sanh hữu, tướng hữu, vô tướng hữu, phi tướng phi phi tướng hữu, dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu, nhất uẩn hữu, tứ uẩn hữu, ngũ uẩn hữu, sáu, khó, khổ, ưu, ái.
- Niệm xứ, chánh cần, như ý túc, thiền, vô lượng, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát Thánh đạo.
- Xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, thắng giải, tác ý.

i. Xiển minh tam đề

- Câu pháp thiện, bất thiện, vô ký.
- Câu pháp tương ưng lạc thọ, tương ưng khổ thọ, tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Câu pháp quả, pháp nhân, phi quả phi nhân.
- Câu pháp thành do thủ và cảnh thủ, phi thành do thủ mà cảnh thủ, phi thành do thủ và phi cảnh thủ.
- Câu pháp phiền toái cảnh phiền não, phi phiền toái mà cảnh phiền não, phi phiền toái và phi cảnh phiền não.
- Câu pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ, vô tầm vô tứ.
- Câu pháp câu hành hỷ, câu hành lạc, câu hành xả.
- Câu pháp sơ Đạo đoạn trừ, ba Đạo cao đoạn trừ, phi sơ Đạo phi ba Đạo cao đoạn trừ (hay phi bốn Đạo đoạn trừ).
- Câu hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ, hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ, phi hữu nhân bốn Đạo đoạn trừ.

- Câu nhân sanh tử, câu nhân đến nibbāna, câu phi nhân sanh tử phi nhân đến nibbāna.
- Câu hữu học, câu vô học, câu phi hữu học phi vô học.
- Câu hy thiếu, câu đáo đại, câu vô lượng.
- Câu cảnh hy thiếu, câu cảnh đáo đại, câu cảnh vô lượng.
- Câu ty hạ, câu trung bình, câu tinh lương.
- Câu pháp tà cho quả nhất định, câu pháp chánh cho quả nhất định, câu pháp bất định.
- Câu có Đạo thành cảnh, câu có nhân là Đạo, câu có Đạo thành trưởng.
- Câu pháp sanh tồn, phi sanh tồn, pháp sẽ sanh.
- Câu pháp quá khứ, vị lai, hiện tại.
- Câu pháp cảnh quá khứ, câu cảnh vị lai, câu cảnh hiện tại.
- Câu pháp nội phần, ngoại phần, nội và ngoại phần.
- Câu cảnh nội phần, câu cảnh ngoại phần, câu cảnh nội và ngoại phần.
- Câu hữu kiến hữu đối chiếu, câu vô kiến hữu đối chiếu.

ii. Xiển minh nhị đề

- Câu nhân, câu hữu nhân, câu vô nhân, câu tương ưng nhân, câu bất tương ưng nhân, câu nhân hữu nhân, câu hữu nhân phi nhân, câu nhân tương ưng nhân, câu tương ưng nhân phi nhân, câu phi nhân hữu nhân, phi nhân vô nhân.
- Câu pháp vô duyên, câu pháp vô vi, câu pháp hữu kiến, câu pháp hữu đối chiếu, câu pháp sắc, câu pháp hiệp thể, câu pháp siêu thể.
- Câu pháp lậu, câu pháp cảnh lậu, câu pháp phi cảnh lậu, câu tương ưng lậu, câu bất tương ưng lậu, câu lậu cảnh lậu, câu cảnh lậu phi lậu, câu lậu tương ưng lậu, câu tương ưng lậu phi lậu, câu bất tương ưng lậu cảnh lậu, câu bất tương ưng lậu phi cảnh lậu.
- Câu pháp triền, câu pháp cảnh triền, câu pháp phi cảnh triền, câu tương ưng triền, câu bất tương ưng triền, câu triền cảnh triền, câu cảnh triền phi triền, câu triền tương ưng triền, câu tương ưng triền phi triền, câu bất tương ưng triền cảnh triền, câu bất tương ưng triền phi cảnh triền.
- Câu pháp phược, câu pháp cảnh phược, câu pháp phi cảnh phược, câu tương ưng phược, câu bất tương ưng phược, câu phược cảnh phược, câu cảnh phược phi phược, câu phược tương ưng phược, câu tương ưng phược phi phược, câu bất tương ưng phược cảnh phược, câu bất tương ưng phược phi cảnh phược.
- Câu pháp bộc, câu pháp cảnh bộc, câu pháp phi cảnh bộc, câu tương ưng bộc, câu bất tương ưng bộc, câu bộc cảnh bộc, câu cảnh bộc phi bộc, câu bộc tương ưng bộc, câu tương ưng bộc phi bộc, câu bất tương ưng bộc cảnh bộc, câu bất tương ưng bộc phi cảnh bộc.
- Câu pháp phối, câu pháp cảnh phối, câu pháp phi cảnh phối, câu tương ưng phối, câu bất tương ưng phối, câu phối cảnh phối, câu cảnh phối phi phối, câu phối tương ưng phối, câu tương ưng phối phi phối, câu bất tương ưng phối cảnh phối, câu bất tương ưng phối phi cảnh phối.

- Câu pháp cái, câu pháp cảnh cái, câu pháp phi cảnh cái, câu tương ưng cái, câu bất tương ưng cái, câu cái cảnh cái, câu cảnh cái phi cái, câu cái tương ưng cái, câu tương ưng cái phi cái, câu bất tương ưng cái cảnh cái, câu bất tương ưng cái phi cảnh cái.
- Câu pháp khinh thị, câu pháp cảnh khinh thị, câu pháp phi cảnh khinh thị, câu tương ưng khinh thị, câu bất tương ưng khinh thị, câu khinh thị cảnh khinh thị, câu cảnh khinh thị phi khinh thị, câu bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị, câu bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị.
- Câu pháp hữu tri cảnh, câu pháp vô tri cảnh, câu pháp tâm, câu pháp sở hữu tâm, câu pháp tương ưng tâm, câu pháp bất tương ưng tâm, câu pháp hòa với tâm, câu pháp phi hòa với tâm, câu pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh, câu pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh và đồng sanh tồn với tâm, câu pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh và từng tâm thông lưu, câu pháp y sinh, câu pháp thành do thủ, câu pháp phi thành do thủ.
- Câu pháp thủ, câu pháp cảnh thủ, câu pháp phi cảnh thủ, câu tương ưng thủ, câu bất tương ưng thủ, câu thủ cảnh thủ, câu cảnh thủ phi thủ, câu thủ tương ưng thủ, câu tương ưng thủ phi thủ, câu bất tương ưng thủ cảnh thủ, câu bất tương ưng thủ phi cảnh thủ.
- Câu pháp phiền não, câu pháp cảnh phiền não, câu pháp phi cảnh phiền não, câu pháp phiền toái, câu pháp phi phiền toái, câu tương ưng phiền não, câu bất tương ưng phiền não, câu phiền não cảnh phiền não, cảnh phiền não phi phiền não, câu phiền não phiền toái, câu phiền toái phi phiền não, câu phiền não tương ưng phiền não, câu tương ưng phiền não phi phiền não, câu bất tương ưng phiền não cảnh phiền não, câu bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não.
- Câu pháp sơ Đạo đoạn trừ, câu pháp phi sơ Đạo đoạn trừ, câu pháp ba Đạo cao đoạn trừ, câu pháp phi ba Đạo cao đoạn trừ, câu pháp hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ, câu pháp hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ, câu pháp hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ, câu pháp hữu tầm, câu pháp hữu tứ, câu pháp hữu hỷ, câu pháp câu hành hỷ, câu pháp câu hành lạc, câu pháp câu hành xả, câu pháp dục giới, câu pháp phi dục giới, câu pháp sắc giới, câu pháp phi sắc giới, câu pháp vô sắc giới, câu pháp phi vô sắc giới, câu pháp liên quan luân hồi, câu pháp không liên quan luân hồi, câu pháp nhân xuất luân hồi, câu pháp phi nhân xuất luân hồi, câu pháp cho quả nhất định, câu pháp cho quả bất định, câu pháp hữu thượng, câu pháp vô thượng, câu pháp hữu y (phát sanh cùng với phiền não như ái v.v...), câu pháp vô y.

Dứt xiển minh cách thứ mười bốn

Dứt minh giải nguyên chất ngữ

Kệ kết thúc (Nigāmakathā)

*Ettāvatā ca marammaratṭhe marammajātikehi dotit ūdunamien tihvayehi mātāpitūhi
buddhasakarāje chapaññāsādhikacatusatadvisahasse cūlasakarāje
pañcasattatyādhika dvisatekasahasse sampatte phagguṇamāsajunhapakkha
atṭhamiyaṃ aṅgavāre vijātena jātiyā tecattāsīsaḥāyanikena upasampadabhāvena
catuvīsativassikena dhammācariyoti laddhalañchakena saddhammajotikanāmena
mayā ghaṇṭāghositārāma abhidhammamahāvidayālaye abhidhamma-
gaṇapāmokkhabhāvena nānā pakaraṇāni vācetvā visesato sātṭhakathāṭikam
abhidhammapīṭakam vācetvā viharantena ābhidhammikānaṃ atthāya kato
pañhābyākaraṇajotikasaññito dhātukathāsarūpatthanissayo buddhasakarāje
pañcasatādhika dvisahasse cūlasakarāje atthārasādhikatisatekasahasse sampatte
phagguṇamāsajunhapakkhanavamiyaṃ sorivāre suniṭṭhito.*

Dịch nghĩa là:

Tôi sinh vào năm Phật lịch 2457 (1914), cūlasakarāje 1275 nhằm vào thứ 3 ngày 3 tháng 3 ở nước Miến Điện. Cha tên là U-Thún-Mìn, mẹ tên là Tò-Tịt. Nay được 43 tuổi, 23 hạ lạp với tên gọi là Saddhammajotika Dhammācariya. Ngài trú và dạy các bộ sách khác nhau đặc biệt là giảng dạy tạng Vô Tỷ Pháp kèm theo chú giải và số giải tại đại học Abhidhamma Chùa Rakhangghositārāma quận Thonburi với vai trò là chủ tịch hội đồng Abhidhamma đã biên soạn quyển tổng lượt nội dung Nguyên chất ngũ mà đặt tên là minh giải các vấn đề trong bộ sách để cho lợi ích đến học viên Vô tỷ pháp, chấm dứt vào năm Phật lịch 2500 (1957), cūlasakarāje 1318, trùng thứ 7 ngày 9 tháng 3.

*Saddhammajotikeneva racitoyaṃ suniṭṭhito
Sādhippāya sarūpatto dhātukathāya nissayoti*

Quyển sách là sách hướng dẫn của bộ Nguyên chất ngũ, trình bày tổng kết và dịch đầy đủ cùng lời giải thích được ngài trưởng lão Saddhammajotika biên soạn, chấm dứt chỉ bấy nhiêu.

Lời khuyên tấn

Iminā puññakammena buddho homi anāgate
Yattha yattha bhavē jāto mā daliddo bhavāmaham

Do năng lực phước thiện từ việc biên soạn bộ sách này, mong cho tôi đạt được quả vị Phật toàn giác hạnh trí tuệ và mong cho tôi sanh ra không phải là người nghèo khó trong các kiếp khác nhau.

Apattam yāva buddhattam puññādhikam bhavāmiham
Jātisaraññikova jetthaseṭṭho nirantaram

Cho đến khi nào chưa thành tựu quả vị toàn giác hạnh trí tuệ, mong cho tôi luôn là người tấn hóa, cao thượng và có tuệ làm công cụ nhớ được kiếp sống trong mọi thời.

Kareyyam gāravam garum māneyyam mānanāraham
Vandeyyam vandanāraham pūjeyyam pūjanāraham

Mong cho tôi luôn kính lễ bậc đáng kính, mong cho tôi luôn tín ngưỡng bậc đáng tín ngưỡng, mong cho tôi luôn Đánh lễ bậc đáng Đánh lễ, mong cho tôi luôn cúng dường bậc đáng cúng dường.

(Giáo thọ sư Saddhammajotika Dhammācariya)

CHI PHÁP TRONG BỘ NGUYÊN CHẤT NGŨ

Chi pháp nội đề

Stt	Câu xiển thuật	Chi pháp của câu xiển thuật	Pháp tương ứng của câu xiển thuật	Pháp bất tương ứng của câu xiển thuật
1	sắc uẩn (<i>rūpakkhandhā</i>),	28 sắc pháp	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm. ⁵
2	thọ uẩn (<i>vedanākkhandhā</i>),	Sở hữu thọ	89 tâm, 51 sở hữu tâm (trừ thọ)	28 sắc pháp, nibbāna.
3	tưởng uẩn (<i>saññākkhandhā</i>),	Sở hữu tưởng	89 tâm, 51 sở hữu tâm (trừ tưởng)	28 sắc pháp, nibbāna.
4	hành uẩn (<i>saṅkhārakkhandhā</i>),	50 sở hữu	89 tâm, thọ, tưởng	28 sắc pháp, nibbāna.
5	thức uẩn (<i>viññāṇakkhandhā</i>)	89 tâm	52 sở hữu tâm	28 sắc pháp, nibbāna.
6	nhãn xứ (<i>cakkhāyatana</i>),	Nhãn thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
7	nhĩ xứ (<i>śotāyatana</i>),	Nhĩ thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
8	tỷ xứ (<i>ghāṇāyatana</i>),	Tỷ thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
9	thiệt xứ (<i>jivhāyatana</i>),	Thiệt thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
10	thân xứ (<i>kāyāyatana</i>),	Thân thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
11	sắc xứ (<i>rūpāyatana</i>),	Cảnh sắc	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
12	thính xứ (<i>saddāyatana</i>),	Cảnh thính	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
13	khí xứ (<i>gandhāyatana</i>),	Cảnh khí	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
14	vị xứ (<i>rasāyatana</i>),	Cảnh vị	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
15	xúc xứ (<i>phoṭṭhabbāyatana</i>),	Cảnh xúc (đất, lửa, gió)	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
16	ý xứ (<i>manāyatana</i>),	89 tâm	52 sở hữu tâm	28 sắc pháp, nibbāna.
17	pháp xứ (<i>dhammāyatana</i>)	52 sở hữu tâm, 16 sắc tế, nibbāna	-	-
18	nhãn giới (<i>cakkhūdhātu</i>),	Nhãn thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
19	nhĩ giới (<i>śotadhātu</i>),	Nhĩ thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
20	tỷ giới (<i>ghāṇadhātu</i>),	Tỷ thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
21	thiệt giới (<i>jivhādhātu</i>),	Thiệt thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
22	thân giới (<i>kāyadhātu</i>),	Thân thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
23	sắc giới (<i>rūpadhātu</i>),	Cảnh sắc	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
24	thính giới (<i>saddadhātu</i>),	Cảnh thính	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.

⁵ “89 tâm, 52 sở hữu tâm” có thể sử dụng thay thế “4 danh uẩn” cũng được, hoặc trong những câu khác mà chi pháp là “89 tâm, 52 sở hữu tâm” cũng sử dụng “4 danh uẩn” thay thế được như nhau.

25	khí giới (<i>gandhadhātu</i>),	Cảnh khí	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
26	vị giới (<i>rasadhātu</i>),	Cảnh vị	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
27	xúc giới (<i>phoṭṭhabbadhātu</i>),	Cảnh xúc (đất, lửa, gió)	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
28	nhãn thức giới (<i>cakkhuvīññādhātu</i>),	2 tâm nhãn thức	7 sở hữu biến hành	6 thức giới còn lại sanh lên cùng sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.
29	nhĩ thức giới (<i>sotaviññādhātu</i>),	2 tâm nhĩ thức	7 sở hữu biến hành	6 thức giới còn lại sanh lên cùng sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.
30	tỷ thức giới (<i>ghānaviññādhātu</i>),	2 tâm tỷ thức	7 sở hữu biến hành	6 thức giới còn lại sanh lên cùng sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.
31	thiệt thức giới (<i>jivhāviññādhātu</i>),	2 tâm thiệt thức	7 sở hữu biến hành	6 thức giới còn lại sanh lên cùng sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.
32	thân thức giới (<i>kāyaviññādhātu</i>),	2 tâm thân thức	7 sở hữu biến hành	6 thức giới còn lại sanh lên cùng sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.
33	ý giới (<i>manodhātu</i>),	1 tâm khai ngũ môn, 2 tâm tiếp thân	10 sở hữu tợ tha (trừ căn, hỷ, dục).	6 thức giới còn lại sanh lên cùng sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.
34	ý thức giới (<i>manoviññādhātu</i>),	76 tâm còn lại (trừ 10 tâm khai ngũ môn, 2 tâm tiếp thân, 1 tâm khai ngũ môn)	52 sở hữu tâm	6 thức giới còn lại sanh lên cùng sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.
35	pháp giới (<i>dhammadhātu</i>).	52 sở hữu tâm, 16 sắc tế, nibbāna	-	-
36	khổ đế (<i>dukkhasacca</i>),	81 tâm hiệp thể, 51 sở hữu (trừ tham), 28 sắc pháp	-**6	Tâm siêu thể sanh lên cùng sở hữu tâm.
37	tập đế (<i>samudayasacca</i>),	Sở hữu tham	8 tâm căn tham, 21 sở hữu tâm (trừ tham).	Tâm căn sân, tâm căn si, tâm thiện, tâm quả, tâm tổ sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
38	Diệt đế (<i>nirodhasacca</i>),	Nibbāna	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
39	Đạo đế (<i>maggasacca</i>).	8 chi Đạo hay sở hữu tuệ, tầm, 3 ngăn trừ phần, niệm, căn, nhất hành.	4 tâm Đạo, 28 sở hữu tâm (trừ 8 chi Đạo).	Tâm hiệp thể, tâm quả sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
40	nhãn quyền (<i>cakkhundriya</i>),	Nhãn thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
41	nhĩ quyền (<i>sotindriya</i>),	Nhĩ thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.

⁶ (tất cả câu, tức những câu có dấu **) không trình bày trong cách thứ 6.

42	tỷ quyền (<i>ghānindriya</i>),	Tỷ thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
43	thiệt quyền (<i>jivhindriya</i>),	Thiệt thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
44	thân quyền (<i>kāyindriya</i>),	Thân thanh triệt	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
45	nữ quyền (<i>itthindriya</i>),	Sắc nữ tính	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
46	nam quyền (<i>purisinriya</i>),	Sắc nam tính	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
47	mạng quyền (<i>jīvitindriya</i>),	Sắc mạng quyền và sở hữu mạng quyền	-	-
48	ý quyền (<i>manindriya</i>),	89 tâm	52 sở hữu tâm	28 sắc pháp, nibbāna.
49	lạc quyền (<i>sukhindriya</i>),	Sở hữu thọ	1 tâm thân thức câu hành lạc, 6 sở hữu biến hành (trừ thọ).	Tâm câu hành khổ-hỷ-ưu-xả sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
50	khổ quyền (<i>dukkhindriya</i>),	Sở hữu thọ	1 tâm thân thức câu hành khổ, 6 sở hữu biến hành (trừ thọ).	Tâm câu hành lạc-hỷ-ưu-xả sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
51	hỷ quyền (<i>somanassindriya</i>),	Sở hữu thọ	62 tâm câu hành hỷ, 46 sở hữu hợp (trừ thọ).	Tâm câu hành khổ-lạc-ưu-xả sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
52	ưu quyền (<i>domanassindriya</i>),	Sở hữu thọ	2 tâm căn sân, 21 sở hữu tâm (trừ thọ).	Tâm câu hành lạc-khổ-hỷ-xả sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
53	xả quyền (<i>upekkhindriya</i>),	Sở hữu thọ	55 tâm câu hành xả, 46 sở hữu tâm (trừ thọ).	Tâm câu hành lạc-khổ-hỷ-ưu sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
54	tín quyền (<i>saddhindriya</i>),	Sở hữu tín	59 tâm tịnh hảo, 37 sở hữu hợp (trừ tín).	Tâm vô tịnh hảo sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
55	cần quyền (<i>viriyindriya</i>),	Sở hữu cần	73 tâm tương ưng cần, 51 sở hữu tâm (trừ cần).	Tâm vô cần sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.

56	niệm quyền (<i>satindriya</i>),	Sở hữu niệm	59 tâm tịnh hảo, 37 sở hữu tâm (trừ niệm)	Tâm vô tịnh hảo sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
57	định quyền (<i>samādhindriya</i>),	Sở hữu nhất hành	72 tâm định, 50 sở hữu (trừ nhất hành) [trừ hoài nghi]	Tâm vô cần, tâm tương ưng hoài nghi sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
58	tuệ quyền (<i>paññindriya</i>),	Sở hữu trí tuệ	39 tâm tam nhân hiệp thể, 37 sở hữu (trừ trí)	Tâm vô tịnh hảo, tâm bất tương ưng trí, tâm siêu thể sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
59	tri vị tri quyền (<i>anaññātaññassāmitindriya</i>),	Sở hữu trí tuệ	1 tâm Đạo dự lưu [hay sơ Đạo], 35 sở hữu (trừ trí).	Tâm hiệp thể, tâm Đạo cao, tâm quả sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
60	tri dĩ tri quyền (<i>aññindriya</i>),	Sở hữu trí tuệ	3 Đạo cao, 3 quả thấp, 35 sở hữu (trừ trí)	Tâm hiệp thể, tâm Đạo dự lưu hay sơ Đạo, tâm quả vô sanh hay tứ quả sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
61	tri cụ tri quyền (<i>aññātāvindriya</i>).	Sở hữu trí tuệ	1 tâm quả Vô sanh [tứ quả], 35 sở hữu (trừ trí)	Tâm hiệp thể, tâm Đạo, tâm quả thấp sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
62	vô minh (<i>avijjā</i>),	Sở hữu si	12 tâm bất thiện, 26 sở hữu hợp (trừ si).	Tâm thiện, tâm quả, tâm tổ sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
63	Vô minh duyên hành (<i>avijjā-paccayāsankhāra</i>),	Sở hữu tư	12 tâm bất thiện, 17 tâm thiện hiệp thể, 51 sở hữu hợp (trừ tư).	Tâm quả, tâm tổ, tâm Đạo sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
64	Hành duyên thức (<i>sāṅkhārapaccayā viññāṇam</i>),	89 tâm	52 sở hữu tâm	28 sắc pháp, nibbāna.
65	Thức duyên danh sắc (<i>viññāṇa-paccayā nāmarūpam</i>),	52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp	-	-
66	Danh sắc duyên sáu xứ (<i>nāmarūpapaccayā saḷāyatanam</i>),	89 tâm, 5 sắc thanh triệt	-	-

67	Sáu xứ duyên xúc (<i>saḷāyatanapaccayā phasso</i>),	Sở hữu xúc	89 tâm, 51 sở hữu (trừ xúc)	28 sắc pháp, nibbāna.
68	Xúc duyên thọ (<i>phassapaccayā vedanā</i>),	Sở hữu thọ	89 tâm, 51 sở hữu (trừ thọ)	28 sắc pháp, nibbāna.
69	Thọ duyên ái (<i>vedanāpaccayātanhā</i>),	Sở hữu tham	8 tâm căn tham, 21 sở hữu (trừ tham)	Tâm căn sân, tâm căn si, tâm thiện, tâm quả, tâm tố sinh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
70	Ái duyên thù (<i>tanhāpaccayā upādānaṃ</i>),	Sở hữu tham sở hữu tà kiến	8 tâm căn tham, 20 sở hữu (trừ tham, tà kiến)	Tâm căn sân, tâm căn si, tâm thiện, tâm quả, tâm tố sinh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
71	Thù duyên nghiệp hữu (<i>upādānapaccayā kammabhavo</i>),	Sở hữu tư	12 tâm bất thiện, 17 tâm thiện hiệp thế, 51 sở hữu (trừ tư)	Tâm quả, tâm tố, tâm Đạo sinh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
72	Sanh hữu (<i>upapattibhava</i>)	32 tâm quả hiệp thế, 35 sở hữu tâm, 20 sắc nghiệp	-**	Tâm thiện, tâm bất thiện, tâm tố, tâm quả sinh lên cùng sở hữu tâm.
73	Dục hữu (<i>kāma bhavo</i>)	23 tâm quả dục giới, 33 sở hữu tâm, 20 sắc nghiệp	-**	Tâm, sở hữu thuộc về sắc hữu, vô sắc hữu; tâm thiện; tâm bất thiện; tâm tố; tâm quả (siêu thế) sinh lên cùng sở hữu tâm.
74	Sắc hữu (<i>rūpa bhavo</i>)	5 tâm quả sắc giới, 2 nhãn thức, 2 nhĩ thức, 2 tiếp thu, 3 thảm tấn, 35 sở hữu tâm, 15 sắc nghiệp (trừ 2 sắc tính, tỷ, thiết, thân)	-	Tâm, sở hữu tâm thuộc về dục hữu, vô sắc hữu; tâm thiện; tâm bất thiện, tâm tố, tâm quả (siêu thế) sinh cùng với sở hữu tâm.
75	Vô sắc hữu (<i>arūpa bhavo</i>)	4 tâm quả vô sắc, 30 sở hữu tâm	-	Dục hữu, sắc hữu; tâm thiện; tâm bất thiện; tâm tố, tâm quả (siêu thế) sinh lên cùng sở hữu tâm và sắc sinh lên từ ba (<i>tijarūpa</i>), nibbāna.
76	Tướng hữu (<i>saññī bhavo</i>)	31 tâm quả hiệp thế (trừ tâm quả phi tướng phi phi tướng xứ), 35 sở	-**	Phi tướng phi phi tướng hữu; tâm thiện; tâm bất thiện; tâm tố, tâm quả

		hữu tâm, 20 sắc nghiệp.		(siêu thể) sanh lên cùng sở hữu tâm.
77	Vô tướng hữu (<i>asaññībhavo</i>)	Bọn sắc mạng quyền cử pháp	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm. ⁷
78	Phi tướng phi phi tướng hữu (<i>nevasaññīnāsaññībhavo</i>)	1 tâm quả phi tướng phi phi tướng xứ, 30 sở hữu hợp	-	Tướng hữu, vô tướng hữu; tâm thiện; tâm bất thiện; tâm tố, tâm quả (siêu thể) sanh lên cùng sở hữu tâm và sắc sanh lên từ ba (<i>tijarūpa</i>), <i>nibbāna</i> .
79	Nhất uẩn hữu (<i>ekavokārabhavo</i>)	Bọn sắc mạng quyền cử pháp	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm. ⁸
80	Tứ uẩn hữu (<i>catuvokārabhavo</i>)	4 tâm quả vô sắc, 30 sở hữu	-	Nhất uẩn hữu, ngũ uẩn hữu; tâm thiện; tâm bất thiện; tâm tố, tâm quả (siêu thể) sanh lên cùng sở hữu tâm và sắc sanh lên từ ba (<i>tijarūpa</i>), <i>nibbāna</i> .
81	Ngũ uẩn hữu (<i>pañcavokārabhavo</i>)	23 tâm quả dục giới, 5 tâm quả sắc giới, 35 sở hữu tâm, 20 sắc nghiệp.	-**	Tứ uẩn hữu, tâm thiện, tâm bất thiện, tâm tố, tâm quả sanh lên cùng sở hữu.
82	sanh (<i>jāti</i>),	Sát na tiểu sanh của sắc thành tựu và sát na tiểu sanh của 4 danh uẩn	-	-
83	già (<i>jarā</i>),	Sát na tiểu trụ của sắc thành tựu và sát na tiểu trụ của 4 danh uẩn	-	-
84	chết (<i>marāṇa</i>),	Sát na tiểu diệt của sắc thành tựu và sát na tiểu diệt của 4 danh uẩn	-	-
85	sầu (<i>soka</i>),	Sở hữu thọ	2 tâm căn sân, 21 sở hữu (trừ thọ)	Tâm câu hành khổ-lạc-hỷ-xả sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, <i>nibbāna</i> .
86	khóc (<i>parideva</i>),	Âm thanh điên đảo	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.

⁷ Trong quyển “minh giải về bộ nguyên chất ngũ” trang 282 sử dụng “tâm, sở hữu tâm thuộc về tướng và phi tướng phi phi tướng hữu; tâm thiện, tâm bất thiện, tâm tố, tâm quả (siêu thể) sanh lên cùng sở hữu tâm”.

⁸ Trong quyển minh giải về bộ nguyên chất ngũ trang 282 sử dụng “tứ uẩn hữu; tâm, sở hữu tâm thuộc về ngũ uẩn hữu; tâm thiện; tâm bất thiện; tâm tố; tâm quả sanh lên cùng sở hữu”

		(cittajavipallāsasa dda) sanh từ tâm.		
87	khổ (<i>dukkha</i>),	Sở hữu thọ	1 tâm thân thức câu hành khổ, 6 sở hữu biến hành (trừ thọ).	Tâm câu hành lạc-hỷ-uru- xả sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
88	uru (<i>domanassa</i>),	Sở hữu thọ	2 tâm căn sân, 21 sở hữu (trừ thọ).	Tâm câu hành khổ-lạc- hỷ-xả sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
89	ai (<i>upāyāsa</i>).	Sở hữu sân	2 tâm căn sân, 21 sở hữu (trừ sân).	Tâm căn tham, tâm căn si, tâm thiện, tâm quả, tâm tổ sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
90	Niệm xứ (<i>Satipaṭṭhānam</i>)	Sở hữu niệm	8 tâm siêu thể, 35 sở hữu (trừ niệm).	Tâm hiệp thể sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
91	Chánh cần (<i>sammappadhānam</i>)	Sở hữu cần	4 tâm Đạo, 35 sở hữu (trừ cần).	Tâm hiệp thể, tâm quả siêu thể sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
92	Như ý túc (<i>iddhipādo</i>)	Sở hữu dục, cần, tuệ, 4 tâm Đạo	33 sở hữu	Tâm hiệp thể, tâm quả siêu thể sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
93	Thiền (<i>jhānam</i>)	Tâm, tứ, hỷ, lạc, nhất hành	67 tâm thiền ⁹ , 33 sở hữu (trừ 5 chi thiền).	Tâm dục giới sanh lên cùng sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.
94	Vô lượng (<i>appamaññā</i>)	Vô sân, bi, tùy hỷ, trung bình	15 tâm sắc giới, 31 sở hữu (trừ 4 vô lượng)	Tâm dục giới, tâm vô sắc giới, tâm siêu thể sanh cùng với sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
95	Ngũ quyền (<i>pañcendriya</i>)	Tín, tấn, niệm, nhất hành, tuệ	8 tâm siêu thể, 31 sở hữu (trừ ngũ quyền)	Tâm hiệp thể sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
96	Ngũ lực (<i>pañca balāni</i>)	Tín, tấn, niệm, nhất hành, tuệ	8 tâm siêu thể, 31 sở hữu (trừ ngũ quyền)	Tâm hiệp thể sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.

⁹ Trong sách giáo trình sử dụng 27 tâm đạo đại.

97	Thất giác chi (<i>satta bojjhaṅgā</i>)	Niệm, tuệ, cần, hỷ, tịnh thân-tịnh tâm, nhất hành, trung bình	8 tâm siêu thế, 28 sở hữu (trừ thất giác chi)	Tâm hiệp thế sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
98	Thánh Đạo tám chi (<i>ariyo aṭṭhaṅgiko maggo</i>)	8 chi Đạo	8 tâm siêu thế, 28 sở hữu (trừ 8 chi Đạo)	Tâm hiệp thế sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
99	Xúc (<i>phasso</i>)	Sở hữu xúc	89 tâm, 51 sở hữu tâm (trừ xúc).	28 sắc pháp, nibbāna.
100	Thọ (<i>vedanā</i>)	Sở hữu thọ	89 tâm, 51 sở hữu tâm (trừ thọ).	28 sắc pháp, nibbāna.
101	Tưởng (<i>saññā</i>)	Sở hữu tưởng	89 tâm, 51 sở hữu tâm (trừ tưởng).	28 sắc pháp, nibbāna.
102	Tư (<i>cetanā</i>)	Sở hữu tư	89 tâm, 51 sở hữu tâm (trừ tư).	28 sắc pháp, nibbāna.
103	Tâm (<i>cittam</i>)	89 tâm	52 sở hữu tâm	28 sắc pháp, nibbāna.
104	Thắng giải (<i>adhimokkha</i>)	Sở hữu thắng giải	78 tâm có thắng giải, 50 sở hữu hợp (trừ thắng giải)	Ngũ song thức, tâm tương ưng hoài nghi sanh lên cùng sở hữu tâm và 28 sắc pháp, nibbāna.
105	Tác ý (<i>manasikāro</i>)	Sở hữu tác ý	89 tâm, 51 sở hữu tâm (trừ tác ý).	28 sắc pháp, nibbāna.

Chi pháp phần tam đề

Stt	Câu xiển thuật	Chi pháp của câu xiển thuật	Pháp tương ứng của câu xiển thuật	Pháp bất tương ứng của câu xiển thuật
1	<i>Kusalā dhammā</i> Chư pháp thiện	21 tâm bất thiện, 38 sở hữu hợp.	-	Tâm bất thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
2	<i>Akusalā dhammā</i> Chư pháp bất thiện	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp.	-	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
3	<i>Abyākatā dhammā</i> Chư pháp vô ký	36 tâm quả, 20 tâm tổ, 38 sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm thiện, tâm bất thiện cùng sở hữu hợp.
4	<i>Sukhāya vedanāya sampayuttā dhammā</i> Chư pháp tương ứng lạc thọ	63 tâm câu hành lạc, 46 sở hữu hợp (trừ thọ).	Sở hữu lạc thọ	Tâm câu hành khổ, ưu, xả cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
5	<i>Dukkāya vedanāya sampayuttā dhammā</i> Chư pháp tương ứng khổ thọ	3 tâm câu hành khổ, 21 sở hữu hợp (trừ thọ).	Sở hữu khổ thọ	Tâm câu hành lạc, hỷ, xả cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
6	<i>Adukkham-asukhāya vedanāya sampayuttā dhammā</i> Chư pháp tương ứng phi khổ phi lạc thọ	55 tâm câu hành xả, 46 sở hữu hợp (trừ thọ).	Sở hữu xả thọ	Tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
7	<i>Vipākā dhammā</i> Chư pháp quả	36 tâm quả, 38 sở hữu hợp.	-	Tâm thiện - bất thiện, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
8	<i>Vipākadhammadhammā</i> Chư pháp nhân	12 tâm bất thiện, 21 tâm thiện, 52 sở hữu hợp.	-	Tâm quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
9	<i>Nevavipākanavipākadhammadhammā dhammā</i> Chư pháp phi quả phi nhân	20 tâm tổ, 35 sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.	-	Tâm thiện - bất thiện, quả cùng sở hữu hợp.
10	<i>Upādinṇupādāniyā dhammā</i> Chư pháp thành do thủ và cảnh thủ	32 tâm quả hiệp thể, 35 sở hữu hợp, 20 sắc nghiệp.	-**	Tâm thiện, bất thiện, tổ, quả siêu thể cùng sở hữu hợp.

11	<i>Anupādinṇupādāṇiyā dhammā</i> Chư pháp phi thành do thủ mà cảnh thủ	12 tâm bất thiện, 17 tâm thiện hiệp thể, 20 tâm tố, 52 sở hữu tâm, sắc tâm - quý tiết - vật thực.	-	Tâm quả - tâm Đạo cùng sở hữu hợp.
12	<i>Anupādinṇa-anupādāṇiyā dhammā</i> Chư pháp phi thành do thủ và phi cảnh thủ	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp.
13	<i>Saṅkiliṭṭhasaṅkilesikā dhammā</i> Chư pháp phiền toái và cảnh phiền não	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp.	-	Tâm thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
14	<i>Asaṅkiliṭṭhasaṅkilesikā dhammā</i> Chư pháp phi phiền toái mà cảnh phiền não	17 tâm thiện hiệp thể, 32 tâm quả hiệp thể, 20 tâm tố, 38 sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm bất thiện, tâm siêu thể cùng sở hữu hợp.
15	<i>Asaṅkiliṭṭha-asaṅkilesikā dhammā</i> Chư pháp phi phiền toái và phi cảnh phiền não	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp.
16	<i>Savitakkasavicārā dhammā</i> Chư pháp hữu tâm hữu tứ	55 tâm hữu tâm hữu tứ, 50 sở hữu hợp (trừ tầm, tứ).	Sở hữu tâm, tứ	Tâm ngũ song thức, nhị thiện, tam thiện, tứ thiện, ngũ thiện cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna. ¹⁰
17	<i>Avitakkavicāramattā dhammā</i> Chư pháp vô tâm hữu tứ	11 tâm nhị thiện, 36 sở hữu hợp (trừ tứ), và sở hữu tâm hợp với 55 tâm hữu tâm hữu tứ.	Sở hữu tứ	Tâm dục giới - sơ thiện, tam thiện, tứ thiện, ngũ thiện cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
18	<i>Avitakka-avicārā dhammā</i> Chư pháp vô tâm vô tứ	55 tâm vô tâm vô tứ, 36 sở hữu hợp (trừ tầm, tứ), 28 sắc pháp, nibbāna, và sở hữu tứ hợp với 11 tâm nhị thiện.	-	44 tâm dục giới, tâm sơ thiện - nhị thiện cùng sở hữu hợp. ¹¹
19	<i>Pītisahagatā dhammā</i> Chư pháp câu hành hỷ	51 tâm câu hành hỷ, 46 sở hữu hợp (trừ hỷ).	Sở hữu hỷ	Tâm câu hành lạc, khổ, ưu, xả, tứ thiện cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
20	<i>Sukhasahagatā dhammā</i> Chư pháp câu hành lạc	63 tâm câu hành lạc, 46 sở hữu hợp (trừ thọ).	Sở hữu lạc thọ	Tâm câu hành khổ - hỷ - xả cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.

¹⁰ Sử dụng tâm vô tầm hữu tứ - tâm vô tầm vô tứ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna cũng được.¹¹ Sử dụng tâm hữu tầm hữu tứ cùng sở hữu hợp cũng được.

21	<i>Upekkhāsaḥagatā dhammā</i> Chư pháp câu hành xả	55 tâm câu hành xả, 46 sở hữu hợp (trừ thọ).	Sở hữu xả thọ	Tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
22	<i>Dassanena pahātabbā dhammā</i> Chư pháp sơ Đạo đoạn trừ	4 tâm tương ưng tà kiến, 1 tâm tương ưng hoài nghi, 22 sở hữu hợp (được bậc Thất lai diệt hoàn toàn). 4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (dẫn vào khổ thú).	-	4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (không dẫn vào khổ thú). Tâm tương ưng điệu cử, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna.
23	<i>Bhāvanāya pahātabbā dhammā</i> Chư pháp ba Đạo cao đoạn trừ	4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (không dẫn vào khổ thú). 1 tâm tương ưng điệu cử, 25 sở hữu hợp.	-	Tâm bất tương ưng tà kiến, tâm căn sân cùng sở hữu hợp (dẫn vào khổ thú). Tâm tương ưng tà kiến - hoài nghi - thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
24	<i>Neva dassanena na bhāvanāya pahātabbā dhammā</i> Chư pháp phi sơ Đạo phi ba Đạo cao đoạn trừ	21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tố, 38 sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm bất thiện cùng sở hữu hợp.
25	<i>Dassanena pahātabbahetukā dhammā</i> Chư pháp hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ	4 tâm tương ưng tà kiến, 1 tâm tương ưng hoài nghi, 22 sở hữu hợp (trừ sở hữu si hợp tâm si hoài nghi) [được bậc Thất lai diệt hoàn toàn]. 4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (dẫn vào khổ thú).	-	4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (không dẫn vào khổ thú). Tâm tương ưng điệu cử, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna.
26	<i>Bhāvanāya pahātabbahetukā dhammā</i> Chư pháp hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ	4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (không dẫn vào khổ thú). 1 tâm tương ưng điệu cử, 25 sở hữu hợp (trừ sở hữu si hợp tâm si điệu cử)	-	4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (dẫn vào khổ thú). Tâm tương ưng tà kiến - hoài nghi - thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna.

27	<i>Neva dassanena na bhāvanāya</i> <i>pahātabbahetukā dhammā</i> Chư pháp phi hữu nhân bốn Đạo đoạn trừ	21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tố, 38 sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna. Và sở hữu si hợp 2 tâm căn si.	-**	Tâm căn tham, tâm căn sân cùng sở hữu hợp.
28	<i>Ācayagāmino dhammā</i> Chư pháp nhân sanh tử	12 tâm bất thiện, 17 tâm thiện hiệp thể, 52 sở hữu hợp.	-	Tâm quả, tố - tâm Đạo cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
29	<i>Apacayagāmino dhammā</i> Chư pháp nhân đế nibbāna	4 tâm Đạo, 36 sở hữu hợp.	-	Tâm hiệp thể, quả siêu thể cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
30	<i>Nevācayagāmino nāpacayagāmino dhammā</i> Chư pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến nibbāna	36 tâm quả, 20 tâm tố, 38 sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm thiện - bất thiện cùng sở hữu hợp.
31	<i>Sekkhā dhammā</i> Chư pháp hữu học	7 tâm siêu thể (trừ 1 tâm quả Vô sanh), 36 sở hữu.	-	Tâm hiệp thể - quả vô sanh cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
32	<i>Asekkhā dhammā</i> Chư pháp vô học	1 tâm quả Vô sanh, 36 sở hữu hợp.	-	Tâm hiệp thể, tâm Đạo - quả thấp cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
33	<i>Nevasekkhā nāsekkhā dhammā</i> Chư pháp phi hữu học phi vô học	81 tâm hiệp thể, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp.
34	<i>Parittā dhammā</i> Chư pháp hy thiếu	54 tâm dục giới, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-**	Tâm sắc giới - vô sắc giới - siêu thể cùng sở hữu hợp.
35	<i>Mahaggatā dhammā</i> Chư pháp đáo đại	27 tâm đáo đại, 35 sở hữu.	-	Tâm dục giới - siêu thể cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.

36	<i>Appamāṇā dhammā</i> Chư pháp vô thượng	8 tâm siêu thế, 36 sở hữu.	-	Tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp.
37	<i>Parittārammaṇā dhammā</i> Chư pháp cảnh hy thiếu	54 tâm dục giới, 50 sở hữu (trừ 2 vô lượng phần).	-	Tâm biết cảnh đạo đại - cảnh vô lượng - cảnh chế định cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
38	<i>Mahaggaṭārammaṇā dhammā</i> Chư pháp cảnh đạo đại	3 tâm thiền tvbx, 3 tâm thiền ptpptx, 30 sở hữu nhất định và 12 tâm bất thiện, 1 tâm khai ý môn, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tổ, 2 tâm thông, 47 sở hữu (trừ ngăn trừ phần, vô lượng phần) bất định.	-	Tâm biết cảnh hy thiếu - cảnh vô lượng - cảnh chế định cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
39	<i>Appamāṇārammaṇā dhammā</i> Chư pháp cảnh vô lượng	8 tâm siêu thế, 36 sở hữu nhất định và 1 tâm khai ý môn, 4 tâm đại thiện tương ưng trí, 4 tâm đại tổ tương ưng trí, 2 tâm thông, 33 sở hữu (trừ ngăn trừ phần, vô lượng phần) bất định.	-	Tâm biết cảnh hy thiếu - cảnh đạo đại - cảnh chế định cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
40	<i>Hīnā dhammā</i> Chư pháp ty hạ	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu.	-	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
41	<i>Majjhimā dhammā</i> Chư pháp trung bình	17 tâm thiện hiệp thế, 32 tâm quả hiệp thế, 20 tâm tổ, 38 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-**	Tâm bất thiện, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp.
42	<i>Paṇītā dhammā</i> Chư pháp tinh lương	8 tâm siêu thế, 36 sở hữu tâm, nibbāna.	-	Tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp.
43	<i>Micchattaniyatā dhammā</i> Chư pháp tà cho quả nhất định	Đồng lực thứ 7 của 4 tâm tương ưng tà kiến phát sanh do năng lực của nghiệp tà kiến cố định, 21 sở hữu hợp và đồng lực thứ 7 của 2 tâm căn sân phát sanh do năng lực của nghiệp ngũ nghịch, 22 sở hữu hợp.	-	Pháp chánh cho quả nhất định, phát bất định hay 89 tâm, 52 sở hữu (trừ đồng lực thứ 7 của 4 tâm tham tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân), 28 sắc pháp, nibbāna.
44	<i>Sammattaniyatā dhammā</i> Chư pháp chánh cho quả nhất định	4 tâm Đạo, 36 sở hữu.	-	Pháp tà kiến cố định, pháp bất định hay tâm hiệp thế,

				quả siêu thế cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
45	<i>Aniyatā dhammā</i> Chư pháp bất định	12 tâm bất thiện (trừ đồng lực thứ 7 của 4 tâm tương ưng tà kiến và 2 tâm căn sân), 17 tâm thiện hiệp thế, 36 tâm quả, 20 tâm tố, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.	-**	Pháp tà cho quả nhất định, pháp chánh cho quả nhất định hay đồng lực thứ 7 của 4 tâm tương ưng tà kiến và 2 tâm căn sân cùng sở hữu hợp và tâm Đạo cùng sở hữu hợp.
46	<i>Maggārammaṇā dhammā</i> Chư pháp có Đạo thành cảnh	1 tâm khai ý môn, 4 tâm đại thiện tương ưng trí, 1 tâm thông thiện, 4 tâm đại tố tương ưng trí, 1 tâm thông tố, 33 sở hữu hợp (trừ ngăn trừ phần, vô lượng phần).	-	89 tâm, 52 sở hữu (mà không có Đạo thành cảnh), 28 sắc pháp, nibbāna. ¹²
47	<i>Maggahetukā dhammā</i> Chư pháp có Đạo làm nhân.	4 tâm Đạo, 35 sở hữu. Trừ 8 chi Đạo theo cách thứ 1. Trừ vô tham, vô sân theo cách thứ 2. Trừ tuệ theo cách thứ 3.	-	Tâm hiệp thế, quả siêu thế cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
48	<i>Maggādhīpatino dhammā</i> Chư pháp có Đạo thành trưởng	4 tâm đại thiện tương ưng trí, 33 sở hữu hợp (trừ 3 ngăn trừ phần, 2 vô lượng phần). 4 tâm đại tố tương ưng trí 33 sở hữu (vô lượng phần) làm cho Đạo thành trưởng. Hay 4 tâm Đạo, 35 sở hữu hợp (trừ cần hay tuệ). Hay cần, tuệ.	-	89 tâm, 52 sở hữu (mà không làm cho Đạo thành trưởng), 28 sắc pháp, nibbāna. ¹³
49	<i>Uppannā dhammā</i> Chư pháp sanh tồn	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp đang sanh và đang hiện hữu.	-**	89 tâm, 52 sở hữu tâm thuộc về quá khứ, vị lai.
50	<i>Anuppannā dhammā</i> Chư pháp phi sanh tồn	12 tâm bất thiện, 21 tâm thiện, 20 tâm tố, 52 sở hữu	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm thuộc về hiện

¹² Trong bộ sách giáo trình sử dụng 85 tâm cùng sở hữu hợp (trừ đại tố tương ưng trí, thông tố và khai ý môn, đại thiện tương ưng trí, thông thiện của quả hữu học), sắc pháp, nibbāna.

¹³ Trong bộ sách giáo trình sử dụng 81 tâm cùng sở hữu hợp (trừ 4 đại tố tương ưng trí, 4 tâm đạo và 4 đại thiện tương ưng trí của quả hữu học), sắc pháp, nibbāna.

		tâm, 17 sắc tâm, 15 sắc quý tiết, 14 sắc vật thực sẽ sanh.		tại, quá khứ, tâm quả cùng sở hữu hợp là vị lai.
51	<i>Uppādinō dhammā</i> Chư pháp sẽ sanh	36 tâm quả, 38 sở hữu tâm, 20 sắc nghiệp sẽ sanh.	-**	89 tâm, 52 sở hữu tâm thuộc về hiện tại, quá khứ, và tâm thiện - bất thiện, tổ cùng sở hữu hợp là vị lai.
52	<i>Atītā dhammā</i> Chư pháp quá khứ	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp thời quá khứ.	-**	89 tâm, 52 sở hữu tâm thuộc về hiện tại, vị lai.
53	<i>Anāgatā dhammā</i> Chư pháp vị lai	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp thời vị lai.	-**	89 tâm, 52 sở hữu tâm thuộc về hiện tại, quá khứ.
54	<i>Paccuppannā dhammā</i> Chư pháp hiện tại	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp thời hiện tại.	-**	89 tâm, 52 sở hữu tâm thuộc về quá khứ, vị lai.
55	<i>Atītārammaṇā dhammā</i> Chư pháp biết cảnh quá khứ	3 tâm thiền tvbx, 3 tâm thiền ptpptx, 30 sở hữu tâm, nhất định. và 1 tâm khai ý môn, 29 tâm đồng lực dục giới và 11 tâm na cảnh, 2 tâm thông, 47 sở hữu (trừ ngăn trừ phần, vô lượng phần) lúc làm cho pháp quá khứ thành cảnh bất định.	-	Cảnh hiện tại - cảnh vị lai - cảnh vô lượng - cảnh chế định cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
56	<i>Anāgatārammaṇā dhammā</i> Chư pháp biết cảnh vị lai	1 tâm khai ý môn, 29 tâm đồng lực dục giới, 11 tâm na cảnh, 2 tâm thông, 50 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần) lúc làm cho pháp vị lai thành cảnh.	-	Cảnh hiện tại - cảnh quá khứ - cảnh vô lượng - cảnh chế định cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
57	<i>Paccuppannārammaṇā dhammā</i> Chư pháp biết cảnh hiện tại	10 tâm ngũ song thức, 3 tâm ý giới, 10 sở hữu tợ tha (trừ cần, hỷ, dục) nhất định, và 1 tâm khai ý môn, 29 tâm đồng lực dục giới, 11 tâm na cảnh, 2 tâm thông, 50 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần) bất định.	-	Cảnh quá khứ - cảnh vị lai - cảnh vô lượng - cảnh chế định cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
58	<i>Ajjhattā dhammā</i> Chư pháp nội phần	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp bên trong cơ tánh của ta.	-**	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp bên ngoài cơ tánh của ta.

59	<i>Bahiddhā dhammā</i> Chư pháp ngoại phần	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna bên ngoài cơ tánh của ta.	-**	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp bên trong cơ tánh của ta.
60	<i>Ajjhattabahiddhā dhammā</i> Chư pháp nội và ngoại phần	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp bên trong và bên ngoài cơ tánh của ta.	-	-
61	<i>Ajjhattārammaṇā dhammā</i> Chư pháp biết cảnh nội phần	3 tâm thiền tvbx, 3 tâm thiền ptpptx, 30 sở hữu hợp, nhất định. 54 tâm dục giới, 2 tâm thông, 49 sở hữu hợp (trừ tạt đồ, vô lượng phần), bất định.	-	Cảnh ngoại phần - vô hữu chế định cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
62	<i>Bahiddhārammaṇā dhammā</i> Chư pháp biết ngoại phần	15 tâm sắc giới (trừ 2 tâm thông) 3 tâm thiền kvbx, 8 tâm siêu thế, 38 sở hữu hợp, nhất định. Và 54 tâm dục giới, 2 tâm thông, 52 sở hữu tâm, bất định.	-	Cảnh nội phần - vô hữu chế định cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
63	<i>Ajjhattabahiddhārammaṇā dhammā</i> Chư pháp biết cảnh nội và ngoại phần	54 tâm dục giới, 2 tâm thông, 49 sở hữu hợp (trừ tạt đồ, vô lượng phần)	-	Cảnh nội phần - ngoại phần (nhất định) - vô hữu chế định cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
64	<i>Sanidassanasappaṭighā dhammā</i> Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu	Sắc cảnh sắc.	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
65	<i>Anidassanasappaṭighā dhammā</i> Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu	11 sắc thô (sắc cảnh sắc).	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
66	<i>Anidassana-appaṭighā dhammā</i> Chư pháp vô kiến vô đối chiếu	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 16 sắc tế, nibbāna.	-	-

Chi pháp phần nhị đề

Stt	Câu xiển thuật	Chi pháp của câu xiển thuật	Pháp tương ứng của câu xiển thuật	Pháp bất tương ứng của câu xiển thuật
1	<i>Hetū dhammā</i> Chư pháp nhân	6 nhân	71 tâm hữu nhân, 46 sở hữu hợp (trừ 6 nhân)	Tâm vô nhân cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
2	<i>Na hetū dhammā</i> Chư pháp phi nhân	89 tâm, 46 sở hữu hợp (trừ 6 nhân), 28 sắc pháp, nibbāna.	-	-
3	<i>Sahetukā dhammā</i> Chư pháp hữu nhân	71 tâm hữu nhân, 52 sở hữu hợp (trừ sở hữu sân hợp 2 tâm sân)	-	Tâm vô nhân cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
4	<i>Ahetukā dhammā</i> Chư pháp vô nhân	18 tâm vô nhân, 12 sở hữu tợ tha (trừ dục), 28 sắc pháp, nibbāna. *Sở hữu si hợp tâm si.	-**	69 tâm hữu nhân cùng sở hữu hợp (trừ 2 tâm căn sân) ¹⁴
5	<i>Hetusampayuttā dhammā</i> Chư pháp tương ưng nhân	71 tâm hữu nhân, 52 sở hữu hợp (trừ sở hữu sân hợp 2 tâm sân)	-	Tâm vô nhân cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
6	<i>Hetuvippayuttā dhammā</i> Chư pháp bất t/ư nhân	18 tâm vô nhân, 12 sở hữu tợ tha (trừ dục), 28 sắc pháp, nibbāna. *Sở hữu si hợp tâm si.	-**	69 tâm hữu nhân cùng sở hữu hợp (trừ 2 tâm căn sân) ¹⁵
7	<i>Hetū ceva sahetukā ca dhammā</i> Chư pháp nhân hữu nhân	6 nhân (trừ sở hữu si hợp tâm căn si)	69 tâm hữu nhân, 45 sở hữu hợp (trừ 6 nhân)	Tâm căn si, tâm vô nhân cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
8	<i>Sahetukā ceva na ca hetū dhammā</i> Chư pháp hữu nhân phi nhân	71 tâm hữu nhân, 46 sở hữu hợp (trừ 6 nhân)	6 nhân	Tâm vô nhân cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
9	<i>Hetū ceva hetusampayuttā ca dhammā</i>	6 nhân (trừ sở hữu si hợp 2 tâm căn si)	69 tâm hữu nhân, 45	Tâm căn si, tâm vô nhân cùng sở

¹⁴ 69 tâm hữu nhân cùng sở hữu hợp (trừ 2 tâm căn sân) hay 8 tâm căn tham, 2 tâm căn sân, 59 tâm tịnh hảo, 45 sở hữu hợp (trừ 6 nhân).

¹⁵ 69 tâm hữu nhân cùng sở hữu hợp (trừ 2 tâm căn sân) hay 8 tâm căn tham, 2 tâm căn sân, 59 tâm tịnh hảo, 45 sở hữu hợp (trừ 6 nhân).

	Chư pháp nhân t/ư nhân		sở hữu hợp (trừ 6 nhân)	hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
10	<i>Hetusampayuttā ceva na ca hetū dhammā</i> Chư pháp t/ư nhân phi nhân	71 tâm hữu nhân, 46 sở hữu hợp (trừ 6 nhân)	6 nhân	Tâm vô nhân cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
11	<i>Na hetū sahetukā dhammā</i> ¹⁶ Chư pháp phi nhân hữu nhân	71 tâm hữu nhân, 46 sở hữu hợp (trừ 6 nhân)	6 nhân	Tâm vô nhân cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
12	<i>Na hetū ahetukā dhammā</i> Chư pháp phi nhân vô nhân	18 tâm vô nhân, 12 sở hữu tợ tha (trừ dục), 28 sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm hữu nhân cùng sở hữu hợp.
13	<i>Sappaccayā dhammā</i> Chư pháp hữu duyên	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-	-
14	<i>Appaccayā dhammā</i> Chư pháp vô duyên	Nibbāna	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
15	<i>Saṅkhatā dhammā</i> Chư pháp hữu vi	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-	-
16	<i>Asaṅkhatā dhammā</i> Chư pháp vô vi	Nibbāna	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
17	<i>Sanidassanā dhammā</i> Chư pháp hữu kiến	Cảnh sắc	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
18	<i>Anidassanā dhammā</i> Chư pháp vô kiến	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 27 sắc pháp (-cảnh sắc), nibbāna.	-	
19	<i>Sappaṭighā dhammā</i> Chư pháp hữu đôi chiếu	12 sắc thô.	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
20	<i>Appaṭighā dhammā</i> Chư pháp vô đôi chiếu	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 16 sắc tế, nibbāna.	-	-
21	<i>Rūpino dhammā</i> Chư pháp sắc	28 sắc pháp.	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
22	<i>Arūpino dhammā</i> Chư pháp phi sắc	89 tâm, 52 sở hữu tâm, nibbāna.	-	-
23	<i>Lokiyā dhammā</i> Chư pháp hiệp thể	81 tâm hiệp thể, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp
24	<i>Lokuttarā dhammā</i> Chư pháp siêu thể	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.		Tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp.
25	<i>Kenaci viññeyyā dhammā</i> Chư pháp cũng có tâm biết đặng	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.	-	-

¹⁶ Dhammasaṅgani sử dụng "Na hetū kho pana dhammā sahetukā pi"

26	<i>Kenaci na viññeyyā dhammā</i> Chư pháp cũng có tâm không biết đẳng	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.	-	-
27	<i>Āsavā dhammā</i> Chư pháp lậu	Tham, tà kiến, si.	12 tâm bất thiện, 24 sở hữu hợp.	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
28	<i>No āsavā dhammā</i> Chư pháp phi lậu	89 tâm, 49 sở hữu tâm (- 3 chi lậu), sắc pháp, nibbāna.	-	-
29	<i>Sāsavā dhammā</i> Chư pháp cảnh lậu	81 tâm hiệp thể, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp
30	<i>Anāsavā dhammā</i> Chư pháp phi cảnh lậu	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp.
31	<i>Āsavasampayuttā dhammā</i> Chư pháp tương ưng lậu	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp (trừ sở hữu si hợp 2 tâm căn sân, 2 tâm căn si).	-	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
32	<i>Āsavavippayuttā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng lậu	21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tổ, 38 sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna. Và sở hữu si hợp 2 tâm căn sân, 2 tâm căn si.	-**	Tâm căn tham cùng sở hữu hợp.
33	<i>Āsavā ceva sāsavā ca dhammā</i> Chư pháp lậu cảnh lậu	Tham, tà kiến, si.	12 tâm bất thiện, 24 sở hữu hợp.	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
34	<i>Sāsavā ceva no ca āsavā dhammā</i> Chư pháp cảnh lậu phi lậu	81 tâm hiệp thể, 49 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp lậu), 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp.
35	<i>Āsavā ceva āsavasampayuttā ca dhammā</i> Chư pháp lậu tương ưng lậu	Tham, tà kiến, si.	8 tâm căn tham, 19 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp lậu).	Tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
36	<i>Āsavasampayuttā ceva no ca āsavā dhammā</i> Chư pháp tương ưng lậu phi lậu	12 tâm bất thiện, 24 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp lậu)	3 chi pháp lậu	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.

37	<i>Āsavavippayuttā sāsavā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu	17 tâm thiện hiệp thế, 32 tâm quả hiệp thế, 20 tâm tố, 38 sở hữu hợp, 28 sắc pháp và sở hữu si hợp 2 tâm căn sân, 2 tâm căn si.	-**	Tâm căn tham, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp.
38	<i>Āsavavippayuttā anāsavā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu	8 tâm siêu thế, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thế.
39	<i>Saññojanā dhammā</i> Chư pháp triền	8 chi pháp triền.	12 tâm bất thiện, 19 sở hữu hợp (trừ 8 chi triền).	Tâm thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
40	<i>No saññojanā dhammā</i> Chư pháp phi triền	89 tâm, 44 sở hữu tâm (- 8 chi triền), 28 sắc pháp, nibbāna.	-	-
41	<i>Saññojaniyā dhammā</i> Chư pháp cảnh triền	81 tâm hiệp thế, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thế cùng sở hữu hợp
42	<i>Asaññojaniyā dhammā</i> Chư pháp phi cảnh triền	8 tâm siêu thế, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp.
43	<i>Saññojanasampayuttā dhammā</i> Chư pháp tương ưng triền	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp (trừ sở hữu si hợp tâm tương ưng điệu cử).	-	Tâm thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
44	<i>Saññojanavippayuttā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng triền	21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tố, 38 sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna. Và sở hữu si hợp tâm si điệu cử.	-**	Tâm căn tham - căn sân - tâm tương ưng hoài nghi cùng sở hữu hợp.
45	<i>Saññojanā ceva saññojaniyā ca dhammā</i> Chư pháp triền cảnh triền	8 chi pháp triền.	12 tâm bất thiện, 19 sở hữu hợp.	Tâm thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
46	<i>Saññojaniyā ceva no ca saññojanā dhammā</i> Chư pháp cảnh triền phi triền	81 tâm hiệp thế, 44 sở hữu hợp (trừ 8 chi pháp triền), 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thế cùng sở hữu hợp.
47	<i>Saññojanā ceva saññojanasampayuttā ca dhammā</i> Chư pháp triền tương ưng triền	8 chi pháp triền (trừ sở hữu si hợp tâm si điệu cử).	11 tâm bất thiện, 19 sở hữu hợp (trừ 8 chi	Tâm si điệu cử, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.

			pháp triển).	
48	<i>Saññojanasampayuttā ceva no ca saññojanā dhammā</i> Chư pháp tương ung triển phi triển	12 tâm bất thiện, 19 sở hữu hợp (trừ 8 chi pháp triển)	8 chi pháp triển	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
49	<i>Saññojanavippayuttā saññojaniyā dhammā</i> Chư pháp bất tương ung triển cảnh triển.	17 tâm thiện hiệp thể, 32 tâm quả hiệp thể, 20 tâm tổ, 38 sở hữu hợp, 28 sắc pháp và sở hữu si hợp tâm si điệu cử.	-**	Tâm căn tham, tâm căn sân - tâm tương ung hoài nghi - siêu thể cùng sở hữu hợp.
50	<i>Saññojanavippayuttā asaññojaniyā dhammā</i> Chư pháp bất tương ung triển phi cảnh triển	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể.
51	<i>Ganthā dhammā</i> Chư pháp phược	Tham, sân, tà kiến.	8 tâm căn tham, 2 tâm căn sân, 23 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp phược).	Tâm căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
52	<i>No ganthā dhammā</i> Chư pháp phi phược	89 tâm, 49 sở hữu tâm (- 3 chi phược), sắc pháp, nibbāna.	-	-
53	<i>Ganthaniyā dhammā</i> Chư pháp cảnh phược	81 tâm hiệp thể, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp
54	<i>Aganthaniyā dhammā</i> Chư pháp phi cảnh phược	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp.
55	<i>Ganthasampayuttā dhammā</i> Chư pháp tương ung phược	8 tâm căn tham, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (trừ sở hữu sân hợp 2 tâm căn sân, sở hữu tham hợp 4 tâm bất t/ư tà kiến).	-	Tâm căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
56	<i>Ganthavippayuttā dhammā</i> Chư pháp bất tương ung phược	2 tâm căn si, 21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tổ, 43 sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna. Và sở hữu tham hợp 4 tâm tham bất t/ư tà kiến, sở hữu sân hợp 2 tâm căn sân.	-**	Tâm tham tương ung tà kiến cùng sở hữu hợp.
57	<i>Ganthā ceva ganthaniyā ca dhammā</i>	Tham, sân, tà kiến.	8 tâm căn	Tâm căn si, thiện, quả, tổ cùng sở

	Chư pháp phược cảnh phược		tham, 2 tâm căn sân, 23 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp phược).	hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
58	<i>Ganthaniyā ceva no ca ganthā dhammā</i> Chư pháp cảnh phược phi phược	81 tâm hiệp thể, 49 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp phược), 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp.
59	<i>Ganthā ceva ganthasampayuttā ca dhammā</i> Chư pháp phược tương ưng phược	Tham, tà kiến.	4 tâm tham tương ưng tà kiến, 19 sở hữu hợp (trừ tham, tà kiến).	Tâm bất t/ư tà kiến, căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
60	<i>Ganthasampayuttā ceva no ca ganthā dhammā</i> Chư pháp tương ưng phược phi phược	8 tâm căn tham, 2 tâm căn sân, 23 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp phược)	3 chi pháp phược	Tâm căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
61	<i>Ganthavippayuttā ganthaniyā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng phược cảnh phược	2 tâm căn si - 17 tâm thiện hiệp thể, 32 tâm quả hiệp thể, 20 tâm tổ, 43 sở hữu hợp, 28 sắc pháp và sở hữu sân hợp 2 tâm căn sân, sở hữu tham hợp 4 tâm bất t/ư tà kiến.	-**	Tâm tham t/ư tà kiến, tâm siêu thể cùng sở hữu hợp.
62	<i>Ganthavippayuttā dhammā aganthaniyā</i> Chư pháp bất tương ưng phược phi cảnh phược	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể.
63	<i>Oghā dhammā</i> Chư pháp bộc	Tham, tà kiến, si.	12 tâm bất thiện, 24 sở hữu hợp.	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
64	<i>No oghā dhammā</i> Chư pháp phi bộc	89 tâm, 49 sở hữu tâm (- 3 chi bộc), 28 sắc pháp, nibbāna.	-	-
65	<i>Oghaniyā dhammā</i> Chư pháp cảnh bộc	81 tâm hiệp thể, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp
66	<i>Anoghaniyā dhammā</i> Chư pháp phi cảnh bộc	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp.

67	<i>Oghasampayuttā dhammā</i> Chư pháp tương ưng bộc	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp (trừ sở hữu si hợp 2 tâm căn sân, 2 tâm căn si).	-	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
68	<i>Oghavippayuttā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng bộc	21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tổ, 38 sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna. Và sở hữu si hợp 2 tâm căn sân, 2 tâm căn si.	-**	Tâm căn tham cùng sở hữu hợp.
69	<i>Oghā ceva oghaniyā ca dhammā</i> Chư pháp bộc cảnh bộc	Tham, tà kiến, si	12 tâm bất thiện, 24 sở hữu hợp.	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
70	<i>Oghaniyā ceva no ca oghā dhammā</i> Chư pháp cảnh bộc phi bộc	81 tâm hiệp thế, 49 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp bộc), 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thế cùng sở hữu hợp.
71	<i>Oghā ceva oghasampayuttā ca dhammā</i> Chư pháp bộc tương ưng bộc	Tham, tà kiến, si	8 tâm căn tham, 19 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp bộc).	Tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
72	<i>Oghasampayuttā ceva no ca oghā dhammā</i> Chư pháp tương ưng bộc phi bộc	12 tâm bất thiện, 24 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp bộc)	3 chi pháp bộc	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
73	<i>Oghavippayuttā oghaniyā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng cảnh bộc	17 tâm thiện hiệp thế, 32 tâm quả hiệp thế, 20 tâm tổ, 38 sở hữu hợp, 28 sắc pháp và sở hữu si hợp 2 tâm căn sân, 2 tâm căn si.	-**	Tâm căn tham, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp.
74	<i>Oghavippayuttā dhammā anoghaniyā</i> Chư pháp bất tương ưng bộc phi cảnh bộc	8 tâm siêu thế, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thế.
75	<i>Yogā dhammā</i> Chư pháp phối	Tham, tà kiến, si.	12 tâm bất thiện, 24 sở hữu hợp.	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
76	<i>No yogā dhammā</i> Chư pháp phi phối	89 tâm, 49 sở hữu tâm (- 3 chi bộc), sắc pháp, nibbāna.	-	-

77	<i>Yoganiyā dhammā</i> Chư pháp cảnh phối	81 tâm hiệp thế, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thế cùng sở hữu hợp
78	<i>Ayoganiyā dhammā</i> Chư pháp phi cảnh phối	8 tâm siêu thế, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp.
79	<i>Yogasampayuttā dhammā</i> Chư pháp tương ung phối	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp (trừ sở hữu si hợp 2 tâm căn sân, 2 tâm căn si).	-	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
80	<i>Yogavippayuttā dhammā</i> Chư pháp bất tương ung phối	21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tổ, 38 sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna. Và sở hữu si hợp 2 tâm căn sân, 2 tâm căn si.	-**	Tâm căn tham cùng sở hữu hợp.
81	<i>Yogā ceva yoganiyā ca dhammā</i> Chư pháp phối cảnh phối	Tham, tà kiến, si	12 tâm bất thiện, 24 sở hữu hợp.	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
82	<i>Yoganiyā ceva no ca yogā dhammā</i> Chư pháp cảnh phối phi phối	81 tâm hiệp thế, 49 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp phối), 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thế cùng sở hữu hợp.
83	<i>Yogā ceva yogasampayuttā ca dhammā</i> Chư pháp phối tương ung phối	Tham, tà kiến, si	8 tâm căn tham, 19 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp phối).	Tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
84	<i>Yogasampayuttā ceva no ca yogā dhammā</i> Chư pháp tương ung phối phi phối	12 tâm bất thiện, 24 sở hữu hợp (trừ 3 chi pháp phối)	3 chi pháp phối	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
85	<i>Yogavippayuttā yoganiyā dhammā</i> Chư pháp bất tương ung phối cảnh phối	17 tâm thiện hiệp thế, 32 tâm quả hiệp thế, 20 tâm tổ, 38 sở hữu hợp, 28 sắc pháp và sở hữu si hợp 2 tâm căn sân, 2 tâm căn si.	-**	Tâm căn tham, tâm siêu thế cùng sở hữu hợp.
86	<i>Yogavippayuttā ayoganiyā dhammā</i> Chư pháp bất tương ung phối phi cảnh phối	8 tâm siêu thế, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thế.
87	<i>Nīvaraṇā dhammā</i> Chư pháp cái	8 chi pháp cái.	12 tâm bất thiện, 19 sở hữu	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.

			hợp (- 8 chi pháp cái).	
88	<i>No nīvaraṇā dhammā</i> Chư pháp phi cái	89 tâm, 44 sở hữu tâm (- 8 chi cái), 28 sắc pháp, nibbāna.	-	-
89	<i>Nīvaraṇīyā dhammā</i> Chư pháp cảnh cái	81 tâm hiệp thể, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp
90	<i>Anīvaraṇīyā dhammā</i> Chư pháp phi cảnh cái	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp.
91	<i>Nīvaraṇasampayuttā dhammā</i> Chư pháp tương ưng cái	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp.	-	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
92	<i>Nīvaraṇavippayuttā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng cái	21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tổ, 38 sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm bất thiện cùng sở hữu hợp.
93	<i>Nīvaraṇā ceva nīvaraṇīyā ca dhammā</i> Chư pháp cái cảnh cái	8 chi pháp cái	12 tâm bất thiện, 19 sở hữu hợp.	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
94	<i>Nīvaraṇīyā ceva no ca nīvaraṇā dhammā</i> Chư pháp cảnh cái phi cái	81 tâm hiệp thể, 44 sở hữu hợp (trừ 8 chi pháp cái), 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp.
95	<i>Nīvaraṇā ceva nīvaraṇasampayuttā ca dhammā</i> Chư pháp cái tương ưng cái	8 chi pháp cái.	12 tâm bất thiện, 19 sở hữu hợp (trừ 8 chi pháp cái).	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
96	<i>Nīvaraṇasampayuttā ceva no ca nīvaraṇā dhammā</i> Chư pháp tương ưng cái phi cái	12 tâm bất thiện, 19 sở hữu hợp (trừ 8 chi pháp cái)	8 chi pháp cái.	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.

97	<i>Nīvaraṇavippayuttā nīvaraṇiyā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng cái cảnh cái	17 tâm thiện hiệp thể, 32 tâm quả hiệp thể, 20 tâm tố, 38 sở hữu hợp, 28 sắc pháp.	-**	Tâm bất thiện - siêu thể cùng sở hữu hợp.
98	<i>Nīvaraṇavippayuttā anīvaraṇiyā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng cái phi cảnh cái	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể.
99	<i>Parāmāsā dhammā</i> Chư pháp khinh thị	Sở hữu tà kiến.	4 tâm tham t/ư tà kiến, 20 sở hữu hợp (trừ tà kiến)	Tâm tham bất t/ư tà kiến, căn sân, căn si, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
100	<i>No parāmāsā dhammā</i> Chư pháp phi khinh thị	89 tâm, 51 sở hữu tâm (trừ tà kiến), 28 sắc pháp, nibbāna.	-	-
101	<i>Parāmaṭṭhā dhammā</i> Chư pháp cảnh khinh thị	81 tâm hiệp thể, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp
102	<i>Aparāmaṭṭhā dhammā</i> Chư pháp phi cảnh khinh thị	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp.
103	<i>Parāmāsasampayuttā dhammā</i> Chư pháp tương ưng khinh thị	4 tâm tham t/ư tà kiến, 20 sở hữu hợp (trừ tà kiến)	Sở hữu tà kiến.	Tâm tham bất t/ư tà kiến, căn sân, căn si, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
104	<i>Parāmāsavippayuttā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng khinh thị	4 Tâm tham bất t/ư tà kiến, 2 tâm căn sân, 2 tâm căn si, 21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tố, 51 sở hữu hợp (trừ tà kiến), 28 sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm tham tương ưng tà kiến cùng sở hữu hợp.
105	<i>Parāmāsā ceva parāmaṭṭhā ca dhammā</i> Chư pháp khinh thị cảnh khinh thị	Sở hữu tà kiến.	4 tâm tham t/ư tà kiến, 20 sở hữu hợp (trừ tà kiến)	Tâm tham bất t/ư tà kiến, căn sân, căn si, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
106	<i>Parāmaṭṭhā ceva no ca parāmāsā dhammā</i> Chư pháp cảnh khinh thị phi khinh thị	81 tâm hiệp thể, 51 sở hữu tâm (trừ tà kiến), 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp

107	<i>Parāmāsavippayuttā parāmaṭṭhā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị	4 Tâm tham bất t/ư tà kiến, 2 tâm căn sân, 2 tâm căn si, 17 tâm thiện hiệp thể, 32 tâm quả hiệp thể, 20 tâm tổ, 51 sở hữu hợp (trừ tà kiến), 28 sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm tham tương ưng tà kiến, tâm siêu thể cùng sở hữu hợp.
108	<i>Parāmāsavippayuttā aparāmaṭṭhā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp.
109	<i>Sārammaṇā dhammā</i> Chư pháp hữu tri cảnh	89 tâm, 52 sở hữu tâm.	-	28 sắc pháp, nibbāna.
110	<i>Anārammaṇā dhammā</i> Chư pháp vô tri cảnh	28 sắc pháp, nibbāna	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
111	<i>Cittā dhammā</i> Chư pháp tâm	89 tâm	52 sở hữu tâm	28 sắc pháp, nibbāna.
112	<i>No cittā dhammā</i> Chư pháp phi tâm	52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.	-	-
113	<i>Cetasikā dhammā</i> Chư pháp sở hữu tâm	52 sở hữu tâm	89 tâm	28 sắc pháp, nibbāna.
114	<i>Acetasikā dhammā</i> Chư pháp phi sở hữu tâm	89 tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.	-	-
115	<i>Cittasampayuttā dhammā</i> Chư pháp tương ưng tâm	52 sở hữu tâm	89 tâm	28 sắc pháp, nibbāna.
116	<i>Cittavippayuttā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng tâm	28 sắc pháp, nibbāna.	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
117	<i>Cittasamsaṭṭhā dhammā</i> Chư pháp hòa với tâm	52 sở hữu tâm	89 tâm	28 sắc pháp, nibbāna.
118	<i>Cittavisamsaṭṭhā dhammā</i> Chư pháp phi hòa với tâm	28 sắc pháp, nibbāna.	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm.
119	<i>Cittasamuṭṭhānā dhammā</i> Chư pháp có tâm làm sở sanh	52 sở hữu tâm, 17 sắc tâm.	-	-
120	<i>No cittasamuṭṭhānā dhammā</i> Chư pháp phi tâm làm sở sanh	89 tâm, 20 sắc nghiệp, 15 sắc quý tiết, 14 sắc vật thực, nibbāna.	-	-
121	<i>Cittasahabhuno dhammā</i>	52 sở hữu tâm, 2 sắc biểu tri	-	-

	Chư pháp đồng sanh tồn với tâm			
122	<i>No cittasahabhuno dhammā</i> Chư pháp phi đồng sanh tồn với tâm	89 tâm, 26 sắc pháp (trừ 2 sắc biểu tri), nibbāna.	-	-
123	<i>Cittānuparivattino dhammā</i> Chư pháp từng tâm thông lưu	52 sở hữu tâm, 2 sắc biểu tri	-	-
124	<i>No cittānuparivattino dhammā</i> Chư pháp phi từng tâm thông lưu	89 tâm, 26 sắc pháp (trừ 2 sắc biểu tri), nibbāna.	-	-
125	<i>Cittasamsatṭha-samuṭṭhānā dhammā</i> Chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh	52 sở hữu tâm	89 tâm	28 sắc pháp, nibbāna.
126	<i>No cittasamsatṭha-samuṭṭhānā dhammā</i> Chư pháp phi hòa với tâm và có tâm làm sở sanh	89 tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.	-	-
127	<i>Cittasamsatṭha-samuṭṭhāna-sahabhuno dhammā</i> Chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh, đồng sanh tồn với tâm	52 sở hữu tâm	89 tâm	28 sắc pháp, nibbāna.
128	<i>No cittasamsatṭha-samuṭṭhāna-sahabhuno dhammā</i> Chư pháp phi hòa với tâm và có tâm làm sở sanh, đồng sanh tồn với tâm	89 tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.	-	-
129	<i>Cittasamsatṭha-samuṭṭhānānuparivattino dhammā</i> Chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh, từng tâm thông lưu	52 sở hữu tâm	89 tâm	28 sắc pháp, nibbāna.

130	<i>No cittasamsaṭṭha-samuṭṭhānānuparivattino dhammā</i> Chư pháp phi hòa với tâm và có tâm làm sở sanh, từng tâm thông lưu	89 tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.	-	-
131	<i>Ajjhattikā dhammā</i> Chư pháp tự nội	89 tâm, 5 sắc thanh triệt.	-	-
132	<i>Bāhirā dhammā</i> Chư pháp ngoại phần	52 sở hữu tâm, 23 sắc pháp (trừ 5 sắc thanh triệt), nibbāna.	-	-
133	<i>Upādā dhammā</i> Chư pháp y sinh	24 sắc y sinh	-	89 tâm, 52 sở hữu tâm
134	<i>No upādā dhammā</i> Chư pháp phi y sinh	89 tâm, 52 sở hữu tâm, 4 sắc tứ đại hiển, nibbāna.	-	-
135	<i>Upādinnā dhammā</i> Chư pháp thành do thủ	32 tâm quả hiệp thể, 35 sở hữu hợp, 20 sắc nghiệp.	-	Tâm thiện, bất thiện, tố, quả siêu thể cùng sở hữu hợp.
136	<i>Anupādinnā dhammā</i> Chư pháp phi thành do thủ	12 tâm bất thiện, 21 tâm thiện, 20 tâm tố, 4 quả siêu thể, 52 sở hữu tâm, sắc tâm - quý tiết - vật thực, nibbāna.	-	Tâm quả hiệp thể cùng sở hữu hợp.
137	<i>Upādānā dhammā</i> Chư pháp thủ	Tham, tà kiến.	8 tâm căn tham, 20 sở hữu hợp (- tham, tà kiến).	Tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
138	<i>No upādānā dhammā</i> Chư pháp phi thủ	89 tâm, 40 sở hữu tâm (- tham, tà kiến), sắc pháp, nibbāna.	-	-
139	<i>Upādāniyā dhammā</i> Chư pháp cảnh thủ	81 tâm hiệp thể, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp
140	<i>Anupādāniyā dhammā</i> Chư pháp phi cảnh thủ	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp.
141	<i>Upādānasampayuttā dhammā</i> Chư pháp tương ưng thủ	8 tâm căn tham, 22 sở hữu hợp (trừ sở hữu tham hợp 4 tâm tham bất t/ư tà kiến).	-	Tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
142	<i>Upādānavippayuttā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng thủ	2 tâm căn sân, 2 tâm căn si, 21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tố, 49 sở hữu hợp (- 3 tham phần), 28 sắc pháp,	-**	tâm tham t/ư tà kiến cùng sở hữu hợp.

		nibbāna. Và sở hữu tham hợp 4 tâm tham bất t/ư tà kiến.		
143	<i>Upādānā ceva upādāniyā ca dhammā</i> Chư pháp thủ cảnh thủ	Tham, tà kiến.	8 tâm căn tham, 20 sở hữu hợp (- tham, tà kiến).	Tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
144	<i>Upādāniyā ceva no ca upādānā dhammā</i> Chư pháp cảnh thủ phi thủ	81 tâm hiệp thể, 50 sở hữu hợp (trừ tham, tà kiến), 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp.
145	<i>Upādānā ceva upādānasampayuttā ca dhammā</i> Chư pháp thủ tương ung thủ	Tham, tà kiến.	4 tâm tham t/ư tà kiến, 19 sở hữu hợp (trừ tham, tà kiến).	Tâm tham bất t/ư tà kiến, căn sân, căn si, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
146	<i>Upādānasampayuttā ceva no ca upādānā dhammā</i> Chư pháp tương ung thủ phi thủ	8 tâm căn tham, 20 sở hữu hợp (trừ tham, tà kiến)	Tham, tà kiến.	Tâm căn sân, căn si, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
147	<i>Upādānavippayuttā upādāniyā dhammā</i> Chư pháp bất tương ung thủ cảnh thủ	2 tâm căn sân, 2 tâm căn si, 17 tâm thiện hiệp thể, 32 tâm quả hiệp thể, 20 tâm tố, 49 sở hữu hợp (- 3 tham phần), 28 sắc pháp và sở hữu tham hợp 4 tâm tham bất t/ư tà kiến.	-**	Tâm tham t/ư tà kiến, tâm siêu thể cùng sở hữu hợp.
148	<i>Upādānavippayuttā anupādāniyā dhammā</i> Chư pháp bất tương ung thủ phi cảnh thủ	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể.
149	<i>Kilesā dhammā</i> Chư pháp phiền não	10 chi pháp phiền não.	12 tâm bất thiện, 17 sở hữu hợp (- 10 chi bất thiện)	Tâm thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
150	<i>No kilesā dhammā</i> Chư pháp phi phiền não	89 tâm, 42 sở hữu tâm, (- 10 chi pháp phiền não), 28 sắc pháp, nibbāna.	-	-

151	<i>Saṅkilesikā dhammā</i> Chư pháp cảnh phiền não	81 tâm hiệp thế, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thế cùng sở hữu hợp.
152	<i>Asaṅkilesikā dhammā</i> Chư pháp phi cảnh phiền não	8 tâm siêu thế, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp.
153	<i>Saṅkiliṭṭhā dhammā</i> Chư pháp phiền toái	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp.	-	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
154	<i>Asaṅkiliṭṭhā dhammā</i> Chư pháp phi phiền toái	21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tố, 38 sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm bất thiện cùng sở hữu hợp.
155	<i>Kilesasampayuttā dhammā</i> Chư pháp tương ung phiền não	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp.	-	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
156	<i>Kilesavippayuttā dhammā</i> Chư pháp bất tương ung phiền não	21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tố, 38 sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm bất thiện cùng sở hữu hợp.
157	<i>Kilesā ceva saṅkilesikā ca dhammā</i> Chư pháp phiền não cảnh phiền não	10 chi pháp phiền não.	12 tâm bất thiện, 17 sở hữu hợp (- 10 chi bất thiện)	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
158	<i>Saṅkilesikā ceva no ca kilesā dhammā</i> Chư pháp cảnh phiền não phi phiền não	81 tâm hiệp thế, 42 sở hữu hợp (- 10 chi pháp phiền não), 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thế cùng sở hữu hợp.
159	<i>Kilesā ceva saṅkiliṭṭhā ca dhammā</i> Chư pháp phiền não phiền toái	10 chi pháp phiền não.	12 tâm bất thiện, 17 sở hữu hợp (- 10 chi bất thiện)	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
160	<i>Saṅkiliṭṭhā ceva no ca kilesā dhammā</i> Chư pháp phiền toái phi phiền não	12 tâm bất thiện, 17 sở hữu hợp (- 10 chi bất thiện)	10 chi pháp phiền não.	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
161	<i>Kilesā ceva kilesasampayuttā ca dhammā</i>	10 chi pháp phiền não.	12 tâm bất thiện, 17 sở hữu	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.

	Chư pháp phiền não tương ưng phiền não		hợp (- 10 chi bất thiện)	
162	<i>Kilesasampayuttā ceva no ca kilesā dhammā</i> Chư pháp tương ưng phiền não phi phiền não	12 tâm bất thiện, 17 sở hữu hợp (- 10 chi bất thiện)	10 chi pháp phiền não.	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
163	<i>Kilesavippayuttā saṅkilesikā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não	17 tâm thiện hiệp thể, 32 tâm quả, 20 tâm tổ, 38 sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm bất thiện, tâm siêu thể cùng sở hữu hợp.
164	<i>Kilesavippayuttā asaṅkilesikā dhammā</i> Chư pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp.
165	<i>Dassanena pahātabbā dhammā,</i> Chư pháp sơ Đạo đoạn trừ	4 tâm tương ưng tà kiến, 1 tâm tương ưng hoài nghi, 22 sở hữu hợp (được bậc Thất lai diệt hoàn toàn). 4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (dẫn vào khổ thú).	-	4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (không dẫn vào khổ thú). Tâm tương ưng điều cử, thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna.
166	<i>Na dassanena pahātabbā dhammā</i> Chư pháp phi sơ Đạo đoạn trừ	4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (không dẫn vào khổ thú). 1 tâm tương ưng điều cử, 21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tổ, 42 sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm tương ưng tà kiến, tâm tương ưng hoài nghi cùng sở hữu hợp và tâm bất tương ưng tà kiến, tâm căn sân cùng sở hữu hợp (dẫn vào khổ thú).
167	<i>Bhāvanāya pahātabbā dhammā</i> Chư pháp ba Đạo cao đoạn trừ	4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (không dẫn vào khổ thú). 1 tâm tương ưng điều cử, 25 sở hữu hợp.	-	Tâm bất tương ưng tà kiến, tâm căn sân cùng sở hữu hợp (dẫn vào khổ thú). Tâm tương ưng tà kiến - hoài nghi - thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp,

				sắc pháp, nibbāna.
168	<i>Na bhāvanāya pahātabbā dhammā</i> Chư pháp phi ba Đạo cao đoạn trừ	4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (dẫn vào khổ thú). 4 tâm tương ưng tà kiến, 1 tâm tương ưng hoài nghi, 21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tố, 47 sở hữu hợp, sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm bất tương ưng tà kiến, tâm căn sân cùng sở hữu hợp (không dẫn vào khổ thú). Tâm tương ưng điều cử cùng sở hữu hợp.
169	<i>Dassanena pahātabbahetukā dhammā</i> Chư pháp hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ	4 tâm tương ưng tà kiến, 1 tâm tương ưng hoài nghi, 22 sở hữu hợp (trừ sở hữu si hợp tâm si hoài nghi) [được bậc Thất lai diệt hoàn toàn]. 4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (dẫn vào khổ thú).	-	4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (không dẫn vào khổ thú). Tâm tương ưng điều cử, thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
170	<i>Na dassanena pahātabbahetukā dhammā</i> Chư pháp phi hữu nhân sơ Đạo đoạn trừ	4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (không dẫn vào khổ thú). 1 tâm tương ưng điều cử, 21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tố, 50 sở hữu hợp (- tà kiến, hoài nghi), 28 sắc pháp, nibbāna và sở hữu si hợp tâm si hoài nghi.	-**	Tâm tương ưng tà kiến cùng sở hữu hợp và tâm bất tương ưng tà kiến, tâm căn sân cùng sở hữu hợp (dẫn vào khổ thú).
171	<i>Bhāvanāya pahātabbahetukā dhammā</i> Chư pháp hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ	4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (không dẫn vào khổ thú). 1 tâm tương ưng điều cử, 25 sở hữu hợp (trừ sở hữu si hợp tâm si điều cử)	-	4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (dẫn vào khổ thú). Tâm tương ưng tà kiến - hoài nghi - thiện, quả, tố cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
172	<i>Na bhāvanāya pahātabbahetukā dhammā</i> Chư pháp phi hữu nhân ba Đạo cao đoạn trừ	4 tâm bất tương ưng tà kiến, 2 tâm căn sân, 25 sở hữu hợp (dẫn vào khổ thú). 4 tâm tương ưng tà kiến, 1 tâm tương ưng hoài nghi, 21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tố,	-**	Tâm bất tương ưng tà kiến, tâm căn sân cùng sở hữu hợp (không dẫn vào khổ thú).

		52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna và sở hữu si hợp tâm si điều cử.		
173	<i>Savitakkā dhammā</i> Chư pháp hữu tâm	55 tâm hữu tâm, 51 sở hữu hợp (trừ tâm).	Sở hữu tâm	Tâm vô tâm cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna. Hay ngũ song thức, nhị thiên - tâm thiên, tứ thiên, ngũ thiên cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
174	<i>Avitakkā dhammā</i> Chư pháp vô tâm	66 tâm vô tâm, 37 sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna, và sở hữu tâm hợp với 55 tâm hữu tâm.	-	Tâm hữu tâm cùng sở hữu hợp.
175	<i>Savicārā dhammā</i> Chư pháp hữu tứ	66 tâm hữu tứ, 51 sở hữu hợp (trừ tứ)	Sở hữu tứ	Tâm vô tứ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
176	<i>Avicārā dhammā</i> Chư pháp vô tứ	55 tâm vô tứ, 36 sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna, và sở hữu tứ hợp 66 tâm hữu tứ.		Tâm hữu tứ cùng sở hữu hợp.
177	<i>Sappītikā dhammā</i> Chư pháp hữu hỷ	51 tâm hữu hỷ, 46 sở hữu hợp (trừ hỷ).	Sở hữu hỷ	Tâm câu hành lạc, khổ, ưu, xả, tứ thiên cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
178	<i>Appītikā dhammā</i> Chư pháp vô hỷ	70 tâm vô hỷ, 51 sở hữu hợp (trừ hỷ), 28 sắc pháp, nibbāna và sở hữu hỷ hợp với tâm câu hành hỷ.	-	-
179	<i>Pītisahagatā dhammā</i> Chư pháp câu hành hỷ	51 tâm hữu hỷ, 46 sở hữu hợp (trừ hỷ).	Sở hữu hỷ	Tâm câu hành lạc, khổ, ưu, xả, tứ thiên cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
180	<i>Na pītisahagatā dhammā</i> Chư pháp phi câu hành hỷ	70 tâm phi câu hành hỷ, 51 sở hữu hợp (trừ hỷ), 28 sắc pháp, nibbāna và sở hữu hỷ hợp với tâm câu hành hỷ.	-	-
181	<i>Sukhasahagatā dhammā</i> Chư pháp câu hành lạc	63 tâm hữu hỷ, 46 sở hữu hợp (trừ thọ).	Sở hữu thọ (lạc)	Tâm câu hành khổ, ưu, xả cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.

182	<i>Na sukkasahagatā dhammā</i> Chư pháp phi câu hành lạc	3 tâm câu hành khổ, 55 tâm câu hành xả, 51 sở hữu hợp (trừ hỷ), 28 sắc pháp, nibbāna và sở hữu lạc thọ hợp 63 tâm câu hành lạc.	-	-
183	<i>Upekkhāsahagatā dhammā</i> Chư pháp câu hành xả	55 tâm hữu xả, 46 sở hữu hợp (trừ thọ).	Sở hữu thọ (xả)	Tâm câu hành lạc, khổ, hỷ, ưu cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
184	<i>Na upekkhāsahagatā dhammā</i> Chư pháp phi câu hành xả	63 tâm câu hành lạc, 3 tâm câu hành khổ, 51 sở hữu tâm (trừ hoài nghi), 28 sắc pháp, nibbāna và sở hữu thọ xả hợp với 55 tâm câu hành xả.	-	-
185	<i>Kāmāvacarā dhammā</i> Chư pháp dục giới	54 tâm dục giới, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-**	Tâm sắc giới - vô sắc giới - siêu thể cùng sở hữu hợp.
186	<i>Na kāmāvacarā dhammā</i> Chư pháp phi dục giới	27 tâm đảo đại, 8 tâm siêu thể, 38 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm dục giới cùng sở hữu hợp.
187	<i>Rūpāvacarā dhammā</i> Chư pháp sắc giới	15 tâm sắc giới, 35 sở hữu hợp.	-	Tâm dục giới - vô sắc giới - siêu thể cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
188	<i>Na rūpāvacarā dhammā</i> Chư pháp phi sắc giới	54 tâm dục giới, 12 tâm vô sắc giới, 8 tâm siêu thể 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm sắc giới cùng sở hữu hợp.
189	<i>Arūpāvacarā dhammā</i> Chư pháp vô sắc giới	12 tâm vô sắc giới, 30 sở hữu hợp.	-	Tâm dục giới - sắc giới - siêu thể cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
190	<i>Na arūpāvacarā dhammā</i> Chư pháp phi vô sắc giới	54 tâm dục giới, 15 tâm sắc giới, 8 tâm siêu thể 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.	-**	Tâm vô sắc giới cùng sở hữu hợp.
191	<i>Pariyāpannā dhammā</i> Chư pháp liên quan luân hồi	81 tâm hiệp thể, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	-**	Tâm siêu thể cùng sở hữu hợp.
192	<i>Apariyāpannā dhammā</i> Chư pháp phi liên quan luân hồi	8 tâm siêu thể, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thể cùng sở hữu hợp.
193	<i>Niyyānikā dhammā</i> Chư pháp nhân xuất luân hồi	4 tâm Đạo, 36 sở hữu hợp	-	Tâm hiệp thể, quả siêu thể cùng sở hữu hợp, 28

				sắc pháp, nibbāna.
194	<i>Aniyyānikā dhammā</i> Chư pháp phi nhân xuất luân hồi	81 tâm hiệp thế, 4 tâm quả siêu thế, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna.	.-**	Tâm Đạo cùng sở hữu hợp.
195	<i>Niyatā dhammā</i> Chư pháp cho quả nhất định	Đồng lực thứ 7 của 4 tâm tương ưng tà kiến phát sanh do năng lực của nghiệp tà kiến cố định, 21 sở hữu hợp và đồng lực thứ 7 của 2 tâm căn sân phát sanh do năng lực của nghiệp ngũ nghịch, 22 sở hữu hợp. 4 tâm Đạo, 36 sở hữu.	-	Tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp (trừ đồng lực thứ 7 của 4 tâm tương ưng tà kiến và đồng lực thứ 7 của 2 tâm căn sân). Quả siêu thế cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna. Hay pháp bất định.
196	<i>Aniyatā dhammā</i> Chư pháp cho quả bất định	12 tâm bất thiện (trừ đồng lực thứ 7 của 4 tâm tương ưng tà kiến và 2 tâm căn sân), 17 tâm thiện hiệp thế, 36 tâm quả, 20 tâm tổ, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp, nibbāna. ¹⁷	.-**	Đồng lực thứ 7 của 4 tâm tương ưng tà kiến và 2 tâm căn sân cùng sở hữu hợp và tâm Đạo cùng sở hữu hợp.
197	<i>Sa-uttarā dhammā</i> Chư pháp hữu thượng	81 tâm hiệp thế, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.	.-**	Tâm siêu thế cùng sở hữu hợp.
198	<i>Anuttarā dhammā</i> Chư pháp vô thượng	8 tâm siêu thế, 36 sở hữu hợp, nibbāna.	-	Tâm hiệp thế cùng sở hữu hợp.
199	<i>Saraṇā dhammā</i> Chư pháp hữu y	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp.	-	Tâm thiện, quả, tổ cùng sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.
200	<i>Araṇā dhammā</i> Chư pháp vô y	21 tâm thiện, 36 tâm quả, 20 tâm tổ, 38 sở hữu hợp, 28 sắc pháp, nibbāna.	-	Tâm bất thiện cùng sở hữu hợp.

Dịch xong tại Watyangsuttharam, Bangkok – Thái Lan
vào ngày 26/05/2020 - lúc đại dịch Corona

Hoàn thành tại Châu Đốc - An Giang
Ngày 16 tháng 4 (sau), năm Canh Tý
Đúng ngày 07 tháng 6 năm 2020
Phật lịch 2564 - Dương lịch 2020

¹⁷ Hay 81 tâm hiệp thế, 4 quả siêu thế, 52 sở hữu hợp (trừ đồng lực thứ 7 của 4 tâm tham tương ưng tà kiến và 2 tâm căn sân).

4 Pháp siêu lý (paramatthadhamma)		5 uẩn (Khandha)	12 xứ (Āyatana)	18 giới (Dhātu)
89 tâm	2 tâm nhãn thức (cakkhaviññāṇacitta)	Thức uẩn (viññāṇakkhandho)	Ý xứ (Manāyatanaṃ)	Nhãn thức giới (cakkhaviññāṇadhātu)
	2 tâm nhĩ thức (sotaviññāṇacitta)			Nhĩ thức giới (sotaviññāṇadhātu)
	2 tâm tỷ thức (ghānaviññāṇacitta)			Tỷ thức giới (ghānaviññāṇadhātu)
	2 tâm thiết thức (jivhāviññāṇacitta)			Thiết thức giới (jivhāviññāṇadhātu)
	2 tâm thân thức (kāyaviññāṇacitta)			Thân thức giới (kāyaviññāṇadhātu)
	2 tâm tiếp xúc (sampaṭicchānacitta) 1 tâm khai ngũ môn (pañcadvārāvajjana)			Ý giới (manodhātu)
	76 tâm còn lại			Ý thức giới (manoviññāṇadhātu)
52 sở hữu	Sở hữu thọ (vedanācetasika)	Thọ uẩn (vedanākkhandho)	Pháp xứ (dhammāyatanaṃ)	Pháp giới (dhammādhātu)
	Sở hữu tưởng (saññācetasika)	Tưởng uẩn (saññākkhandho)		
	50 sở hữu tâm còn lại	Hành uẩn (saṅkhārakkhandho)		
28 sắc pháp	Nhãn thanh triệt (cakkhupasāda)	Sắc uẩn (rūpakkhandho)	Nhãn xứ (cakkhāyatanaṃ)	Nhãn giới (cakkhudhātu)
	Nhĩ thanh triệt (sotapasāda)		Nhĩ xứ (sotāyatanaṃ)	Nhĩ giới (sotadhātu)
	Tỷ thanh triệt (ghānapasāda)		Tỷ xứ (ghānāyatanaṃ)	Tỷ giới (ghānadhātu)
	Thiết thanh triệt (jivhāpasāda)		Thiết xứ (jivhāyatanaṃ)	Thiết giới (jivhādhātu)
	Thân thanh triệt (kāyapasāda)		Thân xứ (kāyāyatanaṃ)	Thân giới (kāyadhātu)
	Cảnh sắc (rūpārammaṇa)		Sắc xứ (rūpāyatanaṃ)	Sắc giới (rūpadhātu)
	Cảnh thính (saddārammaṇa)		Thính xứ (saddāyatanaṃ)	Thính giới (saddadhātu)
	Cảnh khí (gandhārammaṇa)		Khí xứ (gandhāyatanaṃ)	Khí giới (gandhadhātu)
	Cảnh vị (rasārammaṇa)		Vị xứ (rasāyatanaṃ)	Vị giới (rasadhātu)
	Cảnh xúc (đất, lửa, gió) (phoṭṭhabbārammaṇa)		Xúc xứ (phoṭṭhabbāyatanaṃ)	Xúc giới (phoṭṭhabbadhātu)
	16 sắc tế (sukhumarūpa)		Pháp xứ (dhammāyatanaṃ)	Pháp giới (dhammādhātu)
Nibbāna		Yếu hiệp là uẩn không được		



PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ
IN ẤN TẬP SÁCH NÀY

12A11 Minh Khai, Nguyễn Minh Ngọc,
Đặng Tuyết Sơn, Trương Thị Sang, Khuyết
danh, Vũ Thị Ngọc Dung, Hà Phan, Quỳnh
Trâm, Nguyễn Hạ Anh, Vũ Thị Thu, Khúc
Thị Tuyết Mai, P. Thủy, Phạm Phong,
Dương Thị Lan, Phạm Thị Huyền Trang, Võ
Thị Thủy Dương, Trần Thị Lệ Hà, Nguyễn
Thị Hồng Hạnh, Khuyết danh, TN Như
Phước, Giác Hải, Phạm Thị Kim Dung,
Luân, Phạm Duy Cường, Nguyễn Văn Quang,
Nguyễn Thị Diệu Hiền, Em Hao, GD cô Năm
SG, Nguyen Van Duan, Vân Nga, GD Oanh
Luu, Hoàng Thị Minh Tú, GD Nguyễn Thị
Tuyết Nga, Lê Nguyễn Anh Thư, Huỳnh
Trung Lợi, Diệu Thanh, Trần Tín, Nguyễn
Ngọc Danh, Nguyễn Ngọc Duy, Võ Huy Danh,
Nguyễn Thanh Tuấn, Lê Thị Yên, Quách
Kim Long, GD Đức Minh Ngạn, GD Sư Ngô
Đạo, GD Hứa Nguyễn, Ngọc, Hên, Nam
Phuong Trần, ông Cừ, bà Thân, Trương
Thuận Đức, Hương Nguyễn, Huệ Châu,
Trương Kim Hoa, Ngọc Thanh, Võ Thế Lưu,
Cái Thị Vân, Nguyễn Thị Thanh Trúc, TN
Diệu Nhân, Nguyễn Thảo Liên, GD Hồng
Hạnh, Nguyễn Thu Hằng, Phạm Phong,
Thanh Phương, Lê Hà Nha Trang, Nguyễn
Thị My Trien, Kim, Sayalay Jhanasampada,
GD Tuệ Tâm, Cô Thanh, Lâm Hào, Phương
Trần, Nga Vi, Huỳnh Như, Thành Trương,
Con Hao, Lê Trọng Huan, TN Quang Vân,
Ngọc Liên, Tập thể Cán bộ, Công nhân viên
Công ty Giày Thái Bình.

Website: phatgiaonguyenthuy.com

Email: webphatgiaonguyenthuy@gmail.com

SÁCH ẤN TỔNG

ISBN: 978-604-9981-77-7



9 786049 981777

